

PHAN TÙNG CHÂU

KINH TRUNG BỘ
(CHÚ GIẢI)

TẬP HAI

Kinh Trung Bộ gồm 152 kinh, chia làm ba tập, được Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ tiếng Pàli.

Trong lời giới thiệu, bản in năm 1986, Hòa Thượng Thích Minh Châu cho rằng: *“Kinh Trung Bộ không những là cốt lõi trong Kinh Tạng Pàli mà còn diễn đạt rất súc tích và đầy đủ những định nghĩa căn bản các danh từ đạo Phật và còn diễn đạt rất phong phú và đa dạng những pháp môn tu tập đưa đến Niết bàn. Chưa học Kinh Trung Bộ là chưa nắm được tinh hoa của Đạo Phật nguyên thủy”*.

Hòa thượng cũng đã phân tích:

“Kinh Trường Bộ đặt nặng phần lịch sử, có tánh cách đối ngoại đối với Bà La Môn, du sĩ ngoại đạo, Kỳ na giáo... Tăng Chi Bộ đặt nặng phần phân tích giáo lý theo pháp số từ số 1 đến số 11. Tương Ưng Bộ đặt nặng phần phân tích giáo lý theo đề tài. Còn đọc Kinh Trung Bộ chúng ta đi sâu vào phân giáo lý và phân hành trì, đặt nặng về những phản ứng tâm lý tế nhị của người tu hành khi đạt đến những quả vị tối cao”.

Tìm hiểu, nghiên cứu về đạo Phật nguyên thủy một cách thấu suốt và đầy đủ nhất luôn là mong muốn của nhiều người. Liệu rằng có thể tiếp cận bộ kinh này – với “cách nhìn” đơn giản, dễ hiểu, dễ nắm bắt – nhưng đồng thời không hạ thấp giá trị, không làm biến dạng bộ kinh quý này được không ?

Đó là vấn đề của cả một vấn đề !

Cho dù với sức học, sức tìm hiểu còn quá non yếu – song, một lần nữa, người viết lại làm công việc liêu lĩnh, dẫn thân ...

Thiếu sót, sai sót là không thể tránh khỏi. Kính xin sự lượng thứ và kính mong nhận được sự chỉ dạy.

Phan Tùng Châu

1.
KINH KANDARAKA
(Kandarakasuttam)
(51)

Kinh Kandarakka lấy bối cảnh: Kandarakka, vị du sĩ và Pessa, con trai người huấn luyện voi đến đặt vấn đề và nghe Thế Tôn thuyết pháp.

Kandaraka (được lấy đặt thành tên kinh), ưu tư:

“Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama ! Chúng Tỷ-kheo này được Tôn giả Gotama chọn chánh hướng dẫn.

Tôn giả Gotama, các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, không biết quý vị Thế Tôn ấy đã có một chúng Tỷ-kheo tuyệt diệu như vậy, mà quý vị ấy chọn chánh hướng dẫn, như nay chúng Tỷ-kheo được Tôn giả Gotama chọn chánh hướng dẫn ?

Tôn giả Gotama, các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, không biết quý vị Thế Tôn ấy sẽ có một chúng Tỷ-kheo tuyệt diệu như vậy, mà quý vị ấy sẽ chọn chánh hướng dẫn, như nay chúng Tỷ-kheo được Tôn giả Gotama chọn chánh hướng dẫn ?”

Thực chất, vấn đề đặt ra của Kandarakka có hai vế: Một, trong tương lai – liệu rằng còn có các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ; hai, trong tương lai – liệu rằng còn có chúng Tỷ-kheo tuyệt diệu tiếp tục con đường của Như Lai hay không ?

“Thật sự là vậy, này Kandarakka ! Thật sự là vậy, này Kandarakka ! Này Kandarakka, các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những vị Thế Tôn ấy đã có một chúng Tỷ-kheo tuyệt diệu như vậy, mà quý vị ấy chọn chánh hướng dẫn, như nay chúng Tỷ-kheo được Ta chọn chánh hướng dẫn.

Này Kandarakka, các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời tương lai, những vị Thế Tôn ấy sẽ có một chúng Tỷ-kheo tuyệt diệu như vậy, mà quý vị ấy chọn chánh hướng dẫn, như nay chúng Tỷ-kheo được Ta chọn chánh hướng dẫn.

Này Kandarakka, trong chúng Tỷ-kheo này, có những vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng

xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã được giải thoát nhờ chánh trí.

Này Kandaraka, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo là bậc hữu học, giới luật kiên trì, giới hạnh kiên trì, sáng suốt, hạnh nghiệp sáng suốt, sống với tâm khéo an trú Bốn Niệm xứ. Thế nào là bốn ?

Ở đây này Kandaraka, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm tinh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời;

Sống quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm tinh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời;

Sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu trên đời;

Sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời”.

Như vậy, Thế Tôn nói đã rõ: trong tương lai, cho dù là thời *Mạt pháp* hay *Pháp diệt tận* đều có các vị *A-la-hán*, *Chánh Đẳng Giác* và sẽ có một chúng *Tỷ-kheo* *tuyệt diệu* như vậy, mà quý vị ấy chọn *chánh hướng dẫn* (dưới hình thức này hay hình thức khác).

Và các học pháp Phật trong kinh *Niệm xứ* (đã trình bày trong Tập một) sẽ vượt thời gian – trở thành hành trang không thể thiếu đối với những người tu hành nhằm đến cứu cánh giải thoát.

Trở lại kinh. Nghe đến đây, *Pessa*, con trai người huấn luyện voi bạch Thế Tôn:

“Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn ! Bốn Niệm xứ này đã được Thế Tôn khéo trình bày, để chúng sanh được thanh tịnh, để sâu bi được vượt qua, để khổ ưu được diệt trừ, để chánh lý được thành đạt, để Niết-bàn được chứng ngộ.

Bạch Thế Tôn, chúng con là hàng tại gia, mặc đồ trắng, thỉnh thoảng chúng con sống khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ này.

Ở đây, Bạch Thế Tôn, chúng con sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời;

Chúng con sống quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời;

Chúng con sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời;

Chúng con sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn !

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiểu được hạnh phúc và sự bất hạnh của chúng sanh trong khi loài người sống trong sự rối ren như vậy, trong sự cặn bã như vậy, trong sự xảo quyết như vậy.

Bạch Thế Tôn, rối ren thay như loài người.

Bạch Thế Tôn, cởi mở thay như loài thú vật.

Bạch Thế Tôn, con có thể nhiếp phục con voi, một cách khiến con voi ấy mỗi khi đi hay đến Campa, liền trình bày mọi sự gian dối, giả dối, xảo trá, xảo quyết.

Nhưng bạch Thế Tôn, những người đầy tớ của chúng con, những người phục dịch, những người làm công, thân hành họ làm một cách, khẩu hành họ làm một cách khác, ý hành họ làm một cách khác nữa.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn ! Thế Tôn biết được hạnh phúc và sự bất hạnh của chúng sanh, trong khi loài người sống trong sự rối ren như vậy, trong sự cặn bã như vậy, trong sự xảo quyết như vậy.

Bạch Thế Tôn, rối ren thay như loài người !

Bạch Thế Tôn, cởi mở thay, như loài thú vật !”

Con người là vô cùng phức tạp. Vấn đề nặng lòng của Pessa, con trai người huấn luyện voi cũng là đề tài để Thế Tôn có một bài thuyết pháp về con người rất hay.

Khi đề cập đến con người, Thế Tôn đã từng chỉ ra rằng:

Khái quát, có bốn hạng người trong thế gian này, đó là:

Hạng người từ tối bước ra sáng ;

Hạng người từ sáng bước ra tối ;

Hạng người từ tối bước ra tối ;

Hạng người từ sáng bước ra sáng

Trong Tiểu Kinh Pháp Hành và Đại Kinh Pháp Hành (Tập một-Kinh Trung Bộ), Thế Tôn cũng đã chỉ ra có bốn lối sống (pháp hành) tiêu biểu cho bốn hạng người, đó là:

Có loại pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.

Có loại pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ.

Có loại pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

Có loại pháp hành hiện tại lạc, và tương lai quả báo cũng lạc.

Và, lần này, ở đây, xét ở các mối quan hệ, Thế Tôn lại tiếp tục chỉ ra có bốn hạng người, đó là:

Ở đây, có người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình.

Ở đây, có người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Ở đây, có người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Ở đây, lại có người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người.

Này Pessa, bốn hạng người này, hạng người nào, được tâm Ông thích ý nhất, vì sao ? Thế Tôn hỏi.

“Bach Thế Tôn, hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, trong khi tự ao ước lạc, nhằm chán khổ; hạng người này tâm con không thích ý.

Bach Thế Tôn, hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người, trong khi người khác ao ước lạc, nhằm chán khổ; hạng người này tâm con không thích ý.

Bach Thế Tôn, hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người, trong khi mình và người khác ao ước lạc, nhằm chán khổ; hạng người này tâm con không thích ý.

Bach Thế Tôn, hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người không tự hành khổ mình không hành khổ người, ngay trong hiện tại không có tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thế, hạng người này, tâm con thích ý.

Và này, bạch Thế Tôn, chúng con phải đi, chúng con có nhiều công vụ, có nhiều công việc phải làm”.

“Này Pessa, Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời”. Thế Tôn đáp.

Pessa, con trai người huấn luyện voi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Sau khi Pessa, con trai người huấn luyện voi ra đi không được bao lâu, Thế Tôn liền nói với các Tỷ-kheo:

“Này các Tỷ-kheo, Pessa, con trai người huấn luyện voi là bậc có trí; Pessa, con trai người huấn luyện voi là người có đại trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, nếu Pessa, con trai người huấn luyện voi ngồi thêm một chút nữa, cho đến khi Ta phân tích rộng rãi hơn bốn hạng người này, thời anh ta sẽ thấu đạt được nhiều lợi ích. Tuy vậy, này các Tỷ-kheo, Pessa, con trai người huấn luyện voi như vậy cũng đã thấu đạt được nhiều lợi ích”.

(1). “Này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sống lỏa thể sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, đi khát thực không chịu đứng một chỗ, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn dành riêng, không nhận mời đi ăn, không nhận từ nơi miệng nôi, không nhận từ nơi miệng chảo, không nhận tại ngưỡng cửa, không nhận giữa những cây gậy, không nhận giữa những cối giã gạo, không nhận từ hai người đang ăn, không nhận từ người đàn bà có thai, không nhận từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận từ người đàn bà đang giao cấu người đàn ông, không nhận đồ ăn đi quỳên, không nhận tại chỗ có chó đứng, không nhận tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men.

Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, hay chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, hay chỉ nhận ăn hai miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn bảy nhà, hay vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa.

Như vậy vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Vị ấy chỉ ăn cỏ hoang, ăn lúa tặc, ăn lúa hoang, ăn da vụn, ăn rong nước, ăn bột tằm, ăn váng gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ hay ăn phân bò. Vị ấy ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống.

Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm rồi quăng đi, mặc vải phẩn tảo y, mặc vỏ cây tirita làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện bằng từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cừu.

Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người chuyên sống theo hạnh nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng, từ bỏ chỗ ngồi, là người ngồi chỗ hở, chuyên sống theo hạnh ngồi chỗ hở, một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường

ngủ nằm trên giường gai, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi).

Như vậy dưới nhiều hình thức, vị ấy sống tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình.

(2). “Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người ?

Ở đây, các Tỷ-kheo, có người giết trâu bò, là người giết heo, là người giết vịt, săn thú, là thợ săn, thợ đánh cá, ăn trộm, người xử tử các người ăn trộm, cai ngục và những người làm các nghề độc ác khác.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người”.

(3). “Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người vừa hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm vua, thuộc giai cấp Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh, hay một Bà-la-môn triệu phú. Vị này cho xây dựng một giảng đường mới về phía Đông thành phố, cạo bỏ râu tóc, đắp áo da thô, toàn thân bôi thực tô và dầu, gãi lưng với một sừng nai, đi vào giảng đường với người vợ chính và một Bà-la-môn tế tự.

Rồi vị ấy nằm xuống dưới đất trống trơn chỉ có lát cỏ.

Vị vua sống với sữa từ vú một con bò cái, có con bò con cùng một màu sắc; bà vợ chính sống với sữa từ vú thứ hai; và vị Bà-la-môn tế tự sống với sữa từ vú thứ ba.

Sữa từ vú thứ tư dùng để tế lửa. Còn con nghé con thì sống với đồ còn lại.

Vị vua nói như sau: "Hãy giết một số bò đực để tế lễ, hãy giết một số nghé đực để tế lễ, hãy giết một số nghé cái để tế lễ, hãy giết một số dê để tế lễ, hãy giết một số cừu để tế lễ, hãy chặt một số cây để làm cột tế lễ, hãy thâu lượm một số cỏ dabbha để làm chỗ tế lễ.

Và những người nô tỳ, những người phục vụ, những người làm công, những người này vì sợ đòn gậy, vì sợ nguy hiểm, với mặt tràn đầy nước mắt, khóc lóc làm các công việc.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người”.

(4). Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người này không tự hành khổ mình, không hành khổ

người, hiện tại sống không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Như Lai sau khi riêng tự chứng ngộ với thượng trí, thế giới này là Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhơn, lại tuyên bố điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Người gia trưởng hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nghe pháp ấy, sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, người ấy suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật không dễ gì cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ, hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ, hay bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Vị ấy xuất gia như vậy, hành trì các học giới và hạnh sống các Tỷ-kheo, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết xấu hổ, sợ hãi, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Vị ấy từ bỏ đời sống không Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, tránh xa dâm dục hạ liệt.

Vị ấy từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, liên hệ đến sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chuyện chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thích thú trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Vị ấy từ bỏ nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói dịu hiền, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người; vị ấy nói những lời nói như vậy. Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói pháp, nói luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, hợp lý có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

Vị ấy từ bỏ không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm;

Từ bỏ các món ăn phi thời;

Từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn; từ bỏ không dùng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, trang sức, và các thời trang;

Từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn;

Từ bỏ không nhận vàng và bạc;

Từ bỏ không nhận các hạt sống;

Từ bỏ không nhận thịt sống;

Từ bỏ không nhận đàn bà con gái;

Từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai;

Từ bỏ không nhận cừu và dê; từ bỏ không nhận gia cầm và heo; từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái;

Từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai;

Từ bỏ không dùng người làm môi giới hoặc tự mình làm môi giới;

Từ bỏ không buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường;

Từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo;

Từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

Vị ấy sống biết đủ, bằng lòng với tấm y để che thân với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát). Như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh, cũng vậy, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo.

Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, nội tâm hưởng lạc thọ không khuyết phạm.

Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự các nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt.

Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng, những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn.

Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này nội tâm hưởng lạc thọ không uế nhiễm. Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kẹp, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này, thành tựu Thánh chánh niệm tinh giác này, lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây ngoài trời, đồng rơm. Sau khi ăn xong và đi khát thực trở về, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

Vị ấy từ bỏ dục tham ở đời, sống với tâm thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết dục tham.

Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.

Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng chánh niệm tinh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.

Từ bỏ trạo cử, hối quá, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối quá.

Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Vị ấy sau khi từ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do dục sanh, với tâm với tứ.

Vị ấy diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tinh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba.

Vị ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến túc mạng trí. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, hai mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy vị ấy nhớ đến những đời sống quá khứ, cũng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến sanh tử trí của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Vị ấy nghĩ rằng: "Thật sự những vị chúng sanh này thành tựu những ác hạnh về thân, thành tựu những ác hạnh về lời nói, thành tựu những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những vị chúng sanh này thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, trên đời này. Như vậy, vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy tuệ tri như thật: "Đây là Khổ", tuệ tri như thật: "Đây là Khổ tập", tuệ tri như thật: "Đây là Khổ diệt", tuệ tri như thật: "Đây là con Đường đưa đến khổ diệt" tuệ tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là con Đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc" Nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có trở lui đời sống này nữa".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Vị ấy không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể".

Như vậy, kinh Kandaraka trong bộ Kinh Trung Bộ, tập trung giới thiệu bốn hạng người với các mối quan hệ của nó.

Trong đó, hạng người đáng chú ý hơn cả, đó là: hạng người có tiền, nắm quyền lực trong tay là *hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.*

Tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình – đã là tội lớn – sau khi chết, tái sinh vào các chôn dữ, dã thú (trong kinh Pháp Hành). Lại thêm *hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người* – thì tội lỗi là quá nặng.

Cho nên, có nhiều tiền, có nhiều quyền – luôn chất chứa hiểm họa khôn lường !

2.
KINH BÁT THÀNH
(Atthakanagarasuttam)
(52)

Đây là kinh mà Ngài Ananda (A-Nan), cũng là một trong mười đại đệ tử của đức Phật, sẽ giảng giải về một vấn đề mà nhiều người quan tâm, đó là: trong hàng muôn vạn học pháp Phật, liệu rằng, chỉ với một pháp học Phật thôi – có thể đạt đến *bát tử* (thoát khỏi vòng luân hồi sinh-tử) được không ? Pháp học Phật ấy là gì ?

Câu hỏi này do vị gia chủ tên Dasama, người ở thành Atthaka đã hỏi Ngài Ananda như sau:

“Bạch Tôn giả Ananda, có pháp độc nhất gì do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nếu có Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, hay pháp an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt ?”

Và, từng bước Ngài Ananda trả lời:

“Này Gia chủ, có pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu có Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt”.

Đó là:

“Ở đây, này Gia chủ, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Vị ấy suy tư và được biết: "Sơ Thiên này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này”.

Ý của Ngài Ananda là:

Thoạt tiên, người tu hành phải là người có lối sống lành mạnh, *không phóng dật* ; và phải là người *tinh cần, sống hành trì pháp ấy* (tinh tấn). Đây là nền tảng mang tính *ất có* để khi hội tụ pháp học Phật mang tính *đủ* – khi đó sẽ thành công theo sở nguyện.

Như trên, Ngài Ananda đề xuất, giới thiệu chỉ có một pháp (pháp ở đây có nghĩa là cách thức, phương pháp) duy nhất, đó là: *ly dục, ly bất thiện pháp*.

Ly Dục: Đó là tuyệt diệt ham muốn ; cũng có nghĩa tuyệt diệt *Tham, Sân, Si* (trong kinh Phật hay dùng hình ảnh cây Ta-la bị chặt đứt đầu, không mọc lại được). Trong nghĩa cụ thể và giới hạn, *dục* gồm: *năm dục*: lòng ham muốn: sắc ; tham ; hương ; vị ; xúc. *Ba dục*: lòng ham muốn: Hình mạo ; tư thái ; xúc chạm mềm mại.

Ly bất thiện pháp: Pháp ở đây có nghĩa là việc làm, hành động (từ thân, khẩu, ý) ; Tức là, tuyệt đối, trong mọi suy nghĩ, lời nói, cử chỉ-hành động – đều phải thiện. Muốn vậy, phải thực hành con đường Bát Chánh Đạo, đó là: *Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định*.

Tóm lại, pháp duy nhất mà Ngài Ananda đề cập là: Thực hành con đường Bát Chánh Đạo. Một khi thực hành con đường Bát Chánh Đạo – thì *Ly bất thiện pháp* và *Ly Dục* (*Chánh niệm* và *Chánh định* hàm chứa ý nghĩa *ly dục*).

Từ việc thực hành Bát Chánh Đạo, *ly dục, ly bất thiện pháp*, người tu *chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ* (tâm, tứ là lệ thuộc vào việc dò, tìm – có thể thông qua khẩu – như niệm chú chẳng hạn).

Đến đây, người tu phải nhận thức (thông qua quán chiếu):

"Sơ Thiền này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt".

Có nghĩa: *trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh* ấy là “tâm tịch”, lúc được, lúc mất (*Vô thường*) – do còn lệ thuộc *có tâm có tứ* – và rồi *trạng thái hỷ lạc* này cũng sẽ *phải được đoạn diệt* (nhằm xả bỏ để chứng và trú ở bậc thiền thứ tư).

Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc (phiền não).

Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Có nghĩa, thậm chí, cho dù “giác” phiền não chưa được tuyệt diệt đến tận gốc rễ, nhưng do người tu *đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử* – thì vẫn được *hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.*

Đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, là: *thân kiến ; nghi ; giới cấm thủ ; dục tham ; sân* (xem thêm trong Đại kinh Malukyaputta – kinh số 14: của Tập 2 này)

Hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy: Cảnh giới ấy là cảnh giới nào ? Cảnh giới Phật. *Đề: khỏi phải trở lui đời này (nữa)*.

Tóm lại, chỉ bằng thực hành con đường Bát Chánh Đạo một cách đúng mức – thì người tu đạt cứu cánh Niết bàn.

Đúng ra, Ngài Ananda trả lời đến đây đã là đủ yêu cầu của câu hỏi đặt ra, tuy nhiên, trong kinh, Ngài đã mở rộng thêm:

“Lại nữa, này Gia chủ, vị Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, vị ấy suy tư và được biết: “Thiên thứ hai này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt”. Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiên thứ ba. Vị ấy suy tư và được biết: “Thiên thứ ba này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt”. Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiên thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy suy tư và được biết: “Thiên thứ tư này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt”. Vị ấy

vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với Từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với Từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư và được biết: "Từ tâm giải thoát này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy do vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với Bi (Hỷ, Xả); cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với Bi (Hỷ, Xả), quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư và được biết: "Bi (Hỷ, Xả) tâm giải thoát này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, Phàm sự việc gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Vị này suy tư và được biết: "Không vô biên xứ định này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Vị này suy tư và được biết: "Thức vô biên xứ này là pháp hữu vi do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư

tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Vị này suy tư và được biết: "Vô sở hữu xứ định này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

(Tứ không xứ: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, và Phi phi tướng xứ, cũng gọi là Tứ vô sắc:

Sắc giới: có nghĩa biến ngại hoặc thị hiện, là thế giới cư trú của loài hữu tình đã xa lìa dâm dục và thực dục của cõi Dục, nhưng vẫn còn có sắc chất thanh tịnh. Cõi này ở phía trên cõi Dục, không có các thứ dục nhiễm, cũng không có thân nữ, chúng sinh ở cõi này đều do hóa sinh, cung điện cao lớn, là do sự hóa sinh của sắc, tất cả đều thù thắng đẹp đẽ. Vì cõi này vẫn còn sắc chất nên gọi là Sắc giới. Cõi này tùy theo thiên định sâu cạn thô diệu mà được chia làm 4 bậc, từ Sơ thiên Phạm thiên cho đến A ca nị tra thiên, tất cả có 18 tầng trời.

Vô sắc giới : Thế giới cư trú của loài hữu tình chỉ có thụ, tưởng, hành, thức không có một vật gì là vật chất, cũng không có thân thể, cung điện, quốc độ, chỉ có tâm thức trụ trong thiên định sâu xa màu nhiệm, nên gọi là Vô sắc giới. Thế giới này ở phía trên cõi Sắc, có tất cả 4 tầng trời . *Từ điển Rộng mở tâm hồn)*

Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát, được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt".

Như vậy, kinh Bát Thành (tám thành tựu) trong bộ Kinh Trung Bộ được Ngài Ananda trình bày để trả lời câu hỏi được nhiều người quan tâm, đó là: nếu như chỉ sử dụng duy nhất một pháp học Phật thôi, để đạt cứu cánh giải thoát, đó là pháp học gì ? Và Ngài Ananda đã giới thiệu đó là con đường Bát Chánh Đạo.

Như đã đề cập khá nhiều lần, Bát Chánh Đạo là con đường không chỉ dành cho những người con Phật. Bất kể ai, bất kể tôn giáo, đảng phái nào – nếu thành tựu được tám ngành trong Bát Chánh Đạo đều sẽ *ly bất thiện pháp*. Trong đó nếu đúng là *chánh niệm, chánh định* sẽ giúp *ly dục*. Và một khi *ly bất thiện pháp, ly dục* thì sẽ thành Phật – hoặc một tên gọi nào khác, tùy thích vậy.

3.
KINH HỮU HỌC
(Sekhasuttam)
(53)

Kinh Hữu Học do Ngài Ananda thuyết giảng. Trong kinh, có những phần lập lại, đã được đề cập trước đó – là điều thường gặp ở hầu hết các bộ kinh lớn như: Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh ; Kim Cương Bát Nhã Ba-La-Mật-Đa ; Duy Ma Cật ...

Với những phần lập lại như vậy sẽ được lướt qua ...

Bối cảnh mở đầu kinh là ở thành Kapilavatthu, mới xây xong một khu giảng đường, và Mahanama, người có trách nhiệm ở đây muốn mời Thế Tôn đến ở, để khánh thành khu giảng đường này. Thế Tôn nhận lời. Đến nơi, Thế Tôn ủy thác cho Ngài Ananda giảng về hữu học đạo.

Ngài Ananda thuyết giảng như sau:

“Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử, thành tựu giới hạnh, hộ trì các căn, biết tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, thành tựu bảy diệu pháp, hiện tại lạc trú bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức”.

Đó cũng là đề cương tóm tắt bài thuyết giảng của Ngài Ananda.

*“Và này Mahanama, thế nào là vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh ?
Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ lãnh và tu học các học pháp. Này Mahanama, như vậy là vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh.*

*Và này Mahanama, thế nào là vị Thánh đệ tử hộ trì các căn ?
Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử, khi mắt thấy sắc ; tai nghe tiếng ; mũi ngửi hương ; lưỡi nếm vị ; thân cảm xúc ; ý nhận thức – không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì các căn không được chế ngự, khiến tham ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì các căn, thực hành sự hộ trì các căn.*

Và này Mahanama, thế nào là vị Thánh đệ tử biết tiết độ trong ăn uống (và thọ dụng các vật phẩm cúng dường) ?

Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử chơn chánh giác sát, thọ dụng món ăn, (vật phẩm cúng dường), không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới; và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn".

Và này Mahanama, thế nào là vị Thánh đệ tử chú tâm cảnh giác ?

Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh giữa, vị này nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp.

Và này Mahanama, thế nào là vị Thánh đệ tử thành tựu bảy diệu pháp ?

1. Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử có lòng tin, có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.
2. Vị này có lòng tà, tự xấu hổ vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự xấu hổ vì thành tựu ác, bất thiện pháp.
3. Vị này có lòng quý, tự sợ hãi vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự sợ hãi vì thành tựu ác, bất thiện pháp.
4. Vị này là vị đa văn, nhớ nghĩ những điều đã nghe, tích tụ những điều đã nghe. Những pháp nào, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, nói lên phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì, đọc tụng bằng lời, được ý suy tư, được chánh kiến thể nhập.

5. *Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, trừ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.*
6. *Vị ấy có niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, nhớ lại, nhớ lại nhiều lần những gì đã làm từ lâu, đã nói từ lâu.*
7. *Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.*

Và này, Mahanama, thế nào là vị Thánh đệ tử hiện tại lạc trú bốn Thiên, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức ?

Ở đây, này Mahanama, (vị ấy) ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Sơ thiên, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.

Diệt tâm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng và trú Thiên thứ ba.

Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng và trú Thiên thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Này Mahanama, khi một vị Thánh đệ tử thành tựu giới hạnh như vậy, hộ trì các căn như vậy, biết tiết độ trong ăn uống như vậy, chú tâm cảnh giác như vậy, đầy đủ bảy diệu pháp như vậy, hiện tại lạc trú bốn Thiên, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức như vậy, này Mahanama, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là đang đi trên con đường hữu học, có trừng không bị hư hoại, có khả năng phá vỡ, có khả năng giác ngộ, có khả năng chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các ách phược.

Này Mahanama, ví như có tám, có mười hay có mười hai trứng gà, được gà mái khéo ấp ngồi, khéo ấp nóng, khéo ấp dưỡng ; dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng, các con gà con của ta, sau khi phá vỡ vỏ trứng với móng chân, hay với mỏ của chúng, thoát ra ngoài một cách an toàn". Những con gà con ấy, sau khi phá vỡ vỏ trứng với móng chân hay mỏ của chúng, có thể thoát ra ngoài một cách an toàn.

Cũng vậy, này Mahanama khi một vị Thánh đệ tử, thành tựu giới hạnh như vậy, hộ trì các căn như vậy, biết tiết độ trong ăn uống như vậy, chú tâm cảnh giác như vậy, đầy đủ bảy diệu pháp như vậy, hiện tại lạc trú bốn Thiên, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức

này Mahanama, vị Thánh đệ tử ấy được gọi là đang đi trên con đường hữu học, có trứng không bị hư hoại, có khả năng phá vỡ, có khả năng giác ngộ, có khả năng chứng đạt vô thượng an ổn khỏi các ách phược.

*Này Mahanama, vị Thánh đệ tử ấy, khi chứng được vô thượng xả niệm thanh tịnh này, nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một đời, hai đời ... nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.
Đây là sự phá vỡ thứ nhất của con gà con ra khỏi vỏ trứng.*

*Này Mahanama, vị Thánh đệ tử ấy, khi chứng được vô thượng xả niệm thanh tịnh này, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh ... đều do hạnh nghiệp của chúng.
Đây là sự phá vỡ thứ hai của con gà con ra khỏi vỏ trứng.*

*Này Mahanama, vị Thánh đệ tử ấy, khi chứng được vô thượng xả niệm thanh tịnh này, với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.
Đây là sự phá vỡ thứ ba của con gà con ra khỏi vỏ trứng.*

Này Mahanama, vị Thánh đệ tử nào thành tựu giới hạnh, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.

Này Mahanama, vị Thánh đệ tử nào hộ trì các căn, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.

Này Mahanama, vị Thánh đệ tử nào có tiết độ trong ăn uống, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.

Này Mahanama, vị Thánh đệ tử nào chú tâm cảnh giác, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.

Này Mahanama, vị Thánh đệ tử nào đầy đủ bảy diệu pháp, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.

Này Mahanama, vị Thánh đệ tử nào hiện tại lạc trú bốn Thiên, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức, như vậy thuộc về hạnh đức của vị ấy.

Này Mahanama, vị Thánh đệ tử nào, nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một đời, hai đời ... cùng với các nét đại cương và các chi tiết như vậy thuộc về trí đức của vị ấy.

Này Mahanama, vị Thánh đệ tử nào với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang,

người đẹp dễ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh ... đều do hạnh nghiệp của chúng, như vậy thuộc về trí đức của vị ấy.

Này Mahanama, vị Thánh đệ tử nào với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, như vậy thuộc về trí đức của vị ấy.

Như vậy, này Mahanama, vị Thánh đệ tử được gọi là minh cụ túc, hạnh cụ túc, minh hạnh cụ túc. Này Mahanama, Phạm thiên Sanankumara (Thường Đồng Hình Phạm thiên) có nói bài kệ như sau:

*Chúng sanh tin giai cấp
Vương tộc là tối thượng.
Vị minh hạnh cụ túc,
Tối thắng ở Nhơn Thiên.*

Này Mahanama, bài kệ ấy được Phạm thiên Sanankumara khéo hát, không phải vụng hát, khéo nói, không phải vụng nói, có ý nghĩa, không phải vô nghĩa, và được Thế Tôn ấn khả.

(Minh hạnh cụ túc: Diệt trừ vô minh để thành tựu minh ; giữ giới nghiêm để hạnh thành tựu – hai yếu tố thiết yếu minh- hạnh này đều tròn đầy)

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

– Lành thay, lành thay Ananda ! Thật lành thay, này Ananda, người đã giảng hữu học đạo cho các Sakka (Thích tử) ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Tôn giả Ananda thuyết giảng như vậy, bậc Đạo Sư ấn khả. Các vị Sakka ở Kapilavatthu hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ananda dạy.

Như vậy, kinh Hữu Học trong bộ Kinh Trung Bộ được Ngài Ananda thuyết giảng mạch lạc, rõ ràng. Qua đó cho thấy: khái niệm *hữu học* của nhà Phật khác rất xa khái niệm hữu học thông thường.

Khái niệm *hữu học* của nhà Phật – gắn liền *hạnh* (đức hạnh) và *trí* (trí đức) – từ đó người *hữu học* của nhà Phật phải là người thành tựu cứu cánh Niết Bàn.

4.
KINH POTALIYA
(Potaliyasuttam)
(54)

Kinh Potayliya, tên của một gia chủ, là kinh dành cho những người tu tại gia. Gia chủ Potayliya tưởng rằng đã giao hết mọi tài sản cho con cái, không còn trách nhiệm trước những của cải ấy nữa là đã có thể gọi là *đoạn tận*. Vị gia chủ này nói rằng:

“Ở đây, này Tôn giả Gotama, tài sản, ngũ cốc, hay vàng bạc, tất cả đều giao cho các con tôi thừa hưởng. Ở đây, tôi không khuyến bảo, tôi không can gián; tôi sống với tối thiểu đồ ăn, đồ mặc. Như vậy, này Tôn giả Gotama, tất cả nghiệp vụ được tôi từ bỏ, tất cả tục sự được tôi đoạn tận”.

Thế Tôn giảng giải:

“Này Gia chủ, sự đoạn tận các tục sự mà Ông nói khác với sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh.

Bạch Thế Tôn, Như thế nào là sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh ? Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho tôi về sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh.

Này Gia chủ, tám pháp này đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh. Thế nào là tám ?

Y cứ không sát sanh, sát sanh cần phải từ bỏ.

Y cứ không lấy của không cho, lấy của không cho cần phải từ bỏ.

Y cứ lời chân thật, nói láo cần phải từ bỏ.

Y cứ không nói hai lưỡi, nói hai lưỡi cần phải từ bỏ.

Y cứ không tham dục, tham dục cần phải từ bỏ.

Y cứ không hủy báng sân hận, hủy báng sân hận cần phải từ bỏ.

Y cứ không phẫn nã, phẫn nã cần phải từ bỏ.

Y cứ không quá mạn, quá mạn (ngạo mạn) cần phải từ bỏ”.

“Khi nói: "Y cứ không sát sanh, sát sanh cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên ?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể sát sanh, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ của các kiết sử ấy.

Nếu ta sát sanh, không những ta tự trách mắng ta vì duyên sát sanh, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên sát sanh; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên sát sanh.

Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự sát sanh này.

Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt nã nào có thể khởi lên, do duyên sát sanh, đối với vị đã từ bỏ sát sanh, những lậu hoặc phiền lao nhiệt nã như vậy không còn nữa".

(*Kiết phược, kiết lậu, kiết sử: phiền nã kết dật ở tâm ; triền cái: điều che ngăn, chướng ngại cột chặt*)

Khi nói: "Y cứ không lấy của không cho, lấy của không cho cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên ?

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể lấy của không cho, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy.

Nếu ta lấy của không cho, không những ta tự trách mắng ta vì duyên lấy của không cho, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên lấy của không cho; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên lấy của không cho.

Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự lấy của không cho này.

Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt nã nào có thể khởi lên do duyên lấy của không cho, đối với vị đã từ bỏ lấy của không cho, những lậu hoặc phiền lao nhiệt nã như vậy không còn nữa".

Khi nói: "Y cứ lời chân thật, nói láo cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên ?

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhơn những kiết sử nào, ta có thể nói láo, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy.

Nếu ta nói láo, không những ta tự trách mắng ta vì duyên nói láo, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên nói láo; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên nói láo.

Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính nói láo này.

Những lậu hoặc phiền lao nhiệt nã nào có thể khởi lên, do duyên nói láo, đối với vị đã từ bỏ nói láo, những lậu hoặc phiền lao nhiệt nã như vậy không còn nữa".

Khi nói: "Y cứ không nói hai lưỡi, nói hai lưỡi cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên ?

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhơn những kiết sử nào, ta có thể nói hai lưỡi, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta nói hai lưỡi, không những ta tự trách mắng ta vì duyên nói hai lưỡi, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu cũng khiến trách ta vì duyên nói hai lưỡi, và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên nói hai lưỡi. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự nói hai lưỡi này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên nói hai lưỡi, đối với vị đã từ bỏ nói hai lưỡi, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa".

Khi nói: "Y cứ không tham dục, tham dục cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên ?

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhơn những kiết sử nào, ta có thể có tham dục, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta tham dục, không những ta tự trách mắng ta vì duyên tham dục, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu cũng khiến trách ta vì duyên tham dục; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên tham dục. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự tham dục này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên tham dục, đối với vị đã từ bỏ tham dục, các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa".

(Năm dục là lòng ham muốn: sắc ; tham ; hương ; vị ; xúc. Ba dục là: Hình mạo ; tư thái; xúc chạm mềm mại).

Khi nói: "Y cứ không hủy báng sân hận, hủy báng sân hận cần được từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên ?

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể hủy báng sân hận, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta hủy báng sân hận, không những ta tự trách mắng ta vì duyên hủy báng, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng khiến trách ta vì duyên hủy báng sân hận; và sau khi thân hoại mạng chung ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên hủy báng sân hận. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự hủy báng sân hận này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên hủy báng sân hận, đối với vị đã từ bỏ hủy báng sân hận các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa".

Khi nói: "Y cứ không phẫn não, phẫn não cần được từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên ?

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể có phần nã, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy.

Nếu ta có phần nã, không những ta tự trách mắng ta vì duyên phần nã, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng khiến trách ta vì duyên phần nã; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên phần nã.

Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự phần nã này.

Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt nã có thể khởi lên do duyên phần nã, đối với vị đã từ bỏ phần nã, các lậu hoặc phiền lao nhiệt nã như vậy không còn nữa".

Khi nói: "Y cứ không quá mạn, quá mạn cần được từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên ?

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhơn những kiết sử nào ta có quá mạn, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy.

Nếu ta có quá mạn, không những ta tự trách mắng ta vì duyên quá mạn, các bậc có trí sau khi tìm hiểu, cũng khiến trách ta vì duyên quá mạn; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên quá mạn.

Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự quá mạn này.

Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt nã có thể khởi lên do duyên quá mạn, đối với vị đã từ bỏ quá mạn, các lậu hoặc phiền lao nhiệt nã như vậy không còn nữa".

Này Gia chủ, tám pháp được nói lên vẫn tắt và được giải thích rộng rãi này, đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh, nhưng thật sự chưa phải là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật bậc Thánh".

Thế nào là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật bậc Thánh ?

"Này Gia chủ, ví như có con chó đói lả, suy nhược, đi đến một lò thịt giết bò. Ở đây, có người giết bò thiện xảo hay người đệ tử quăng cho nó một khúc xương, khéo lóc, tận lóc, không có thịt, chỉ có dính máu. Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Con chó ấy, khi gặm khúc xương ấy, khéo lóc, tận lóc, không có thịt, chỉ có dính máu có thể đoạn trừ được đói lả suy nhược của nó không ?

"Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy ? Với khúc xương khéo lóc, tận lóc, không có thịt, chỉ có dính máu ấy, bạch Thế Tôn, con chó kia chỉ có một nhọc khôn khổ mà thôi".

“Cũng vậy, này Gia chủ, ví Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được ví như khúc xương, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, ở đây, mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, ví ấy tu tập loại xả như vậy”.

(Đa chủng: Ngũ chủng: đắm chìm trong ngũ dục chẳng chuyên tâm tu tập thiện pháp sẽ gặp năm quả báo sau : Chẳng được tự tại về tài lợi ; Tiếng xấu lưu truyền khắp nơi ; Chẳng ưa làm ơn cho những kẻ nghèo khổ ; Chẳng thích gặp hàng tứ chúng ; Chẳng thác, chẳng được sanh lên cõi Tiên. Từ điển Hoa Linh Thoại. Nhứt chủng: chìm đắm một trong ngũ dục: sắc ; tham ; hương ; vị ; xúc.)

“Này Gia chủ, ví như con chim kên, con chim điều hâu, hay con chim ưng giành được miếng thịt liền bay bổng lên; các con chim kên khác, chim điều hâu khác, hay chim ưng khác bay đuổi theo, đuổi sát theo giành giật xé nát miếng thịt ấy. Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Nếu con chim kên, chim điều hâu hay chim ưng ấy không vứt bỏ ngay miếng thịt ấy, nó có thể do nhân duyên ấy, đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết không ?”

“Thưa có, bạch Thế Tôn”.

“Cũng vậy, này Gia chủ, ví Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được ví như miếng thịt, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy, với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, ở đây mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, ví ấy tu tập loại xả như vậy”.

“Này Gia chủ, ví như một người cầm một bó đuốc cỏ đang cháy rực đi ngược gió. Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào, nếu người ấy không vứt bỏ ngay bó đuốc ấy, bó đuốc cỏ đang cháy rực ấy có thể đốt cháy tay, hay đốt cháy cánh tay, hay đốt cháy một thân phần của người ấy, người ấy có thể do nhân duyên ấy, đi đến chết, hay đi đến khổ gần như chết không ?”

“Thưa có, bạch Thế Tôn”.

“Cũng vậy, này Gia chủ, ví Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được ví như bó đuốc cỏ, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy, với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, ở đây mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, ví ấy tu tập loại xả như vậy”.

“Này Gia chủ, ví như một hồ than hừng, sâu hơn thân người, đầy những than hừng, cháy không thành ngọn, cháy không thành khói, và một người đi đến muốn sống, muốn không chết, muốn lạc, né tránh khổ. Nhưng có hai nhà lực sĩ, nắm chặt hai cánh tay người ấy và lôi người ấy đến hồ than hừng. Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Người ấy có co rúm thân, vật qua vật lại phía này phía kia không ?”

“Bạch Thế Tôn, có. Vì sao vậy ? Bạch Thế Tôn, vì người ấy biết: “Nếu ta rơi vào hồ than hừng này, do nhân duyên này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết”.

“ Cũng vậy, này cư sĩ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Thế Tôn đã nói, dục được ví như hồ than hừng, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn”.

Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ, với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, ở đây mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại xả như vậy”.

Này Gia chủ, ví như có người nằm mộng, thấy vườn khả ái, rừng núi khả ái, đất đai khả ái, ao hồ khả ái; khi tỉnh dậy, người ấy không thấy gì cả. Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Thế Tôn đã nói, dục được ví như một cơn mộng, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn”.

Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ, với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, ở đây mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại xả như vậy.

Này Gia chủ, ví như có người (đi) mượn tài vật (của người khác) cho mượn, xe cộ xứng đáng bậc sang trọng, các đồ châu báu trang sức mỹ diệu, và với những đồ vật vay mượn ấy, người ấy đi vào chợ phố, được (tôn trọng) đi trước, được nhiều người vây quanh, và quần chúng thấy người ấy bèn nói: “Người này thật sự giàu sang, và người giàu sang hưởng thọ tài vật như vậy”. Nhưng (bị) những người chủ (cho mượn) thấy người kia ở chỗ nào liền lấy lui (đòi lại) những vật sở hữu của mình. Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Có phải sự (trá hình) dị tính của người kia được chấm dứt ở đây?

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy ? Bạch Thế Tôn, vì những người chủ lấy lui những vật sở hữu của mình”.

“Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Thế Tôn đã nói, dục được ví như tài vật vay mượn, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn”.

Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ, với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhất chủng, y cứ nhất chủng, ở đây mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại xả như vậy”.

Này Gia chủ, ví như gần thôn làng hay gần thị tứ có một nhóm rừng, ở đấy, có một cây đầy những trái chín, nhưng không có trái nào rơi xuống đất. Rồi một người đi đến, ước mong trái cây, tìm cầu trái cây, đi khắp đó đây để tìm trái cây. Người ấy đi sâu vào ngôi rừng ấy, thấy cây ấy đầy những trái chín. Người ấy có thể nghĩ như sau: "Cây này đầy những trái chín nhưng không có trái nào rơi xuống đất, nhưng ta biết leo cây. Vậy ta hãy leo lên cây ấy ăn cho thỏa thích và bọc đầy áo . Rồi người ấy leo lên cây ấy, ăn cho thỏa thích và bọc đầy áo (để đem về) .

(Bất thành linh) một người thứ hai đi đến, ước mong trái cây, tìm cầu trái cây, đi khắp đó đây để tìm trái cây, và tay mang một búa sắc bén. Người này đi sâu vào ngôi rừng ấy, thấy cây ấy đầy những trái chín. Người này có thể nghĩ như sau: "Cây này đầy những trái chín, nhưng không có trái nào rơi xuống đất. Nhưng ta không biết leo cây. Vậy ta hãy chặt cây này tận gốc, ăn cho thỏa thích, và bọc đầy áo (để đem về)" . Rồi người này chặt cây ấy tận gốc.

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Nếu người kia không leo xuống thật mau, thời cây ấy khi rơi đổ xuống, sẽ làm cho người thứ nhất, hoặc bị gãy tay, hoặc bị gãy chân, hoặc bị gãy một phần thân nào. Và do nhân duyên ấy, sẽ bị chết hay đi đến đau khổ gần như chết”.

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn”.

“Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được ví như cây có trái, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn”.

Sau khi thấy như chân như vậy với trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhất chủng, y cứ nhất chủng, ở đây mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại xả như vậy.

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử ấy, sau khi thành tựu xả niệm thanh tịnh vô thượng này, nhớ đến các đời sống trước, như một đời, hai đời, ba đời ... Vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử ấy sau khi thành tựu xả niệm thanh tịnh vô thượng này, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh ... đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này Gia chủ vị Thánh đệ tử ấy, sau khi thành tựu xả niệm thanh tịnh vô thượng này, và với các lậu hoặc được đoạn trừ, vị này với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Này Gia chủ, cho đến như vậy (mới thật sự được gọi) là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả sự tục sự trong giới luật bậc Thánh.

Như vậy, kinh Potayliya trong bộ Kinh Trung Bộ dành riêng cho những người tu tại gia. Trong kinh này, Thế Tôn mở rộng hơn về Ngũ giới luật dành cho một Phật tử, đó là: Tám pháp đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh, gồm:

Không sát sanh, sát sanh cần phải từ bỏ ;

Không lấy của không cho (trộm cắp), lấy của không cho cần phải từ bỏ.

Nói lời chân thật, nói láo cần phải từ bỏ.

Không nói hai lưỡi, nói hai lưỡi cần phải từ bỏ.

Không tham dục (tà dâm), tham dục cần phải từ bỏ.

Không hủy báng sân hận, hủy báng sân hận cần phải từ bỏ.

Không phẫn não (uống rượu), phẫn não cần phải từ bỏ.

Không quá mạn, quá mạn (ngạo mạn) cần phải từ bỏ.

Kế tiếp, người tu tại gia còn phải đoạn tuyệt Dục.

Năm dục là lòng ham muốn: sắc ; tham ; hương ; vị ; xúc.

Ba dục là lòng ham muốn: Hình mạo ; tư thái ; xúc chạm mềm mại

Một khi đoạn tuyệt được Dục, người tu sẽ chứng và trú thiền thứ nhất ; và đó là điều kiện như là chìa khóa để chứng và trú thiền thứ hai, thứ ba, thứ tư. Nhờ vậy các lậu hoặc được đoạn trừ, vị này với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

5.
KINH JIVAKA
(Jivakasuttam)
(55)

Kinh Jivaka (tên người chủ vườn xoài nơi Thế Tôn đang ở).
Đây là kinh rất lạ, Thế Tôn bàn về việc ăn của người tu hành – với ý nghĩa rất thoáng đạt.

Trong kinh này, Thế Tôn không đề cập đến việc ăn chay – như mọi người hằng nghĩ. Thế Tôn chỉ nói rất rõ về ý nghĩa của việc ăn uống như thế nào sao cho khỏi “lỗi lầm” (mang tội).

Vì đây là vấn đề hệ trọng, liên quan đến tập quán suy nghĩ của nhiều người – nên xin lần lượt trích dẫn toàn bộ kinh này.

Mở đầu kinh, Jivaka Komarabhacca nghe tin đồn đến bạch Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, con nghe nói như sau:

“Vì Sa-môn Gotama, họ giết hại các sinh vật.

Và Sa-môn Gotama (tuy) biết thế (vẫn) dùng các loại thịt được giết vì mình và được làm cho mình”.

Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau:

“Vì Sa-môn Gotama, họ giết hại các sinh vật. Và Sa-môn Gotama (tuy) biết thế (vẫn) dùng các loại thịt được giết (vì mình) và được làm cho mình”, bạch Thế Tôn, những người ấy có nói chính lời Thế Tôn, họ không xuyên tạc Thế Tôn không đúng sự thật, họ trả lời đúng pháp, thuận pháp, và những ai như pháp, thuyết đúng (pháp) thuận (pháp) không có thể quả trách ?”

Nội dung Jivaka Komarabhacca bạch Thế Tôn có nghĩa là: Có lời đồn, vì (thương tưởng) Thế Tôn, họ đã giết động vật, và loại thịt của con vật được giết – vì Thế Tôn ấy – khi thọ dụng, không có tội. Và điều này, họ nói, hoàn toàn không phải là xuyên tạc Thế Tôn.

Sau khi nghe Jivaka Komarabhacca, Thế Tôn giảng giải như sau:

“Này Jivaka, những ai nói như sau: “Vì Sa-môn Gotama, họ giết hại các sinh vật. Và Sa-môn Gotama (tuy) biết thế (vẫn) dùng các loại thịt được giết (vì mình)

được làm cho mình", những người ấy không nói chính lời của Ta, họ xuyên tạc Ta, không như chân, không như thật.

Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt không được thọ dụng: thấy, nghe và nghi (vì mình mà giết).

Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt không được thọ dụng.

Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt được thọ dụng: không thấy, không nghe và không nghi (vì mình mà giết).

Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt được thọ dụng”.

“Ở đây, này Jivaka, Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn nào, vị ấy biến mãn (cùng khắp) một phương với tâm có lòng từ, và an trú; cũng vậy phương thứ hai, phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân và an trú.

Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ đến Tỷ-kheo ấy và mời ngày mai thọ trai và này Jivaka, Tỷ-kheo ấy nhận lời. Sau khi đêm ấy đã qua, Tỷ-kheo ấy vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến chỗ người cư sĩ kia hay con người cư sĩ kia. Sau khi đến, vị ấy ngồi trên chỗ đã soạn sẵn.

Và vị cư sĩ, hay con vị cư sĩ ấy thỉnh vị ấy dùng các món ăn khát thực thượng vị.

Vị Tỷ-kheo ấy không nghĩ: "Thật tốt lành thay, người cư sĩ này, hay con người cư sĩ này thỉnh ta dùng các món ăn khát thực thượng vị. Mong rằng người cư sĩ này, hay con người cư sĩ này trong tương lai sẽ thỉnh ta dùng các món khát thực thượng vị như vậy".

Tỷ-kheo ấy không nghĩ như vậy.

Vị ấy thọ dụng các món ăn khát thực ấy, với tâm không tham trước, không tham đắm, không đam mê, thấy rõ các tai họa, ý thức rõ rệt sự xuất ly.

Này Jivaka, Ông nghĩ thế nào ? Tỷ-kheo kia, trong thời gian ấy có nghĩ đến tự hại, hay nghĩ đến hại người, hay nghĩ đến hại cả hai ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Jivaka, Tỷ-kheo kia, trong thời gian ấy có phải dùng các món ăn không có lỗi lầm ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Nay Jivaka, cái gọi là tham, là sân, là si, do đó sân hận khởi lên, tham ấy, sân ấy, si ấy được Như Lai đoạn trừ, chặt cho đến tận gốc, làm cho như thân cây tala, khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

Này Jivaka, nếu như vậy là ý nghĩa Ông muốn nói, thì Ta đồng ý với Ông.

– Bạch Thế Tôn, như vậy thật là ý nghĩa con muốn nói.

– Ở đây, này Jivaka, Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn nào, vị ấy biến mãn (cùng khắp) một phương với tâm có lòng từ, và an trú; cũng vậy phương thứ hai, phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân và an trú.

Một cư sĩ hay con một người cư sĩ đến Tỷ-kheo ấy và mời ngày mai thọ trai. Và này Jivaka, Tỷ-kheo ấy nhận lời.

Sau khi đêm ấy đã qua, vị ấy vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến chỗ người cư sĩ kia, hay con của người cư sĩ kia. Sau khi đến, vị ấy ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Và vị cư sĩ, hay con vị cư sĩ ấy thỉnh vị ấy dùng các món ăn khát thực thượng vị.

Tỷ-kheo ấy không nghĩ: "Thật tốt lành thay, người cư sĩ này, hay con người cư sĩ này thỉnh ta dùng các món ăn khát thực thượng vị. Mong rằng vị cư sĩ này, hay con vị cư sĩ này trong tương lai sẽ thỉnh ta dùng các món ăn khát thực thượng vị như vậy".

Tỷ-kheo ấy không nghĩ như vậy.

Vị ấy thọ dụng các món ăn khát thực ấy với tâm không tham trước, không tham đắm, không đam mê, thấy rõ các tai họa, ý thức rõ rệt sự xuất ly.

Này Jivaka, Ông nghĩ thế nào ? Tỷ-kheo kia, trong thời gian ấy có nghĩ đến hại mình, hay nghĩ đến hại người, hay nghĩ đến hại cả hai ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Nay Jivaka, vị Tỷ-kheo kia, trong thời gian ấy, có phải dùng các món ăn không có lỗi lầm ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– *Này Jivaka, cái gọi là tham, là sân, là si, do đó sân hận khởi lên, tham ấy, sân ấy, si ấy được Như Lai đoạn trừ, chặt cho đến tận gốc, làm cho như thân cây tala, khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.*

Này Jivaka, nếu như vậy thì ý nghĩa Ông muốn nói, thời ta đồng ý với Ông.
– *Bạch Thế Tôn, như vậy thật là ý nghĩa con muốn nói.*

– *Này Jivaka, người nào vì Như Lai, hay vì đệ tử Như Lai mà giết hại sinh vật, người ấy chất chứa nhiều phi công đức do năm nguyên nhân.*

Khi người ấy nói như sau: "Hãy đi và dắt con thú này đến", đó là nguyên nhân thứ nhất, người ấy chất chứa nhiều phi công đức.

Con thú ấy, khi bị dắt đi, vì bị kéo lôi nơi cổ, nên cảm thọ khổ ưu, đó là nguyên nhân thứ hai, người ấy chất chứa nhiều phi công đức.

Khi người ấy nói: "Hãy đi và giết con thú này", đó là nguyên nhân thứ ba, người ấy chất chứa nhiều phi công đức.

Khi con thú ấy bị giết, cảm thọ khổ ưu, đây là nguyên nhân thứ tư, người ấy chất chứa nhiều phi công đức.

Khi người ấy cúng dường Như Lai hay đệ tử Như Lai một cách phi pháp, đó là nguyên nhân thứ năm, người ấy chất chứa nhiều phi công đức.

Này Jivaka, người nào vì Như Lai, hay vì đệ tử Như Lai mà giết hại sinh vật, người ấy sẽ chất chứa nhiều phi công đức do năm nguyên nhân này.

Khi nghe nói vậy, Jivaka Komarabhacca bạch Thế Tôn:

– *Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn ! Bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo thật sự thọ dụng các món ăn một cách hợp pháp.*

Bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo thật sự thọ dụng các món ăn không có khuyết phạm. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! ... Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như vậy, kinh Jivaka trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến ý nghĩa của việc ăn uống.

Trong kinh này, Thế Tôn không quy định việc ăn chay như suy nghĩ theo truyền thống.

Thế Tôn nói rằng: việc ăn thịt, phải dựa vào ba yếu tố để không mắc lỗi lầm, đó là:

*Trong ba trường hợp, thịt được thọ dụng:
Không thấy, không nghe và không nghi (vì mình mà giết hại động vật ấy).*

Điều thiết yếu quan trọng hàng đầu – không phải ăn chay hay ăn mặn – mà đó là:

Vị ấy thọ dụng các món ăn khát thực ấy với tâm không tham trước, không tham đắm, không đam mê, thấy rõ các tai họa, ý thức rõ rệt sự xuất ly.

Trong kinh “Những lời dạy cuối cùng”, Thế Tôn cũng đã đề cập đến vấn đề này như sau:

“Này các đệ tử, khi thọ dụng phẩm vật cúng dường, các vị nên quan niệm như uống thuốc. Ngon không ham, dở không chê. Ăn uống chỉ để cho khỏi đói khát. Như ong hút mật trong hoa, chỉ lấy mùi vị, không làm tổn thương hương sắc. Người xuất gia cũng vậy: thọ dụng sự cúng dường để đủ sức khoẻ tu tập, không được ham cầu quá nhiều, làm tổn thất tín tâm của tín thí. Hãy như người trí biết lượng sức kéo và chịu đựng của trâu, không nên dùng trâu quá sức, đến nỗi kiệt lực”.

Sự tham đắm, đam mê trong vấn đề ăn uống – mới khiến không hề nao núng khi ra tay truy lùng, truy sát động vật – và, từ đó rất khó ly Dục rời bỏ Tham ái – đây mới là ý nghĩa thật sự tuyệt đối quan trọng – chứ không phải ý nghĩa ở chỗ ăn chay hay ăn mặn.

Ăn chay, nếu vẫn là tham đắm, đam mê (tâm bỏ sâu, cao lương mỹ vị ...) thì – vẫn không thể ly Dục xả bỏ Tham, Sân, Si.

Ăn mặn, không thấy, không nghe và không nghi – cốt để đủ sức khoẻ tu tập thì cũng chẳng có gì là sai, chẳng có gì là không đạt đạo.

Trả lời trong một cuộc phỏng vấn, Đức Đạt Lai Lạt Ma lần thứ mười bốn, người Tây Tạng, nói với đại ý rằng: Những nhà tu hành sống ở các vùng thảo nguyên, sa mạc như Tây Tạng, việc ăn chay là không thể – vì không thể lấy đâu ra rau, củ, quả – những thứ vốn được xem là quá hiếm, quá “xa xỉ” ấy.

6.
KINH ƯU BA LY
(Upalisuttam)
(56)

Kinh Ưu Ba Ly thuật lại một sự việc rất đáng tiếc cho một hệ của giáo phái tu khổ hạnh – hệ Nigantha – khi Nigantha Nataputta, vị Giáo chủ hệ phái này, cử một đại đệ tử của mình đến gặp Thế Tôn – để *luận chiến* chủ yếu, tập trung về quan điểm: giữa *thân, khẩu, ý* thì yếu tố nào là quan trọng, mang tính quyết định tạo tác ra *ác nghiệp* ?

Thoạt tiên, chỉ là một sự trao đổi nho nhỏ giữa Thế Tôn và ngài Nigantha Dighatapassi (Trường Khổ Hạnh Giả), cũng là đại đệ tử của Nataputta. Diễn biến cuộc trao đổi nho nhỏ này như sau:

(Một hôm) *Nigantha Dighatapassi (Trường Khổ Hạnh Giả)*, sau khi đi khát thực ở Nalanda, ăn xong, trên con đường khát thực trở về, đi đến rừng Pavarikamba, chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, nói lên những lời hỏi thăm Thế Tôn. Sau khi nói lên những lời hỏi thăm thân hữu, vị này đứng một bên.

Thế Tôn nói với *Nigantha Dighatapassi* đang đứng một bên:

– *Này Tapassi*, có những ghế ngồi. Nếu ông muốn, hãy ngồi xuống.

Khi nghe nói vậy, *Nigantha Dighatapassi* lấy một ghế thấp, rồi ngồi xuống một bên. Và *Thế Tôn* nói với *Nigantha Dighatapassi* đang ngồi một bên:

– *Này Tapassi*, *Nigantha Nataputta* (Giáo chủ *Nataputta* hệ *Nigantha*) chủ trương có bao nhiêu nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp ?

– *Hiện giả Gotama*, *Nigantha Nataputta* không có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp. *Hiện giả Gotama*, *Nigantha Nataputta* có thông lệ chủ trương phạt, phạt.

– *Này Tapassi*, *Nigantha Nataputta* chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp ?

– *Này Hiện giả Gotama*, *Nigantha Nataputta* chủ trương có ba loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, tức là thân phạt, khẩu phạt, ý phạt.

– *Này Tapassi*, nhưng có phải thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác ?

– *Hiện giả Gotama*, thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác.

– *Này Tapassi, ba loại phật này, được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Nigantha Nataputta chủ trương loại phật nào tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, thân phật chẳng, khẩu phật chẳng, ý phật chẳng ?*

– *Hiền giả Gotama, ba loại phật này được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Nigantha Nataputta chủ trương thân phật là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phật không bằng được, ý phật không bằng được.*

– *Này Tapassi, có phải Ông nói thân phật ?*

– *Hiền giả Gotama, tôi nói thân phật.*

– *Này Tapassi, có phải Ông nói thân phật ?*

– *Hiền giả Gotama, tôi nói thân phật.*

– *Này Tapassi, có phải Ông nói thân phật ?*

– *Hiền giả Gotama, tôi nói thân phật.*

Như vậy Thế Tôn trong cuộc đàm thoại này đã làm Nigantha Dighatapassi xác nhận cho đến lần thứ ba quan điểm (của mình).

Như vậy, Nataputta , vị Giáo chủ hệ phái Nigantha chủ trương: không có *ngiệp* – mà chỉ có *phật* . Về tư tưởng, các hệ phái tu khổ hạnh cho rằng: không thể hạnh phúc vĩnh hằng lại có thể xây dựng trên một hiện tại hạnh phúc.

Nếu cho rằng: hạnh phúc vĩnh hằng được xây dựng trên một hiện tại hạnh phúc – thì, cuộc sống của một vị vua sẽ hơn Thế Tôn – tại sao ? Tại, vị vua này hiện tại đang được sung sướng hạnh phúc mọi mặt (chí ít là về vật chất), tương lai cũng có được hạnh phúc vĩnh hằng như Thế Tôn – há chẳng phải nhà vua này hơn Thế Tôn sao ?

Chính vì không thể nào có chuyện hạnh phúc vĩnh hằng lại có thể xây dựng trên một hiện tại hạnh phúc – cho nên, hạnh phúc phải được xây dựng trên sự khổ.

Để xây dựng hạnh phúc trên sự khổ cho nên phải *phật*. Tại sao *phật* ?

Bởi, trong muôn vàn muôn ức đời trước, kiếp trước đã gây ra không biết bao nhiêu là lỗi lầm – nên bây giờ phải *phật*.

Phật để chuộc lỗi lầm trong quá khứ. Một khi lỗi lầm trong quá khứ không còn – sạch trơn – thì lúc đó mới thật sự là thanh thoi, thật sự hạnh phúc.

Một khi đã *phật* thì phải nhắm vào *thân* để *phật* (*phật* cuộc sống vô cùng khắc nghiệt, đã trình bày), không thể nhắm vào *khẩu*, càng không thể nhắm vào *ý* mà *phật* được – cho nên, *thân* là yếu tố quan trọng, mang tính quyết định.

Đó là cốt lõi lý luận của các hệ phái tu khổ hạnh. Nigantha Dighatapassi, ba lần trả lời giống nhau để khẳng định *thân* là nhân tố quyết định tạo tác ra *ác nghiệp*.

“*Khi nghe nói vậy, Nigantha Dighatapassi nói với Thế Tôn:*

– *Hiền giả Gotama, Hiền giả chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp ?*

– *Này Tapassi, Như Lai không có thông lệ chủ trương phạt, phạt. Này Tapassi, Như Lai có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp.*

– *Hiền giả Gotama, Hiền giả chủ trương có bao nhiêu loại nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp ?*

– *Này Tapassi, Ta chủ trương ba loại nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, tức là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp.*

– *Hiền giả Gotama, nhưng có phải thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác ?*

– *Này Tapassi, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác.*

– *Hiền giả Gotama, ba loại nghiệp này, được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Hiền giả chủ trương loại nghiệp nào tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp ? Thân nghiệp chẳng, khẩu nghiệp chẳng, ý nghiệp chẳng ?*

– *Này Tapassi, ba loại nghiệp này, được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Ta chủ trương ý nghiệp là tối trọng, để tác thành ác ý, để diễn tiến ác nghiệp, thân nghiệp không bằng được, khẩu nghiệp không bằng được.*

– *Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý nghiệp ?*

– *Này Tapassi, Ta nói ý nghiệp.*

– *Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý nghiệp ?*

– *Này Tapassi, Ta nói ý nghiệp.*

– *Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý nghiệp ?*

– *Này Tapassi, Ta nói ý nghiệp.*

Như vậy Nigantha Dighatapassi trong cuộc đàm thoại này, sau khi đã làm Thế Tôn xác nhận cho đến lần thứ ba quan điểm (của mình), liền từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến chỗ Nigantha Nataputta”.

Như vậy, về lý luận, Như Lai cho biết: Tư tưởng của triết lý Phật khác rất xa tư tưởng của các hệ phái tu khổ hạnh.

Triết lý Phật là triết lý tuyệt đối không bao giờ mảy may có sự trùng phạp nào.

Triết lý Phật là triết lý tuyệt đối không bao giờ đẩy con người vào trạng thái lo sợ – vì những ám chỉ – mang tính đe dọa, theo kiểu: nếu nhà người không theo ta thì ... nhà người sẽ phải chịu trọng tội ... thế này thế nọ.

Trước một sự phỉ báng, xuyên tạc Như Lai – thì Như Lai cũng chẳng một chút may “động tâm” để mà ra tay trừng trị. Một người phỉ báng, xuyên tạc Như Lai – thì người đó tự thân mang đến đại họa cho mình – do đã đẩy con người vào hố sâu tội lỗi ; do đã lấy đi hạnh phúc theo lẽ có được của con người (đã trình bày).

Trước một sự tán thán, ca ngợi Như Lai hết lời – thì, Như Lai cũng chẳng một chút may may “động tâm” để mà ra tay ban phát tài, lộc. Một người tán thán, ca ngợi Như Lai – thì người đó tự thân mang đến phước báu cho mình – do đã giúp con người có được niềm tin đi trên *chánh đạo* ; do đã giúp con người có được hạnh phúc trong tầm tay (đã trình bày).

Thế Tôn đã từng trong bóng tối của tu khổ hạnh bước ra, Ngài nhận ra: cho dù sự hành hạ thân xác – đó là hành hạ thân xác của chính mình – cũng không thể tránh khỏi con đường bị đọa vào cõi dữ, súc sinh. Cho nên, ở đây phải hiểu thật đầy đủ tinh thần giảng dạy của Thế Tôn: không *tham đắm* vào các vật chất có được từ sự cúng dường ; song, cũng không thể đối xử quá nghiệt ngã với bản thân. Một khi đối xử quá nghiệt ngã với bản thân – thì sao có thể trải (*câu hữu*) được lòng *Từ biển mẫn* khắp mười phương ?

Cho nên, một bên là *thân: phạt, phạt, phạt* ; một bên là *ý: nghiệp, nghiệp, nghiệp*.

Dighatapassi về thuật lại câu chuyện gặp Thế Tôn cho Nataputta nghe . Nataputta nghe xong cùng hai đại đệ tử Dighatapassi và Upali cười ngất và cho rằng quá phi lý nếu như lấy ý làm nhân tố quyết định để mà *Phạt*. (Chỗ này, Nataputta đã hoàn toàn sai lầm: một khi còn bám chặt vào ý nghĩa của *phạt* – thì, hẳn nhiên, lấy ý làm nhân tố trung tâm là sai ; Nataputta quên rằng ý là nhân tố quyết định chỉ và chỉ khi gắn với *nghiệp*)

“*Nigantha Nataputta nói với Dighatapassi:*

– *Tốt lành thay, tốt lành thay, Tapassi ! Sa-môn Gotama đã được Nigantha Dighatapassi trả lời, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo sư”.*

Thực ra câu nói này của Nataputta mang ý nghĩa như sau:

– *Tốt lành thay, tốt lành thay, Tapassi ! Sa-môn Gotama đã được Nigantha Dighatapassi dạy cho một bài học về ý nghĩa của thân.*

Và đây, là thói ngạo mạn điển hình của các loại *Hữu vi*:

“*Gia chủ Upali thưa với Nigantha Nataputta:*

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tôn giả Tapassi ! Sa-môn Gotama đã được Tôn giả Tapassi trả lời như vậy, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo sư.

Làm sao một ý phạt hèn kém có thể sáng chói, so sánh với thân phạt cường đại này được ?

Thân phạt thật tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phạt không bằng được, ý phạt không bằng được. Thưa Tôn giả, con sẽ đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này. Nếu Sa-môn Gotama làm con xác nhận như đã làm Tôn giả Tapassi xác nhận thời cũng như một người lực sĩ tay nắm chặt lông một con cừu có lông dài, có thể kéo tới, dặc lui, vằn quanh; cũng vậy con sẽ dùng lời nói với lời nói, kéo tới, dặc lui, vằn quanh Sa-môn Gotama. Cũng như một người lực sĩ nấu rượu, sau khi nhận chìm một thùng rượu lớn xuống hồ nước sâu, nắm một góc thùng, có thể kéo tới, dặc lui, vằn quanh; cũng vậy, con dùng lời nói với lời nói, kéo tới, dặc lui, vằn quanh Sa-môn Gotama. Cũng như một lực sĩ nghiệm rượu sòng phóng đặng, sau khi nắm góc một cái sàng, lắc qua, lắc lại, lắc xoay quanh; cũng vậy, con sẽ dùng lời nói với lời nói, lắc qua, lắc lại, lắc xoay quanh Sa-môn Gotama. Và cũng như một con voi lớn sáu mươi tuổi, sau khi lặn xuống một hồ nước sâu, lại chơi trò phun nước; cũng vậy, con nghĩ, con sẽ chơi trò chơi phun nước với Sa-môn Gotama.

Thưa Tôn giả, con sẽ đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này.

– Nay Gia chủ, hãy đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này. Vì rằng, nay Gia chủ, chỉ có ta hay Nigantha Dighatapassi, hay Ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama”.

Cuộc luận chiến giữa Thế Tôn và Gia chủ Upali như sau:

“Gia chủ Upali vâng đáp Nigantha Nataputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Nigantha Nataputta, thân hữu hướng về Nigantha Nataputta, và đi đến rừng xoài Pavarika, chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, gia chủ Upali bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, không biết Nigantha Dighatapassi có đến tại đây không ?

– Nay gia chủ, Nigantha Dighatapassi có đến tại đây.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có đàm thoại với Nigantha Dighatapassi không ?

– Nay Gia chủ, Ta có đàm thoại với Nigantha Dighatapassi.

– Bạch Thế Tôn, cuộc đàm thoại của Thế Tôn với Nigantha Dighatapassi như thế nào ?

Rồi Thế Tôn kể lại cho gia chủ Upali một cách đầy đủ cuộc đàm thoại với Nigantha Dighatapassi, Khi nghe nói vậy, gia chủ Upali bạch Thế Tôn:

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tôn giả Tapassi ! Thế Tôn đã được Tôn giả Tapassi trả lời như vậy, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo sư. Làm sao một ý phạt hèn kém có thể sáng chói, so sánh với thân phạt cường đại này được, vì thân phạt thật là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp ? Khẩu nghiệp không bằng được, ý nghiệp không bằng được.

– Nay Gia chủ, nếu Ông có thể đàm luận y cứ trên sự thật, thòi ở đây, có thể có cuộc đàm thoại giữa chúng ta.

– Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây có cuộc đàm thoại giữa chúng ta.

– Nay Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có người Nigantha, bệnh hoạn, đau khổ, bao bệnh, từ chối nước lạnh, chỉ uống nước nóng. Người này, vì không được nước lạnh nên mệnh chung. Nay Gia chủ, theo Nigantha Nataputta, người ấy tái sanh chỗ nào ?

– Bạch Thế Tôn, có hàng chư Thiên được gọi là Manosatta (Ý Trước thiên). Ở đây người ấy tái sanh. Vì sao vậy ? Bạch Thế Tôn, vì người ấy chấp trước ý nên mệnh chung.

– Gia chủ, Gia chủ ! Sau khi suy nghĩ kỹ. Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp lời nói sau của Ông ! Lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông ! Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm thoại giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, dẫu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phạt mới là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp. Khẩu phạt không bằng được; ý phạt không bằng được.

– Nay Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có người Nigantha được phòng hộ với sự phòng hộ của bốn loại chế giới, hoàn toàn tự chế ngự đối với nước, hoàn toàn chú tâm (vào sự chế ngự) đối với nước, hoàn toàn loại trừ đối với nước, hoàn toàn thâm nhuần (với sự chế ngự) đối với nước. Vị này khi đi qua, khi đi lại, đã giết hại rất nhiều sinh vật nhỏ bé. Nay Gia chủ, theo Nigantha Nataputta, người ấy thọ quả báo nào ?

– Bạch Thế Tôn, vì không cố ý, nên Nigantha Nataputta xem không phải là một đại tội.

– Này Gia chủ, nếu người ấy có cố ý thì như thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, là một đại tội.

– Này Gia chủ, ý thức (ấy), Nigantha Nataputta xem thuộc về loại gì ?

– Bạch Thế Tôn thuộc về ý phạt.

– Gia chủ, Gia chủ ! Sau khi suy nghĩ. Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp với lời nói sau của Ông, lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông. Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận, y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm thoại giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phạt mới là tội trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp. Khẩu phạt không bằng được, ý phạt không bằng được.

– Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Có phải Nalanda này là phú cường và phồn thịnh, dân chúng đông đúc, nhân dân trù mật ?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Nalanda này là phú cường và phồn thịnh, dân chúng đông đúc, nhân dân trù mật.

– Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có người đi đến, với thanh kiếm đưa cao, người này nói: "Trong một sát na, trong một giây phút, ta sẽ làm cho tất cả mọi người ở tại Nalanda này thành một đồng thịt, thành một khối thịt". Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Người ấy có thể trong một sát na, trong một giây phút, làm cho tất cả mọi người ở tại Nalanda này thành một đồng thịt, thành một khối thịt không ?

– Bạch Thế Tôn, cho đến mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người cũng không có thể, trong một sát na, trong một giây phút, làm cho tất cả mọi người ở tại Nalanda này thành một đồng thịt, thành một khối thịt, huống nữa là chỉ một người nhỏ bé sao có thể sáng chói (làm thành) được ?

– Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn đến, có thần thông lực, có tâm tự tại. Vị này nói như sau. "Ta sẽ làm cho Nalanda này trở thành tro tàn với một tâm sân hận". Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn ấy, có thần thông lực, có tâm tự tại, có thể làm cho Nalanda này trở thành tro tàn với một tâm sân hận không ?

– Bạch Thế Tôn, cho đến mười Nalanda, hai mươi, ba mươi Nalanda, bốn mươi Nalanda, năm mươi Nalanda, vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn ấy có thần thông lực, có tâm tự tại có thể làm cho các Nalanda ấy trở thành tro tàn với một tâm sân hận, huống nữa là một Nalanda nhỏ bé này, sao có thể chói sáng được (khỏi bị trở thành tro tàn được) ?

– Gia chủ, Gia chủ ! Sau khi suy nghĩ, Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp lời nói sau của Ông ! Lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông ! Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm luận giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phật mới là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp. Khẩu phật không bằng được, ý phật không bằng được.

– Này Gia chủ. Ông nghĩ thế nào ? Ông có nghe các rừng Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga đã trở lại thành rừng như trước ?

– Bạch Thế Tôn con có nghe: Các rừng Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga đã trở lại thành rừng (như trước).

– Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào ? Có thể Ông được nghe vì sao các rừng Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga trở thành rừng như trước ?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe, các rừng Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga trở lại thành rừng (như trước) vì tâm sân hận các vị ân sĩ.

– Gia chủ, Gia chủ ! Sau khi suy nghĩ Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp lời nói sau của Ông, lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông. Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm luận giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, với ví dụ đầu tiên, con đã hoan hỷ, con đã thỏa mãn. Những gì con muốn nghe các vấn đáp sai biệt của Thế Tôn, nên con mới nghĩ đóng vai trò đối lập với Thế Tôn. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện, trình bày, giải thích. Vậy nay con quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– *Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông.*

– *Bạch Thế Tôn, con càng bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông". Bạch Thế Tôn, nếu các ngoại đạo được con làm đệ tử, họ sẽ trương cờ lên và tuyên bố: "Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử chúng tôi". Nhưng Thế Tôn lại nói với con: "Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông". Bạch Thế Tôn, lần thứ hai, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.*

– *Này Gia chủ, đã từ lâu gia đình Ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Nigantha. Hãy cúng dường các món ăn cho những ai đến với Ông !*

– *Bạch Thế Tôn, con lại bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Gia chủ, đã từ lâu gia đình của Ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Nigantha. Hãy cúng dường các món ăn cho những ai đến với các Ông". Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Sa-môn Gotama đã nói: "Chỉ bố thí cho Ta, chớ bố thí cho các người khác. Chỉ bố thí cho các đệ tử Ta, chớ bố thí cho đệ tử những người khác. Chỉ bố thí cho Ta mới có phước lớn, bố thí những người khác không được phước lớn. Chỉ bố thí cho những đệ tử của Ta mới có phước lớn, bố thí cho những đệ tử những người khác không có phước lớn". Nhưng Thế Tôn lại khuyến khích con bố thí cho các vị Nigantha. Bạch Thế Tôn, và chúng con ở đây sẽ biết thời nên làm. Bạch Thế Tôn, lần thứ ba, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.*

Rồi Thế Tôn thuận thứ thuyết pháp cho gia chủ Upali, tức là thuyết về bố thí, thuyết về giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô các dục lạc, những lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết gia chủ Upali tâm đã sẵn sàng, tâm đã nhu thuận, tâm không triền cái, tâm được phấn khởi, tâm được hoan hỷ, Ngài mới thuyết những pháp được chư Phật tán dương đề cao: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như một tấm vải thuần bạch, các chấm đen được gột rửa rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, chính tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên với gia chủ Upali: "Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều bị tiêu diệt". Rồi gia chủ Upali, thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu

trừ, do dự diệt tận, đạt được vô sở úy, không y cứ người khác đối với các pháp bậc Đạo sư. Gia chủ Upali bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều công việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Nay Gia chủ, Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Gia chủ Upali hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi đi về trú xá của mình, sau khi đến bên nói với người giữ cửa như sau:

– Từ nay trở đi, này người gác cửa, ta sẽ đóng cửa đối với các nam Nigantha, các nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu có vị Nigantha nào đến, Ông hãy nói vị ấy như sau: "Tôn giả hãy đứng lại, chớ bước vào ! Từ nay trở đi, Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với nam Nigantha, nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu Tôn giả cần đồ ăn, hãy đứng ở đây. Và có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả"

– Thừa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upali”.

Gia chủ Upali là một người không chỉ là cực kỳ giàu có – mà còn có đầy quyền lực. Gia chủ Upali được ví như *giếng nước mưa nguồn cho các người Nigantha* . Tức, Gia chủ Upali là chỗ dựa chủ yếu và duy nhất cho hệ phái Nigantha.

Cho nên khi Nigantha Nataputta đích thân đến gặp Gia chủ Upali và biết chắc rằng Gia chủ Upali đã chọn con đường tu Phật, Nigantha Nataputta uất ức đến mức: *đã thổ ra huyết nóng*. (Có một số chi tiết khác nữa, xin tham khảo trực tiếp ở tác phẩm kinh)

Như vậy, kinh Ưu Ba Ly trong bộ Kinh Trung Bộ thuật lại chủ trương bày ra một cuộc *luận chiến* giữa thế Tôn và Gia chủ Upali, đại đệ tử của Nigantha Nataputta. Kết cục đã rõ. Tuy nhiên, qua kinh này cho thấy: Tất cả các hệ phái, tôn giáo v.v... thuộc *Hữu vi* đều là nguy biện. Lý lẽ vô cùng sắc sảo của phép nguy biện này lại càng làm dày thêm tấm màn đen đặc của *Vô minh*.

Thật, đáng tiếc vô cùng !

7.

Kinh Hạnh con chó
(Kukkuravatika sutta)
(57)

Không chỉ là các tôn giáo, tín ngưỡng dân gian của loài người là muôn hình vạn trạng.

Tín ngưỡng dân gian này có khi đó là việc thờ cúng một vị có công – trong việc xây dựng và phát triển thôn, làng – có khi đó là một vị hay chữ – có khi đó là một vị thể hiện một đức tính nào đó mà người dân ngưỡng mộ ... Ngoài ra, tín ngưỡng dân gian này còn thờ các linh thú (rắn, cọp, bò ... cả chó như trong kinh này) ; hoặc thờ các linh vật (như bộ phận sinh dục) v.v...

Cho dù đó là tôn giáo hay tín ngưỡng – tất cả đều dựa trên nền tảng – rất giới hạn của hữu hạn. Những giới hạn của hữu hạn này được gọi chung là *Hữu vi*.

Tôn giáo Phật cũng là *Hữu vi* – nếu như dừng lại ở mức độ – cho dù đó là ở mức độ rất cao: chứng và trú thiền thứ tư ; với tuệ tri bằng trí tuệ Ba-La-Mật. Thậm chí, cho dù trải lòng *Từ, Bi, Hỷ, Xả* cùng khắp *Tứ không xứ* (còn gọi là *Tứ vô sắc: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, và Phi phi tướng xứ*) – nếu như dừng lại, không đi đến cứu cánh Niết Bàn – thì, đó cũng chỉ là *Hữu vi* (đã trình bày trong kinh Bát Thành – tập 2 này).

Và, cũng trong kinh Bát Thành, Ngài A-Nan đã giảng giải rất rõ: “*Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt*”.

Một khi là *Hữu vi*, chịu sự chi phối của *Vô thường*, thì điều chứng và trú thiền thứ tư rồi thâm nhập được đến những cảnh giới của *Tứ không xứ* – đều là những gì mong manh. *Vô thường* ập đến, *Tham, Sân, Si* “nhúc nhích” ... Cuối cùng, lại trở về số không.

Trở lại kinh.

Punna Koliyaputta, hành trì hạnh con bò, và *lỏa thể Seniya*, hành trì hạnh con chó đến gặp Thế Tôn. Ngài lần lượt nghe hai vị này giới thiệu với nhau về *luận thuyết* con đường tu tập của mình.

Với *Seniya*, hành trì hạnh con chó, sống *lỏa thể*:

“*Ở đây, này Punna, người nào hành trì hạnh con chó một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì giới con chó một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì tâm con chó một*

cách hoàn toàn viên mãn, hành trì uy nghi con chó một cách hoàn toàn viên mãn, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh thân hữu cùng với các loài chó. Nếu Ông ấy có tà kiến như sau: "Do giới này, hạnh này, khổ hạnh này, hay phạm hạnh này, ta sẽ sanh thành chư Thiên này, hay chư Thiên khác", thời này Punna, đối với kẻ có tà kiến, Ta nói có một trong hai sanh thú như sau: địa ngục hay bàng sanh. Như vậy, này Punna, nếu hạnh con chó được thành tựu, thời được sanh trong loài chó, nếu không được thành tựu, thời được sanh trong địa ngục".

Với Punna Koliyaputta, hành trì hạnh con bò:

"Ở đây, này Seniya, người nào hạnh trì hạnh con bò một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì giới con bò một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì tâm con bò một cách hoàn toàn viên mãn, hành trì uy nghi con bò một cách hoàn toàn viên mãn, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh thân hữu cùng với các loài bò. Nếu Ông ấy có tà kiến như sau: "Do giới này, hạnh này, khổ hạnh này, hay phạm hạnh này, ta sẽ sanh thành chư Thiên này hay chư Thiên khác", thời này Seniya, đối với kẻ có tà kiến, Ta nói có một trong hai sanh thú như sau: địa ngục hay bàng sanh. Như vậy, này Seniya, nếu hạnh con bò được thành tựu, thời được sanh trong loài bò, nếu không được thành tựu, thời được sanh trong địa ngục".

Như vậy, với luận thuyết của cả hai đều có điểm chung là: nếu không tu thành chó hay bò – thì sẽ sanh trong địa ngục.

Sở dĩ, Punna Koliyaputta, hành trì hạnh con bò, và lỏa thể Seniya, hành trì hạnh con chó đến gặp Thế Tôn là vì: (đã nghe nhiều lời đồn đãi tốt đẹp về Thế Tôn) đã có lòng tin tưởng đối với Thế Tôn: “Thế Tôn có thể thuyết pháp cho con để con có thể từ bỏ hạnh con bò này và để lỏa thể Seniya, hành trì hạnh con chó, có thể bỏ hạnh con chó này”.

Và Thế Tôn thuyết pháp như sau:

"Này Punna có bốn loại nghiệp này, Ta đã tự chứng tri, chứng ngộ và tuyên thuyết. Thế nào là bốn? Này Punna, có nghiệp đen đưa đến quả báo đen, này Punna, có nghiệp trắng đưa đến quả báo trắng, này Punna, có nghiệp đen trắng đưa đến quả báo đen trắng, này Punna, có nghiệp không đen trắng đưa đến quả báo không đen trắng, nghiệp đưa đến sự đoạn tận các nghiệp.

Và này Punna, thế nào là nghiệp đen đưa đến quả báo đen ?

Ở đây, này Punna có người tạo ra thân hành có tổn hại, tạo ra khẩu hành có tổn hại, tạo ra ý hành có tổn hại. Sau khi tạo ra thân hành có tổn hại, khẩu hành có tổn hại, ý hành có tổn hại, vị này được sanh vào thế giới có tổn hại.

Vì phải sanh vào thế giới có tổn hại, vị này cảm xúc những cảm xúc có tổn hại.
Do cảm xúc những cảm xúc có tổn hại, vị này cảm thọ những cảm thọ có tổn hại,
thuần nhất khổ thọ, như các chúng sanh trong địa ngục.

Như vậy, này Punna, là sự sanh khởi của một chúng sanh tùy thuộc ở chúng sanh,
chúng sanh ấy sanh khởi tùy thuộc hành động của mình, và khi chúng sanh ấy đã
sanh, thời các cảm xúc kích thích mình.

Do vậy, này Punna, Ta nói: "Các chúng sanh là thừa tự hạnh nghiệp (của mình)".
Như vậy, này Punna, được gọi là nghiệp đen đưa đến quả báo đen.

Và này Punna, thế nào là nghiệp trắng đưa đến quả báo trắng ?

Ở đây, này Punna, có người làm thân hành không không có tổn hại, làm khẩu hành
không không có tổn hại, làm ý hành không không có tổn hại.

Sau khi làm thân hành không không có tổn hại, khẩu hành không không có tổn hại,
ý hành không không có tổn hại, vị này được sanh vào thế giới không không có tổn
hại.

Vì phải sanh vào thế giới không không có tổn hại, vị này cảm xúc những cảm xúc
không không có tổn hại. Do cảm xúc những cảm xúc không không có tổn hại, vị
này cảm thọ những cảm thọ không không có tổn hại, thuần nhất lạc thọ, như chư
Thiên Subhakinha (Biến Tịnh thiên).

Như vậy này Punna là sự sanh khởi của một chúng sanh tùy thuộc ở chúng sanh,
chúng sanh ấy sanh khởi tùy thuộc hành động của mình; và khi chúng sanh ấy đã
sanh, thời các cảm xúc kích thích chúng sanh ấy.

Do vậy, này Punna, Ta nói: "Các chúng sanh là thừa tự hạnh nghiệp (của mình)".
Như vậy, này Punna, được gọi là nghiệp trắng đưa đến quả báo trắng.

Xin chú ý là: cách dùng không không ở trên, đơn giản chỉ là cách nhấn mạnh,
không phải với ý nghĩa: không của không tức là có.

Và này Punna, thế nào là nghiệp đen trắng đưa đến quả báo đen trắng ?

Ở đây, này Punna, có người làm các thân hành có tổn hại và không tổn hại, các
khẩu hành có tổn hại và không tổn hại, các ý hành có tổn hại và không tổn hại. Sau
khi làm các thân hành có tổn hại và không tổn hại, khẩu hành có tổn hại và không
tổn hại, ý hành có tổn hại và không tổn hại, vị này được sanh vào thế giới có tổn
hại và không tổn hại.

Vì phải sanh vào thế giới có tổn hại và không tổn hại, vị này cảm xúc những cảm
xúc có tổn hại và không tổn hại.

Do cảm xúc những cảm xúc có tổn hại và không tổn hại, vị này cảm thọ những cảm
thọ có tổn hại và không tổn hại, có lạc thọ khổ thọ xen lẫn, như một số loài Người,
một số chư Thiên và một số chúng sanh trong đọa xứ.

Như vậy, này Punna là sự sanh khởi của một chúng sanh tùy thuộc ở chúng sanh, chúng sanh ấy sanh khởi tùy thuộc hành động của mình; và khi chúng sanh ấy đã sanh, thời các cảm xúc kích thích chúng sanh ấy.

*Do vậy, này Punna, Ta nói: "Các chúng sanh là thừa tự hạnh nghiệp (của mình)".
Như vậy này Punna, được gọi là nghiệp đen trắng đưa đến quả báo đen trắng.*

Và này Punna, thế nào là nghiệp không đen trắng, đưa đến quả báo không đen trắng, nghiệp đưa đến sự đoạn tận các nghiệp ?

Ở đây, này Punna chỗ nào có ý chí (Cetana: Tư tâm sở) đoạn trừ nghiệp đen đưa đến quả báo đen, chỗ nào có ý chí đoạn trừ nghiệp trắng đưa đến quả báo trắng, chỗ nào có ý chí đoạn trừ nghiệp đen trắng đưa đến quả báo đen trắng.

Ở đây, này Punna, chỗ nào có ý chí như vậy, này Punna, được gọi là nghiệp không đen trắng đưa đến quả báo không đen trắng, nghiệp đưa đến sự đoạn tận các nghiệp.

Này Punna, bốn loại nghiệp này, Ta đã tự chứng tri, chứng ngộ và tuyên thuyết”.

Sau khi nghe Thế Tôn giảng giải, cả hai, Punna Koliyaputta, hành trì hạnh con bò và lã thể Seniya, hành trì hạnh con chó đều xin tu theo Phật (cho dù phải trải qua thử thách là sống bốn tháng biệt trú).

“Và lã thể Seniya, hành trì hạnh con chó, được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Seniya sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Và không bao lâu vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình chứng tri, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa". Và Tôn giả Seniya trở thành một vị A-la-hán nữa”.

Như vậy, kinh Hạnh con chó trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến một trong những triết lý quan trọng của nhà Phật, đó là: *Nghiệp và quả báo của nghiệp.*

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, sau khi chứng đạt Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài thấu rõ:

“Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, (Ngài) hướng tâm đến sanh tử trí của chúng sanh. Với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và

chết của chúng sanh. (Ngài) tuệ tri rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ”.

Tất cả sự hèn kém, đói khổ, bệnh tật, chết yểu ... hay sự sang, giàu, quyền uy, khỏe mạnh, sống lâu ... của con người – đều do mỗi người tự tạo ra bằng những suy nghĩ, lời nói, hành động, nghề nghiệp ... của chính mình.

Không một quyền năng nào có thể ban phát sự sang, giàu, quyền uy, khỏe mạnh, sống lâu ... hoặc trừng phạt con người bằng sự hèn kém, đói khổ, bệnh tật, chết yểu ...

Đây là chân lý – cho dù “*có Phật hay không có Phật*”.

8.
KINH VƯƠNG TỬ ABHAYA (VÔ ÚY)
(Abhayarajakumarasuttam)
(58)

Như đã đề cập trong kinh Ưu Ba Ly, Nigantha Nataputta, Giáo chủ hệ phái tu khổ hạnh Nigantha, đã cử đại đệ tử của mình là Gia chủ Upali, đến gặp Thế Tôn để bày ra cuộc *luận chiến* mà sự thất bại đã khiến Nigantha Nataputta phải *thổ ra huyết nóng*.

Lần này, Nigantha Nataputta kích động Vương tử Abhaya (Vô Úy), tiếp tục đến gặp Thế Tôn để bày ra cuộc *luận chiến* khác.

Rút kinh nghiệm lần trước, Nigantha Nataputta đã chuẩn bị nội dung, dự kiến trước mọi tình huống khiến Thế Tôn sẽ bị tựa như là móc vào “câu hai lưỡi”.

Nigantha Nataputta nói với Vương tử Abhaya như sau:

“Này Vương tử, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy nói với Sa-môn Gotama như sau: “Bạch Thế Tôn, Như Lai có thể nói lời nói, do lời nói ấy những người khác không ưa, không thích chăng ?” Nếu Sa-môn Gotama được Vương tử hỏi như vậy và trả lời như sau: “Này Vương tử, Như Lai có thể nói lời nói, do lời nói ấy những người khác không ưa, không thích”, thời Vương tử hãy nói với Sa-môn Gotama: “Bạch Thế Tôn, nếu xử sự như vậy thời có gì sai khác giữa kẻ phàm phu và Ngài ? Kẻ phàm phu có thể nói lời nói, do lời nói ấy những người khác không ưa không thích”.

Còn nếu Sa-môn Gotama được Vương tử hỏi như vậy và trả lời như sau: “Này Vương tử, Như Lai không có thể nói lời nói, do lời nói ấy những người khác không ưa, không thích”, thời Vương tử hãy nói với Sa-môn Gotama: “Bạch Thế Tôn, nếu xử sự như vậy, thời vì sao Devadatta được Ngài trả lời như sau: “Devadatta phải đọa vào đọa xứ, Devadatta phải đọa vào địa ngục, Devadatta phải đọa trong một kiếp Devadatta không thể nào cứu chữa được?” Và do Ngài nói những lời như vậy, Devadatta phẫn nộ, không hoan hỷ”.

Này Vương tử, Sa-môn Gotama khi bị Vương tử hỏi câu hỏi hai móc như vậy, sẽ không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào. Ví như một móc sắt bị móc vào cổ họng một người nào, người ấy không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào được. Cũng vậy, này Vương tử, Sa-môn Gotama khi bị Vương tử hỏi câu hỏi hai móc như vậy, sẽ không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào”.

– Thừa vâng, Tôn giả. Vương tử Abhaya trả lời”.

Sẽ chỉ có hai tình huống xảy ra, nếu Thế Tôn trả lời rơi vào tình huống thứ nhất, Thế Tôn bị xem tựa như hạng phạm phu ; nếu Thế Tôn trả lời rơi vào tình huống thứ hai, thì Thế Tôn không nhất quán – bởi trước đó Ngài đã từng nói những lời khiến *Devadatta phẫn nộ, không hoan hỷ*.

Thế nhưng, cuộc gặp giữa Thế Tôn và Vương tử Abhaya đã có những biến chuyển ngoài dự kiến của Nigantha Nataputta.

“Vương tử Abhaya vâng đáp Nigantha Nataputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Nigantha Nataputta, thân bên hữu hướng về ông rồi đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, liền đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Vương tử Abhaya đang ngồi một bên, nhìn mặt trời rồi suy nghĩ: "Hôm nay, không phải thời để luận chiến với Sa-môn Gotama. Ngày mai, ta sẽ luận chiến với Sa-môn Gotama tại nhà của ta," liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ngày mai mong Thế Tôn nhận lời dùng cơm, với Ngài là người thứ tư.

Thế Tôn im lặng nhận lời”.

Vương tử Abhaya do dự, lưỡng lự – là dấu hiệu báo trước sự việc sẽ không như Nigantha Nataputta nghĩ.

“Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, cầm theo y bát, đi đến chỗ của Vương tử Abhaya, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Vương tử Abhaya tự tay mời mọc, làm cho Thế Tôn thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Vương tử Abhaya chờ cho Thế Tôn sau khi đã dùng xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, Vương tử Abhaya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Như Lai có thể nói những lời, do những lời ấy người khác không ưa, không thích chăng ?

– Này Vương tử, phải chăng ở đây, (câu hỏi) có dụng ý một chiều ?”

Bỗng dung, Vương tử Abhaya không trả lời vào câu hỏi của Thế Tôn mà buột miệng:

– Bạch Thế Tôn, các vị Nigantha đã bị bại ở đây rồi.

Nêu với ngôn ngữ hiện đại, sẽ diễn tả câu trả lời của Vương tử Abhaya như sau:

– Bạch Thế Tôn, dạ ... dạ ...

Rồi bắt chọt, Vương tử Abhaya lẩm bẫm, như nói với chính bản thân mình:

– Các vị Nigantha đã bị bại ở đây rồi.

Thế rồi, Vương tử Abhaya khai tuột ra hết một lèo:

"Bạch Thế Tôn, Nigantha Nataputta nói với con: "Này Vương tử, Vương tử hãy đi đến luận chiến với Sa-môn Gotama, và nhờ vậy tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi cho Vương tử: "Sa-môn Gotama có thần lực như vậy, có uy lực như vậy, đã bị Vương tử Abhaya luận chiến".

Bạch Thế Tôn, khi đó, con thưa với Nigantha Nataputta: "Thưa Tôn giả, nhưng làm thế nào, tôi có thể luận chiến với Sa-môn Gotama, một vị có thần lực như vậy, có uy lực như vậy?"

– "Này Vương tử, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy nói với Sa-môn Gotama như sau: "Bạch Thế Tôn, Như Lai có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa, không thích chăng?" Nếu Sa-môn Gotama được Vương tử hỏi như vậy và trả lời như sau: "Này Vương tử, Như Lai có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa không thích", thời Vương tử hãy nói với Sa-môn Gotama: "Bạch Thế Tôn, nếu xử sự như vậy, thời có gì sai khác giữa kẻ phạm phu với Ngài? Kẻ phạm phu có thể nói lời nói, do lời nói ấy, những người khác không ưa, không thích".

Còn nếu Sa-môn Gotama được Vương tử hỏi như vậy và trả lời như sau: "Này Vương tử, Như Lai không có thể nói lời nói, do lời nói ấy những người khác không ưa, không thích", thời Vương tử hãy nói với Sa-môn Gotama: "Bạch Thế Tôn, nếu còn xử sự như vậy, thời vì sao Devadatta được Ngài trả lời như sau: Devadatta phải đọa vào đọa xứ, Devadatta phải đọa vào địa ngục, Devadatta phải đọa trong một kiếp, Devadatta không thể nào cứu chữa được. ? Và vì Ngài nói những lời như vậy, Devadatta phẫn nộ, không hoan hỷ".

Này Vương tử, Sa-môn Gotama, khi bị Vương tử hỏi câu hỏi hai móc như vậy, sẽ không thể nhả ra, cũng không thể nuốt vào. Cũng vậy, này Vương tử, Sa-môn Gotama, khi bị Vương tử hỏi câu hỏi hai móc như vậy, sẽ không có thể nhả ra, cũng không có thể nuốt vào".

Lúc bấy giờ, có đứa con nít ngây thơ nằm giữa trên đầu gối của Vương tử Abhaya. Rồi Thế Tôn nói với Vương tử Abhaya:

– Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Nếu đứa con nít này, do sự vô ý của Vương tử, hay do sự vô ý của người vú hầu, thọc một cây gậy hay nuốt một hòn đá vào trong miệng, vậy Vương tử phải làm gì?

– Bạch Thế Tôn, con phải móc cho ra. Bạch Thế Tôn, nếu con không thể móc ra lập tức, thời với tay trái con nắm đầu nó lại, với tay mặt lấy ngón tay làm như cái móc, con sẽ móc cho vật ấy ra, dầu có phải chảy máu. Vì sao vậy ? Bạch Thế Tôn, vì con có lòng thương tưởng đấng trẻ.

“Cũng vậy, này Vương tử,

Lời nói nào Như Lai biết không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thời Như Lai không nói lời nói ấy”.

Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thời Như Lai không nói lời nói ấy.

Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai ở đây biết thời giải thích lời nói ấy.

Lời nói nào Như Lai biết là không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa thích, Như Lai không nói lời nói ấy.

Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, Như Lai không nói lời nói ấy.

Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, ở đây, Như Lai biết thời giải thích lời nói ấy.

Vì sao vậy ? Này Vương tử, Như Lai có lòng thương tưởng đối với các loài hữu tình.

– Bạch Thế Tôn, những Sát-đế-ly có trí, những Bà-la-môn có trí, những Gia chủ có trí, những Sa-môn có trí này, sau khi soạn sẵn câu hỏi, đến Như Lai và hỏi: "Bạch Thế Tôn, không hiểu Thế Tôn có suy nghĩ trước trong trí như sau: "Nếu có những ai đến Ta và hỏi như vậy, được hỏi như vậy, Ta sẽ trả lời như vậy", hay Như Lai trả lời ngay (tại chỗ) ?"

– *Này Vương tử, nay ở đây Ta sẽ hỏi Vương tử, nếu Vương tử hoan hỷ, hãy trả lời câu hỏi ấy. Này Vương tử, Vương tử nghĩ như thế nào ? Vương tử có giỏi về các bộ phận sai biệt một cái xe không ?*

– *Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con có giỏi về các bộ phận sai biệt một cái xe.*

– *Thưa Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào ? Nếu có những người đến Vương tử và hỏi như sau: "Bộ phận này của cái xe tên gọi là gì ?", không hiểu Vương Tử có suy nghĩ trước trong trí như sau: "Nếu có những ai đến ta, và hỏi ta như vậy, ta sẽ trả lời cho họ như vậy", hay là Vương tử trả lời ngay (tại chỗ) ?*

– *Bạch Thế Tôn, vì con là người đánh xe nổi tiếng, rất giỏi về các bộ phận sai biệt trong một cái xe nên con sẽ trả lời ngay (tại chỗ).*

– *Cũng vậy, này Vương tử, những Sát-đế-ly có trí, những Bà-la-môn có trí, những Gia chủ có trí, những Sa-môn có trí này, sau khi soạn sẵn câu hỏi, đến Như Lai và hỏi, như Như Lai sẽ trả lời ngay (tại chỗ). Vì sao vậy ? Thưa Vương tử, pháp giới (Dhammadhatu) đã được Như Lai khéo biết. Và vì Như Lai khéo biết pháp giới nên Như Lai trả lời ngay (tại chỗ).*

Khi được nói vậy, Vương tử Abhaya bạch Thế Tôn:

– *Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày.*

Nay con quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhân con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chúng, con trọn đời quy ngưỡng”.

Như vậy, kinh Ưu Ba Ly trong bộ Kinh Trung Bộ thuật lại sự việc Nigantha Nataputta, Giáo chủ hệ phái tu khổ hạnh Nigantha, một lần nữa, đã kích động Vương tử Abhaya bày ra cuộc *luận chiến* với Thế Tôn. Và, một lần nữa, Nigantha Nataputta lại thất bại, lại mất đi một người thuộc đế vương vốn rất ngưỡng mộ Nigantha Nataputta.

Trong kinh này, Thế Tôn đã giảng giải – có đến sáu trường hợp Như Lai sẽ trả lời hoặc không trả lời – trước những vấn đề đặt ra với một người.

Trong sáu trường hợp này, chỉ có hai trường hợp Như Lai Trả lời, đó là:

Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai ở đây biết thời giải thích lời nói ấy.

Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, ở đây, Như Lai biết thời giải thích lời nói ấy.

Như vậy, điều để Như Lai chọn lựa, đó phải là: *như thật, như chân* và, phải *tương ứng với mục đích*. Khi đã đủ yếu tố hai yếu tố này, Như Lai sẽ nói – cho dù người đó *ưa, thích hoặc không ưa, không thích*. Vì sao ?

(Vì) *Như Lai có lòng thương tưởng đối với các loài hữu tình.*

9.
KINH NHIỀU CẢM THỌ
(Bahavedaniyasuttam)
(59)

Trong kinh này Thế Tôn giảng về cảm thọ Lạc. Mở đầu kinh là chuyện người thợ mộc Pancakanga (Ngũ Phần) và Tôn giả Udayi (Ưu đà di), tranh cãi: *Thế Tôn thuyết có bao nhiêu thọ ?*

Tôn giả Udayi cho rằng: *Thế Tôn thuyết có ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.*

Người thợ mộc Pancakanga cho rằng: *Thế Tôn chỉ thuyết hai thọ: lạc thọ, khổ thọ. Thừa Tôn giả, bất khổ bất lạc thọ này, Thế Tôn thuyết là tối thắng lạc đối với vị đã chứng được tịch tịnh.*

Cả hai, không ai chịu nghe ai.

Tôn giả Ananda nghe được cuộc đàm thoại này, lẳng lẳng đi đến Thế Tôn, thuật lại câu chuyện giữa người thợ mộc Pancakanga và Tôn giả Udayi .

Sau khi nghe chuyện, Thế Tôn nói với Ngài Ananda:

“Này Ananda, dầu cho pháp môn của Udayi là đúng, nhưng thợ mộc Pancakanga không chấp nhận. Dầu cho pháp môn của người thợ mộc Pancakanga là đúng, nhưng Udayi không chấp nhận”.

“Này Ananda, hai thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn; ba thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn; năm thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn; sáu thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn; mười tám thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn; ba mươi sáu thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn; một trăm lẻ tám thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn.

Như vậy, này Ananda, pháp được Ta thuyết giảng tùy theo pháp môn.

Này Ananda, vì pháp được Ta thuyết giảng tùy theo pháp môn như vậy, nên đối với những ai không chấp nhận, không tán đồng, không tùy hỷ những điều được khéo nói, khéo thuyết, khéo trình bày cùng nhau, thời sự kiện này sẽ xảy ra: họ sẽ sống đấu tranh, khẩu tranh, luận tranh, đả thương nhau với những binh khí miệng lưỡi.

Như vậy, này Ananda pháp được Ta thuyết giảng tùy theo pháp môn. Này Ananda, vì pháp được Ta thuyết giảng tùy theo pháp môn như vậy, nên đối với những ai chấp nhận, tán đồng, tùy hỷ những điều được khéo nói, khéo thuyết, khéo trình bày cùng nhau, thời sự kiện này sẽ xảy ra: họ sẽ sống hòa hợp, tán đồng, tùy hỷ với nhau, như nước với sữa, và nhìn nhau với cặp mắt tương ái”.

Và rồi Thế Tôn giảng về những cảm thọ (lạc, hỷ thọ).

“Này Ananda, có năm dục trường dưỡng này. Thế nào là năm ?

Các sắc do nhãn căn nhận thức ;

Các tiếng do tai nhận thức ;

Các hương do mũi nhận thức ;

Các vị do lưỡi nhận thức ;

Các xúc do thân cảm xúc ;

(Những nhận thức này là) khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn.

Này Ananda, như vậy là năm dục trường dưỡng.

Này Ananda, duyên năm dục trường dưỡng này khởi lên lạc và hỷ, như vậy gọi là dục lạc”.

“Này Ananda, ai nói như sau:

"Lạc và hỷ này là tối thượng mà các chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy.

Vì sao vậy ? Vì có một lạc khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn. Và này Ananda, lạc ấy khác với lạc kia vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì ? Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ”.

Xin nhắc lại: Với lạc và hỷ do ngũ căn tiếp xúc với ngũ trần mang lại (cảm thọ). Người tu hành phải xả bỏ ngay những lạc, hỷ (dục lạc) này. Những lạc, hỷ do ly dục, ly bất thiện pháp mang lại thì không sợ (sẽ xả bỏ sau này).

“Này Ananda, ai nói như sau:

"Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy.

Vì sao vậy ? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm”.

Này Ananda, ai nói như sau:

"Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy.

Vì sao vậy ? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiên thứ ba".

Này Ananda, ai nói như sau:

"Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy.

Vì sao vậy ? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo, xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú Thiên thứ tư không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh".

Này Ananda, ai nói như sau:

"Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy.

Vì sao vậy ? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện sắc tướng, diệt trừ hữu đối tượng, không tư niệm sai biệt tướng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Hư không vô biên xứ.

Này Ananda, ai nói như sau:

"Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy.

Vì sao vậy ? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên," chứng và trú Thức vô biên xứ.

Này Ananda, ai nói như sau:

"Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy.

Vì sao vậy ? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện Thức vô biên xứ, nghĩ rằng không có vật gì, chứng và trú Vô sở hữu xứ.

Này Ananda, ai nói như sau:

"Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy.

*Vì sao vậy ? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vì diệu hơn và thù thắng hơn.
Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Này Ananda, lạc này khác với lạc kia, vì diệu hơn và thù thắng hơn.*

Này Ananda, ai nói như sau:

"Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy.

*Vì sao vậy ? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vì diệu hơn và thù thắng hơn.
Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú Diệt thọ tướng định.*

Sự kiện này xảy ra, này Ananda, những du sĩ ngoại đạo có thể nói như sau:

"Sa-môn Gotama nói đến Diệt thọ tướng định, và chủ trương định ấy thuộc về lạc thọ. Như vậy là gì, như vậy là thế nào ?

*Này Ananda, được nói vậy, các du sĩ ngoại đạo cần phải được trả lời như sau:
"Này chư Hiền, Thế Tôn không chủ trương rằng chỉ có những gì tùy thuộc lạc thọ là thuộc về lạc; vì rằng, chư Hiền, Thế Tôn chủ trương rằng chỗ nào, chỗ nào có được lạc thọ, như vậy chỗ ấy, chỗ ấy thuộc về lạc".*

"Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy".

Như vậy, kinh Nhiều Cảm Thọ trong bộ Kinh Trung Bộ, Thế Tôn đã giảng rất đầy đủ, rất sâu về những cảm giác lạc thú và sung sướng.

Những cảm giác lạc thú và sung sướng do ngũ căn tiếp xúc với ngũ trần mang lại, với người đời, đó là điều mơ ước, là điều tuyệt vời – song, với người tu hành đó là nỗi sợ – phải nương vào các pháp môn Phật như quán chiếu *Thân trên thân ; Tâm trên tâm ...* (trong *Niệm xứ*) để xả bỏ những *dục lạc* ấy. Những lạc thú và sung sướng ấy sẽ nhanh chóng phai tàn. Một khi những lạc thú và sung sướng ấy không còn, thì, ngay lập tức sự khổ ập đến.

Những nhà tu hành tìm sự *hỷ, lạc* chẳng bao giờ mất để mà khổ, đó là: *hỷ, lạc* do *ly bất thiện pháp, ly dục, ly tham, ly sân* mang lại – cho đến khi xả bỏ *hỷ, lạc* (đạt và trú *thiền thứ tư*) để đạt được một *cảm thọ thù thắng hơn*.

Ngoài ra, kinh này, Thế Tôn cũng đã dạy một bài học khác: đừng có tranh cãi, đừng có *luận tranh, đả thương nhau với những binh khí miệng lưỡi* – khi cái nhìn chưa được toàn diện, khi cái nhìn chỉ là mang tính cục bộ.

Sự gân guốc cãi nhau này chỉ làm tổn hại công đức của mình – chớ hề mang lại chút lợi ích gì.

Tại sao con người lại hay thích cãi nhau đến vậy ? Vì cái *Ngã* còn quá nặng nề.

10.
KINH KHÔNG GÌ CHUYỂN HƯỚNG
(Apannakasuttam)
(60)

Không gì chuyển hướng: Không điều gì có thể lay chuyển được “lập trường, tư tưởng” đã chọn.

Cho nên, xin nói ngay rằng: đó là mù quáng – mù quáng một cách không có gì mù quáng hơn. Vì sao ? Đức Phật cho rằng: một người thật sự có trí tuệ thì bắt buộc phải có những giả định. Đó là:

Giả định “lập trường tư tưởng ấy là đúng”, và:

Giả định “lập trường tư tưởng” ấy là sai, và:

Đúng thì sao, sai thì sao ?

Cho nên, việc khẳng định một lập trường tư tưởng theo một chủ thuyết nào đó – và tư tưởng, lập trường “kiên định” ấy – được cho rằng trăm phần trăm là đúng – thì, đó chỉ là sự đoan chắc chủ quan, một chiều. Một khi chỉ là một chiều – thì đó chưa phải là một người có trí – đó chỉ là một loại tín đồ mù quáng – một cách không có gì mù quáng hơn nữa được. Thế Tôn đã giảng giải như sau:

“Thế nào là pháp "không gì chuyển hướng" ?

Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những lập thuyết như sau, có những quan điểm như sau:

"Không có (kết quả của) bố thí, không có (kết quả của) lễ hy sinh, không có (kết quả của) tế tự (cúng, lễ chùa), không có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh (sự chuyển hóa tâm linh, chẳng hạn: từ người thành súc sinh và ngược lại), trên đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chọn chánh hành trì, chọn chánh thực hành, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã tự chứng ngộ với thắng trí".

Nhưng này các Gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói đối nghịch với các vị Sa-môn, Bà-la-môn kia, những vị này nói như sau:

"Có (kết quả của) bố thí, có (kết quả của) lễ hy sinh, có (kết quả của) tế tự, có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có

các loại hóa sanh, trên đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thực hành, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã chứng ngộ với thắng trí".

Này các Gia chủ, các Ông nghĩ thế nào, có phải những vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy nói những lời đối nghịch với nhau ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không có (kết quả của) bố thí, không có (kết quả của) lễ hy sinh, không có (kết quả của) tế tự, không có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trên đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã chứng ngộ với thắng trí".

Đối với những vị này sự kiện này sẽ chờ đợi xảy ra:

Sau khi từ bỏ ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, và sau khi chấp nhận ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, các vị này thực hành theo.

Vì sao vậy ? Vì những vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Vì rằng có đời sau, nếu có quan điểm nào nói rằng không có đời sau, thời đó là một tà kiến.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai suy tư rằng không có đời sau, thời đó là tà tư duy.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng không có đời sau, thời đó là tà ngữ.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng không có đời sau, thời tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có đời sau.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai thuyết phục người khác là không có đời sau, thời sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, người ấy khen mình chê người.

Như vậy, trước khi thiện giới của người ấy bị từ bỏ, các ác giới đã được chấp trì.

Và tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, sự đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình chê người, như vậy các ác bất thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên tà kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau:

Nếu không có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung, tự ngã cảm thấy an toàn.

Nếu có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nếu muốn đời sau không có đi nữa (cho dù, muốn là một lẽ, song), nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này, ngay trong hiện tại bị những người có trí quả trách: "Người này theo ác giới, có tà kiến, chủ trương hư vô luận".

Còn nếu có đời sau, thời vị này cả hai mặt đều gặp bất hạnh: ngay trong hiện tại, bị những người có trí quả trách; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy pháp "không gì chuyển hướng" này bị chấp trì, bị thực hành sai lạc, bởi vị này chỉ có chấp nhận một phía, và bỏ phía thiện pháp.

Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau:

"Có (kết quả của) bố thí, có (kết quả của) lễ hy sinh, có (kết quả của) tế tự, có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trên đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã chứng ngộ với thắng trí".

Đối với những vị này, sự kiện này sẽ chờ xảy ra:

Sau khi từ bỏ ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, và sau khi chấp nhận ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy ?

Vì những vị Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Vì rằng có đời sau, nếu có quan điểm nào nói rằng có đời sau, thời đó là một chánh kiến.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai suy tư rằng có đời sau, thời đó là chánh tư duy.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng có đời sau thời đó là chánh ngữ.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng có đời sau, thời không tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có đời sau.

Vì rằng có đời sau, nếu có ai thuyết phục người khác là có đời sau, thời sự thuyết phục ấy thuận với điều pháp, và vì sự thuyết phục ấy thuận với điều pháp, vì ấy không khen mình chê người.

Như vậy, trước khi ác giới của vị ấy được từ bỏ, các thiện giới đã được chấp trì. Và chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, sự không đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục thuận với điều pháp, sự không khen mình chê người, như vậy những thiện pháp sai biệt này khởi lên, do duyên chánh kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau:

Nếu có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Nếu muốn cho đời sau không có đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại được những người có trí tán thán:

"Người này theo thiện giới, có chánh kiến, chủ trương hữu luận".

Còn nếu có đời sau, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự may mắn: ngay trong hiện tại, được những người trí tán thán; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Như vậy, "pháp không gì chuyển hướng" này được chấp trì, được thực hành đúng đắn bởi vị này chấp nhận cả hai phía, bỏ qua hai phía bất thiện pháp".

Việc giảng giải của Thế Tôn ở trên không mang tính áp đặt, khẳng định hay hù dọa.

Tinh thần giảng dạy của Thế Tôn là: Nếu "tư tưởng lập trường kiên định" ấy đúng thì sẽ như thế nào. Nếu "tư tưởng lập trường kiên định" ấy sai thì sẽ như thế nào. Chỗ này, "vì thương tưởng loài hữu tình (loài người)" nên Thế Tôn đã chỉ rõ rất cặn kẽ: hãy là người thật sự có trí. Một khi là người thật sự có trí thì – sẽ biết chọn cho mình phương án tối ưu – để bất kỳ trường hợp nào xảy ra – cũng không thiệt vào thân.

Một khi, mình đã là người thật sự có trí – thì hãy giúp cho những người khác cũng thật sự có trí. Làm được việc này, phước báo là không sao kể xiết. Quyền lực hiện có – sẽ tiếp tục tồn tại ở những đời sau – giàu sang hiện tại – sẽ tiếp tục tồn tại ở những đời sau ...

Thế Tôn tiếp tục giảng giải thêm với những người gây tội ác – mà chẳng chút góm tay:

"Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết,

đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây ra sợ hãi, hay khiến người gây ra sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì.

Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chông thịt, cũng không vì vậy có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác.

Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác.

Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ (cúng bái), khiến người tế lễ, cũng không vì vậy có phước báo, có tạo thành sự tiếp tục của phước báo" (Có nghĩa: cho rằng việc bố thí, tế lễ ... của người nào đó chỉ là vô ích ...)

Trên đây là thái độ của một người “không tin”(gọi là trường hợp A). Và dưới đây là người ngược lại (gọi là trường hợp B):

“Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói những lời đối nghịch với các Sa-môn, Bà-la-môn kia. Các vị này nói như sau: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi, hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy của tội ác.

Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chông thịt, thì do nhân duyên này có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác.

Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu khiến người đốt nấu, thì do nhân duyên này có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác.

Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng, bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, thì do nhân duyên này, có phước báo, có tạo thành sự tiếp tục của phước báo. Bố thí, điều phục, tự chế, nói thật, đều có phước báo, có tạo thành sự tiếp tục của phước báo".

Hệ quả với người “không tin” (trường hợp A) thì:

“Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba thiện pháp thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, và sau khi chấp nhận ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, các vị này thực hành theo.

Vì sao vậy ? Những Sa-môn, Bà-la-môn này không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Vì rằng có tác dụng, nếu có quan điểm nào nói rằng không có tác dụng, thời đó là một tà kiến.

Vì rằng có tác dụng, nếu ai có suy tư rằng không có tác dụng, thời đó là tà tư duy.

Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng không có tác dụng, thời đó là tà ngữ.

Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng không có tác dụng, thời tự mẫu thuận đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có tác dụng.

Vì rằng có tác dụng, nếu có ai thuyết phục người khác là không có tác dụng, thời sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, người ấy khen mình chê người.

Như vậy, trước khi thiện giới của người ấy bị từ bỏ, các ác giới đã được chấp trì.

Và tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, sự đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình chê người, như vậy những ác bất thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên tà kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, người có trí suy nghĩ như sau:

Nếu không có tác dụng, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, tự ngã cảm thấy an toàn. Nếu có tác dụng, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nếu muốn không có tác dụng đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này, ngay trong hiện tại, bị những người có trí quả trách: "Người này theo ác giới, có tà kiến, chủ trương không tác dụng".

Còn nếu có tác dụng, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự bất hạnh: ngay trong hiện tại, bị những người có trí quả trách; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Như vậy pháp "không gì chuyển hướng" này bị chấp trì, bị thực hành sai lạc, bởi vị này chỉ có chấp nhận một phía, và bỏ qua phía thiện pháp”.

Hệ quả với những người “tin” (trường hợp B) thì:

“Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, và sau khi chấp nhận ba thiện pháp

này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, các vị này thật hành theo. Vì sao vậy ?

Vì những Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Vì rằng có tác dụng, nếu có quan điểm nào nói rằng có tác dụng, thời đó là chánh kiến.

Vì rằng có tác dụng, nếu có ai suy tư rằng có tác dụng, thời đó là chánh tư duy.

Vì rằng có tác dụng,, nếu có ai nói rằng có tác dụng, thời đó là chánh ngữ, vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng có tác dụng thời không tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có tác dụng.

Vì rằng có tác dụng, nếu có ai thuyết phục người khác là có tác dụng, thời sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, vị ấy không khen mình chê người. Như vậy trước khi ác giới của vị ấy được từ bỏ, các thiện giới đã được chấp trì.

Và chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, sự không đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục thuận với diệu pháp, sự không khen mình chê người, như vậy những thiện pháp sai biệt này khởi lên, do duyên chánh kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau: Nếu có tác dụng, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Nếu muốn tác dụng không có đi nữa, nếu lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại được những người có trí tán thán: "Người này theo thiện giới, có chánh kiến, chủ trương có tác dụng".

Còn nếu có tác dụng, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự may mắn: ngay trong hiện tại, được những người trí tán thán; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy, pháp "không gì chuyển hướng" này được chấp trì, được thực hành đúng đắn, bởi vị này chấp nhận cả hai phía, và bỏ qua phía bất thiện pháp".

Với thuyết Định Mệnh thế tôn giảng giải như sau:

"Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh, vô nhân vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả loài chúng sanh, tất cả loài hữu tình, tất cả sanh loại, tất cả sanh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn.

Các chúng sanh ấy bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi sự tình cờ, bởi bản tánh của họ.

Các chúng sanh ấy hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu loại thác sanh của họ".

Này các Gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói lời mâu thuẫn đối nghịch với những Sa-môn, Bà-la-môn ấy.

Những vị này đã nói như sau:

"Có nhân có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô ; không phải không có nhân, không phải không có duyên các loài hữu tình bị nhiễm ô.

Có nhân, có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh.

không phải Không có nhân, không phải không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh.

Có lực, có tinh tấn, có nhân lực, có sự cố gắng của người.

Tất cả loài chúng sanh, tất cả loài hữu tình, tất cả sanh loại, tất cả sanh mạng đều không phải không tự tại, không phải không có lực, không phải không có tinh tấn.

(Không phải) các chúng sanh ấy bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh bởi sự tình cờ, bởi bản tánh của họ.

(Không phải) họ hưởng thọ khổ lạc y theo sáu loại thác sanh của họ".

Hệ quả của người *tin* vào thuyết Định Mệnh giống như là Hệ quả với người "*không tin*" (trường hợp A) ;

Hệ quả của người *không tin* vào thuyết Định Mệnh giống như là Hệ quả với người "*tin*" (trường hợp B) .

Tiếp tục, Thế Tôn giảng giải tin hay không tin về cứu cánh giải thoát Niết Bàn :

"Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có luận thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một vô sắc toàn diện". Lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói lời mâu thuẫn, đối nghịch với các Sa-môn, Bà-la-môn ấy. Các vị này đã nói như sau: "Có thể có một vô sắc toàn diện".

Này các Gia chủ, các Ông nghĩ thế nào ? Có phải những vị Sa-môn, Bà-la-môn này nói những lời mâu thuẫn, đối nghịch nhau ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này các Gia chủ, một người có trí suy nghĩ như sau:

"Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan niệm như sau: "Không thể có một không sắc toàn diện", ta không có thấy như vậy.
Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có một không sắc toàn diện", ta không có biết như vậy.

Và nếu ta không biết, không thấy mà chỉ chấp nhận một bên và tuyên bố: "Đây là sự thật, ngoài ra đều là mê lầm," thì như vậy không xứng đáng với ta.

Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một không sắc toàn diện", nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thì sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ tái sanh tại chỗ các chư Thiên có sắc do ý sở thành.

Còn nếu những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có một không sắc toàn diện", nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thì sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ tái sanh tại chỗ các chư Thiên không sắc, do tưởng sở thành.

Do duyên với cái gì có sắc, chấp gậy, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ đều được thấy. Nhưng sẽ không có những sự việc này trong một không sắc toàn diện".

Do suy tư như vậy, vị ấy thành tựu sự yểm ly, sự ly tham, sự diệt tận các sắc pháp.

Này các Gia chủ, có một số Sa-môn. Bà-la-môn có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một sự hữu diệt (Bhavanirodha) toàn diện".

Này các Gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói lời mâu thuẫn đối nghịch với các Sa-môn, Bà-la-môn.

Các vị này đã nói như sau: "Có thể có một sự hữu diệt toàn diện".

Này các Gia chủ, các Ông nghĩ thế nào ? Có phải những Sa-môn, Bà-la-môn này nói những lời mâu thuẫn đối nghịch nhau ?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này các Gia chủ, một người có trí suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có sự hữu diệt toàn diện", ta không có thấy như vậy.

Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có một sự hữu diệt toàn diện", ta không có biết như vậy.

Và nếu ta không biết, không thấy mà chỉ chấp nhận một bên và tuyên bố: "Đây là sự thật, ngoài ra đều là mê lầm", thì như vậy không xứng đáng với ta.

Những Sa-môn, Bà-la-môn nào, có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một sự hữu diệt toàn diện", nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thì sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ tái sanh chỗ các chư Thiên không sắc do tưởng sở thành.

Còn nếu những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có một sự hữu diệt toàn diện", nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thì sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ nhập Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một sự hữu diệt toàn diện", thì quan điểm này của các vị ấy gần với tham ái, gần với kiết sử, gần với ái lạc, gần với chấp trước, gần với chấp thủ.

Còn những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có sự hữu diệt toàn diện", thì quan điểm này của những vị ấy là gần với ly tham, gần với không kiết phược, gần với không ái lạc, gần với không chấp trước, gần với không chấp thủ".

Do suy tư như vậy, vị ấy thành tựu sự yếm ly, sự vô tham, sự diệt tận đối với các hữu".

Phần cuối kinh Thế Tôn giảng về bốn loại người (đã chú giải trong kinh số 1, tập 2 này: kinh Kandarakasuttam). Và Thế Tôn giảng về sự thành tựu của bốn bậc thiên cũng như những thành tựu sau đó (đã trình bày)

Như vậy, kinh Không Gì Chuyển Hướng trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến niềm tin (đức tin). Một người thật sự được gọi là người có trí tuệ – không bao giờ cho phép mình tin vào một chiều. Tin vào một chiều – đó là niềm tin mù quáng. Một khi mù quáng như vậy, không thể nào gọi là người có trí được.

11.
KINH GIÁO GIỚI LA-HẦU-LA Ở
RỪNG AM-BÀ-LA
(Ambalathika Rahulovadasuttam)
(61)

Kinh này Thế Tôn giảng cho Ngài La Hầu La, một trong mười đại đệ tử của Ngài, về pháp học *Phản tỉnh*.

Trước tiên, Thế Tôn đề cập đến hành vi nói dối của con người:

“Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivapa (chỗ nuôi dưỡng sóc).

Lúc bấy giờ, Tôn giả Rahula (La-hầu-la) ở tại Ambalathika. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ Thiên tịnh đứng dậy, đi đến Ambalathika, chỗ Tôn giả Rahula ở. Tôn giả Rahula thấy Thế Tôn từ xa đi đến, sau khi thấy, liền sửa soạn chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, và sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Rahula đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Rồi Thế Tôn, sau khi để một ít nước còn lại trong chậu nước, bảo Tôn giả Rahula:

– Này Rahula, Ông có thấy một ít nước còn lại này trong chậu nước không ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng ít vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tâm quý.

Rồi Thế Tôn, sau khi đổ đi chút ít nước còn lại ấy rồi bảo Rahula:

– Này Rahula, Ông có thấy chút ít nước còn lại ấy bị đổ đi không ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng đổ đi vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tâm quý.

Rồi Thế Tôn lật úp chậu nước ấy và bảo Tôn giả Rahula.

– Này Rahula, Ông có thấy chậu nước bị lật úp ấy không ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng lật úp vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo, không có tầm quý.

Rồi Thế Tôn lật ngược trở lại chậu nước ấy và bảo Tôn giả Rahula:

– Này Rahula, Ông có thấy chậu nước này trống không không ?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng trống không vậy, này Rahula, là Sa-môn hạnh của những người nào biết mà nói láo”.

Với ẩn dụ trên, Thế Tôn nói rằng: phải biết biết tự xấu hổ khi nói láo (nói dối). Người không biết tự xấu hổ (không có tầm quý) khi nói láo tựa như nước bắn còn ở trong chậu.

Thế Tôn dẫn dụ như con voi trần của nhà vua, không có việc gì mà nó không làm – cho dù phải bỏ mạng – và Thế Tôn kết luận rằng :

“Cũng vậy, này Rahula, đối với ai biết mà nói láo, không có tầm quý, thời Ta nói rằng người ấy không có việc ác gì mà không làm.

Do vậy, này Rahula, "Ta quyết không nói láo, dầu nói để mà chơi", này Rahula, Ông phải học tập như vậy”.

Nói dối thật là quan trọng đến như vậy. Phần còn lại kinh, Thế Tôn giảng về pháp môn *Phản tỉnh*.

“Này Rahula, Ông nghĩ thế nào ? Mục đích của cái gương là gì ?

– Bạch Thế Tôn, mục đích là để phản tỉnh.

– Cũng vậy, này Rahula, sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành thân nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành khẩu nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành ý nghiệp”.

“Này Rahula,

Khi Ông muốn làm một thân nghiệp gì, (khẩu nghiệp gì, ý nghiệp gì) hãy phản tỉnh thân nghiệp, (khẩu nghiệp, ý nghiệp) ấy như sau:

"Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này, ta muốn làm. Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Một thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) như vậy, này Rahula, Ông nhất định chớ có làm.

Này Rahula, nếu sau khi phản tỉnh, ông biết:

"Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này ta muốn làm. Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc".

Một thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) như vậy, này Rahula, Ông nên làm.

Này Rahula, khi Ông đang làm một thân nghiệp, (khẩu nghiệp, ý nghiệp) Ông cần phải phản tỉnh thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) ấy như sau: "Thân nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này là bất thiện, đưa đến đau khổ; đem đến quả báo đau khổ".

Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, Ông biết: "Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này ta đang làm. Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ".

Này Rahula, ông hãy từ bỏ một thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) như vậy.

Nhưng nếu, này Rahula, trong khi phản tỉnh ông biết như sau: "Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này ta đang làm. Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc".

Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) như vậy, này Rahula, Ông cần phải tiếp tục làm.

Sau khi Ông làm xong một thân nghiệp, (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này Rahula, Ông cần phải phản tỉnh thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) ấy như sau: "Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này ta đã làm. Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula, Ông biết như sau: "Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này ta đã làm. Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này là bất thiện đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ".

Một thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) như vậy, này Rahula, Ông cần phải thưa lên, cần phải tỏ lộ, cần phải trình bày trước các vị Đạo sư, hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí.

Sau khi đã thưa lên, tỏ lộ, trình bày, cần phải phòng hộ trong tương lai.

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rahula Ông biết như sau: "Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này ta đã làm. Thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp (khẩu nghiệp, ý nghiệp) này thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc". Do vậy, này Rahula, Ông phải an trú trong niềm hoan hỷ tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp.

"Này Rahula, trong thời quá khứ, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tịnh hóa thân nghiệp, đã tịnh hóa khẩu nghiệp, đã tịnh hóa ý nghiệp, tất cả những vị ấy, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần đã tịnh hóa thân nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, đã tịnh hóa khẩu nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, đã tịnh hóa ý nghiệp.

Này Rahula, trong thời vị lai, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào sẽ tịnh hóa thân nghiệp, sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sẽ tịnh hóa ý nghiệp, tất cả những vị ấy; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, sẽ tịnh hóa thân nghiệp, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sau khi phản tỉnh nhiều lần, sẽ tịnh hóa ý nghiệp.

Này Rahula, trong thời hiện tại, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào tịnh hóa thân nghiệp, tịnh hóa khẩu nghiệp, tịnh hóa ý nghiệp, tất cả những vị ấy, sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, tịnh hóa khẩu nghiệp; sau khi phản tỉnh như vậy nhiều lần, tịnh hóa ý nghiệp.

Do vậy, này Rahula: "Sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa thân nghiệp; sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa ý nghiệp". Như vậy, này Rahula, Ông cần phải tu học.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Rahula, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn giảng".

Như vậy, kinh Giáo giới La Hầu La trong bộ Kinh Trung Bộ là pháp môn dạy về phương pháp *Phản tỉnh thân, khẩu, ý*. Đây là phương pháp tự soi rọi, tự kiểm lại bản thân mình (có thể là sau một ngày chẳng hạn), nếu như *thân, khẩu, ý* chẳng may làm những điều gì hại người, hại mình hay cả hai – thì phải nói ngay cho các bậc đạo sư – phải biết xấu hổ – để không còn tái phạm. Ngược lại, là những điều nên tiếp tục làm.

Và, Sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa thân nghiệp; sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa khẩu nghiệp, sau khi phản tỉnh nhiều lần, tôi sẽ tịnh hóa ý nghiệp".

Đây là một trong những pháp môn giữ cho bản thân không tạo tác ra những nghiệp bất thiện, khiến phải gánh chịu hậu quả nặng nề ; đồng thời luôn tạo tác ra những nghiệp thiện với quả báo tốt đẹp.

12.
ĐẠI KINH GIÁO GIỚI LA-HẦU-LA
(Maha-Rahulovadasuttam)
(62)

Mở đầu kinh, Thế Tôn dạy đại đệ tử Rahula (La Hầu La):

“Này Rahula, bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả sắc pháp phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ: “Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta”.

– *Bạch Thế Tôn, có phải chỉ sắc mà thôi ?*

“Cả sắc, này Rahula ; cả thọ, này Rahula ; cả tưởng, này Rahula ; cả hành, này Rahula ; và cả thức, này Rahula”.

Tôn giả Rahula sau nghi nghe Thế Tôn giảng, bỏ khát thực, vào trong rừng, ngồi xuống một gốc cây, kiết già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt. Tôn giả Sariputta thấy Tôn giả Rahula bèn nói rằng:

– *Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập nhập tức xuất tức niệm (niệm hơi thở vô, hơi thở ra). Này Rahula, tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, làm cho sung mãn, được quả lớn, được lợi ích lớn.*

Chiều đến, Tôn giả Rahula đến chỗ Thế Tôn và hỏi Thế Tôn rằng:

– *Bạch Thế Tôn, niệm hơi thở vô hơi thở ra được tu tập như thế nào ? Làm cho sung mãn, (pháp môn này) như thế nào là để được quả lớn, được lợi ích lớn ?*

Vậy là, Thế Tôn giảng cho Tôn giả Rahula về pháp thiền quán qua hơi thở. Tuy nhiên, trước tiên, Thế Tôn giảng lại rất sâu về pháp quán chiếu thân. Cho dù đây là vấn đề đã từng đề cập, song, lần này, Thế Tôn giảng dạy chi tiết cẩn kẽ hơn – vì vậy xin trích toàn bộ pháp môn hết sức căn bản này:

“Này Rahula, cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc

nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ; như vậy, này Rahula, được gọi là nội địa giới. Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải là của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.

Và này Rahula, thế nào là thủy giới ? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Rahula, thế nào là nội thủy giới ? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đàm, niêm dịch, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như vậy, này Rahula, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

Và này Rahula, thế nào là hỏa giới ? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Rahula, thế nào là nội hỏa giới ? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ; như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ; này Rahula, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới, và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

Và này Rahula, thế nào là phong giới. Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Rahula, thế nào là nội phong giới ? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ; này Rahula, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không

phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với phong giới, tâm từ bỏ phong giới.

Và này Rahula, thế nào là hư không giới ? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Rahula, thế nào là nội hư không giới ? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn và được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn và được uống được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn và được tống xuất xuống phân dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ; này Rahula, như vậy được gọi là nội hư không giới. Những gì thuộc nội hư không giới và những gì thuộc ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải tự ngã của ta," Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yểm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như đất. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như đất, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rahula, ví như trên đất người ta quăng đồ tịnh, quăng đồ không tịnh, quăng phân uest, quăng nước tiểu, nhổ nước miếng, quăng mủ và quăng máu; tuy vậy đất không lo âu, không dao động, hay không nhàm chán; cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập như đất. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như đất, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như nước. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như nước, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rahula, ví như trong nước người ta rửa đồ tịnh, rửa đồ không tịnh, rửa sạch phân uest, rửa sạch nước tiểu, rửa sạch nước miếng, rửa sạch mủ, rửa sạch máu; tuy vậy nước không lo âu, không dao động, không nhàm chán; cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như nước... (như trên)... không có tồn tại.

Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như lửa. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như lửa, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rahula, ví như lửa đốt các đồ tịnh, đốt các đồ không tịnh, đốt phân uest, đốt nước tiểu, đốt nước miếng, đốt mủ, đốt máu; tuy vậy lửa không lo âu, không dao động, không nhàm chán; cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như lửa. Này

Rahula, do tu tập sự tu tập như lửa, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như gió. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như gió, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rahula, như gió thổi các đồ tịnh, thổi các đồ không tịnh, thổi phân uế, thổi nước tiểu, thổi nước miếng, thổi mù, thổi máu, tuy vậy gió không lo âu, không dao động, không nhàm chán; cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như gió. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như gió, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như hư không. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như hư không, các xúc khả ái, không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại. Này Rahula, ví như hư không không bị trú tại một chỗ nào; cũng vậy, này Rahula, hãy tu tập sự tu tập như hư không. Này Rahula, do tu tập sự tu tập như hư không, các xúc khả ái không khả ái được khởi lên, không có nắm giữ tâm, không có tồn tại.

Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về lòng từ. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về lòng từ, cái gì thuộc sân tâm sẽ được trừ diệt. Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về lòng bi. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về lòng bi, cái gì thuộc hại tâm sẽ được trừ diệt. Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về hỷ. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về hỷ, cái gì thuộc bất lạc sẽ được trừ diệt. Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về xả. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về xả, cái gì thuộc hận tâm sẽ được trừ diệt. Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về bất tịnh. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về bất tịnh, cái gì thuộc tham ái được trừ diệt. Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về vô thường. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về vô thường, cái gì thuộc ngã mạn được trừ diệt”.

Và rồi, Thế Tôn dạy về pháp môn Thiền quán qua hơi thở. Hãy nên dùng tài liệu ở đây để kết hợp với những gì Thế Tôn dạy trong kinh *Niệm xứ*.

“Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về niệm hơi thở vô hơi thở ra. Này Rahula, do tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, làm cho sung mãn, nên được quả lớn, được lợi ích lớn. Và này Rahula, thế nào là tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, làm cho sung mãn nên được quả lớn, được lợi ích lớn ?

Ở đây, này Rahula, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra.

Hay thở vô dài, vị ấy biết: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, vị ấy biết "Tôi thở ra dài"; hay thở vô ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở ra ngắn".

"Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô," vị ấy tập.

"Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Cảm giác tâm hành (Cittasankhara), tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra, vị ấy tập.

"Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra, vị ấy tập.

"Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

"Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra như vậy, này Rahula, làm cho sung mãn như vậy, có quả lớn, có lợi ích lớn.

Này Rahula, tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra như vậy, làm cho sung mãn như vậy, thời khi những hơi thở vô, hơi thở ra tối hậu chấm dứt, chứng được giác tri, không phải không được giác tri.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Rahula hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy".

Như vậy, Đại kinh Giáo giới La Hầu La trong bộ Kinh Trung Bộ, một lần nữa đề cập đến hai pháp môn hết sức căn bản, đó là: quán chiếu nội ngoại thân và Thiền quán qua hơi thở.

Cho dù đây là những vấn đề đã từng đề cập, song, lần này, Thế Tôn bổ sung rất nhiều chi tiết – khiến học pháp Phật này trở thành rất súc tích. Đây là tài liệu quý giúp đi vào hành tập sẽ đạt hiệu quả rất tốt.

13.
TIÊU KINH MALUNKYA
(Malunkyasuttam)
(63)

Trong quá trình hành đạo bốn mươi chín năm của mình, có những vấn đề được một số người nêu ra, đức Thế Tôn đã trả lời bằng ... sự im lặng.

Tiểu kinh Malunkya đề cập đến những vấn đề mà Thế Tôn đã không trả lời. Các vấn đề như sau:

"Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường, thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên; sinh mạng này và thân này là một, sinh mạng này và thân này là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết, Như Lai không có tồn tại sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết. Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Bối cảnh trong kinh là: Tôn giả Malunkyaputta, trong khi độc trú tịnh cư, khởi lên sự suy tư như sau: *"Có một số vấn đề (nêu trên), Thế Tôn không trả lời, bỏ một bên, loại bỏ ra – ta hãy đi đến Thế Tôn, và sẽ hỏi ý nghĩa này. Nếu Thế Tôn trả lời cho ta (rõ), thời ta sẽ sống Phạm hạnh dưới (sự chỉ dẫn của) Thế Tôn. Còn nếu Thế Tôn không trả lời, thời ta sẽ bỏ học pháp và hoàn tục".*

Rồi Tôn giả Malunkyaputta vào buổi chiều, từ Thiên tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn – để thực hiện suy nghĩ của mình.

Sau khi nghe chuyện, đức Thế Tôn hỏi Tôn giả Malunkyaputta:

"Này Malunkyaputta, Ta có nói với Ông: "Này Malunkyaputta, hãy đến và sống Phạm hạnh theo Ta, Ta sẽ trả lời cho Ông (những vấn đề trên) không ?

"Thưa không, bạch Thế Tôn", tôn giả Malunkyaputta trả lời .

"Hay Ông (đã từng) có nói với Ta như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn, nếu Thế Tôn sẽ trả lời cho con những vấn đề nêu trên chăng ?

"Thưa không, bạch Thế Tôn", tôn giả Malunkyaputta trả lời .

Này Malunkyaputta, nếu có ai nói như sau: "Ta sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn khi nào Thế Tôn sẽ trả lời cho ta những vấn đề đã nêu, thời này Malunkyaputta, người ấy sẽ chết (và) vẫn không được Như Lai trả lời.

Và đức Thế Tôn đã đưa ra ví dụ về mũi tên (rất hay):

Này Malunkyaputta, ví như một người bị mũi tên bắn, mũi tên được tẩm thuốc độc rất dày. Bạn bè và bà con huyết thống của người ấy mời một vị y sĩ khoa mổ xẻ đến săn sóc. Nhưng người ấy lại nói: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi thuộc giòng hoàng tộc, hay Bà-la-môn, hay buôn bán, hay người làm công".

Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi tên là gì, tộc tánh là gì?" Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi là cao hay thấp, hay người bậc trung". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi là da đen, da sẫm hay da vàng". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi thuộc làng nào, thuộc thị trấn nào, thuộc thành phố nào". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái cung mà tôi bị bắn, cái cung ấy thuộc loại cung thông thường hay loại cung nỏ". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được dây cung mà tôi bị bắn, dây cung ấy làm bằng cây leo, hay cây lau, hay một thứ gân, hay một thứ dây gai, hay một thứ cây có nhựa". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy thuộc một loại cây lau này hay cây lau khác". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, mũi tên ấy có kết lông gì, hoặc lông con kên, hoặc lông con cò, hoặc lông con ó, hoặc lông con công, hoặc lông một loại kết". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy được cuốn (parikkhittam) bởi loại gân nào, hoặc là gân bò cái, hoặc là gân trâu, hoặc là gân nai, hoặc là gân lừa". Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy thuộc loại tên nhọn, hay thuộc loại tên móc, hay thuộc loại tên như đầu sào, hay thuộc loại tên như răng bò, hay thuộc loại tên như kềm gai".

Này Malunkyaputta, người ấy sẽ chết và vẫn không được biết gì.

Và đức Thế Tôn đã nói rõ quan điểm của mình:

Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Thế giới là thường còn". Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Thế giới là vô thường". Này Malunkyaputta, dầu cho có quan điểm "Thế giới là thường còn", hay dầu cho có quan điểm "Thế giới là vô

thường", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não, mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại.

Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Thế giới là hữu biên". Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Thế giới là vô biên". Này Malunkyaputta, dầu cho có quan điểm "Thế giới là hữu biên", hay dầu cho có quan điểm "Thế giới là vô biên" thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não, mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại.

Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm "Sinh mạng này và thân này là một". Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm "Sinh mạng này và thân này là khác". Này Malunkyaputta, dầu cho có quan điểm "Sinh mạng này và thân này là một", hay dầu cho có quan điểm "Sinh mạng này và thân này là khác", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại.

Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm "Như Lai có tồn tại sau khi chết". Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm "Như Lai không có tồn tại sau khi chết". Này Malunkyaputta, dầu cho có quan điểm "Như Lai có tồn tại sau khi chết" hay dầu cho có quan điểm "Như Lai không có tồn tại sau khi chết," thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại.

Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc vào quan điểm "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết". Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Như Lai không có tồn tại và không tồn tại sau khi chết". Này Malunkyaputta, dầu cho có quan điểm "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", hay dầu cho có quan điểm: "Như Lai không có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại".

Do vậy, này Malunkyaputta, hãy thọ trì là không trả lời những gì Ta không trả lời. Hãy thọ trì là có trả lời những gì Ta có trả lời. Và này Malunkyaputta, điều gì Ta không trả lời ? "Thế giới là thường còn", này Malunkyaputta là điều Ta không trả lời. "Thế giới là vô thường" là điều Ta không trả lời. "Thế giới là hữu biên" là điều

Ta không trả lời. "Thế giới là vô biên" là điều Ta không trả lời. "Sinh mạng này và thân này là một" là điều Ta không trả lời. "Sinh mạng này và thân này khác" là điều Ta không trả lời. "Như Lai có tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời. "Như Lai không có tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời. "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời. "Như Lai không có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời.

Và này Malunkyaputta, vì sao điều ấy Ta không trả lời ?

Này Malunkyaputta, vì điều ấy không liên hệ đến mục đích, điều ấy không phải là căn bản Phạm hạnh, điều ấy không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, cho nên điều ấy Ta không trả lời.

Và này Malunkyaputta, điều gì Ta trả lời. "Đây là khổ", này Malunkyaputta là điều Ta trả lời". "Đây là khổ tập" là điều Ta trả lời. "Đây là khổ diệt" là điều Ta trả lời. "Đây là con đường đưa đến khổ diệt" là điều Ta trả lời.

Và này Malunkyaputta, vì sao điều ấy Ta trả lời?

Này Malunkyaputta, vì điều ấy có liên hệ đến mục đích, điều ấy là căn bản Phạm hạnh, điều ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, vì vậy điều ấy Ta trả lời.

Do vậy, này Malunkyaputta, hãy thọ trì là không trả lời những điều Ta không trả lời. Hãy thọ trì là trả lời những điều Ta có trả lời.

Như vậy, tiểu kinh Malunkya trong bộ Kinh Trung bộ – có thể xem như tuyên ngôn của Thế Tôn về mục đích tối thượng, nhất quán về con đường hành đạo của Ngài.

Mục đích tối thượng, nhất quán ấy là sự cứu khổ cho loài người – ngay trong thực tại của đời sống này – nếu như loại bỏ được *tham, sân, si* ; tiêu trừ được *dục*.

Mục đích tối thượng, nhất quán ấy thâm đẫm tính nhân văn – nếu như không muốn nói rằng: sẽ không còn mục đích cao cả nào nhân ái hơn thế.

Mục đích tối thượng, nhất quán ấy là sự cứu khổ cho loài người – không chỉ ngay trong thực tại của đời sống này – mà còn chỉ ra con đường thoát khỏi khổ lụy mãi mãi, vĩnh viễn.

Mục đích tối thượng, nhất quán ấy thấm đẫm tính nhân văn – nếu như không muốn nói rằng: sẽ không còn mục đích cao cả nào siêu việt hơn thế.

Vì thoát khỏi được sự khổ đau – có nghĩa, khi đó loài người mới thật sự chạm vào được ngưỡng của hạnh phúc vậy.

14.

ĐẠI KINH MALUNKYAPUTTA

(Mahamalunkyaputtasuttam)

(64)

Đại kinh Malukyaputta đề cập đến phạm trù mà mọi nhà tu hành theo pháp Phật đều phải quan tâm: *Năm hạ phần kiết sử*. Có thể đã có những định nghĩa về thuật ngữ (thực ra là phạm trù) này, song, bài giảng của đức Thế Tôn, trong kinh này, sẽ cho người đọc một cách hiểu thấu đáo.

Trong phần mở đầu kinh Thế Tôn hỏi:

“*Này các Tỷ-kheo, các Ông (đã từng) có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy không ?*”

Được nghe nói vậy, Tôn giả Malunkyaputta bạch Thế Tôn:

“*Con có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.*

“*Năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy, này Malunkyaputta, Ông thọ trì như thế nào ?*”

“*Bạch Thế Tôn, con thọ trì **thân kiến** là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn con thọ trì **nghi** là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì **giới cấm thủ** là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì **dục tham** là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì **sân** là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy”.*

“*Này Malunkyaputta, vì vấn đề gì (hay vì ai) Ông thọ trì năm hạ phần kiết sử này do Ta giảng dạy ? Này Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cất vấn Ông với ví dụ này về đũa con nít ? Này Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngậy thơ đang nằm ngủ không có tự thân, thời từ đâu nó có thể khởi lên thân kiến ? Thân kiến tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngậy thơ, đang nằm giữa không có các pháp, thời từ đâu nó có thể khởi lên nghi hoặc đối với các pháp ? Nghi tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngậy thơ đang nằm giữa không có giới, thời từ đâu nó có thể khởi lên giới cấm thủ trong các giới ? Giới cấm thủ tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngậy thơ đang nằm giữa không có những dục, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng dục tham trong các dục ? Dục tham, tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngậy thơ đang nằm giữa không có các loài hữu tình, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng sân đối với các loài hữu tình ? Sân tùy*

miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cất vấn Ông với ví dụ này về đứa con nít ?”

Trong phần mở đầu kinh, Thế Tôn đã chỉ ra rằng: ngay trong một đứa bé mới chào đời, các: *thân kiến, nghi hoặc, giới cấm thủ, dục tham, sân* (ở đây khái niệm *dục tham* bao hàm khái niệm: *tham, si* mà ta hay dùng). Các *thân kiến, nghi hoặc, giới cấm thủ, dục tham, sân* này tiềm tàng trong một đứa trẻ – chính vì vậy, cho dù là chung một *gien* bố mẹ, có chung một môi trường giáo dục-sinh hoạt ... gần như nhau – song, hai anh em – có thể có những khuynh hướng hết sức dị biệt – đến mức: người này có thể là thầy tu ; người kia có thể thành kẻ cướp (xem thêm trong *Tâm và tâm linh*).

Giới cấm thủ: nắm chặt, không thể rời bỏ mười tám giới. Mười tám giới là: *lục căn tiếp xúc lục trần* để hình thành *lục thức*.

(Khi đó) *Tôn giả Ananda* bạch Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời để Thế Tôn thuyết giảng năm hạ phần kiết sử”.

Thế Tôn giảng như sau:

– Ở đây, nay Ananda, có kẻ vô văn phạm phu, không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, sống với tâm bị triền phược bởi thân kiến, bị chi phối bởi thân kiến, và không như thật tuệ tri sự xuất ly thân kiến đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Vị ấy sống với tâm bị nghi hoặc triền phược, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Vị ấy sống với tâm bị giới cấm thủ triền phược, bị giới cấm thủ chi phối và không như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên. Giới cấm thủ này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Vị ấy sống với tâm bị dục tham triền phược, bị dục tham chi phối và không như thật biết sự xuất ly dục tham đã khởi lên, dục tham này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Vị ấy sống với tâm bị sân triền phược, bị sân chi phối và không như thật tuệ tri, sự xuất ly sân đã khởi lên. Sân này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

Và này Ananda, có vị Đa văn Thánh đệ tử, đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, sống với tâm không bị thân kiến triền phược, không bị thân kiến chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ. Vị này sống với tâm không bị nghi hoặc triền phược, không bị nghi hoặc chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ. Vị ấy sống với tâm không bị giới cấm thủ triền phược, không bị giới cấm thủ chi phối và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên, giới cấm thủ của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ. Vị này sống với tâm không bị dục tham triền phược, không bị dục tham chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Dục tham này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ. Vị này sống với tâm không bị sân triền phược, không bị sân chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly sân được khởi lên. Sân này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

Này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử được biết rõ, hay được thấy rõ, hay được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn đứng thẳng có lõi cây nếu người ấy không đẽo vỏ trong, không đẽo giác cây, nhưng vẫn có thể đẽo được lõi cây, sự tình này không xảy ra.

Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.

Và này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hãy sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy xảy ra.

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, nếu người ấy sau khi đẽo vỏ trong, sau khi đẽo giác cây, thời sẽ đẽo được lõi cây, sự tình này xảy ra.

Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, đạo lộ ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn diệt, sự tình như vậy xảy ra.

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người ốm yếu đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Nhưng người ấy không thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn.

Cũng vậy, này Ananda, bất cứ ai, khi được giảng pháp để đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy không thích thú, không hoan hỷ, không có định tĩnh, không có giải thoát, thời vị ấy cần phải được xem là giống người ốm yếu kia.

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước lớn, đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người lực sĩ đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Người ta có thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn.

Cũng vậy, này Ananda, bất cứ ai, khi được giảng pháp để được đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy thích thú, hoan hỷ, có định tĩnh, có giải thoát, thời vị ấy được xem là giống như người lực sĩ kia

Và này Ananda, thế nào là con đường, thế nào là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử ?

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo do viễn ly các sanh y (Upadhiviveka) do đoạn trừ các bất thiện pháp, do làm cho an tịnh thân thô ác hành một cách toàn diện, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bứu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung tâm vào bất tử giới (Amatadhatu) và nghĩ rằng: "Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình,

thời do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đây, không phải trở lui đời này nữa. Nay Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Nay Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, vị Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Hư không vô biên xứ. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Nay Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ... (như trên)... vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bứu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung vào bất tử giới và nghĩ rằng: "Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đây, không phải trở lui đời này nữa.

Nay Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

"Bạch Thế Tôn, nếu đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử thời do hành trì như thế nào mà một số vị Tỷ-kheo chứng tâm giải thoát, một số chứng tuệ giải thoát?"

"Ở đây, này Ananda, Ta nói rằng do sự sai khác về căn tánh".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, Đại kinh Malukyaputta trong bộ Kinh Trung bộ đã đề cập rất rõ về *Năm hạ phần kiết sử* và Thế Tôn cũng đã chỉ ra phương cách để tiêu trừ *Năm hạ phần kiết sử* này.

Để tiêu trừ *Năm hạ phần kiết sử*, trước hết, vẫn phải là việc rời bỏ các bất thiện pháp. Bất thiện pháp là khái niệm rất rộng: đó là tất cả những con đường không vì *sự an lạc của mình và của người – ở hiện tại lẫn mai sau* (đời này, đời sau, kiếp sau).

Chỉ khi rời bỏ được các bất thiện pháp thì khi đó mới có thể *ly: dục tham, sân* – để mở được cánh cửa đầu tiên để bước vào trú trong an lạc ...

15.

KINH BHADDALI

(Bhaddalisuttam)

(65)

Kinh Bhaddali đề cập đến vấn đề *giới học*. *Giới* trong kinh Phật có nhiều nghĩa rất khác nhau, chẳng hạn: *giới* trong *giới cấm thủ* có nghĩa là 18 giới (đã trình bày). Khái niệm *giới* trong kinh này là *giới học*, giống như là *giới luật*, có nghĩa là những điều ràng buộc trong giới hạn nhất định, được hiểu như là điều cấm.

(Vi) phạm giới, có nghĩa là vi phạm điều không được làm. Trong *giới học* do Như Lai đề ra, trước hết phải nhận thức rằng: *Giới học* ấy được Như Lai đề ra với mục đích gì ? Vì ai ? Vì điều gì ? Liệu rằng khi đề ra những *giới học* ấy có phải đơn thuần là vì cái *ngã* của Như Lai chăng ?

Có lẽ mọi người cũng đã có câu trả lời, khi đề ra *giới học* – dành cho những người đang còn là *trò*, đang học đạo – những điều thuộc giới học ấy không ngoài mục đích giúp cho người học trò học đạo đạt kết quả tốt nhất.

Nếu như mọi (phần đông tuyệt đối) học trò chấp nhận những điều trong *giới học* ấy và thực hiện nó không mấy khó khăn – thì những người nói: *không ; không thể* thực hiện được những điều trong *giới học* ấy – đó là những người có thể được xem là bỏ đạo – không thể đạt thành tựu *đạo quả* như hằng mong muốn. Điều đó là hiển nhiên, mang tính khách quan, vì sao ? Vì những điều trong *giới học* ấy là một phần không thể thiếu trong cả quá trình tu luyện. Chỉ có những điều nhỏ nhất trong *giới học* đã không thể vượt qua – thì sao có thể vượt qua “sóng to gió lớn” – đặt chân lên bến bờ giải thoát được ?

Mở đầu kinh này là câu chuyện của Tôn giả Bhaddali phạm giới học:

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Savatthi, Jetavana, tịnh xá ông Anathapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". "Bạch Thế Tôn", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

“Này các Tỷ-kheo, Ta ăn chỉ ngòai một lần (kasanabhojana). Này các Tỷ-kheo, do Ta ăn chỉ ngòai một lần, Ta cảm thấy ít bệnh, ít não, nhẹ nhàng, có sức và lạc trú.

Này các Tỷ-kheo, hãy ăn chỉ ngồi một lần. Này các Tỷ-kheo, hãy ăn chỉ ngồi một lần, và các Ông sẽ cảm thấy ít bệnh, ít nã, nhẹ nhàng, có sức và lạc trú”.

Khi được nói vậy, Tôn giả Bhaddali bạch Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, con không có thể ăn chỉ ngồi một lần. Bạch Thế Tôn, nếu con ăn chỉ ngồi một lần, thời con cảm thấy như là hối tiếc, như là hối hận”.

“Ăn ngồi” ở đây có nghĩa là bữa ăn chính, ăn “nặng”, trong bữa ăn có nhiều món được dọn ra (thông thường tối thiểu là hai món, tuy nhiên có khi một món vẫn là “nặng” ví như tô phở “đặc biệt” loại lớn ...). Khác với việc ăn quả chuối, “gặm” trái bắp, “nhá” củ khoai ... tức là “ăn đứng”, ăn phụ, ăn dặm, ăn thêm ... Người đời, thông thường là ăn ba buổi, đa phần, cả ba buổi ấy đều là “ăn ngồi” (ăn “nặng”).

Với Tôn giả Bhaddali, ăn một buổi là *không thể*.

Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Thế Tôn chế định, Tôn giả Bhaddali tuyên bố sự bất lực (của mình). Rồi trong ba tháng tròn, Tôn giả Bhaddali không diện kiến Thế Tôn vì không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

Sau ba tháng, nghe lời khuyên chí tình của các vị Tỷ-kheo, Tôn giả Bhaddali đến gặp Thế Tôn tỏ vẻ ăn năn sám hối:

“Bạch Thế Tôn, một lỗi lầm đã chiếm đoạt con, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Thế Tôn chế định, con đã tuyên bố sự bất lực của con. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm này là một lỗi lầm để có thể phòng hộ trong tương lai”

Thế Tôn nói với Tôn giả Bhaddali:

Này Bhaddali, trong thời ấy, Ông không ý thức được điều này:

"Thế Tôn trú tại Savatthi, Thế Tôn sẽ biết ta như sau: "Tỷ-kheo tên Bhaddali không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư".

Này Bhaddali, trong thời ấy, Ông không ý thức được như vậy.

Này Bhaddali, trong thời ấy, Ông không ý thức được điều này: "Một số đông Tỷ-kheo đến an cư vào mùa mưa ở Savatthi. Các vị ấy sẽ biết ta như sau: "Tỷ-kheo tên Bhaddali không có thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư".

Này Bhaddali, trong thời ấy, Ông không ý thức được như vậy.

Này Bhaddali trong thời ấy, Ông không ý thức được điều này:

"Một số đông Tỷ-kheo-ni đến an cư vào mùa mưa ở Savatthi.

(Và) một số đông nam cư sĩ trú ở Savatthi

(Và) một số đông nữ cư sĩ trú ở Savatthi

(Và) một số đông Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo đến an cư vào mùa mưa ở Savatthi.

Các vị ấy sẽ biết ta như sau: "Tỷ-kheo tên Bhaddali là đệ tử của Sa-môn Gotama, một bậc Thượng tọa, không có thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư".

Này Bhaddali, trong thời ấy, Ông không ý thức được như vậy.

Như vậy, việc phạm giới của Tôn giả Bhaddali – đâu phải chỉ ảnh hưởng đến Tôn giả Bhaddali ? Mà, đó còn là chuyện “con sâu làm rầu nồi canh” bởi Tôn giả Bhaddali là đệ tử của Sa-môn Gotama, một bậc Thượng tọa ... Vì vậy, đó còn là chuyện gây ảnh hưởng đến Học pháp Phật.

Bỗng nhiên Thế Tôn hỏi Tôn giả Bhaddali một câu đột ngột:

Này Bhaddali, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có Tỷ-kheo câu phân giải thoát. Ta nói với vị ấy như sau: "Này Tỷ-kheo, hãy đến và tự làm cầu cho Ta qua khỏi đám bùn". Vị ấy tự đến làm cầu, hay tránh né thân chỗ khác, hay nói: "Không" ?

“Không phải vậy, bạch Thế Tôn” Tôn giả Bhaddali trả lời.

Ở đây, Thế Tôn muốn đặt vấn đề lên đến mức cực đoan. Có nghĩa, giả như, Thế Tôn có một yêu cầu đến mức “trái khoáy” như vậy – thì người được yêu cầu ấy sẽ xử sự như thế nào ?

Người ấy sẽ phải tự hỏi và tự trả lời: Thế Tôn yêu cầu như vậy là vì ai ? Vì lẽ gì ? Liệu rằng yêu cầu ấy có phải vì cái Ngã của Thế Tôn chăng ?

Cho nên, “trái khoáy” chỉ có thể dành cho loại phạm phu ... Bởi, có những điều phạm phu chưa thể biết, chưa thể thấy, chưa thể hiểu hết được.

"Này Bhaddali, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có vị Tỷ-kheo tuệ giải thoát... thân chứng... kiến chí... tín thắng giải... tùy pháp hành... tùy tín hành. Ta nói với vị ấy

như sau: "Này Tỷ-kheo, hãy đến và tự làm cầu cho Ta qua khỏi đám bùn". Vị ấy tự đến làm cầu, hay tránh né thân chỗ khác, hay nói: "Không" ?

"Không phải vậy, bạch Thế Tôn".

"Này Bhaddali, Ông nghĩ thế nào ? Này Bhaddali, trong thời gian ấy Ông có phải là câu phân giải thoát, hay huệ giải thoát hay thân chứng, hay kiến chí, hay tín thắng giải, hay tùy pháp hành, hay tùy tín hành ?"

"Thưa không, bạch Thế Tôn".

"Này Bhaddali, có phải trong thời gian ấy, Ông trống không, rỗng không, phạm lỗi ?"

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, một lỗi lầm đã chiếm đoạt con, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Thế Tôn chế định, con đã tuyên bố sự bất lực của con. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm này là một lỗi lầm, để có thể phòng hộ trong tương lai".

Và rồi Thế Tôn tận tình giảng giải cặn kẽ cho Tôn giả Bhaddali (vì đây là vấn đề Thế Tôn dành cho các Tỷ-kheo nên người viết truyền tải toàn bộ và không dám bình chú gì thêm):

"Này Bhaddali, thật sự một lỗi lầm đã chiếm đoạt Ông, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Ta chế định, Ông đã tuyên bố sự bất lực của Ông. Này Bhaddali, nếu Ông sau khi thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, chúng ta sẽ chấp nhận cho Ông.

Vì rằng này Bhaddali, như vậy là sự lớn mạnh trong giới luật của bậc Thánh, nghĩa là bất cứ ai, sau khi thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, phải như pháp phát lộ và phòng hộ trong tương lai.

Ở đây, này Bhaddali, có Tỷ-kheo không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp của bậc Đạo Sư. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy sống tại một trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, sườn núi, chỗ hoang dã, hang núi, nghĩa địa, rừng lâm, ngoài trời, đồng rơm. Và ta có thể chứng được thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh". Vị ấy sống tại một trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, sườn núi chỗ hoang dã, hang núi, nghĩa địa, rừng lâm, ngoài trời, đồng rơm.

Khi vị ấy sống viễn ly như vậy, bậc Đạo Sư quở trách, các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi quán sát quở trách, chư Thiên quở trách, tự mình quở trách mình. Vị này bị bậc Đạo Sư quở trách, bị các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi quán sát quở trách, bị chư Thiên quở trách, bị tự mình quở trách mình, nên không chứng được thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Tại sao vậy ? Sở dĩ như vậy, này Bahaddali, là vì vị ấy không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

Nhưng ở đây, này Bhaddali, có Tỷ-kheo thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy sống tại một trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, sườn núi, chỗ hoang dã, hang núi, nghĩa địa, rừng lâm, ngoài trời, đồng rom. Và ta có thể chứng được thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh". Vị ấy sống tại một trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, sườn núi, chỗ hoang dã, hang núi, nghĩa địa, rừng lâm ngoài trời, đồng rom. Khi vị ấy sống viễn ly như vậy, bậc Đạo Sư không quở trách, các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi quán sát không quở trách, chư Thiên không quở trách, tự mình không quở trách mình. Vị này không bị bậc Đạo Sư quở trách, không bị các đồng Phạm hạnh sau khi quán sát quở trách, không bị chư Thiên quở trách, không bị mình quở trách mình, nên chứng được thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Tại sao vậy ? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Vì sao vậy ? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

Và lại nữa, này Bhaddali, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vì sao vậy ? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư. Và lại nữa này Bhaddali, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Vì sao vậy ? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

Và lại nữa, này Bhaddali, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Vì sao vậy ? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời,..., vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Vì sao vậy ? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, dẫn tâm hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh là người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của họ ? Vì sao vậy ? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp của bậc Đạo Sư.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", ... biết như thật: "Đây là con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc".... ..biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc". Nhờ biết như vậy, như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa". Vì sao vậy ? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

Được nghe nói vậy, Tôn giả Bhaddali bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây (chúng Tăng) luôn luôn kết tội Tỳ-kheo ? Bạch Thế Tôn, lại do nhân gì, do duyên gì ở đây, (chúng Tăng) không luôn luôn kết tội Tỳ-kheo như vậy ?

– Này Bhaddali, ở đây, có Tỳ-kheo thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỳ-kheo nói, tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phẫn nộ, sân hận, và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ ?" Ở đây, này Bhaddali, các Tỳ-kheo nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Tỳ-kheo này thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỳ-kheo nói, tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: "Tôi phải làm gì để chúng

Tăng hoan hỷ ?" Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo này, chớ có giải tội ấy một cách mau chóng". Như vậy, này Bhaddali, các Tỷ-kheo, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo ấy, không giải tội ấy một cách mau chóng. Nhưng ở đây, này Bhaddali, lại có Tỷ-kheo, thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, không tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ ?" Ở đây, này Bhaddali, các Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Tỷ-kheo này thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, không tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ ?" Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo này, hãy giải tội ấy một cách mau chóng". Như vậy, này Bhaddali, các Tỷ-kheo sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo ấy, giải tội ấy một cách mau chóng.

Ở đây, này Bhaddali, có Tỷ-kheo không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ ?" Ở đây, này Bhaddali, các Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Tỷ-kheo này không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn không xử sự chơn chánh, không có tự lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ ?" Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo này, chớ có giải tội một cách mau chóng". Như vậy, này Bhaddali, các Tỷ-kheo sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo ấy, không giải tội ấy một cách mau chóng.

Nhưng ở đây, này Bhaddali, lại có Tỷ-kheo không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, không tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phẫn nộ sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ ?" Ở đây, này Bahaddali, các Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Chư Hiền, Tỷ-kheo này không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, không tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói:

"Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ ?" Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo này, hãy giải tội này một cách mau chóng". Như vậy này Bhaddali, các Tỷ-kheo, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo ấy, giải tội ấy một cách mau chóng.

Ở đây, này Bhaddali, có Tỷ-kheo còn sống (trong Tăng chúng) với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Ở đây, này Bhaddali, các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Chư Hiền, Tỷ-kheo này còn sống (trong Tăng chúng) với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Nếu chúng ta thường hay kết tội Tỷ-kheo này, chúng ta hãy đừng để cho chút ít lòng tin, chút ít lòng thương của vị ấy đoạn diệt". Ví như, này Bhaddali, một người chỉ có một mắt, các thân hữu bà con huyết thống bảo vệ con mắt còn lại ấy và suy nghĩ như sau: "Chớ để cho con mắt còn lại này bị đoạn diệt". Cũng vậy, này Bhaddali, ở đây Tỷ-kheo còn sống (trong Tăng chúng) với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Ở đây, này Bhaddali, các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Chư Hiền, Tỷ-kheo này còn sống (trong Tăng chúng) với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Nếu chúng ta thường hay kết tội Tỷ-kheo này, chúng ta hãy đừng để cho chút ít lòng tin, chút ít lòng thương của vị ấy bị đoạn diệt".

Này Bhaddali, do nhân này, do duyên này, ở đây (chúng Tăng) luôn luôn kết tội Tỷ-kheo. Do nhân này, do duyên này, ở đây, (chúng Tăng) không luôn luôn kết tội vị Tỷ-kheo.

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, lúc xưa các học giới tuy ít hơn, nhưng các Tỷ-kheo đã ngộ nhập chánh trí nhiều hơn. Bạch Thế Tôn, lại do nhân gì, do duyên gì, ngày nay các học giới nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo ngộ nhập chánh trí ít hơn ?

– Này Bhaddali, khi các loài hữu tình bị thối thất, khi diệu pháp bị diệt mất, thời các học giới có nhiều hơn và các vị Tỷ-kheo ngộ nhập chánh trí ít hơn. Này Bhaddali, khi nào một số hữu lậu pháp (Asavattaniyadhamma) chưa hiện khởi trong Tăng chúng, khi ấy bậc Đạo Sư vẫn không chế định một học giới cho các đệ tử. Và này Bhaddali, ở đây, chỉ khi nào một số hữu lậu pháp hiện khởi trong Tăng chúng, chỉ khi ấy bậc Đạo Sư mới chế định một học giới cho các đệ tử để đối trị lại các pháp hữu lậu ấy. Này Bhaddali, ở đây, khi nào Tăng chúng chưa lớn mạnh, khi ấy một số hữu lậu pháp chưa hiện khởi trong Tăng chúng. Và này Bhaddali, chỉ khi nào Tăng chúng đã được lớn mạnh, thời ở đây một số hữu lậu pháp hiện khởi trong Tăng chúng, khi ấy bậc Đạo Sư mới chế định học giới cho các đệ tử để đối trị lại các pháp hữu lậu ấy. Này Bhaddali, ở đây, khi nào Tăng chúng chưa đạt được quyền lợi tối thượng... chưa đạt được danh xưng tối thượng... chưa đạt được đa văn... chưa đạt được địa vị kỳ cựu, khi ấy một số hữu lậu pháp chưa hiện khởi

trong Tăng chúng. Và này Bhaddali, ở đây, chỉ khi nào Tăng chúng đã đạt được địa vị kỳ cựu, thời ở đây một số hữu lậu pháp hiện khởi trong Tăng chúng, khi ấy bậc Đạo Sư mới chế định học giới cho các đệ tử để đối trị lại các pháp hữu lậu ấy.

Này Bhaddali, các Ông còn số ít, khi Ta giảng cho các Ông pháp môn ví dụ lương chủng mã. Này Bhaddali, Ông có nhớ không ?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Ở đây, này Bhaddali, do nhân gì, Ông xem sự việc xảy ra như vậy ?

– Bạch Thế Tôn, vì con trong một thời gian dài, đã không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

– Này Bhaddali, không phải chỉ có nhân như vậy, chỉ có duyên như vậy. Vì rằng, trong một thời gian khá dài, này Bhaddali, Ta biết tâm Ông với tâm của Ta (Ta biết rằng) : Khi Ta thuyết pháp, kẻ ngu si này không có để tâm, không có tác ý, không dùng nhứt thiết tâm để tư niệm, không có nghe pháp với (hai) tai sẵn sàng. Và này Bhaddali, Ta sẽ giảng cho Ông pháp môn ví dụ lương chủng mã. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Bhaddali, vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Này Bhaddali, ví như một người điều mã sư thiện xảo, có nhận được một con lương mã hiền thiện, trước hết phải huấn luyện con ngựa ấy cho quen với dây cương. Trong khi huấn luyện nó cho quen với dây cương, nếu nó có vùng vẫy, nhảy chồm, nhảy ngược, chống cự, vì chưa quen sự huấn luyện trước kia chưa làm. Con ngựa ấy do sự huấn luyện thường tiếp tục, được thuần thục về phương diện ấy. Này Bhaddali, khi con lương mã hiền thiện do huấn luyện thường xuyên, do sự huấn luyện tiếp tục đã được thuần thục về phương diện ấy, thời người điều mã sư lại huấn luyện thêm con ngựa ấy cho quen với yên ngựa. Trong khi huấn luyện nó cho quen với yên ngựa, nếu nó có vùng vẫy, nhảy chồm, nhảy ngược, chống cự vì chưa quen sự huấn luyện trước đây chưa làm, con ngựa ấy do sự huấn luyện thường xuyên, do sự huấn luyện tiếp tục, được thuần thục về phương diện ấy. Này Bhaddali, khi con lương mã hiền thiện do huấn luyện thường xuyên, do sự huấn luyện tiếp tục, đã được thuần thục về phương diện ấy, thời người điều mã sư lại huấn luyện thêm con ngựa ấy cho quen với sự diễn hành, đi vòng quanh, đi đầu móng chân, chạy phi, hí, các trò chơi vương giả, vương lực, tột thượng tốc lực, tột thượng nhanh nhẹn, tột thượng thiện hành. Trong khi huấn luyện cho nó quen với tột thượng tốc lực, tột thượng nhanh nhẹn, tột thượng thiện hành, nếu nó có vùng vẫy nhảy chồm, nhảy ngược, chống cự vì chưa quen sự huấn luyện trước đây chưa làm. Con ngựa ấy do sự huấn luyện thường xuyên, do sự huấn luyện tiếp tục, được thuần thục về phương diện ấy. Này Bhaddali, khi con lương mã hiền thiện, do huấn

luyện thường xuyên, do huấn luyện tiếp tục, đã được thuần phục về phương diện ấy, thời người điều mã sư lại giúp thêm con ngựa ấy về phần sắc đẹp và trang sức. Nay Bhaddali, con lương mã, hiền thiện được thành tựu mười đặc tánh này trở thành xứng đáng cho bậc vua chúa, trở thành báu vật của vua, được liệt vào một ấn tượng của vua.

Cũng vậy, nay Bhaddali, một Tỷ-kheo thành tựu được mười pháp trở thành đáng được kính trọng, đáng được tôn kính, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Thế nào là mười ? Ở đây, nay Bhaddali, Tỷ-kheo thành tựu vô học chánh tri kiến, thành tựu vô học chánh tư duy, thành tựu vô học chánh ngữ, thành tựu vô học chánh nghiệp, thành tựu vô học chánh mạng, thành tựu vô học chánh tinh tấn, thành tựu vô học chánh niệm, thành tựu vô học chánh định, thành tựu vô học chánh trí, thành tựu vô học chánh giải thoát.

Nay Bhaddali, Tỷ-kheo thành tựu mười pháp này trở thành đáng được kính trọng, đáng được tôn kính, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Bhaddali hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Bhaddali trong bộ Kinh Trung bộ đề cập đến vấn đề (vi) phạm giới học. Tinh thần của kinh này cho hay: phạm giới (phạm tội) vẫn chưa đáng sợ bằng tránh né, lẫn trốn việc phạm giới . Tránh né, lẫn trốn việc phạm giới là tội chông tội .

16.

KINH VÍ DỤ CON CHIM CÁY

(Latukikopamasuttam)

(66)

Con chim cây bị tấm lưới làm bằng những sợi dây leo (dây thừng) phủ chụp. Người có trí thì thấy rằng con chim cây không thể thoát khỏi tấm lưới quá chắc ấy được. Tuy nhiên, con chim cây lại cho rằng: đó là tấm lưới mục nát không có gì đáng phải lưu tâm. Đó là ẩn dụ của Thế Tôn trong kinh này.

Con chim cây, là ẩn dụ của những kẻ gạt bỏ những lời Thế Tôn dạy ra khỏi ngoài tai – khi Ngài đề ra việc ăn một bữa, vào ban ngày – và có thời (có giờ giấc nhất định). Một số người bị thói quen (ăn nhiều bữa) ràng buộc, như con chim cây, trong tấm lưới *dục*.

Trong phần đầu kinh, khi Tôn giả Udayi (Ưu-đa-di) bạch với Thế Tôn suy nghĩ của mình: *"Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều bất thiện pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta"* (như việc bỏ ăn bữa tối, giúp những Tỷ-kheo không còn phải vất vả mà mò đi khát thực vào giữa đêm khuya ...). Nhân tiện, Thế Tôn nói với Tôn giả Udayi rằng: (Ấy vậy mà), *"Này Udayi, ở đây, có một số người ngu si, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì việc tiểu tiết, nhỏ mọn này ! Vị Sa-môn này đặt quá nặng về cảm đoán, đoạn giảm", và họ không chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sự việc này, này Udayi, đối với họ trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.*

Nhưng này Udayi, một số Thiện gia nam tử, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ sự việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự từ bỏ việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ, dạy chúng con phải từ bỏ !". Họ từ bỏ sự việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sau khi từ bỏ việc ấy, họ sống ít lãng xãng, lãng dui, tùy thuộc những người khác (bố thí), sống với một tâm như con thú rừng. Này Udayi, như vậy đối với các vị kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

Sự từ bỏ thói quen (cho dù là thói quen độc hại như hút thuốc lá, uống rượu ...) là không dễ dàng . Những thứ tạo thành thói quen ấy như tấm lưới bện bằng những sợi dây thừng ... với con chim cáy thì vô phương thoát – nhưng với những ai – như con voi – thì, sự trói buộc ấy chẳng ra gì: “*Ví như, này Udayi, một con voi của vua, có ngà dài như cán cày, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào nó muốn...*”.

Hoặc giả như:

“Ví như, này Udayi, một người nghèo khổ, không có vật sở hữu, khôn cùng, có một chòi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, có một giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào, các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, và một bà vợ không đẹp mắt chút nào. Người ấy thấy một Tỷ-kheo trong tịnh xá, tay chân lau rửa sạch sẽ, sau khi ăn buổi cơm ngon lành, đang ngồi trong bóng mát, hưởng về tăng thượng tâm. Người ấy suy nghĩ: "An lạc thay, Sa-môn hạnh ! Vô bệnh thay, Sa-môn hạnh ! Vậy sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Nhưng người ấy không có thể từ bỏ cái chòi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ cái giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào, để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình”.

Thế nhưng, lại có người như con voi của nhà vua:

“Ví như, này Udayi, một gia chủ hay con người gia chủ, giàu có, tài sản lớn, tiền của lớn, vô số vàng bạc chất đống, vô số gạo thóc chất đống, vô số ruộng nương chất đống, vô số đất đai chất đống, vô số thê thiếp chất đống, vô số đầy tớ nam chất đống, vô số nữ tỳ chất đống. Vị này thấy một Tỷ-kheo trong một tịnh xá, tay chân lau rửa sạch sẽ, sau khi ăn bữa cơm ngon lành, đang ngồi trong bóng mát, hưởng về tăng thượng tâm. Vị này suy nghĩ: "An lạc thay, Sa-môn hạnh ! Vô bệnh thay, Sa-môn hạnh ! Vậy sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Vị này có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đống, có thể từ bỏ vô số gạo thóc chất đống, có thể từ bỏ vô số ruộng nương chất đống, có thể từ bỏ vô số đất đai chất đống, có thể từ bỏ vô số thê thiếp chất đống, có thể từ bỏ vô số đầy tớ nam chất đống, có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đống ...”

Và rồi, Thế Tôn đã chỉ ra bốn hạng người ở trên đời. Trước đây, Thế Tôn cũng đã chỉ ra rất khái quát về những hạng người (đã trình bày), song lần này, những hạng người mà Thế Tôn chỉ dạy ở đây là đặc biệt quan trọng:

“Này Udayi, có bốn hạng người có mặt trên đời. Thế nào là bốn ?

Ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y (đoạn trừ sự tái sinh), sự từ bỏ sanh y (từ bỏ sự tái sinh). Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, những tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y hiện hành khởi lên. Vị này chấp nhận chúng, không đoạn trừ chúng, không từ bỏ chúng, không chấm dứt chúng, không tiêu diệt chúng. Này Udayi, Ta nói: "Người này bị trói buộc, không phải không bị trói buộc". Vì sao vậy ? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

Nhưng ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, những tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y hiện hành khởi lên. Nhưng vị này không chấp nhận chúng, đoạn trừ chúng, từ bỏ chúng, chấm dứt chúng, tiêu diệt chúng, Này Udayi, Ta nói: "Người này bị trói buộc, không phải không trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ".

Nhưng ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, các tư niệm điên đảo, các tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y, tùy lúc tùy thời hiện hành khởi lên. Này Udayi, niệm khởi lên chậm chạp và vị này đoạn trừ niệm ấy một cách mau chóng, từ bỏ, chấm dứt, tiêu diệt (niệm ấy). Này Udayi, ví như một người nhỏ hai hay ba giọt nước vào một ấm nước đun sôi cả ngày. Này Udayi giọt nước rơi một cách chậm chạp như bị tiêu diệt, tiêu mất một cách mau chóng. Cũng vậy, này Udayi, có người sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, các tư niệm điên đảo, các tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y tùy lúc, tùy thời, hiện hành khởi lên. Này Udayi, niệm khởi lên chậm chạp và vị này đoạn trừ niệm ấy một cách mau chóng, từ bỏ, chấm dứt, tiêu diệt (niệm ấy). Này Udayi, Ta nói: "Người này cũng bị trói buộc, không phải không bị trói buộc". Vì sao vậy ? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

Nhưng ở đây, này Udayi, có người nghĩ rằng: "Sanh y là nguồn gốc của đau khổ", sau khi biết như vậy, vị ấy thành vô sanh y, giải thoát với sự đoạn diệt sanh y. Này

Udayi, Ta nói: "Người này không bị trói buộc, không phải bị trói buộc". Vì sao vậy? Nay Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ".

Như vậy, về nhận thức, để không còn tái sinh (trong vòng sanh tử luân hồi), đòi hỏi phải *tuệ tri*: tái sinh (*sanh y*) là *nguồn gốc của đau khổ*. Để diệt khổ phải tìm đến con đường mà Thế Tôn đã chỉ trong "Tứ Thánh Đế".

Phần cuối của kinh đề cập đến pháp đi đến tận cùng của cứu cánh giải thoát. Đây cũng là phần đặc biệt quan trọng với những nhà tu hành:

"Này Udayi, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm ? Sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Tiếng do tai nhận thức,... hương do mũi nhận thức,... vị do lưỡi nhận thức,... xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Những pháp này, này Udayi, là năm dục trưởng dưỡng.

Này Udayi, phàm có lạc gì, hỷ gì khởi lên, do duyên năm dục trưởng dưỡng này, lạc hỷ ấy được gọi là dục lạc, ô uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc, không nên thực hiện, không nên tu tập, không nên làm cho sung mãn.

Ta nói rằng lạc ấy đáng phải sợ hãi.

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tâm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm,... (như trên)... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Như vậy được gọi là yếm ly lạc, độc trú lạc, tịch tịnh lạc, chánh giác lạc, cần phải thực hiện, cần phải tu tập, cần làm cho sung mãn. Ta nói rằng lạc ấy không đáng sợ hãi.

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ nhất. Thiền này, này Udayi, Ta nói rằng ở trong tình trạng dao động. Và ở đây, cái gì dao động ? Ở đây, chính là tâm tứ chưa đoạn diệt, chính tâm tứ này ở trong tình trạng dao động.

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Các Thiền này, này Udayi, Ta nói rằng ở trong tình trạng dao động. Và ở đây, cái gì dao động ? Ở đây chính là hỷ lạc chưa được đoạn diệt, chính hỷ lạc này ở trong tình trạng dao động.

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Thiền này, này Udayi, Ta nói ở trong tình trạng dao động ? Và ở đây cái gì dao động ? Ở đây, chính là xả lạc chưa được đoạn diệt, chính xả lạc này ở trong tình trạng dao động.

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo xả lạc và xả khổ... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ tư. Thiền này, này Udayi, Ta nói là không ở trong tình trạng dao động.

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ nhất. Thiền này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi" và này Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì ? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ hai, đây là điều vị ấy cần vượt qua. Thiền này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này, Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì ? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly hỷ... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ ba, đây là điều vị ấy cần vượt qua. Thiền này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì ? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với di tướng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua. Thiền này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua. Thiền này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua, Thiền này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi tướng xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua. Thiền này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tướng phi tướng xứ, chứng và trú Diệt thọ tướng. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua. Chính vì (định) này, này Udayi, mà Ta nói sự đoạn diệt của Phi tướng phi tướng xứ. Này Udayi, Ông có thấy chăng, có kết sử gì, nhỏ hay lớn mà Ta chưa nói đến sự đoạn diệt ?

– Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Udayi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn giảng”.

Như vậy, kinh Ví dụ con chim cây trong bộ Kinh Trung bộ có hai nội dung chủ yếu:

Một là: Một khi chọn con đường tu Phật, những gì Như Lai đề ra chớ có xem đó là điều nhỏ nhặt, bỏ qua. Một khi Như Lai lấy đó là điều thuộc *giới học*, thì, đó là điều tiên quyết phải thực hành. Những thứ đã thành thói quen là những sợi dây leo (dây thừng) rất chắc, mỗi nhà tu hành hãy là con voi dũng mãnh phá tung những gì trói chặt ... Đừng như con chim cáy ngu si.

Hai là: Lấy *Tứ thánh đế* làm nền tảng cho sự tu hành. Và, qua kinh này, Thế Tôn cũng đã chỉ dạy rất kỹ các pháp đi đến cứu cánh giải thoát, đây có thể xem như cẩm nang để nhà tu hành luôn cất giữ bên mình.

17.
KINH CATUMA
(Catumasuttam)
(67)

Kinh Catuma thuật lại một sự kiện hy hữu: Thế Tôn đuổi 500 Tỷ-kheo, không cho được gần mình (để học đạo). Sự thể là:

“Một thời Thế Tôn ở tại Catuma trong rừng cây Kha-lưu-lạc. Lúc bảy giờ, khoảng năm trăm Tỷ-kheo, do Sariputta và Moggallana cầm đầu cùng đến Catuma để yết kiến Thế Tôn. Và các Tỷ-kheo mới đến chào đón các vị cựu trú Tỷ-kheo. Trong khi các sàng tọa được sửa soạn và y bát được cất dọn, nên các tiếng náo động ồn ào khởi lên. Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

– Này Ananda, các tiếng náo động ồn ào kia là các tiếng gì, thật giống như tiếng hàng đánh cá tranh giành cá với nhau.

– “Bạch Thế Tôn, đó là khoảng năm trăm Tỷ-kheo, do Sariputta và Moggallama cầm đầu, đã đến Catuma để yết kiến Thế Tôn. Và các Tỷ-kheo mới đến chào đón các vị cựu trú Tỷ-kheo. Trong khi các sàng tọa được sửa soạn và y bát được cất dọn, các tiếng náo động ồn ào khởi lên.

– “Vậy này Ananda, hãy nhân danh Ta bảo các Tỷ-kheo ấy: “Bậc Đạo Sư cho gọi các Tôn giả”.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, đi đến chỗ các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo ấy như sau:

– Bậc Đạo Sư cho gọi các Tôn giả.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có nghĩ chằng, các tiếng náo động ồn ào thật giống như tiếng hàng đánh cá tranh giành cá với nhau ?

– Bạch Thế Tôn, đó là khoảng năm trăm Tỷ-kheo, do Sariputta và Moggallana dẫn đầu, đã đến Catuma để yết kiến Thế Tôn và các Tỷ-kheo mới đến chào đón các vị cựu trú Tỷ-kheo. Trong khi các sàng tọa được sửa soạn và y bát được cất dọn, các tiếng náo động ồn ào khởi lên.

– Hãy đi đi này các Tỷ-kheo, Ta đuổi các Ông. Các Ông chớ có ở gần Ta.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp lại sàng tọa, cầm lấy y bát rồi ra đi”.

Năm trăm vị Tỷ-kheo này bị đuổi vì gây ồn ào bằng những lời lẽ của *hàng tôm hàng cá* (nói tục, chửi thề ...). Cho dù những Tỷ-kheo này dùng những lời *hàng tôm hàng cá*, song, Như Lai mà tâm vẫn còn *sân* – đến mức đuổi những người không quản khó khăn nhọc nhằn đến với mình học đạo ư ?

Thế Tôn hỏi Tôn giả Sariputta:

“Này Sariputta, Ông đã nghĩ gì khi chúng Tỷ-kheo bị Ta đuổi ?”

“Bạch Thế Tôn, khi chúng Tỷ-kheo bị Thế Tôn đuổi, con nghĩ như sau: “Nay Thế Tôn sẽ được ít bận rộn, sẽ được an trú trong hiện tại lạc. Chúng con nay cũng được ít bận rộn, sẽ được an trú trong hiện tại lạc”. Tôn giả Sariputta trả lời. Ngay sau khi nghe câu trả lời như vậy, Thế Tôn đã phải thốt lên rằng:

“Này Sariputta, hãy chờ đợi ! Này Sariputta, hãy chờ đợi ! Này Sariputta, chớ có để tư tưởng như vậy khởi lên Ông nữa”.

Hẳn nhiên, Như Lai sao lại có thể: vì một chút an lạc, tránh né bận rộn để đang tâm đuổi 500 vị Tỷ-kheo đến với mình ?!

“Rồi Thế Tôn nói với (hỏi) Tôn giả Mahamoggallana:

– Này Moggallana, Ông đã nghĩ gì khi chúng Tỷ-kheo bị Ta đuổi ?

– Bạch Thế Tôn, khi chúng Tỷ-kheo bị Thế Tôn đuổi, con nghĩ như sau: “Nay Thế Tôn sẽ được ít bận rộn, sẽ được an trú trong hiện tại lạc. Và, nay con cùng Tôn giả Sariputta sẽ lãnh đạo chúng Tỷ-kheo”. Tôn giả Mahamoggallana trả lời.

Thế Tôn khen:

– Lành thay, lành thay, Moggallana. Này Moggallana, chỉ có Ta hay Sariputta và Moggallana mới có thể lãnh đạo chúng Tỷ-kheo được.

Có nghĩa: Thế Tôn đã dùng phép *đối trị* để dạy cho những vị Tỷ-kheo kia bài học đầu tiên: phải biết giữ trật tự, nề nếp khi từ bỏ đời sống phóng túng – bước vào một môi trường mới – cần đến kỷ cương, phép tắc. Chỉ có phép đối trị như thế mới khiến cái “chợ vỡ” đầy những lời nói thô bạo tục tằn kia mới trở nên yên ắng được.

Cho nên, việc Thích tử trú ở Catuma và Phạm thiên Sahampati can ngăn, “xin cho” năm trăm vị Tỷ-kheo kia “được ở lại học tập” với Thế Tôn trở thành như là một “kịch bản” dựng sẵn vậy. Trong kinh, việc “xin cho” các vị Tỷ kheo ở lại như sau:

“Các Thích tử trú ở Catuma thấy các Tỷ-kheo ấy từ xa đi đến, sau khi thấy liền đến gặp các Tỷ-kheo, sau khi đến bèn nói như sau:

– Nay chư Tôn giả đi đâu ?

– Chư Huynh, chúng Tỷ-kheo bị Thế Tôn đuổi đi.

– Chư Tôn giả hãy ngồi lại một lát. Chúng tôi có thể làm cho Thế Tôn vui lòng.

– Thừa vâng, chư Huynh.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp các Thích tử trú ở Catuma. Rồi các Thích tử trú ở Catuma đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Thích tử trú ở Catuma bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ, cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ở đây, có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng. Ví như, bạch Thế Tôn, các hạt giống cây nếu không được nước, chúng có thể đổi khác, chúng có thể biến dạng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng. Ví như, bạch Thế Tôn, con nghé nếu không được thấy con bò mẹ, chúng có thể đổi khác, chúng có thể biến dạng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo”.

“Rồi Phạm thiên Sahampati (Ta bà Chủ) với tâm của mình biết được tâm Thế Tôn. Như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng như vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thế Tôn. Rồi Phạm thiên Sahampati, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-

kheo. Bạch Thế Tôn, ở đây, có những tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng. Ví như, bạch Thế Tôn, các hạt giống cây nếu không được nước, chúng có thể đổi khác, chúng có thể biến dạng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây, có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng. Ví như, bạch Thế Tôn, con nghé, nếu không được thấy con bò mẹ, nó có thể đổi khác, nó có thể biến dạng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây, có những tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo”.

“May mà nhờ” có các Thích tử trú ở Catuma và Phạm thiên Sahampati can ngăn, “xin cho” nên mới được ở lại nghe Thế Tôn giảng giải việc học đạo (!). Cho nên, khi Thế Tôn cho gọi (tập hợp) năm trăm vị Tỷ-kheo – lần này, cái “chợ vỡ” đã không còn.

Sau bài học đầu tiên (bị đuổi), bài kế Tiếp Thế Tôn dạy cho họ là:

“Này các Tỷ-kheo, có bốn điều đáng sợ hãi chờ đợi những ai lợi xuống nước. Thế nào là bốn ? Sợ hãi về sóng, sợ hãi về cá sấu, sợ hãi về nước xoáy, sợ hãi về cá dữ. Này các Tỷ-kheo, bốn điều đáng sợ hãi này chờ đợi những ai lợi xuống nước. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn điều đáng sợ hãi này, ở đây, chờ đợi những người xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình trong Pháp Luật này. Thế nào là bốn ? Sợ hãi về sóng, sợ hãi về cá sấu, sợ hãi về nước xoáy, sợ hãi về cá dữ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về sóng ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện gia nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này". Khi được xuất gia như vậy, vị này được các vị đồng Phạm hạnh giảng dạy, khuyên giáo: "Ông cần phải đi ra như vậy, Ông cần phải đi về như vậy; Ông cần phải ngó tới như vậy, Ông cần phải ngó quanh như vậy; Ông cần phải co tay như vậy, Ông cần phải duỗi tay như vậy; Ông cần phải mang y sanghati (tăng-già-lê), mang y bát như vậy". Vị ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia, chúng ta chưa xuất gia, chính chúng ta giảng dạy, khuyên giáo người khác. Những người này giống như con chúng ta, giống như cháu chúng ta, lại nghĩ rằng cần phải giảng dạy chúng ta, cần

phải khuyên giáo chúng ta". Vị ấy từ bỏ học tập, và trở về hoàn tục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này từ bỏ sự học tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về sống. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về sống là đồng nghĩa với phần nào.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về cá sấu ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này". Khi được xuất gia như vậy, vị này được các vị đồng Phạm hạnh giảng dạy, khuyên giáo: "Ông nên nhai cái này, Ông không nên nhai cái này; Ông nên ăn cái này, Ông không nên ăn cái này; Ông nên ném cái này, Ông không nên ném cái này; Ông nên uống cái này, Ông không nên uống cái này. Cái gì được phép, Ông nên nhai; cái gì không được phép, Ông không nên nhai. Cái gì được phép, Ông nên ăn; cái gì không được phép, Ông không nên ăn. Cái gì được phép, Ông nên ném; cái gì không được phép, Ông không nên ném. Cái gì được phép, Ông nên uống; cái gì không được phép, Ông không nên uống. Đúng thời, Ông nên nhai, không đúng thời, Ông không nên nhai. Đúng thời, Ông nên ăn; không đúng thời, Ông không nên ăn. Đúng thời, ông nên ném; không đúng thời, Ông không nên ném. Đúng thời, Ông nên uống; không đúng thời, Ông không nên uống". Vị ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia chúng ta chưa xuất gia, cái gì chúng ta muốn, chúng ta nhai, cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không nhai; cái gì chúng ta muốn, chúng ta ăn; cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không ăn; cái gì chúng ta muốn, chúng ta ném, cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không ném; cái gì chúng ta muốn, chúng ta uống; cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không uống. Cái gì được phép, chúng ta nhai; cái gì không được phép, chúng ta cũng nhai. Cái gì được phép, chúng ta ăn; cái gì không được phép, chúng ta cũng ăn. Cái gì được phép, chúng ta ném; cái gì không được phép, chúng ta cũng ném. Cái gì được phép, chúng ta uống; cái gì không được phép, chúng ta cũng uống. Cái gì đúng thời, chúng ta nhai; cái gì phi thời, chúng ta cũng nhai. Cái gì đúng thời, chúng ta ăn; cái gì phi thời chúng ta cũng ăn. Cái gì đúng thời, chúng ta ném; cái gì phi thời chúng ta cũng ném. Cái gì đúng thời, chúng ta uống; cái gì phi thời chúng ta cũng uống. Khi các gia chủ có tín tâm cúng dường chúng ta những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, hình như các món ăn ấy đang bị chặn đứng lại trên miệng". Vị ấy từ bỏ học tập, và trở về hoàn tục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này từ bỏ học tập, và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về cá sấu. Sợ hãi về cá sấu, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với tham ăn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về nước xoáy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này". Khi được xuất gia như vậy, vị này buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khát thực, không phòng hộ thân, không phòng hộ lời nói, niêm không an trú, các căn không chế ngự. Ở đây, vị này thấy gia chủ hay con người gia chủ hưởng thụ một cách đầy đủ, năm dục trưởng dưỡng và cảm thấy hoan hỷ trong ấy. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Chúng ta xưa kia chưa xuất gia đã hưởng thọ một cách đầy đủ năm dục trưởng dưỡng và cảm thấy hoan hỷ trong ấy. Vì nhà ta có tài sản, ta có thể vừa hưởng thọ tài sản, vừa làm công đức", vị ấy từ bỏ học tập và trở về hoàn tục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị này từ bỏ học tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về nước xoáy. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về nước xoáy là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về cá dữ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này". Khi được xuất gia như vậy, vị này buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn để khát thực, không phòng hộ thân, không phòng hộ lời nói, niêm không an trú, các căn không chế ngự. Vị này thấy ở đây các phụ nữ y phục không đoan chánh, hay y phục mặc lộ liễu. Khi thấy các phụ nữ y phục không đoan chính hay y phục lộ liễu, dục tình phá hoại tâm của vị ấy. Vị này, tâm bị dục tình phá hoại, từ bỏ học tập, trở về hoàn tục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này từ bỏ học tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về cá dữ. Này các Tỷ-kheo, sự sợ hãi về cá dữ là đồng nghĩa với phụ nữ.

Này các Tỷ-kheo, những điều này là bốn điều đáng sợ hãi ở đây, chờ đợi những người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong pháp luật này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy".

Như vậy, kinh Catuma trong bộ Kinh Trung bộ thuật lại một sự kiện hy hữu: Thế Tôn "đuổi học" năm trăm vị Tỷ-kheo. Tuy nhiên, sau đó năm trăm vị này được nhận lại để học, và Thế Tôn đã chỉ dạy cho họ nhận ra những điều đáng sợ phải vượt qua – của một người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong pháp luật của nhà Phật.

18.
KINH NALAKAPANA
(Nalakapanasuttam)
(68)

Kinh Nalakapana này sẽ mang đến cho những người tu theo pháp Phật một cái nhìn chân thực, thoáng đãng về *cứu cánh các quả đạo*.

Từ xưa đến nay, những nam Phật tử tu tại gia (nam cư sĩ) ; những nữ Phật tử tu tại gia (nữ cư sĩ) thường hay có những băn khoăn: phải chăng, muốn đạt những quả cao tột – *cứu cánh giải thoát* – phải là những Tỷ-kheo hoặc Tỷ-kheo ni ? Có nghĩa: phải là người xuất gia và phải “ăn chay trường” thì mới thành Phật – với những người tu tại gia, “ăn mặn” quanh năm thì ... giỏi lắm cũng chỉ đạt quả đạo “thường thường” (như *Bát thối* chẳng hạn) ! Phải chăng đúng là như thế ? Thế Tôn sẽ giải đáp những băn khoăn ấy trong kinh này.

Trước khi tìm hiểu kinh, xin lưu ý: qua tất cả các kinh của bộ Kinh Trung Bộ, không hề có một kinh nào đề cập đến việc phải “ăn chay” (phải ăn thực vật), cũng như chưa có một kinh nào đề cập đến việc không được “ăn mặn” (không được ăn động vật). Như đã trình bày, chỉ có kinh Jivaka đề cập đến việc ăn không mang tội như sau:

Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt không được thọ dụng: thấy, nghe và nghi (vì mình mà giết).

Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt không được thọ dụng.

Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt được thọ dụng: không thấy, không nghe và không nghi (vì mình mà giết).

Này Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt được thọ dụng”.

Như vậy, việc “ăn chay” chỉ là việc “đề ra” sau này. Ở đây sẽ không lý giải, phân tích, tranh luận: nên hay không nên “ăn chay” ; hệ lụy của việc “ăn chay” hoặc hệ lụy của việc “ăn mặn” v.v... Duy nhất, vấn đề được đề cập ở đây là: “ăn chay” hay “ăn mặn” không phải là nhân tố quyết định cho việc tu tập đạt quả *Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác – cứu cánh Niết Bàn* . Cho nên, đừng bao giờ đề cao việc “ăn chay”, cũng không nên có cái nhìn hoặc thái độ không hay với những ai ăn mặn (một khi thực hiện đúng lời dạy của Thế Tôn: *không thấy, không nghe và không nghi*).

Với những người không đủ sức khỏe, thiếu dưỡng chất, hãy khuyên họ nên “ăn mặn”, vì sự thật là: Như Lai cũng như các đại đệ tử của ngài, khi đang còn hành đạo, thường được các Vương tôn, Tôn giả mời ăn các món *thượng vị, cứng cũng như mềm* (thực vật thì chẳng có món xào, nấu, hầm nào gọi là *cứng*).

Một khi đã loại bỏ yếu tố “ăn chay” và “ăn mặn”, chỉ còn yếu tố tu tại gia và xuất gia, vậy, liệu rằng tu tại gia có thể thành Phật ? Nếu như tu tại gia, *ly bất thiện pháp ; ly dục tham, sân ...* thì sao không thành Phật ? Hãy xem Thế Tôn đề cập đến vấn đề này:

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala (Câu-tát-la) tại Nalakapana, rừng cây Palasa. Lúc bấy giờ nhiều Thiện gia nam tử có danh tiếng, vì lòng tin Thế Tôn, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, như Tôn giả Anuruddha (A-naluật-đà) Tôn giả Nandiya, Tôn giả Kimbila, Tôn giả Bhagu, Tôn giả Kundadhana, Tôn giả Revata, Tôn giả Ananda và một số Thiện gia nam tử danh tiếng khác (...).”

“Này các Anuruddha, Như Lai không vì mục đích lường gạt quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích lợi lộc, trọng vọng, danh xưng, quyền lợi vật chất, không vì với ý nghĩ: Như vậy quần chúng sẽ biết Ta”; mà Như Lai giải thích sự tái sanh các vị đệ tử đã từ trần đã mệnh chung, nói rằng: “Vị này tái sanh ở chỗ này, vị này tái sanh ở chỗ này”.

Và này các Anuruddha, có những Thiện gia nam tử có tin tưởng với tín thọ cao thượng, với hoan hỷ cao thượng, sau khi được nghe như vậy, sẽ chú tâm trên như thật (Tathata). Như vậy, này các Anuruddha, là hạnh phúc, là an lạc lâu đời cho các vị ấy.

Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo có nghe: “Tỷ-kheo với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: “Vị ấy an trú chánh trí”. Vị Tôn giả ấy đã được thấy hay đã được nghe: “Tôn giả này có giới hạnh như vậy, Tôn giả này có pháp như vậy, Tôn giả này có trí tuệ như vậy, Tôn giả này có an trú như vậy, Tôn giả này có giải thoát như vậy”. Tỷ-kheo khi nhớ đến lòng tin, giới hạnh, đa văn, bố thí và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo được sống lạc trú.

Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo có nghe: “Tỷ-kheo với tên như thế này, đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: “Sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử

vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa".

Tôn giả ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy, Tôn giả này có pháp như vậy... (như trên)... có trí tuệ như vậy,... có an trú như vậy, Tôn giả này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia bèn chú tâm trên như thật.

Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo được sống lạc trú. Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo có nghe: "Tỷ-kheo với tâm như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy chứng Nhất Lai, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa rồi sẽ diệt tận khổ đau". Tôn giả ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... Tôn giả này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia bèn chú tâm trên như thật.

Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo được sống lạc trú. Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo có nghe: "Tỷ-kheo với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn chứng được chánh giác". Tôn giả ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... Tôn giả này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo được sống lạc trú.

Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni có nghe: "Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Vị ấy an trú chánh trí". Tôn ni ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn ni này có giới hạnh như vậy, Tôn ni này có pháp như vậy, Tôn ni này có an trú như vậy, Tôn ni này có giải thoát như vậy. Tỷ-kheo-ni khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... khi nhớ đến trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni được sống lạc trú.

Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni có nghe: "Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa". Tôn ni ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn ni này có giới hạnh như vậy... Tôn ni này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo-ni nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia liền chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni được sống lạc trú.

Ở đây, này các Anuruddha, vị Tỷ-kheo-ni có nghe: "Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy chứng Nhất lai, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa rồi sẽ diệt tận khổ đau". Tôn ni ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn ni này có giới hạnh như vậy... (như trên)... Tôn ni này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo-ni khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni được sống lạc trú.

Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni có nghe: "Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn chứng được chánh giác". Tôn ni ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn ni này có giới hạnh như vậy ... (như trên) ... Tôn ni này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo-ni khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni được sống lạc trú.

Ở đây, này các Anuruddha, nam cư sĩ có nghe: "Nam cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui đời này nữa". Tôn giả ấy đã được thấy hay được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... có pháp như vậy... có trí tuệ như vậy... có an trú như vậy... Tôn giả này có giải thoát như vậy". Nam cư sĩ khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, liền chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha nam cư sĩ được sống lạc trú.

Ở đây, này các Anuruddha, nam cư sĩ có nghe: "Nam cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy chứng Nhất lai chỉ phải trở lui đời này một lần nữa rồi sẽ diệt tận khổ đau". Tôn giả ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... (như trên)... Tôn giả này có giải thoát như vậy". Nam cư sĩ, khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, nam cư sĩ được sống lạc trú.

Ở đây, này các Anuruddha, nam cư sĩ có nghe: "Nam cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu không còn bị đọa lạc, chắc chắn chứng được chánh giác". Tôn giả ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... (như trên)... có giải thoát như vậy. Tôn giả ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị

kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, nam cư sĩ được sống lạc trú.

Ở đây, này các Anuruddha, nữ cư sĩ có nghe: "Nữ cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa". Nữ nhân ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Nữ nhân này có giới hạnh như vậy... có pháp như vậy... có trí tuệ như vậy... có an trú như vậy... nữ nhân này có giải thoát như vậy". Nữ cư sĩ, khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, liền chú tâm trên sự thật. Như vậy, này các Anuruddha, nữ cư sĩ được sống lạc trú.

Ở đây, này các Anuruddha nữ cư sĩ có nghe: "Nữ cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy chứng Nhất lai, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa, rồi sẽ diệt tận khổ đau". Nữ nhân ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Nữ nhân này có giới hạnh như vậy ... (như trên) ... nữ nhân này có giải thoát như vậy". Nữ cư sĩ, khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, nữ cư sĩ được sống lạc trú.

Ở đây, này các Anuruddha, nữ cư sĩ có nghe: "Nữ cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu không còn bị đọa lạc, chắc chắn được chánh giác". Nữ nhân ấy đã được thấy hay đã được nghe. "Nữ nhân này có giới hạnh như vậy, nữ nhân này có pháp như vậy, nữ nhân này có trí tuệ như vậy, nữ nhân này có an trú như vậy, nữ nhân này có giải thoát như vậy". Nữ nhân ấy khi nhớ đến lòng tin, giới hạnh, sự đa văn, bố thí và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, nữ cư sĩ được sống lạc trú.

Như vậy, này các Anuruddha, Như Lai không vì mục đích lường gạt quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích được lợi lộc, trọng vọng, danh xưng, quyền lợi vật chất, không vì với ý nghĩ: "Như vậy quần chúng sẽ biết Ta", mà Như Lai giải thích sự tái sanh của các đệ tử đã từ trần, đã mệnh chung, nói rằng: "Vị này tái sanh ở chỗ này, vị này tái sanh ở chỗ này".

Và này các Anuruddha, có những Thiện gia nam tử có tin tưởng, với tín thọ cao thượng, với hoan hỷ cao thượng, sau khi được nghe như vậy, sẽ chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, là hạnh phúc, là an lạc lâu đời cho các vị ấy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà) hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy”.

Như vậy, kinh Nalakapana trong bộ Kinh Trung bộ đề cập đến vấn đề: Tất cả các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ đều có khả năng đạt các đạo quả như nhau – tùy thuộc vào *căn tánh* và sự tu tập của mỗi người.

Qua kinh này, rất cần thiết phải xóa bỏ sự phân biệt, sự hiểu sai về việc ăn chay, ăn mặn.

Rất nhiều người tin tưởng một cách cực đoan vào việc ăn chay – như thể đây là một phương cách duy nhất, bất biến – bất chấp thể trạng và sức khỏe – nhằm đạt được những quả đạo theo sở nguyện – đó là sự tin tưởng không đúng đắn, và không được lành mạnh ...

19.
KINH GULISSANI
(69)

Kinh Gulissani (tên một vị Tỷ-kheo) nói về một số điều (giới luật) quy định khi một người nào đó *sống giữa tầng chúng* (chịu khếp mình trong tầng đoàn). Một số điều này được Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất-một trong mười đại đệ tử của Thế Tôn) đề ra nhân khi *Tỷ-kheo Gulissani là vị sống tại rừng núi, hành động thô tháo đã đến giữa Tầng chúng do một vài công vụ.*

Các điều như sau:

"Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tầng, phải biết khéo léo về chỗ ngồi, nghĩ rằng: "Ta sẽ ngồi, không có chiếm lấy (chỗ ngồi) các Thượng tọa Tỷ-kheo, không có trục xuất chỗ ngồi của các niên thiếu Tỷ-kheo. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tầng, không biết khéo xử về chỗ ngồi, thì có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này lại không biết hành động như pháp ! " Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tầng phải biết khéo xử về chỗ ngồi.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo, sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tầng, không nên vào làng quá sớm và trở về ban ngày (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo, sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tầng, không nên đi đến các gia đình trước buổi ăn hay sau buổi ăn (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi, đến trú giữa chúng Tầng không nên trạo cừ, dao động (...).

Này Chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tầng, không nên nói nhiều lời và nói tạp nhạp (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi đến trú giữa chúng Tầng, phải là người dễ nói và là người thiện hữu (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thủ hộ các căn (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải tiết độ trong sự ăn uống (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải chú tâm cảnh giác (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải tinh cần tinh tấn (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải chánh niệm tỉnh giác (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải có Thiên định (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải có trí tuệ (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thực tập thắng pháp (abhidhamma), thắng luật (abhivinaya) (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thực tập các pháp tịch tịnh giải thoát (santavimokha), vượt khỏi các sắc pháp, và các vô sắc pháp (...).

Này chư Hiền, Tỷ-kheo sống ở rừng núi cần phải thực tập các pháp thượng nhân (thượng đẳng) (...).

Khi được nói vậy, Tôn giả Mahamoggallana (Mục Kiền Liên) nói với Tôn giả Sariputta như sau:

– Hiền giả Sariputta, các pháp này cần phải được chấp trì và thực tập chỉ bởi Tỷ-kheo sống ở rừng núi hay bởi Tỷ-kheo sống ở gần thôn làng ?

– Hiền giả Moggallana, các pháp này cần được phải chấp trì và thực tập bởi Tỷ-kheo sống ở rừng núi, huống chi Tỷ-kheo sống gần thôn làng !

Như vậy, kinh Gulissani trong bộ Kinh Trung Bộ nói về một số điều phải tuân thủ khi gia nhập tăng đoàn, trong đó có một số điều thuộc về giới hạnh của một Bồ Tát như: *Tinh tấn, thiên định, trí tuệ ...*

20.
KINH KITAGIRI
(Kitagirisuttam)
(70)

Mở đầu kinh, lại là giáo huấn của Như Lai về vấn đề ăn:

“Này các Tỷ-kheo, Ta ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Này các Tỷ-kheo, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Ta cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Này các Tỷ-kheo, hãy đến và ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Này các Tỷ-kheo, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, các Ông sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú”.

Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka không thực hiện sự giáo huấn này, Thế Tôn cho gọi hai Tỷ-kheo này để nói cho rõ:

“Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: “Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy (ăn đêm), các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt”, có thể chăng, này các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: “Hãy từ bỏ lạc thọ như vậy”? Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?”.

Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasukatrà lời:

“Thưa không, bạch Thế Tôn”.

“Này các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: “Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt”, do vậy Ta nói: “Hãy từ bỏ lạc thọ như vậy”. Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: “Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng”, có thể chăng, này các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: “Hãy chứng và trú lạc thọ như vậy”? Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?”.

Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasukatrà lời:

“Thưa không, bạch Thế Tôn”.

(...)

“Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng đối với tất cả Tỷ-kheo, có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng đối với tất cả Tỷ-kheo không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt được lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát; này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo như vậy, Ta nói rằng không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy ? Vì sự việc ấy đã được các vị này làm, nhờ không phóng dật. Các vị này không thể trở thành phóng dật. Và này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo còn là các bậc hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an ổn khỏi các triền ách; này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo như vậy, Ta nói rằng có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy ? Dầu cho trong khi các bậc Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, các vị ấy (cần phải) tự mình nhờ thượng trí chứng ngộ chứng đạt, và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này, các Thiện gia nam tử chân chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo này, vì thấy quả này của không phóng dật nên Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật”.

Nhân dịp này, Thế Tôn lại tiếp tục chỉ ra các hạng người – lần này là bảy hạng người – theo cách đánh giá rất lạ:

“Này các Tỷ-kheo có bảy hạng người sống trong đời này. Thế nào là bảy ? Bậc câu phân giải thoát, bậc tuệ giải thoát, bậc thân chứng, bậc kiến đạo, bậc tín giải thoát, bậc tùy pháp hành, bậc tùy tín hành.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc câu phân giải thoát ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân đã chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người câu phân giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy ? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật, vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc tuệ giải thoát ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng

dật. Vì sao vậy ? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật; vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc thân chứng ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi thân chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, một số lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc thân chứng. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy ? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc kiến đáo ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi tự thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, một số lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn; và các pháp do Như Lai tuyên thuyết được vị này thấy một cách hoàn toàn với trí tuệ và thực hành một cách hoàn toàn. Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là kiến đáo. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy ? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp sống không gia đình. Do vậy này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người tín giải thoát ? Ở đây, này các Tỷ-kheo có người, sau khi tự thân chứng đắc các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, một số lậu hoặc của vị này được đoạn trừ một cách hoàn toàn; và lòng tin của vị này đối với Như Lai đã được xác định, phát sanh từ căn để, an trú. Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là bậc tín giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy ? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp... ..sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người tùy pháp hành ? Ở đây, này các Tỷ-kheo có người sau khi tự thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi

các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, nhưng các lậu hoặc không được đoạn trừ một cách hoàn toàn; và các pháp do Như Lai tuyên thuyết (chỉ) được vị này chấp nhận một cách vừa phải với trí tuệ, dầu cho vị này có những pháp như là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Nay các Tỷ-kheo, vị này được gọi là người tùy pháp hành. Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy ? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp... .. sống không gia đình. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là người tùy tín hành? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người sau khi tự thân không chứng đắc có tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, nhưng các lậu hoặc không được đoạn trừ. Nhưng nếu vị này có đủ lòng tin và lòng thương Như Lai, thời vị này sẽ có những pháp như là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Nay các Tỷ-kheo, vị này được gọi là người tùy tín hành. Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy ? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, nhưng vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật”.

Và rồi Thế Tôn giảng về trí tuệ:

“Nay các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng trí tuệ được hoàn thành lập tức. Nhưng nay các Tỷ-kheo, trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ ? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, một vị có lòng tin đi đến gần; sau khi đến gần, vị ấy tỏ sự kính lễ; sau khi tỏ sự kính lễ, vị ấy lóng tai; sau khi lóng tai, vị ấy nghe pháp; sau khi nghe pháp, vị ấy thọ trì pháp, vị ấy suy tư ý nghĩa các pháp được thọ trì; sau khi suy tư ý nghĩa các pháp được chấp thuận; sau khi các pháp được chấp thuận, ước muốn sanh khởi; sau khi ước muốn sanh khởi, vị ấy nỗ lực; sau khi nỗ lực vị ấy cân nhắc; sau khi cân nhắc, vị ấy tinh cần. Do tinh cần, vị ấy tự thân chứng được sự thật tối thượng, và với trí tuệ thể nhập sự thật ấy, vị ấy thấy”.

“Nhưng nay các Tỷ-kheo, nếu không có lòng tin ấy, thời nay các Tỷ-kheo, không có sự đến gần ấy, thời nay các Tỷ-kheo, không có tỏ sự kính lễ ấy, thời nay các Tỷ-

kheo, không có sự lóng tai ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự nghe pháp ấy, thời này Tỷ-kheo, không có sự thọ trì pháp ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự suy tư ý nghĩa ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự chấp thuận pháp ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự ước muốn ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự nỗ lực ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự cân nhắc ấy, thời này các Tỷ-kheo không có sự tinh cần ấy. Nay các Tỷ kheo, ở đây, các Ông đã đi vào phi đạo. Nay các Tỷ-kheo, ở đây, các Ông đã đi vào tà đạo. Thật là quá xa, này các Tỷ-kheo, các kẻ ngu này đã đi ra ngoài pháp luật này”.

(...)

“Này các Tỷ-kheo, đối với một đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, vị ấy sẽ chứng được một trong hai quả như sau: Chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy”.

Như vậy, kinh Kitagiri trong bộ Kinh Trung bộ đề cập đến các vấn đề:

Trước hết, là việc Thế Tôn đề ra giới học: không ăn vào ban đêm (điều này Như Lai thấy và biết về hậu quả không hay từ việc ăn đêm mang lại).

Qua đây, Như Lai cũng lại chỉ ra bảy hạng người – với những tiêu chí mới, đó là: *Bậc câu phân giải thoát, bậc tuệ giải thoát, bậc thân chứng, bậc kiến đạo, bậc tín giải thoát, bậc tùy pháp hành, bậc tùy tín hành.*

Ngoài ra kinh cũng đề cập đến vấn đề *trí tuệ* của một người tu theo pháp Phật. Trí tuệ ấy không phải bỗng dưng mà có – nó được hình thành dần qua việc tu tập (đời này, kiếp này sang đời khác, kiếp khác). Để có được trí tuệ này, trước hết phải có được lòng tin. Lòng tin càng sâu, chắc, càng lớn ... thì đi càng cao, càng xa ...

21.

KINH BA MINH VACCHAGOTA

(Tevijja – vacchagotasuttam)

(71)

Kinh này ghi chép lại cuộc gặp gỡ giữa Thế Tôn và Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta. Vị du sĩ này đưa ra một số câu hỏi khá thú vị, nhờ vậy cũng làm sáng tỏ được khá nhiều vấn đề của nhiều người quan tâm (cuộc trao đổi không dài, xin trích dẫn toàn bộ):

“Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Sa-môn Gotama là bậc nhứt thiết trí, là bậc nhứt thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục". Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama là bậc nhứt thiết trí, là bậc nhứt thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại liên tục". Bạch Thế Tôn, những vị ấy nói về Thế Tôn có đúng với điều đã được nói, những vị ấy không vu khống Thế Tôn với điều không thực, nhưng đã giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và không một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quả trách ?

– Nay Vaccha, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama là bậc nhứt thiết trí, là bậc nhứt thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục". Thì đấy là họ nói về Ta không đúng với điều đã được nói, họ đã vu khống Ta với điều không thực, hư ngụy.

– Phải giải thích như thế nào, bạch Thế Tôn, chúng con mới nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, chúng con không vu khống Thế Tôn với điều không thực, chúng con mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp; và không một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quả trách ?

– Ông phải giải thích: "Sa-môn Gotama là bậc có ba minh (tevijja)", thì này Vaccha, Ông mới là người nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, mới không vu khống Thế Tôn với điều không thực, mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và mới không có một đồng pháp hành nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quả trách.

Này Vaccha, khi nào Ta muốn, Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... .. Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Vaccha, nếu Ta muốn, với thiên nhĩn thuần tịnh, siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... .. đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Vaccha, với sự đoạn diệt các lậu hoặc, Ta ngay trong hiện tại, tự mình với thượng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Và với sự giải thích: "Sa-môn Gotama là bậc có ba minh," này Vaccha, người ấy mới là người nói về Thế Tôn đúng với điều đã được nói, mới không vu không Thế Tôn với điều không thực, mới giải thích về Thế Tôn đúng pháp và tùy pháp, và mới không có một vị đồng hành pháp nào nói lời đúng pháp có thể lấy cớ để quở trách.

Khi được nói vậy, du sĩ Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, có thể có vị tại gia nào không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể đoạn tận khổ đau ?

– Này Vaccha, không có người tại gia nào không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể đoạn tận khổ đau.

– Tôn giả Gotama, có thể có người tại gia nào không đoạn trừ kiết sử tại gia mà khi thân hoại mạng chung lại có thể sanh Thiên ?

– Không phải chỉ một trăm, này Vaccha, không phải hai trăm, không phải ba trăm, không phải bốn trăm, không phải năm trăm, nhưng nhiều hơn như vậy là những người tại gia không đoạn trừ tại gia kiết sử mà khi thân hoại lại có thể sanh Thiên.

– Tôn giả Gotama, có hạng tà mạng ngoại đạo nào, sau khi thân hoại mạng chung có thể diệt tận khổ đau ?

– Này Vaccha, không có một tà mạng ngoại đạo nào, sau khi thân hoại mạng chung có thể diệt tận khổ đau.

Tôn giả Gotama, có hạng tà mạng ngoại đạo nào, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh Thiên ?

– Này Vaccha, dầu cho ta có nhớ đến 91 kiếp, Ta không biết một tà mạng ngoại đạo nào đã sanh Thiên, trừ một vị, và vị này thuyết về nghiệp và thuyết về tác dụng của nghiệp.

– Sự việc là như vậy, Tôn giả Gotama, thời ngoại đạo giới này (titthayatanan) là trống không cho đến vấn đề sanh Thiên.

– Sự việc là như vậy, này Vaccha, thời ngoại đạo giới này là trống không cho đến vấn đề sanh Thiên.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Ba Minh Vacchagotta trong bộ Kinh Trung bộ đề cập đến một số vấn đề:

Trước hết là có những người nói về Thế Tôn: *Sa-môn Gotama là bậc nhứt thiết trí, là bậc nhứt thiết kiến* – về này đúng. Tuy nhiên, tiếp tục là sai:

Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: "*Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục*".

Nói như vậy là *tri kiến* của Thế Tôn là *tri kiến* không kiểm soát được. Vì vậy, Thế Tôn mới chỉnh lại là: những *tri kiến* ấy, Thế Tôn *cần thì thấy và biết*.

Trong kinh này, vấn đề nhiều người quan tâm là: Một kẻ ác (*tà mạng*), gây ra tội tày đình, liệu rằng, có một sự *cứu rỗi* nào để *sanh thiên* hay không ? Thế Tôn trả lời rất rõ: không hề mảy may có lấy một người – ngoại trừ duy nhất người thuyết trình về Nghiệp và quả báo của nghiệp.

Những kẻ ác, gây ra bao cảnh tang thương: chỉ có đền tội.

22.

KINH AGGIVACCHAGOTTA

(Aggivacchagottasuttam)

(72)

Trong phần đầu kinh Aggivacchagotta, một lần nữa, ghi lại sự việc Thế Tôn không trả lời một số vấn đề - khi những vấn đề ấy- không liên quan đến mục đích cứu khổ của Ngài. Câu chuyện với vị Du sĩ ngoại đạo có nhiều nét thú vị:

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng ?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng ?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng ?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng ?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng ?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng ?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "N hư Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng ?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "N hư Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "N hư Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng ?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "N hư Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "N hư Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng ?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "N hư Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "N hư Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng ?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "N hư Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama ? " Tôn giả Gotama thấy có sự nguy hại gì mà Ngài không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến này như vậy ?

– Nay Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là thường trú" ; "Thế giới là vô thường" ; "Thế giới là hữu biên" ; "Thế giới là vô biên" ; "Sinh mạng và thân thể là một" ; "Sinh mạng và thân thể là khác" ; "N hư Lai có tồn tại sau khi chết" ; "N hư Lai không có tồn tại sau khi chết" ; "N hư Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi

chết" ; Này Vaccha, nghĩ rằng: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", như vậy là tà kiến, kiến trừu lam, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này Vaccha, Ta thấy có sự nguy hại này mà Ta không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến như vậy.

– Nhưng Tôn giả Gotama có tà kiến nào không ?

– Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, đây là điều Như Lai đã thấy: "Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt". Do vậy ta nói rằng, với sự đoạn trừ, ly tham, đoạn diệt, xả bỏ, vứt bỏ tất cả ảo tưởng tất cả hôn mê, của tất cả ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên, mà Như Lai được giải thoát, không còn chấp thủ.

– Thưa Tôn giả Gotama, một Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi chỗ nào ?

– Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?

– Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi ?

– Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi ?

– Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– (...) Thưa Tôn giả Gotama, tôi trở thành vô tri về điểm này, tôi trở thành mê mờ về điểm này, và một số tin tưởng tôi đã có đối với Tôn giả Gotama do các cuộc đàm thoại lúc trước đem lại, nay đã biến mất nơi tôi.

– *Này Vaccha, thôi vừa rồi, vô tri của Ông ! Thôi vừa rồi, mê mờ (của Ông) ! Này Vaccha, sâu kín là pháp này, khó thấy, khó giác ngộ, an tịnh, thù thắng, không thể luận bàn, tế nhị, chỉ bậc trí mới hiểu. Thật rất khó cho Ông có thể hiểu được, khi Ông thuộc tri kiến khác, kham nhẫn khác, lý tưởng khác, hành trì khác, Đạo sư khác. Và này Vaccha, nay Ta trở lại hỏi Ông. Hãy trả lời nếu Ông kham nhẫn. Này Vaccha, Ông nghĩ thế nào? Nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi ?"*

– *Tôn giả Gotama, nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, tôi có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi".*

– *Nhưng nếu, này Vaccha, có người hỏi Ông như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ ?", nếu được hỏi vậy, này Vaccha, Ông trả lời như thế nào ?*

– *Thưa Tôn giả Gotama, nếu có người hỏi tôi như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ ?", nếu được hỏi vậy, thưa Tôn giả Gotama, tôi sẽ trả lời như sau: "Ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, ngọn lửa này cháy đỏ do duyên nhiên liệu cỏ và củi".*

– *Này Vaccha, nếu ngọn lửa ấy bị tắt trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi ?"*

– *Tôn giả Gotama, nếu ngọn lửa ấy được tắt trước mặt tôi, tôi sẽ biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi".*

– *Này Vaccha, nếu có người hỏi Ông như sau: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt Ông, ngọn lửa ấy từ đây đã đi về phương hướng nào, phương Đông, phương Tây, phương Bắc, hay phương Nam ?", được hỏi vậy, này Vaccha, Ông trả lời thế nào ?*

– *Không có thể áp dụng ở đây, Tôn giả Gotama. Vì rằng, này Tôn giả Gotama, ngọn lửa ấy đã cháy vì duyên nhiên liệu cỏ và củi. Khi cỏ và củi ấy hết và vì không có nhiên liệu khác, nên được xem là không có nhiên liệu, đã bị tắt.*

– *Cũng vậy, này Vaccha, do sắc pháp này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, sắc pháp ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là sắc, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương. Khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có*

áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng. Do thọ này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, thọ ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát cái gọi là thọ, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng khó dò đến đáy đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng. Do tướng này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, tướng ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát cái gọi là tướng, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng. Do những hành này nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, các hành ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát những cái gọi là hành, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên, không có áp dụng. Do thức này, nhờ đó mà một người nhận thức Như Lai có thể nhận thức được, cái thức ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt được tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát cái gọi là thức, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, như một cây tala lớn, không xa làng hay thị trấn, vì vô thường nên cành lá rơi rụng, vỏ và đọt non rơi rụng, giác cây rơi rụng và sau một thời gian, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rơi rụng, với giác cây rơi rụng, cây ấy thuần tịnh chỉ còn lại lõi cây. Cũng vậy, lời nói này của Tôn giả Gotama, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rụng, với giác cây rơi rụng, lời nói ấy thuần tịnh, chỉ còn lại lõi cây. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy Pháp và quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như vậy kinh Aggivacchagotta trong bộ Kinh Trung Bộ cho thấy những gì Thế Tôn không trả lời là do những vấn đề ấy vượt quá xa sự hiểu biết của con người – có giải thích – thì những giải thích ấy không những không mang lại những thỏa đáng cho người nghe mà còn càng gây *phiền não*. Thế Tôn nói: *Này Vaccha, sâu kín là pháp này, khó thấy, khó giác ngộ, an tịnh, thù thắng, không thể luận bàn, tế nhị, chỉ bậc trí mới hiểu. Thật rất khó cho Ông có thể hiểu được, khi Ông thuộc tri kiến khác, kham nhẫn khác, lý tưởng khác, hành trì khác, Đạo sư khác.*

Câu nói ấy không chỉ dành cho vị Du sĩ mà dành cho những ai chưa tin, chưa phải thật sự là *bậc trí* vậy.

23.
ĐẠI KINH VACCHAGOTTA
(Mahavacchagottasutta)
(73)

Đại kinh Vacchagotta là kinh tập hợp nhiều kinh – rất đáng phải quan tâm – khi ở đây :

1. Thiện pháp và các bất thiện pháp:

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), nơi Kalandakanivape (chỗ nuôi dưỡng sóc). Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, bèn ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta thưa với Thế Tôn:

– Đã lâu rồi tôi mới được hầu chuyện với Tôn giả Gotama. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama giảng cho tôi một cách vắn tắt các thiện và bất thiện pháp.

Thế Tôn giảng:

– Tham, này Vaccha, là bất thiện, vô tham là thiện. Sân, này Vaccha, là bất thiện, vô sân là thiện. Si, này Vaccha, là bất thiện, vô si là thiện.

Như vậy, này Vaccha, ba pháp là bất thiện, ba pháp là thiện.

Sát sanh, này Vaccha, là bất thiện, từ bỏ sát sanh là thiện.

Lấy của không cho, này Vaccha, là bất thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện.

Tà hạnh trong các dục, này Vaccha là bất thiện, từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện.

Vọng ngữ, này Vaccha, là bất thiện, từ bỏ vọng ngữ là thiện.

Nói hai lưỡi, này Vaccha, là bất thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện.

Nói ác khẩu, này Vaccha, là bất thiện, từ bỏ nói ác khẩu là thiện.

Nói lời phù phiếm, này Vaccha, là bất thiện, từ bỏ nói lời phù phiếm là thiện.

Xan tham, này Vaccha, là bất thiện, không xan tham là thiện. Sân, này Vaccha, là bất thiện, không sân là thiện.

Tà kiến, này Vaccha, là bất thiện, chánh kiến là thiện.

Như vậy, này Vaccha, mười pháp là bất thiện, mười pháp là thiện.

Này Vaccha, khi ái được một Tỷ-kheo đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai, Tỷ-kheo ấy là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát.

Khái niệm *Tà kiến* (*bất thiện pháp*) ở đây là những gì thuộc *Hữu vi* ; ngược lại, *Chánh kiến* (*thiện pháp*) thuộc về *Vô vi*.

2. Chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại:

– (...) Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một Tỷ-kheo là đệ tử đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát ?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Tỷ-kheo đệ tử của Ta đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

– (...) Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một Tỷ-kheo-ni là đệ tử đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát ?

– Này Vaccha, không phải chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Tỷ-kheo-ni, đệ tử của Ta, đã đoạn trừ các lậu hoặc, với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

– (...) Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một Nam cư sĩ là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh, sau khi đã đoạn trừ năm hạ phân kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không phải trở lại đời này nữa ?

– *Này Vaccha, không phải chỉ một trăm... không phải năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Nam cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh, sau khi đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không phải trở lại đời này nữa.*

– (...) *Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một Nam cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng (tuy), hưởng thụ vật dục nhưng xây dựng Thánh giáo (Sasanakaro), chấp nhận giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc vô sở úy, không dựa vào người khác, sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư ?*

– *Này Vaccha, không phải chỉ một trăm... không phải năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Nam cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ vật dục, nhưng xây dựng Thánh giáo, chấp nhận giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc vô sở úy, không dựa vào người khác, sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư.*

– (...) *Nhưng không biết Tôn giả Gotama có một Nữ cư sĩ, là bậc đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không trở lại đời này nữa ?*

– *Này Vaccha, không phải chỉ một trăm... không phải năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Nữ cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không trở lại đời này nữa.*

– (...) *Nhưng không biết Tôn giả Gotama có Nữ cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ vật dục, nhưng xây dựng Thánh giáo, chấp nhận giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc vô sở úy, không dựa vào người khác, sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư ?*

– *Này Vaccha, không phải chỉ một trăm, không phải hai trăm, không phải ba trăm, không phải bốn trăm, không phải năm trăm mà nhiều hơn thế nữa là những Nữ cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ vật dục, nhưng xây dựng Thánh giáo, chấp nhận giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng đắc vô sở úy, không dựa vào người khác, sống trong Thánh giáo của bậc Đạo sư.*

– *Thưa Tôn giả Gotama, (...) vì rằng Tôn giả Gotama đã thành mãn pháp này, và các Tỷ-kheo đã thành mãn, và các Tỷ-kheo-ni đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn, và các Nam cư sĩ sống*

tại gia, mặc áo trắng hưởng thụ vật dục đã thành mãn, và các nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh đã thành mãn, và các Nữ cư sĩ sống tại gia, mặc áo trắng, hưởng thụ các vật dục đã thành mãn; như vậy Phạm hạnh này được đầy đủ về phương diện này.

Thưa Tôn giả Gotama, ví như con sông Hằng (Ganga) hướng về biển cả, chảy về biển cả, xuôi dòng về biển cả, liền đứng lại khi xúc chạm với biển cả; cũng vậy hội chúng này của Tôn giả Gotama, gồm có cư sĩ và xuất gia, hướng về Niết-bàn, chảy về Niết-bàn, xuôi dòng về Niết-bàn, đứng lại khi xúc chạm với Niết-bàn. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Tôn giả Gotama như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Nay con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

– Nay Vaccha, ai trước kia thuộc ngoại đạo muốn xuất gia trong pháp luật này, muốn thọ đại giới, người ấy phải sống bốn tháng biệt trú. Sau bốn tháng, (nếu) các Tỷ-kheo hoan hỷ, có thể cho vị ấy xuất gia, cho thọ đại giới để trở thành Tỷ-kheo. Nhưng ở đây, Ta biết sự sai biệt về tâm tánh chúng sanh.

– Bạch Thế Tôn, nếu những ai trước kia thuộc ngoại đạo, muốn xuất gia trong pháp luật này, muốn thọ đại giới phải sống bốn tháng biệt trú. Sau bốn tháng, (nếu) các Tỷ-kheo hoan hỷ, có thể cho (những vị ấy) xuất gia, cho thọ đại giới để trở thành Tỷ-kheo, con sẽ sống biệt trú bốn năm. Sau bốn năm, nếu các Tỷ-kheo hoan hỷ, hãy cho con xuất gia, cho con thọ đại giới để thành Tỷ-kheo.

3. Pháp Phật siêu việt:

Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới, nửa tháng sau khi thọ đại giới, Tôn giả Vacchagotta đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cho đến mức độ trí hữu học, minh hữu học có thể chứng đạt, con đã chứng đạt. Mong Thế Tôn dạy cho con pháp (khác) cao hơn.

Vậy này Vaccha, hãy tu tập hai pháp cao hơn này, chỉ và quán. Này Vaccha, hai pháp này được tu tập cao hơn, chỉ và quán, sẽ đưa đến sự thể nhập vào một số giới sai biệt.

Này Vaccha, nếu Ông muốn như sau: "Ta muốn chứng được các loại thần thông: ta có thể một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; ta có thể hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; Ta có thể độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta có thể đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ta có thể ngồi kiết già đi trên hư không như con chim, với bàn tay ta có thể chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, oai thân như vậy; ta có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên" thì Ông sẽ đạt được cái gì có thể chứng ngộ ở tại đây, nếu Ông còn giữ được đối tượng.

Này Vaccha, nếu Ông muốn như sau: "Với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, ta có thể nghe được hai loại tiếng, loài Trời và loài Người, xa hay gần", thì Ông sẽ đạt được những gì có thể chứng ngộ ở tại đây, nếu Ông còn giữ được đối tượng.

Này Vaccha, nếu Ông Muốn như sau: "Mong rằng ta có thể biết được tâm của các chúng sanh khác, của các người khác với tâm của ta; tâm có tham, ta có thể biết được là tâm có tham, hay tâm vô tham, ta có thể biết được là tâm vô tham; hay tâm có sân, ta có thể biết được là tâm có sân; hay tâm vô sân, ta có thể biết được là tâm vô sân; hay tâm có si, ta có thể biết được là tâm có si; hay tâm vô si, ta có thể biết được là tâm vô si; hay tâm chuyên chú, ta có thể biết được là tâm chuyên chú; hay tâm tán loạn, ta có thể biết được là tâm tán loạn; hay tâm đại hành, ta có thể biết được là tâm đại hành; hay tâm không phải đại hành; ta có thể biết được là tâm không phải đại hành; hay tâm chưa vô thượng, ta có thể biết là tâm chưa vô thượng; hay tâm vô thượng, ta có thể biết là tâm vô thượng; hay định tâm, ta có thể biết là định tâm; hay không phải định tâm, ta có thể biết là không phải định tâm; hay giải thoát tâm, ta có thể biết là giải thoát tâm; hay không phải giải thoát tâm, ta có thể biết là không phải giải thoát tâm"., thì Ông sẽ đạt được những gì có thể chứng ngộ tại đây, nếu Ông còn giữ được đối tượng.

Này Vaccha, Ông có thể muốn như sau: "Ta có thể nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, hai trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế

này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây. Như vậy, ta có thể nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết", Ông sẽ đạt được những gì có thể chứng ngộ tại đây, nếu Ông còn giữ được đối tượng.

Này Vaccha, Ông có thể muốn như sau: "Với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, ta có thể thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta có thể biết rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, ta có thể thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta có thể biết chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ", Ông sẽ đạt được những gì có thể chứng ngộ tại đây, nếu người còn giữ được đối tượng.

Này Vaccha, Ông có thể muốn như sau: "Với sự đoạn trừ các lậu hoặc, mong rằng ta có thể với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát", Ông sẽ chứng đạt những gì có thể chứng ngộ tại đây, nếu Ông còn giữ được đối tượng.

Rồi Tôn giả Vaccha hoan hỷ, tùy hỷ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi từ biệt. Rồi Tôn giả Vacchagotta độc trú viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu với thắng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, vì mục đích này Thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, hướng đến Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời khác nữa; Tôn giả Vacchagotta đã trở thành một vị La hán khác nữa.

Sau một thời gian, một số đông Tỷ-kheo đi đến yết kiến Thế Tôn. Tôn giả Vacchagotta thấy các Tỷ-kheo từ đằng xa đi đến, sau khi thấy liền đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói với các Tỷ-kheo ấy như sau:

- Chư Tôn giả đang đi đâu ?
- Thưa Hiền giả, chúng tôi đi đến yết kiến Thế Tôn.

- *Vậy chư Tôn giả hãy nhân danh tôi, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vacchagotta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và nói như sau: "Thế Tôn đã được con hầu hạ, Thiện Thế đã được con hầu hạ".*
- *Thưa vâng, Hiền giả.*

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vacchagotta. Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, Tôn giả Vacchagotta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch như sau: "Thế Tôn đã được con hầu hạ, Thiện Thế đã được con hầu hạ".*
- *Này các Tỷ-kheo, Ta đã được biết tâm của Tỷ-kheo Vacchagotta với tâm của Ta như sau: "Tỷ-kheo Vacchagotta là bậc tam minh, có đại thần lực, có đại uy lực". Các chư Thiên cũng báo với Ta ý nghĩa ấy: "Tỷ-kheo Vacchagotta là bậc tam minh, có đại thần lực, có đại uy lực".*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, Đại kinh Vacchagotta trong bộ Kinh Trung Bộ là kinh tập hợp nhiều kinh trong đó đề cập đến những vấn đề thiết yếu, rất rõ, rất cụ thể như sau:

Sự khác biệt giữa *thiện pháp* và các *bất thiện pháp* ;

Tất cả các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Nam cư sĩ, nữ cư sĩ đều có thể : *Chứng ngộ, chứng đạt* (đạt tất cả các quả đạo từ thấp đến cao) và *an trú ngay trong hiện tại*.

Pháp Phật là siêu việt với sự hỗ trợ của các phương tiện: *thiên nhãn, thiên nhĩ ... (Lục thông)*.

Ngoài ra, có thể xem Đại kinh Vacchagotta là kinh kể nối tiếp về cuộc đời của vị Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta rất thú vị.

24.

KINH TRƯỜNG TRẢO

(Dighanakhasuttam)

(74)

Kinh Trường Trảo (tên dịch của một vị Du sĩ ngoại đạo là: Dighanakha), đề cập một cách hết sức đơn giản nhưng cũng hết sức mạch lạc về một vấn đề mà không một người tu hành nào không quan tâm, đó là: *tâm giải thoát*.

Trước hết kinh đề cập đến một triết lý có vẻ là quá bế tắc, bi quan: "*Tất cả đều không làm cho tôi thích thú*".

"Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Rajagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakuta (Linh Thứu), trong hang Sukarakhata. Rồi du sĩ ngoại đạo Dighanakha (Trường Trảo) đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền đứng một bên. Đứng một bên, du sĩ ngoại đạo Dighanakha nói với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, tôi có lý thuyết như sau, tôi có tri kiến như sau: "Tất cả đều không làm cho tôi thích thú".

(...)

Và rồi Thế Tôn giảng giải:

"Này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú".

Này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú".

Này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú".

Ở đây, này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú," tri kiến này của họ là gần với tham dục, gần với triền phược, gần với hoan lạc, gần với đả trước, gần với chấp thủ.

Ở đây, này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú", tri kiến này của họ là gần với không tham dục, gần với không phiền trước, gần với không hoan lạc, gần với không chấp thủ.

(Với) những Sa-môn, Ba la môn có lý thuyết, có tri kiến : "Tất cả đều làm tôi thích thú".

Ở đây, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: "Tất cả đều làm tôi thích thú", và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này và nói: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng", như vậy là đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết, có tri kiến: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú", và Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết, có tri kiến: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú".

Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này. Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận; khi nào có tranh luận thời có chống đối; khi nào có chống đối thời có bực mình".

Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bực mình nên từ bỏ tri kiến này, không chấp thủ tri kiến khác. Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

(Với) những Sa-môn, Ba la môn có lý thuyết, có tri kiến : "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú".

Ở đây, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: "Tất cả đều làm tôi không thích thú", và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này và nói: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng", thì như vậy, ta đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết, có tri kiến: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú" và Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết, có tri kiến: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú".

Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này. Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận; khi nào có tranh luận thời có chống đối; khi nào có chống đối thời có bực mình".

Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bực mình, nên từ bỏ tri kiến ấy, không chấp thủ tri kiến khác. Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

(Với) những Sa-môn, Ba la môn có lý thuyết, có tri kiến : "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú". Ở đây, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú", và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này và nói: "Đây là sự thật ngoài ra là hư vọng", thì như vậy, ta đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết, có tri kiến: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú" và Sa-môn hay

*Bà-la-môn nào có lý thuyết, có tri kiến: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú".
Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này.*

*Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận; khi nào có tranh luận thời có chống đối,
khi nào có chống đối thời có bực mình". Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch
tranh luận, chống đối và bực mình, nên từ bỏ tri kiến ấy, không chấp thủ tri kiến
khác. Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri
kiến này.*

*Nhưng này Aggivessana, thân này có sắc, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ
com cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, cần
phải được quán sát là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bứu, như mũi tên, như
điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã.
Khi vị ấy quán sát thân này là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bứu, như mũi
tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là
vô ngã, thời thân, thân dục, thân ái, thân phục tòng được đoạn diệt.*

*Này Aggivessana, có ba thọ này; lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này
Aggivessana, trong khi cảm giác lạc thọ, chính khi ấy không cảm giác khổ thọ,
không cảm giác bất khổ bất lạc thọ chỉ cảm giác lạc thọ.*

*Này Aggivessana, trong khi cảm giác khổ thọ, chính khi ấy không cảm giác lạc thọ,
không cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chỉ cảm giác khổ thọ.*

*Này Aggivessana, trong khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chính khi ấy không cảm
giác lạc thọ, không cảm giác khổ thọ, chỉ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.*

*Này Aggivessana, lạc thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy
hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.*

*Này Aggivessana, khổ thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy
hại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.*

*Này Aggivessana, bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn
diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.*

*Thấy vậy, này Aggivessana, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly lạc thọ, yếm ly khổ thọ,
yếm ly bất khổ bất lạc thọ.*

Do yếm ly, vị ấy không có tham dục.

Do không tham dục, vị ấy được giải thoát.

*Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị
ấy biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm. Sau đời hiện tại,
không có đời sống nào khác nữa". Với tâm giải thoát như vậy, này Aggivessana,*

Tỷ-kheo không nói thuận theo một ai, không tranh luận với một ai, chỉ nói theo từ ngữ đã được dùng ở đời, không có chấp thủ (từ ngữ ấy).

Lúc bấy giờ Tôn giả Sariputta đứng sau lưng Thế Tôn và đang quạt Thế Tôn. Rồi Tôn giả Sariputta suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã thuyết cho chúng ta sự đoạn trừ các pháp ấy nhờ thắng trí. Thiện Thệ đã thuyết cho chúng ta sự tự bỏ các pháp ấy nhờ thắng trí". Khi Tôn giả Sariputta suy nghĩ như vậy, tâm (của Tôn giả) được giải thoát các lậu hoặc, không còn chấp thủ.

Còn đối với du sĩ ngoại đạo Dighanakha, pháp nhãn ly trần, vô cấu được khởi lên: "Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy được đoạn diệt". Rồi du sĩ ngoại đạo Dighanakha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư, liền bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Bằng một cách hết sức nhẹ nhàng, lấy sự giảng giải về một triết lý xem ra chẳng có gì lý thú: "Tất cả đều không làm cho tôi thích thú", kinh Trường Trảo trong bộ Kinh Trung Bộ từng bước đi đến vấn đề quá thiết yếu: Tâm giải thoát đi đến Cứu cánh giải thoát.

Sự giảng giải của Thế Tôn từng bước, từng bước ... và rồi, đến mức Ngài Xá-Lợi-Phất đã phải thốt lên: "Thế Tôn đã thuyết cho chúng ta sự đoạn trừ các pháp ấy nhờ thắng trí. Thiện Thệ đã thuyết cho chúng ta sự tự bỏ các pháp ấy nhờ thắng trí".

25.
KINH MAGANDIYA
(Magandiyasuttam)
(75)

Khi Thế Tôn còn tại thế và đang hành đạo đã có những “*Thánh điển*” ghi chép: “*Sa-môn Gotama phá hoại sự sống*”. Điều này được ghi nhận ở phần đầu kinh Magandiya.

“*Như vậy tôi nghe.*”

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru, tại thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammasadhamma, trên thềm cỏ trong nhà lửa của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaji. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Kammasadhamma để khát thực. Đi khát thực ở Kammasadhamma xong, sau bữa ăn, trên đường khi khát thực về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào khu rừng ấy, Thế Tôn đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa”.

Rồi du sĩ Magandiya, trong khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc họ Bharadvaja. Du sĩ Magandiya thấy thềm cỏ đã soạn sẵn trong nhà lửa của vị Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, khi thấy vậy liền nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja:

– *Tầm thềm cỏ này trong nhà lửa của Tôn giả Bharadvaja đã được sửa soạn cho ai, hình như là chỗ nằm ngủ của một Sa-môn ?*

– *Thưa Tôn giả Magandiya, có Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sakya (Thích-ca). Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Chỗ nằm này được sửa soạn cho Tôn giả Gotama ấy.*

– *Thật sự, này Tôn giả Bharadvaja, chúng tôi thấy một sự bất hạnh khi chúng tôi thấy chỗ nằm ngủ của Tôn giả Gotama, một vị phá hoại sự sống (bhunahuno).*

(Lúc ấy)*Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân nghe được câu chuyện giữa Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja và du sĩ Magandiya.*

Sau đó Thế Tôn gặp Du sĩ Magandiya và có cuộc nói chuyện:

– *Này Magandiya, con mắt ưa thích sắc, ái lạc sắc, hoan hỷ sắc, và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì con mắt và thuyết pháp để phòng hộ con mắt. Này Magandiya, có phải vì vậy mà Ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống ?"*

– *Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama phá hoại sự sống". Vì sao vậy ? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.*

– *Này Magandiya, tai ưa thích tiếng... Này Magandiya, mũi ưa thích hương... Này Magandiya, lưỡi ưa thích vị... Này Magandiya, thân ưa thích xúc... Này Magandiya, ý ưa thích pháp, ái lạc pháp, hoan hỷ pháp và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì ý và thuyết pháp để phòng hộ ý. Này Magandiya, có phải vì vậy mà ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống ?"*

– *Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống". Vì sao vậy ? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.*

– *Ông nghĩ thế nào, này Magandiya ? Ở đây, có người trước kia đam mê các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn.*

Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các sắc pháp, sau khi đoạn tận sắc ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với sắc pháp, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Này Magandiya, Ông có nói gì về người này ?

– *Không có gì, Tôn giả Gotama.*

– *Ông nghĩ thế nào ? Này Magandiya, ở đây, có người trước kia đam mê các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các xúc, sau khi đoạn tận xúc ái, sau khi trừ diệt nhiệt não đối với các xúc, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Này Magandiya, Ông có nói gì về người này ?*

– *Không có gì, Tôn giả Gotama.*

– *Này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta sống hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trường dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn.*

Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Này Magandiya, Ta có ba tòa lâu đài, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa hạ.

Này Magandiya, trong bốn tháng mùa mưa, Ta sống hưởng thụ trong lâu đài mùa mưa, được những nữ nhạc công giúp vui và không bước xuống khỏi lâu đài ấy. Rồi Ta sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục vọng, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác, chưa xả ly tham ái đối với các dục đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy ? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt Thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây, Ta không ham thích.

Vì như, này Magandiya, một gia chủ hay con một người gia chủ, giàu sang, tài vật nhiều, sở hữu nhiều, sống thọ hưởng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Vị ấy, sau khi làm thiện thân hành, sau khi làm thiện khẩu hành, sau khi làm thiện ý hành, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này, cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba.

Vị ấy ở đây, trong rừng Nandana, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn. Vị ấy thấy người gia chủ hay con người gia chủ đang thọ hưởng năm dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào ? Thiên tử ấy, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, vị ấy có ước vọng được như người gia chủ ấy, hay con người gia chủ ấy; hay năm dục trưởng dưỡng thuộc loài Người, hay trở lui về với các dục thuộc loài Người ?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama ! Vì sao vậy ? Vì thiên dục, thưa Tôn giả Gotama, là kỳ diệu hơn, là vi diệu hơn nhân dục.

Như đã từng đề cập: Cõi trời thứ *Ba mươi ba* nổi tiếng với cuộc chiến giữa các chư thiên và các thánh thần cõi Atula, cõi trời thứ *Ba mươi ba* này còn là nơi tái sinh của những ai chưa muốn từ bỏ *dục lạc* (còn có cuộc sống vợ chồng). Để tái sinh vào cõi trời này đòi hỏi đó là con người phải toàn thiện: *thân, khẩu, ý* đều *thiện*.

Rõ ràng: ở một cung bậc cao hơn – thì cảm thọ về *lạc* sẽ là khác hẳn. Với *thiên dục là vi diệu hơn nhân dục*. Và, một khi “cuộc sống” đạt được ở một cung bậc cao hơn – thì không một ai muốn trở lại cung bậc thấp làm gì.

Và rồi Thế Tôn “bộc bạch”:

“Này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta sống hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trường dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Này Magandiya, Ta có ba tòa lâu đài, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa hạ.

Này Magandiya, trong bốn tháng mùa mưa, Ta sống hưởng thụ trong lâu đài mùa mưa, được những nữ nhạc công giúp vui và không bước xuống khỏi lâu đài ấy.

Rồi Ta sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục vọng, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.

Rồi Ta thấy các chúng sanh khác, chưa xả ly tham ái đối với các dục đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục.

Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy ? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt Thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy.

Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây, Ta không ham thích”.

Tất cả những gì loài người đang mưu cầu (bằng mọi giá và bằng mọi cách) nhằm thỏa mãn khoái lạc (*dục lạc*): mắt (*sắc*), tai (*thanh*), mũi (*hương*), lưỡi (*vị*), thân (*xúc chạm mềm mại*) – theo Thế Tôn, đều là những thứ thấp kém – và Ngài

ví những khoái lạc ấy như những khoái lạc của người bị bệnh phong (cùi) – khi được “hong (hơ)” trước ngọn lửa than hừng cho thỏa cơn ngứa như điên như dại trong người:

“Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi; với thân (đây) những lở loét, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng”.

(...) “Thưa Tôn giả Gotama, kẻ bị bệnh cùi này, với thân (đây) những lở loét, với thân hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, với các căn bị hư hoại do sự xúc chạm đau khổ với ngọn lửa, lại có phản tưởng là được lạc thọ”.

Ý của vị Du sĩ Magandiya là: khi người bị bệnh phong, được hơ trên ngọn lửa than, một khoái cảm tràn đầy – không có gì bằng – khi làm dịu được cơn ngứa như điên như dại trong người.

Với người bị bệnh phong, những giây phút ấy là những giây phút được tận hưởng lạc thọ. Với những người không bị bệnh phong (những người ở tầng bậc cao hơn) – thì thấy đó là sự xúc chạm đau khổ giữa các căn bị hư hoại và ngọn lửa.

Rồi Thế Tôn nói rằng:

(...) “Này Magandiya, một người bị bệnh cùi thân (đây) lở loét, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng.

Này Magandiya, người bị bệnh cùi với thân (đây) lở loét, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, càng cào rách miệng các vết thương với các móng tay, càng hơ đốt thân mình trên hố than hừng chừng nào thời miệng các vết thương ấy lại càng thêm bất tịnh, càng thêm hôi thối và càng thêm thối nát, và người ấy chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do nhân duyên gãi ngứa miệng các vết thương; cũng vậy, này Magandiya, các chúng sanh, chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, chạy theo các dục.

Này Magandiya các chúng sanh, chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, càng chạy theo dục chừng nào, thời dục ái các chúng sanh ấy càng tăng trưởng, càng bị dục nhiệt não thiêu đốt, và họ chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do duyên nắm dục trưởng dưỡng”.

Đây là lý do tại sao Thế Tôn lại khuyên loài người: hãy *ly dục, ly bất thiện pháp, ly tham, ly sân*. Với sự *thấy* và sự *biết* thấu suốt của Như Lai ; với lòng thương tưởng chúng sanh vô hạn – Như Lai đã chỉ ra con đường *Bát chánh đạo* để chúng sanh không còn phải chịu cảnh “nướng” trên lửa *than hừng*.

Và, đây là những gì dành cho những người “quyền cao chức trọng”:

“Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào ? Ông có thấy hay nghe một vị vua hay vị đại thần của vua hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh không ?

– *Thưa không, Tôn giả Gotama.*

– *Lành thay, này Magandiya ! Này Magandiya, Ta cũng không thấy, cũng không nghe một vị vua hay vị đại thần của vua hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh”.*

Ngược lại:

“Nhưng này Magandiya, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã sống, đang sống hay sẽ sống với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh, tất cả những vị này, sau khi như chơn biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục ấy, với dục ái được đoạn tận, với dục nhiệt não được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm được an tịnh”.

Rồi Thế Tôn, thời ấy nói lên cảm hứng ngữ như sau:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,
Bát chánh là độc đạo,
An ổn và bất tử.*

Khi nghe như vậy, vị Du sĩ Magandiya (van này):

“Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn".

(...) Rồi Thế Tôn nói với vị Du sĩ:

"Vây này Magandiya, hãy thân cận các vị chân nhân. Nay Magandiya, do Ông thân cận các vị chân nhân, thời này Magandiya, Ông sẽ được nghe diệu pháp. Nay Magandiya, do người được nghe diệu pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp. Nay Magandiya, do Ông sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ tự mình biết, tự mình thấy: "Đây là những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên. Ở đây, những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên được trừ diệt, không có dư tàn. Do chấp thủ được diệt ở ta, nên hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được trừ. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này".

(Đoạn trừ bệnh đi đến cứu cánh Niết Bàn).

"Khi được nghe nói vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thừa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được các Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Con xin xuất gia với Tôn giả Gotama, con xin thọ đại giới.

– Nay Magandiya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy các tánh con người sai biệt nhau.

– Thừa Tôn giả Gotama, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này, phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới; thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, hãy cho con thọ đại giới để thành Tỷ-kheo. Và du sĩ Magandiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Magandiya ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là mục đích của vô thượng Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những

gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa". Tôn giả Magandiya hiểu biết như vậy.

Và Tôn giả Magandiya trở thành một vị A-la-hán nữa".

Như vậy, kinh Magandiya trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến sự lầm lạc của loài người – khi cố chạy theo các *dục lạc* – bằng mọi cách và bằng mọi giá. Thực ra, những *dục lạc* ấy tựa như những khoái cảm của người bị bệnh phong được hơ trên ngọn than hồng.

Nếu chưa dứt bỏ được các *dục lạc*, thì hãy chọn đời sống thuộc cõi trời thứ Ba mươi ba – nơi ấy, rất nhiều những tiên nữ vô cùng xinh đẹp ... Muốn vậy, *thân, khẩu, ý* đều phải là toàn thiện (thực hành *Bát chánh đạo*).

26.

KINH SANDAKA

(Sandakasuttam)

(76)

Kinh Sandaka ghi lại những lời giảng của Ngài Ananda cho khoảng năm trăm Du sĩ về hai chủ đề: bốn pháp phi phạm hạnh và bốn pháp bất an phạm hạnh.

Ngài Ananda nói:

“Này Sandaka (tên của một vị Du sĩ đại diện), bốn pháp phi phạm hạnh trú này, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, Bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và bốn pháp bất an phạm hạnh cũng được tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện”.

Bốn pháp phi phạm hạnh:

“Ở đây, này Sandaka, có vị Đạo sư có thuyết lý như sau, có quan điểm như sau: “Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, sau khi đã tự mình giác ngộ với thắng trí tuyên bố về đời này và đời sau.

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chúng Sa-môn quả (...)

Như vậy, ta biết gì, thấy gì mà ta sẽ sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư này ?”

Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

Có nghĩa: Nếu vị đạo sư kia nói là đúng: *Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác ...* thì tất cả đều đồng đẳng ; và, một khi tất cả mọi việc làm không có ý nghĩa – thì sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư kia với ý nghĩa gì ?

"Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư có thuyết lý như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn, hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp đoạt, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giết, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác.

Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất này, làm thành một đồng thịt, thành một chông thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, gây ra tội ác. Nếu đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy có tội ác, gây ra tội ác. Nếu đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy có phước báo, tạo nên phước báo. Bố thí, tự điều phục, tự chế ngự, nói thật không có công đức, không tạo nên công đức".

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chúng Sa-môn quá (...)

*Như vậy, ta biết gì, thấy gì mà ta sẽ sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư này?"
Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.*

Lại nữa, này Sandaka, ở đây, có vị Đạo sư có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình sẽ bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh, không nhân không duyên, các loài hữu tình sẽ được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả chúng sanh, tất cả sanh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn chi phối bởi định mệnh, bởi sự trùng hợp, bởi tự tánh. Họ hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu sanh loại".

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chúng Sa-môn quá (...)

*Như vậy, ta biết gì, thấy gì mà ta sẽ sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư này?"
Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.*

Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Có bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng không thể ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Thế nào là bảy? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc, và thứ bảy là mạn. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng không thể ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Ở đây, không có người giết hại hoặc người bị giết hại, người nghe hoặc người nói, người biết hoặc người khiến cho biết, khi có một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không ai tức đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi. (...).

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chúng Sa-môn quá (...)

Như vậy, ta biết gì, thấy gì mà ta sẽ sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư này?"
Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

Này Sandaka, bốn phi phạm hạnh trú này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây, người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

Bốn bất an phạm hạnh:

"Ở đây, này Sandaka, có bậc Đạo sư nhứt thiết tri nhứt thiết kiến, tự xem đã chứng được tri kiến hoàn toàn: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ và ta thức, tri, kiến được an trú ở trong ta, liên tục, không gián đoạn".

Trong kinh Ba Minh (chú giải Tập 2 này) đã đề cập đến vấn đề này, khi đó Thế Tôn trả lời như sau:

Này Vaccha, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama là bậc nhứt thiết trí, là bậc nhứt thiết kiến. Ngài tự cho là có tri kiến hoàn toàn: "Khi Ta đi, khi Ta đứng, khi Ta ngủ và khi Ta thức, tri kiến luôn luôn tồn tại, liên tục". Thì đấy là họ nói về Ta không đúng với điều đã được nói, họ đã vu khống Ta với điều không thực, hư ngụy.

(...)

Này Vaccha, khi nào Ta muốn, Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... ... Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Vaccha, nếu Ta muốn, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... ... đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Vaccha, với sự đoạn diệt các lậu hoặc, Ta ngay trong hiện tại, tự mình với thượng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Cho nên, nếu là: “Bậc Đạo sư nhưt thiết tri nhưt thiết kiến, tự xem đã chứng được tri kiến hoàn toàn: “Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ và ta thức, tri, kiến được an trú ở trong ta, liên tục, không gián đoạn” – thì đó là bất an bởi không tự chủ kiểm soát.

“Lại nữa, này Sandaka, ở đây, có vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, (xem) truyền thuyết là chân thật, vị này thuyết pháp theo truyền thuyết, theo tương truyền và truyền thống, theo uy tín (Thánh) tạng. Này Sandaka, nếu vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chân thật, vị ấy (có phần) khéo nhớ, (có phần) không khéo nhớ, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận. Do sự đả phá của lý luận và y cứ theo suy luận, vị này thuyết pháp theo nguyên tắc tự mình sáng tác. Này Sandaka, nếu vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận, vị ấy (có phần) khéo lý luận, (có phần) không khéo lý luận, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư là người đần độn, là người ngu si. Vì đần độn ngu si, khi được hỏi về vấn đề này, vấn đề khác, vị ấy dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn: “Theo tôi không phải như vậy, theo tôi không phải như kia, theo tôi không khác như thế, theo tôi không phải như thế, theo tôi không không phải như thế”.

Ở đây, này Sandaka người có trí sau khi biết: “Hạnh này là bất an”, nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi”.

Vị Du sĩ nói:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda ! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ananda ! Bốn pháp bất an phạm hạnh này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-

hán, Chánh Đăng Giác tuyên bố là bất an phạm hạnh, và ở đây người trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

Thưa Tôn giả Ananda, vị Đạo sư ấy dạy những gì, tuyên bố những gì, mà ở đây, người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống, có thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện ?

Ngài Ananda tiếp tục giảng giải:

– Ở đây, này Sandaka, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thường Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi riêng tự chứng ngộ với thượng trí... lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ... Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

(...) Sau khi trừ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt vì ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ.

Này Sandaka, nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư, thời ở đây người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống có thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, vị Tỷ-kheo diệt tâm và tứ... Nhị thiền... Tam thiền... chứng đạt và an trú Tứ thiền. Này Sandaka, nếu một đệ tử chiếm được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một Đạo sư, thời ở đây người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống có thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện. "

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy, hướng tâm đến túc mạng trí. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Sandaka, nếu một đệ tử chiếm được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư, thời ở đây người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống có thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Sandaka nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư, thời ở đây người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống có thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

Với tâm định tĩnh thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy như thật biết: "Đây là Khổ"... vị ấy như thật biết: "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc diệt". Vị ấy do biết vậy, do thấy vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa". Này Sandaka, nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một Đạo sư nào, thời ở đây người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống có thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện.

– Nhưng, thưa Tôn giả Ananda, một Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, vị Tỷ-kheo ấy có thể thọ dụng các dục vọng không ?

– Này Sandaka, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, vị ấy không thể vi phạm năm điều: Vị Tỷ-kheo, các lậu đã tận không có thể cố ý sát hại mạng sống chúng sanh; vị Tỷ-kheo các lậu đã tận không có thể lấy của không cho, được gọi là ăn trộm; vị Tỷ-kheo các lậu đã tận không có thể hành dâm dục; vị Tỷ-kheo các lậu đã tận không có thể cố ý nói láo; vị Tỷ-kheo các lậu đã tận không có thể hưởng thọ các dục đối với các vật được tàng trữ như trước khi còn tại gia. Này Sandaka, một vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, vị ấy không có thể vi phạm năm điều này.

– Thưa Tôn giả Ananda, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, khi vị ấy đi, đứng, ngủ và thức, có phải tri kiến vị ấy được an trú một cách liên tục, không gián đoạn: "Các lậu hoặc của ta đã được đoạn tận" ?

– Nay Sandaka, tôi sẽ cho Ông một ví dụ, nhờ ví dụ ở đây, một số người có trí sẽ biết ý nghĩa câu nói. Ví như, nay Sandaka, một người tay chân bị chặt; khi người ấy đi, đứng, ngủ và thức, tay chân bị chặt một cách liên tục, không gián đoạn, và khi người ấy suy tư về vấn đề này, người ấy biết: "Tay chân của ta bị chặt". Cũng vậy, nay Sandaka, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, khi vị ấy đi, đứng, ngủ và thức, các lậu hoặc được đoạn tận một cách liên tục, không gián đoạn, và khi vị ấy suy tư về vấn đề này, vị ấy biết: "Các lậu hoặc ta đã được đoạn tận".

– Nhưng thưa Tôn giả Ananda, có bao nhiêu vị lãnh đạo tối thắng trong pháp và luật này ?

– Nay Sandaka, không phải chỉ có một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm, mà còn nhiều vị lãnh đạo tối thắng hơn nữa trong pháp và luật này.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda ! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ananda ! Không có sự tự tán pháp của mình, không có sự hủy báng pháp của người khác, nhưng cả hai sự thuyết pháp với các hành trì (ayatane) và rất nhiều vị lãnh đạo tối thắng như vậy đã được thấy (ở đây). Còn các tà mạn ngoại đạo này là những đứa con của người mẹ không con, họ tự tán khen mình chê người, và họ chỉ có ba vị lãnh đạo tối thắng, tức là Nanda Vaccha, Kisa Sankicca và Makkhali Gosala.

Rồi du sĩ Sandaka nói với (500) đồ chúng của mình:

– Chư Tôn giả, hãy đi và sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama, tuy rằng nay không có dễ gì cho chúng ta từ bỏ quyền lợi, tôn kính và danh tiếng.
Như vậy du sĩ Sandaka đã đưa đồ chúng của mình sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama.

Như vậy, kinh Sandaka trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến bốn phi phạm hạnh và bốn bất an phạm hạnh . Qua đó, Ngài Ananda cũng đã truyền đạt những gì Thế Tôn dạy về các pháp thanh tịnh trú trong phạm hạnh, và với sự thuyết pháp khéo léo của mình, Du sĩ Sandaka đã đưa (toàn bộ) đồ chúng của mình sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama.

27.

KINH MAHA SAKULUDAYI

(77)

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivapa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, có rất nhiều vị du sĩ, có thời danh, có danh tiếng trú ở Moranivapa (Khổng Tước Lâm), tu viện các du sĩ, như Anugara, Varadhara, và du sĩ Sakuludayi cùng với các vị du sĩ thời danh, danh tiếng khác. Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Rajagaha để khát thực. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi khát thực ở Rajagaha. Ta hãy đến Moranivapa, tu viện các du sĩ, đi đến gặp du sĩ Sakuludayi". Rồi Thế Tôn đi đến Moranivapa, tu viện các du sĩ”.

(Ở đây Thế Tôn được biết rằng) sau một thời gian, các vị du sĩ nổi tiếng này đều bị học trò của mình kích bác và bỏ đi. (Các vị du sĩ nổi danh một thời ấy) không được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường. Và các đệ tử không có sau khi cung kính, tôn trọng sống nương tựa vào họ. Trái lại họ đã bị mạ lỵ với những lời mắng nhiếc.

Trước thực trạng ấy, du sĩ Sakuludayi (viện dẫn tin đồn) để không tiếc lời ca ngợi khi Thế Tôn đến thăm:

“Có một số người nói như sau: "Sa-môn Gotama này là bậc lãnh đạo hội chúng, bậc lãnh đạo đồ chúng, bậc sư trưởng đồ chúng, có thời danh, bậc Tổ sư có thanh danh, được quần chúng tôn sùng. Và vị này được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường. Và các đệ tử sau khi cung kính tôn trọng, sống nương tựa Sa-môn Gotama. Thuở xưa, Sa-môn Gotama đang thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người. Ở đây, một đệ tử của Sa-môn Gotama ho (thành tiếng). Một vị đồng Phạm hạnh dùng đầu gối đập (nhẹ) vào người ấy và nói: "Tôn giả hãy lặng tiếng ! Tôn giả chớ có làm ồn ! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đang thuyết pháp". Trong khi Sa-môn Gotama đang thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người, trong khi ấy không có một tiếng đàng hẵng, không có một tiếng ho giữa các đệ tử của Sa-môn Gotama. Từng nhóm đại thánh chúng đang sống trong nhiệt tình kỳ vọng; nghĩ rằng: "Thế Tôn sẽ thuyết pháp cho ta và ta được nghe". Ví như có người tại ngã tư đường, đang bóp vắt một bánh mật ong nhỏ trong sạch, và đại chúng đang sống nhiệt tình kỳ vọng. Cũng vậy, trong khi Sa-môn Gotama đang thuyết pháp cho hội chúng hàng trăm người, trong khi ấy không có một tiếng đàng

hắng, không một tiếng ho giữa các đệ tử của Sa-môn Gotama. Từng nhóm đại thánh chúng đang sống trong nhiệt tình kỳ vọng nghĩ rằng: "Thế Tôn sẽ thuyết pháp cho ta và ta sẽ được nghe". Các đệ tử của Sa-môn Gotama sau khi cãi lộn với các vị đồng Phạm hạnh từ bỏ tu học, trở lại hoàn tục, các vị ấy vẫn tán thán bậc Đạo sư, tán thán Pháp, tán thán Tăng, tự quở trách mình, không quở trách người khác: "Chính chúng ta thật bất hạnh, chính chúng ta thật thiếu phước, dầu chúng ta xuất gia trong pháp luật được khéo giảng như vậy mà không thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh cho đến trọn đời". Họ trở thành những người giữ vườn, hay những người cư sĩ và sống thọ trì năm giới". Như vậy Sa-môn Gotama được các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường, và các đệ tử sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa Sa-môn Gotama".

Tuy nhiên, khi được hỏi:

– Này Udayi, Ông thấy nơi ta có bao nhiêu pháp mà do các pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính tôn trọng, sống nương tựa vào Ta ?

Vị Du sĩ Sakuludayi lại trả lời:

– Bạch Thế Tôn, con thấy nơi Thế Tôn có năm pháp mà do năm pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn. Thế nào là năm ?

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ăn ít và tán thán hạnh ăn ít. (...) Do pháp này các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ loại y nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ loại y nào. (...) Do pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào. (...) Do pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn biết đủ với bất cứ sàng tọa nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ sàng tọa nào. (...) Do pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng,

kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng, sớng nương tựa vào Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn sớng viễn ly và tán thán hạnh sớng viễn ly. (...) Do pháp này các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng, sớng nương tựa vào Thế Tôn.

Chính năm pháp này, bạch Thế Tôn, con thấy nơi Thế Tôn. Do năm pháp này, các đệ tử cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Thế Tôn, và sau khi cung kính, tôn trọng sớng nương tựa vào Thế Tôn.

Thế Tôn nghe xong, nói rằng:

"Sa-môn Gotama ăn ít và tán thán hạnh ăn ít"; (...) thời này Udayi, có những đệ tử của Ta chỉ ăn với một bát (kosa), chỉ ăn với nửa bát, chỉ ăn với trái cây veluva, chỉ ăn với nửa trái cây veluva. Còn Ta, có khi Ta ăn hơn một bình bát này, có khi Ta ăn nhiều hơn như vậy nữa. (Như vậy, hạnh ăn ít của ta) không đáng cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và (không đáng) tôn trọng cung kính (không đáng đề) sớng nương tựa vào Ta.

"Sa-môn Gotama sớng biết đủ với bất cứ loại y nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ loại y nào"; (...) thời này Udayi, có những đệ tử của Ta sớng mặc phấn tảo y, mặc thô y. Những vị ấy lược từng mảnh vải từ bãi tha ma, hay từng đồng rác, hay từ tiệm phố, và sau khi làm thành áo sanghati (tăng-già-lê), họ mang loại áo ấy. Còn Ta, này Udayi, có khi Ta mặc vải y của cư sĩ cúng dường, các chỗ sờn mỏng được bện chắc lại với dây tơ cây bí trắng. (Như vậy, hạnh biết đủ với bất cứ loại y nào của ta) không đáng cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và (không đáng) tôn trọng cung kính (không đáng đề) sớng nương tựa vào Ta.

"Sa-môn Gotama sớng biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào", (...) thời này Udayi, có những đệ tử của Ta chỉ ăn những món ăn nhận trong bình bát khát thực, chỉ đi khát thực từng nhà một (không bỏ sót nhà nào); tự thỏa mãn với những món ăn mây mùn, khi đi vào trong nhà, dầu được mời ngồi, cũng không chấp nhận. Còn Ta, này Udayi, đôi khi Ta nhận ăn những chỗ được mời, nhận ăn các thứ gạo, cháo trong ấy các hạt đen được vớt bỏ, các loại canh, các loại trợ vị. (Như vậy, hạnh biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào của ta) không đáng cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và (không đáng) tôn trọng cung kính (không đáng đề) sớng nương tựa vào Ta.

"Sa-môn Gotama sống biết đủ và bất cứ sàng tọa nào và tán thán hạnh biết đủ với bất cứ sàng tọa nào"; (...) thời này Udayi, có những đệ tử của Ta sống dưới gốc cây, sống ở ngoài trời. Những vị ấy trong tám tháng không sống dưới mái che nào. Còn ta, này Udayi, có đôi khi Ta sống dưới những ngôi lâu có gác nhọn, có tô vôi trong và ngoài, được che gió, có then chốt đóng lại và có các cửa sổ khép kín. (Như vậy, hạnh biết đủ với bất cứ sàng tọa nào của ta) không đáng cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và (không đáng) tôn trọng cung kính (không đáng) sống nương tựa vào Ta.

"Sa-môn Gotama là vị sống viễn ly và tán thán hạnh viễn ly"; (...) thời này Udayi, có những đệ tử của Ta sống trong rừng núi, tại các trú xứ xa vắng. Sau khi đi sâu vào trong rừng núi, trong các trú xứ xa vắng, sống tại các chỗ ấy, và nửa tháng một lần mới trở về giữa Tăng chúng để tụng đọc Giới bản. Còn Ta, này Udayi, đôi khi ta sống doanh vây xung quanh bởi các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, Quốc vương, Đại thần, Ngoại đạo, đệ tử các ngoại đạo. (Như vậy, hạnh viễn ly của ta) không đáng cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và (không đáng) tôn trọng cung kính (không đáng) sống nương tựa vào Ta.

Này Udayi, các đệ tử của Ta do năm pháp này không cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và không cung kính, tôn trọng, không sống nương tựa vào Ta.

Và rồi Thế Tôn giảng giải:

"Này Udayi, lại có năm pháp khác, do năm pháp này, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa (vào Ta). Thế nào là năm ?

1.

Ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta tán phục Tăng thượng giới: "Sa-môn Gotama là vị có giới hạnh và thành tựu giới uẩn tối thượng". Này Udayi, chính đệ tử của Ta tán phục Tăng thượng giới, nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama là vị có giới hạnh và thành tựu giới uẩn tối thượng", đây là pháp thứ nhất, này Udayi, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

2.

Lại nữa, này Udayi, các đệ tử của Ta tán phục tri kiến vi diệu. Khi nói: "Ta biết", nghĩa là Sa-môn Gotama có biết. Khi nói: "Ta thấy", nghĩa là Sa-môn Gotama có thấy. Sa-môn Gotama thuyết pháp với thắng trí, không phải không với thắng trí.

Sa-môn Gotama thuyết pháp có nhơn duyên, không phải không có nhơn duyên. Sa-môn Gotama thuyết pháp có thần thông lực (Sappatihariyam), không phải không có thần thông lực. Nay Udayi, chính đệ tử của Ta thán phục trí kiến vi diệu và nghĩ rằng: "Khi nói: "Ta biết", nghĩa là Sa-môn Gotama có biết: Khi nói: "Ta thấy", nghĩa là Sa-môn Gotama có thấy. Sa-môn Gotama thuyết pháp với thắng trí, không phải không với thắng trí. Sa-môn thuyết pháp với nhơn duyên, không phải không có nhơn duyên. Sa-môn Gotama thuyết pháp có thần thông lực, không phải không có thần thông lực". Đây là pháp thứ hai này Udayi, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

3.

Lại nữa, này Udayi, đệ tử của Ta thán phục Tăng thượng trí tuệ và sự kiện này không thể xảy ra khi họ nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama là vị có trí tuệ và thành tựu tuệ uân tối thượng. (Tuy vậy) Ngài không thấy trước một luận đạo nào ở tương lai, hay một luận nạn ngoại đạo nào khởi lên (trong hiện tại) mà Ngài không luận phá sau khi khéo léo nạn phá với Chánh pháp". Nay Udayi, Ông nghĩ thế nào? Các đệ tử của Ta, sau khi biết như vậy, thấy như vậy, có thể làm gián đoạn một cuộc đàm thoại đang diễn tiến nữa chừng không?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nay Udayi, Ta không chờ đợi sự giáo giới từ nơi những đệ tử của Ta. Trái lại, chính những đệ tử của Ta chờ đợi sự giáo giới từ nơi Ta. Do vậy, này Udayi, sự kiện này không thể xảy ra khi các đệ tử của Ta thán phục Tăng thượng trí tuệ và suy nghĩ: "Sa-môn Gotama là bậc có trí tuệ và thành tựu tuệ uân tối thắng. (Tuy vậy) Ngài không thấy (trước) một luận đạo nào ở tương lai, hay một luận nạn ngoại đạo nào khởi lên (trong hiện tại) mà Ngài không luận phá, sau khi khéo léo nạn phá với chánh pháp". Đây là pháp thứ ba, này Udayi, mà các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

4.

Lại nữa, này Udayi, những đệ tử của Ta bị đắm chìm trong đau khổ, bị đau khổ chi phối, đến Ta và hỏi về khổ Thánh đế. Được hỏi về Khổ Thánh đế, Ta trả lời cho họ. Ta làm cho tâm của họ thỏa mãn với câu trả lời của Ta. Họ hỏi Ta về Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo Thánh đế, Ta trả lời cho họ. Ta làm cho tâm của họ thỏa mãn với câu trả lời của Ta. Đây là pháp thứ tư, này Udayi, mà các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

5.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ theo đường tu hành này, tu tập Bốn Niệm xứ. Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo quán thân trên thân, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu trên đời, quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu trên đời. Và ở đây các đệ tử của Ta, phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, tu tập Bốn Chánh cần. Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh ra được trừ diệt, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng; tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm... Và ở đây, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ theo đường tu hành này tu tập Bốn Thần túc. Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc, câu hữu với dục Thiên định tinh cần hành... tinh tấn Thiên định... tâm Thiên định, tu tập thần túc, câu hữu với tư duy Thiên định tinh cần hành. Và ở đây, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ theo đường tu hành này tu tập Năm Căn. Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo tu tập tín căn hướng đến an tịnh, đưa đến giác ngộ, tu tập tinh tấn căn... tu tập niệm căn... tu tập định căn... tu tập tuệ căn, hướng đến an tịnh, đưa đến giác ngộ. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ theo đường tu hành này, tu tập Năm Lực. Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo tu tập tín lực, hướng đến an tịnh, đưa đến giác ngộ, tu tập tinh tấn lực... tu tập niệm lực... tu tập định lực...tu tập tuệ lực, hướng đến an tịnh, đưa đến giác ngộ.

Ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí, và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, tu tập Bảy Giác chi. Ở đây, này các Udayi, vị Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ diệt, hướng đến xả, tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ diệt, hướng đến xả. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí, và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, tu tập Thánh đạo Tám ngành. Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, tu tập chánh tư duy, tu tập chánh ngữ, tu tập chánh nghiệp, tu tập chánh mạng, tu tập chánh tinh tấn, tu tập chánh niệm, tu tập chánh định. Và ở đây, này Udayi, các vị đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này tu tập Tám Giải thoát. "Tự mình có sắc, thấy các sắc", đó là giải thoát thứ nhất. "Quán tưởng nội sắc, thấy các ngoại sắc", đó là giải thoát thứ hai. "Quán tưởng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy", đó là giải thoát thứ ba. Vượt hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng đối ngại, không suy tư đến những tưởng khác biệt, với suy tư "Hư không là vô biên", chứng và trú "Không vô biên xứ", đó là giải thoát thứ tư. Vượt hoàn toàn Hư không vô biên xứ, với suy tư "Thức là vô biên", chứng và trú "Thức vô biên xứ", đó là giải thoát thứ năm. Vượt hoàn toàn "Thức vô biên xứ", với suy tư "không có vật gì", chứng và trú "Vô sở hữu xứ", đó là giải thoát thứ sáu. Vượt hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là giải thoát thứ bảy. Vượt hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng, đó là giải thoát thứ tám. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí, và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này tu tập Tám Thắng xứ. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai. Một vị quán

trưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thẳng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thẳng xứ thứ ba. Một vị quán trưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thẳng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thẳng xứ thứ tư. Một vị quán trưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh... như bông gai màu xanh, sắc màu xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh... như lụa Ba la nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, sắc màu xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán trưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thẳng chúng, ta thấy, ta biết", đó là thẳng xứ thứ năm. Một vị quán trưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng... như bông Kanikara màu vàng, sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng... như lụa Ba la nại, cả hai mặt láng trơn màu vàng, sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Như vậy vị này quán trưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thẳng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thẳng xứ thứ sáu. Một vị quán trưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ... như lụa sa Ba la nại, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán trưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thẳng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thẳng xứ thứ bảy. Một vị quán trưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng... như sao mai Osadhi màu trắng, sắc màu trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng... như lụa sa Ba la nại, cả hai mặt láng trơn màu trắng, sắc màu trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán trưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thẳng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thẳng xứ thứ tám. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thẳng trí, và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này tu tập Mười Biến xứ. Một vị biết được đất biến xứ: trên dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Một vị biết được nước biến xứ... Một vị biết được lửa biến... Một vị biết được gió biến... Một vị biết được xanh biến... Một vị biết được vàng biến... Một vị biết được đỏ biến... Một vị biết được trắng biến... Một vị biết được hư không biến... Một vị biết được thức biến xứ: trên, dưới,

ngang, bất nhị, vô lượng. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí, và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này tu tập Bốn Thiên. Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ. Vị Tỷ-kheo thấm nhuần tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này Udayi, như một người hầu tắm lão luyện, hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, trào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt, cũng vậy, này Udayi, vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tâm ướt, làm sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Lại nữa, này Udayi, vị Tỷ-kheo ấy diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Này Udayi, ví như một hồ nước, nước từ trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần; cũng vậy, này Udayi, vị Tỷ-kheo thấm nhuần; tâm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Lại nữa, này Udayi, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ và các bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng và an trú vào Thiên thứ ba. Vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Này Udayi, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tâm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần; cũng vậy, này Udayi, vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Lại nữa, này Udayi, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiên thứ tư, không khổ,

không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị Tỷ-kheo ấy ngồi thắm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thắm nhuần. Nay Udayi, ví như một người ngồi, dùng tám vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu; cũng vậy, này Udayi, vị Tỷ-kheo ngồi thắm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thắm nhuần. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi. Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này tuệ tri như sau: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc. Ví như, này Udayi, một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và một sợi dây được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy: "Hòn lưu ly bảo châu này, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và sợi dây này được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt". Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này biết được như sau: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào. Ví như, này Udayi, một người rút một cây lau ra ngoài vỏ, người ấy nghĩ: "Đây là vỏ, đây là cây lau, vỏ khác, cây lau khác, và cây lau từ vỏ rút ra". Ví như, này Udayi, một người rút thanh kiếm từ bao kiếm. Người ấy nghĩ: "Đây là thanh kiếm, đây là bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác; và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Ví như, này Udayi, một người lột xác một con rắn. Người ấy nghĩ: "Đây là con rắn, đây là xác rắn; con rắn khác, xác rắn khác; và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra". Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý

làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phân đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Ví như, này Udayi, một người thợ gốm khéo tay, hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Ví như, này Udayi, một người thợ ngà khéo tay, hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo khéo đũa, có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Ví như, này Udayi, người thợ vàng khéo tay, hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích; cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trong nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và sờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phân đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe được hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần. Ví như, này Udayi, một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xỏa và tiếng kiếng. Người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xỏa, tiếng kiếng. Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta, y cứ con đường tu hành này, với thiên nhĩ, thanh tịnh, siêu nhân, có thể nghe được hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phân đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình được biết như sau: "Tâm tham biết là tâm tham; tâm không tham, biết là tâm không tham. Tâm sân, biết là tâm sân; tâm không sân, biết là tâm không sân. Tâm si, biết là tâm si; tâm không si, biết là tâm không si. Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú; tâm không chuyên chú, biết là tâm không chuyên chú. Tâm đại hành, biết là tâm đại hành; tâm không đại hành, biết là tâm không đại hành. Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng biết là tâm vô thượng. Tâm Thiền định, biết là tâm Thiền định; tâm không Thiền định, biết là tâm không Thiền định. Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát. Ví như, này Udayi, một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch sáng suốt, hay một chậu nước trong; nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết□nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết". Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta, y cứ con đường tu hành này, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình được biết như sau: "Tâm tham, biết là tâm tham; tâm không tham biết là tâm không tham. Tâm sân, biết là tâm sân; tâm không sân, biết là tâm không sân. Tâm si biết là tâm si; tâm không si biết là tâm không si. Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú; tâm không chuyên chú; biết là tâm không chuyên chú. Tâm đại hành, biết là tâm đại hành; tâm không đại hành, biết là tâm không đại hành. Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng biết là tâm vô thượng. Tâm Thiền định, biết là tâm Thiền định; tâm không Thiền định, biết là tâm không Thiền định. Tâm giải thoát; biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát". Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phần đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy các vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá

khứ cùng với nét đại cương và các chi tiết. Ví như, này Udayi, một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta". Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... (như trên)... Như vậy các vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phân đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Những vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, các vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Những vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Ví như, này Udayi, một tòa lâu có thượng đài giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: "Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư hay trên đài thượng". Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Những vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... (như trên)... đều do hạnh nghiệp của họ. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phân đông an trú sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Lại nữa, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải

thoát, tuệ giải thoát. Ví như, này Udayi, tại dãy núi lớn có một hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, một người có mắt đứng trên bờ sông thấy con hén, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại, hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: "Đây hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hén, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ". Cũng vậy, này Udayi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Và ở đây, này Udayi, các đệ tử của Ta phân đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.

Này Udayi, đây là pháp thứ năm, do pháp này các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

Này Udayi, do năm pháp này, các đệ tử của Ta cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường Ta và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Ta.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Du sĩ Sakuludayi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy".

Như vậy kinh Maha Sakuludayi trong bộ Kinh Trung Bộ đặt trọng tâm vào năm pháp (yếu tố) mà qua đó các đệ tử của Thế Tôn cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn.

Năm pháp đó là:

1. "Sa-môn Gotama là vị có giới hạnh và thành tựu giới uẩn tối thượng".
2. Sa-môn Gotama có biết. Sa-môn Gotama có thấy. Sa-môn Gotama thuyết pháp với thắng trí, không phải không với thắng trí. Sa-môn Gotama thuyết pháp có như duyên, không phải không có như duyên. Sa-môn Gotama thuyết pháp có thần thông lực (Sappatihariyam), không phải không có thần thông lực.
3. "Sa-môn Gotama là vị có trí tuệ và thành tựu tuệ uẩn tối thượng. (Tuy vậy) Ngài không thấy trước một luận đạo nào ở tương lai, hay một luận nạn ngoại đạo nào khởi lên (trong hiện tại) mà Ngài không luận phá sau khi khéo léo nạn phá với Chánh pháp". Thế Tôn không chờ đợi sự giáo giới từ nơi những đệ tử của Ngài. Trái lại, chính những đệ tử của Ngài chờ đợi sự giáo giới từ nơi Thế Tôn.

4. *Những đệ tử của Thế Tôn bị đắm chìm trong đau khổ, bị đau khổ chi phối, đến Thế Tôn và hỏi về khổ Thánh đế. Được hỏi về Khổ Thánh đế, Thế Tôn trả lời cho họ. Thế Tôn làm cho tâm của họ thỏa mãn với câu trả lời của Thế Tôn. Họ hỏi Thế Tôn về Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo Thánh đế, Thế Tôn trả lời cho họ. Thế Tôn làm cho tâm của họ thỏa mãn với câu trả lời của Thế Tôn.*
5. *Tất cả những gì Thế Tôn thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ngài y cứ theo đường tu hành này, Và ở đây các đệ tử của Ngài, phân đông an trú, sau khi chứng ngộ nhờ thắng trí và chứng đắc cứu cánh viên mãn.*

28.

KINH SAMANAMANDIKA

(78)

Mở đầu kinh Samanamandika (tên một vị du sĩ nổi danh), Uggahamana, con của Samanamandika tuyên bố rằng:

“Ta chủ trương rằng một người nào thành tựu bốn pháp : không làm ác nghiệp về thân, không nói lời ác, không tư duy ác tư duy, không sinh sống (bằng) nếp sống ác, người ấy sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng”.

Người thợ mộc Pancakanga (nghe như vậy) không hoan hỷ, không kích bác lời nói của du sĩ Uggahamana, con của Samanamandika; ra đi, với ý nghĩ: "Từ Thế Tôn, ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này". Rồi thợ mộc Pancakanga đến chỗ Thế Tôn.

Thế Tôn sau khi nghe thuật lại, nói với thợ mộc Pancakanga:

(Thực ra) “Ta chủ trương rằng một người thành tựu mười pháp, người ấy sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng”.

Nếu như chỉ thành tựu bốn pháp : không làm ác nghiệp về thân, không nói lời ác, không tư duy ác tư duy, không sinh sống (bằng) nếp sống ác – thì, một đứa trẻ thơ còn nằm nưã chưa biết gì – sẽ là thiện cụ túc, thiện tối thắng, là Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng.

Và Thế Tôn giảng:

Mười pháp (mười điều) thuộc bốn lãnh vực (bốn phạm trù): Bất thiện giới ; Thiện giới ; Bất thiện tư duy và Thiện tư duy.

“Và này Thợ mộc, thế nào là bất thiện giới ? Thân nghiệp bất thiện, khẩu nghiệp bất thiện, nếp sống ác. Những pháp này, được gọi là bất thiện giới.

Và này Thợ mộc, những bất thiện giới này sanh khởi như thế nào ? Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến, cần phải trả lời từ tâm sanh khởi. Thế nào là tâm ? Tâm có nhiều loại, đa chủng, sai biệt. Tâm có tham, có sân, có si, từ đây những bất thiện giới sanh khởi.

Và này Thọ mộc, những bất thiện giới này từ đâu được trừ diệt, không có dư tàn ? Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến. Ở đây, này Thọ mộc, một Tỷ-kheo, sau khi đoạn trừ thân ác hạnh, tu tập thân thiện hạnh; sau khi đoạn trừ khẩu ác hạnh, tu tập khẩu thiện hạnh; sau khi đoạn trừ ý ác hạnh, tu tập ý thiện hạnh; sau khi đoạn trừ nếp sống ác sinh sống với nếp sống chánh. Ở đây, những bất thiện giới ấy được trừ diệt không có tàn dư.

Thực hành như thế nào, này Thọ mộc, là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện giới ? Ở đây, này Thọ mộc, vị Tỷ-kheo khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm; khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không được sanh khởi; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các thiện pháp chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có mơ hồ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn. Sự thực hành như vậy, này Thọ mộc, là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện giới.

Và này Thọ mộc, thế nào là thiện giới ? Thân nghiệp thiện, khẩu nghiệp thiện, nếp sống thanh tịnh mạng; những pháp này, này Thọ mộc, được gọi là thiện giới.

Và này Thọ mộc, những thiện giới này sanh khởi như thế nào ? Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến, cần phải trả lời là tự tâm sinh khởi. Thế nào là tâm ?

Tâm có nhiều loại, đa chủng, sai biệt. Tâm không tham, không sân, không si, từ đây những thiện giới sanh khởi.

Và này Thọ mộc, những thiện giới này từ đâu được trừ diệt, không có dư tàn, . Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến. Ở đây, vị Tỷ-kheo có giới hạnh, và không chấp trước giới (silamayo), và vị này như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ở đây, những thiện giới ấy được trừ diệt, không có dư tàn.

Thực hành như thế nào, này Thọ mộc, là sự thực hành đưa đến trừ diệt các thiện giới ? Ở đây, này Thọ mộc, vị Tỷ-kheo khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm, khiến cho các ác, bất thiện pháp, chưa sanh không được sanh khởi; khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt; khiến cho các thiện pháp chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm, khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có mơ hồ, được

tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn. Sự thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện giới.

Và này Thọ mộc, thế nào là bất thiện tư duy ? Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy. Pháp này, này Thọ mộc, được gọi là bất thiện tư duy.

Và này Thọ mộc, những bất thiện tư duy này sanh khởi như thế nào ? Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến. Cần phải trả lời là từ tưởng sanh khởi.

Thế nào là tưởng ? Tưởng có nhiều loại, đa chủng, sai biệt: dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng, từ đây những bất thiện tư duy sanh khởi.

Và này Thọ mộc, những bất thiện tư duy này từ đâu được trừ diệt, không có dư tàn ? Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến.

Ở đây, này Thọ mộc, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ. Ở đây, những bất thiện tư duy được trừ diệt, không có dư tàn.

Và sự thực hành như thế nào, này Thọ mộc, là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện tư duy ?

Ở đây, này Thọ mộc, vị Tỷ-kheo khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm; khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không được sanh khởi; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các thiện pháp chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm; khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có mơ hồ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn. Sự thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện tư duy.

Này Thọ mộc, thế nào là thiện tư duy ? Ly dục tư duy, vô sân tư duy, bất hại tư duy; những pháp này, này Thọ mộc, được gọi là thiện tư duy.

Và này Thọ mộc, những thiện tư duy này sanh khởi như thế nào ? Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến. Cần phải trả lời là từ tưởng sanh khởi.

Thế nào là tướng ? Tướng có nhiều loại, đa chủng, sai biệt: ly dục tướng, vô sân tướng, bất hại tướng, từ đây sanh khởi là những thiện tư duy.

Và này Thọ mộc, những thiện tư duy này từ đâu được diệt, không có dư tàn ? Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến.

Ở đây, này Thọ mộc, vị Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ở đây, những thiện tư duy ấy được trừ diệt không có dư tàn.

Và sự thực hành như thế nào, này Thọ mộc, là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện tư duy ?

Ở đây, này Thọ mộc, vị Tỷ-kheo khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm; khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không được sanh khởi; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các thiện pháp chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm, khiến cho các thiện pháp đã sanh, có thể duy trì, không có mơ hồ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn.

Sự thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện tư duy.

Ở đây, này Thọ mộc, vị Tỷ-kheo thành tựu vô học chánh tri kiến, thành tựu vô học chánh tư duy, thành tựu vô học chánh ngữ, thành tựu vô học chánh mạng, thành tựu vô học chánh tinh tấn, thành tựu vô học chánh niệm, thành tựu vô học chánh định, (Bát chánh đạo và) thành tựu vô học chánh trí, thành tựu vô học chánh giải thoát.

Và này Thọ mộc, Ta chủ trương rằng một người thành tựu mười pháp này, người ấy được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng.

Này Thọ mộc, Ta chủ trương rằng một người thành tựu mười pháp này sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thọ mộc Pancakanga hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy kinh Samanamandika trong bộ Kinh Trung Bộ một lần nữa đề cập đến mười pháp để một người tu hành đạt: *thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng (Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác)*.

Mười pháp này bao gồm “Bát chánh đạo”:

Chánh tri kiến ; Chánh tư duy ; Chánh ngữ ; Chánh mạng ; Chánh tinh tấn ; Chánh niệm và Chánh định.

Hai pháp để đi đến cứu cánh Niết Bàn, đạt *Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*:
Chánh trí và Chánh giải thoát.

29.

TIỂU KINH THIỆN SANH ƯU ĐÀ DI

(Culasakuludayisuttam)

(79)

Tiểu kinh Thiện sanh Ưu Đà Di chủ yếu là cuộc nói chuyện giữa Thế Tôn với du sĩ Sakuludayi – người đứng đầu của một số đông du sĩ khác. Sau đây là cuộc nói chuyện ấy:

– *Này Udayi, bậc Đạo sư của Ông dạy những gì ?*

Bạch Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng con dạy chúng con rằng: "Sắc này là tối thượng, sắc này là tối thượng".

– *Này Udayi, khi bậc Đạo sư của Ông dạy Ông rằng: "Sắc này là tối thượng, sắc này là tối thượng", thì sắc tối thượng ấy là sắc gì ?*

– *Bạch Thế Tôn, khi một sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn, hay thù thắng hơn, thì sắc ấy là sắc tối thượng.*

– *Này Udayi, sắc ấy là sắc gì, khi sắc ấy không có một sắc nào khác cao thượng hơn, hay thù thắng hơn ?*

– *Bạch Thế Tôn, khi một sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn, hay thù thắng hơn, thì sắc ấy là sắc tối thượng.*

– *Này Udayi, lời giải thích của Ông chỉ như vậy, Ông phải giải thích rộng rãi thêm. Nếu Ông nói: "Bạch Thế Tôn, khi một sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, sắc ấy là sắc tối thượng thì Ông không chỉ rõ sắc ấy. Này Udayi, như có người nói: "Tôi yêu và luyến ái một cô gái đẹp trong nước này". Có người hỏi: "Này Bạn, cô gái đẹp mà Bạn yêu và luyến ái ấy, Bạn có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà ?" Khi được hỏi, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này Bạn, cô gái đẹp Bạn yêu và luyến ái ấy, Bạn có biết tên gì, họ gì, lớn người, thấp người, hay người bậc trung ? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào ? Ở tại làng nào, thị trấn nào, hay thành phố nào ?" Khi được hỏi vậy người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này Bạn, như vậy có phải Bạn đã yêu và đã luyến ái một người bạn, Bạn không biết, không thấy ?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. – Này Udayi, Ông nghĩ*

thế nào ? Sự tình là như vậy thời lời nói của người ấy có phải là không hiệu năng không ?

– Bạch Thế Tôn, sự tình là như vậy thời lời nói của người ấy thật sự là không hiệu năng.

– Cũng vậy, này Udayi, khi Ông nói: "Bạch Thế Tôn khi một sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, thời sắc ấy là sắc tối thượng", thời Ông không chỉ rõ sắc ấy.

– Bạch Thế Tôn, ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, được đặt trên một tấm màn màu nhạt, tự nó sáng lên, chói lên, bừng sáng lên; với sắc như vậy, tự ngã là không bệnh, sau khi chết.

– Này Udayi, Ông nghĩ thế nào ? Một hòn lưu ly bảo châu nào, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, được đặt trên một tấm màn màu nhạt, tự nó sáng lên, chói lên, bừng sáng lên; hay con sâu đom đóm trong đêm đen tối mù, giữa hai quang sắc này, sắc nào vi diệu hơn, và thù thắng hơn ?

– Bạch Thế Tôn, con sâu đom đóm trong đêm đen tối mù, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Udayi, Ông nghĩ thế nào ? Con sâu đom đóm trong đêm đen tối mù hay là ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, giữa hai quang sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn ?

– Bạch Thế Tôn, ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, quang sắc (ngọn đèn dầu) này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Udayi, Ông nghĩ thế nào ? Ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, hay là một đống lửa lớn trong đêm đen tối mù, giữa hai quang sắc này quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn ?

– Bạch Thế Tôn, đống lửa lớn trong đêm đen tối mù, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Udayi, Ông nghĩ thế nào ? Đống lửa lớn trong đêm đen tối mù, hay ngôi sao mai trong một bầu trời trong sáng không mây vào lúc bình minh, giữa hai quang sắc này, (quang) sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn ?

– Bạch Thế Tôn, ngôi sao mai trong một bầu trời trong sáng không mây vào lúc bình minh, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Nay Udayi, Ông nghĩ thế nào ? Ngôi (sao Thái Bạch) sao mai trong bầu trời trong sáng không mây, trong lúc bình minh, hay là mặt trăng trong khi đứng bóng, trong một bầu trời trong sáng không mây vào lúc nửa đêm, trong ngày Uposatha (Bố-tát) vào ngày Rằm, giữa hai quang sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn ?

– Bạch Thế Tôn, mặt trăng trong khi đứng bóng, trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc nửa đêm, trong ngày Uposatha (Bố tát) vào ngày Rằm, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Nay Udayi, Ông nghĩ thế nào ? Mặt trăng trong khi đứng bóng, trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc nửa đêm, trong ngày Uposatha (Bố-tát) vào ngày Rằm, hay là mặt trời trong lúc đứng bóng, trong một bầu trời quang đãng, không mây, vào lúc giữa trưa, trong tháng cuối mùa mưa về mùa thu, giữa hai quang sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn ?

– Bạch Thế Tôn, mặt trời trong lúc đứng bóng, trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc giữa trưa, trong tháng cuối mùa mưa về mùa thu, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn.

– Nay Udayi, hơn tất cả những quang sắc ấy có nhiều, rất nhiều chư Thiên, mà ánh sáng của những mặt trăng mặt trời này không thể chiếu sáng. Ta biết những chư Thiên ấy. Và Ta không nói: "Không có một quang sắc nào khác vi diệu hơn và thù thắng hơn quang sắc ấy. Còn Ông, nay Udayi, Ông lại nói: "Quang sắc này, thấp kém hơn, yếu đuối hơn quang sắc con sâu đom đóm, quang sắc ấy là tối thắng". Và Ông không chỉ rõ quang sắc ấy.

– Thế Tôn đã cắt đứt câu chuyện. Thiện Thệ đã cắt đứt câu chuyện.

– Nay Udayi, sao Ông lại nói: "Thế Tôn đã cắt đứt câu chuyện. Thiện thệ đã cắt đứt câu chuyện ?"

– Bạch Thế Tôn, các vị Đạo sư của chúng con dạy như sau: "Quang sắc này là tối thượng, quang sắc này là tối thượng". Nhưng bạch Thế Tôn, các bậc Đạo sư của chúng con khi bị Thế Tôn đối nạn, cật nạn, vẩn nạn, (tự tỏ là) trống không, hư vọng, thất bại.

– Nhưng này Udayi, có một thế giới nhứt hướng lạc không ? Có đạo lộ hợp lý nào đưa đến chứng đắc thế giới nhứt hướng lạc ?

– Bạch Thế Tôn, các bậc Đạo sư của chúng con có dạy như sau: "Có một thế giới nhứt hướng lạc. Có đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc thế giới nhứt hướng lạc".

– Này Udayi, đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc thế giới nhứt hướng lạc là gì ?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có người đoạn trừ sát sanh, từ bỏ sát sanh, đoạn trừ lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, đoạn trừ tà dâm, từ bỏ tà dâm, đoạn trừ nói láo, từ bỏ nói láo, hay sống sau khi thọ trì một loại khổ hạnh. Bạch Thế Tôn, đó là đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc thế giới nhứt hướng lạc.

– Này Udayi, Ông nghĩ thế nào ? Trong khi đoạn trừ sát sanh, từ bỏ sát sanh, trong khi ấy tự ngã là nhứt hướng lạc hay cả lạc cả khổ ?

– Bạch Thế Tôn, cả lạc cả khổ.

– Này Udayi, Ông nghĩ thế nào ? Trong khi đoạn trừ lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, trong khi ấy, tự ngã là nhứt hướng lạc hay cả lạc cả khổ ?

– Bạch Thế Tôn, cả lạc cả khổ.

– Này Udayi, Ông nghĩ thế nào ? Trong khi đoạn trừ tà dâm, từ bỏ tà dâm, trong khi ấy tự ngã là nhứt hướng lạc, hay cả lạc cả khổ ?

– Bạch Thế Tôn, cả lạc cả khổ.

– Này Udayi, Ông nghĩ thế nào ? Trong khi đoạn trừ nói láo, từ bỏ nói láo, trong khi ấy tự ngã là nhứt hướng lạc, hay cả lạc cả khổ ?

– Bạch Thế Tôn, cả lạc cả khổ.

– Này Udayi, Ông nghĩ thế nào ? Trong khi sống thọ trì một loại khổ hạnh, trong khi ấy tự ngã là nhứt hướng lạc, hay cả lạc cả khổ ?

– Bạch Thế Tôn, cả lạc cả khổ.

– Này Udayi, Ông nghĩ thế nào ? Như vậy đạo lộ để chứng đắc một thế giới nhứt hướng lạc, đạo lộ ấy cả lạc cả khổ xen lẫn ?

– Thế Tôn đã cắt đứt câu chuyện, Thiện Thệ đã cắt đứt câu chuyện.

– Này Udayi, sao Ông lại nói như vậy: "Thế Tôn đã cắt đứt câu chuyện, Thiện Thế đã cắt đứt câu chuyện ?"

– Bạch Thế Tôn, các bậc Đạo sư của chúng con có dạy như sau: "Có một thế giới nhưt hướng lạc, có một đạo lộ hợp lý để chứng đắc thế giới nhưt hướng lạc". Nhưng các bậc Đạo sư của chúng con khi bị Thế Tôn đối nạn, cật nạn, vân nạn, (tự tỏ là) trống không, hư vọng, thất bại. Nhưng bạch Thế Tôn, có một thế giới nhưt hướng lạc không ? Có một đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc một thế giới nhưt hướng lạc không ?

– Này Udayi, có một thế giới nhưt hướng lạc; có một đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc thế giới nhưt hướng lạc.

– Bạch Thế Tôn, thế nào là đạo lộ hợp lý ấy đưa đến chứng đắc thế giới nhưt hướng lạc ?

– Ở đây, này Udayi, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng đắc và trú Thiên thứ nhất; sau khi diệt tâm và tứ... Thiên thứ hai... chứng đắc và trú Thiên thứ ba. Như vậy, này Udayi là đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc thế giới nhưt hướng lạc.

– Bạch Thế Tôn, đạo lộ ấy không phải là đạo lộ đưa đến chứng đắc thế giới nhưt hướng lạc. Chứng đắc như vậy, bạch Thế Tôn (phải chăng) là thế giới nhưt hướng lạc ?

– Này Udayi, chứng đắc như vậy chưa phải là thế giới nhưt hướng lạc. Đạo lộ ấy chỉ là đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc thế giới nhưt hướng lạc.

Khi được nói vậy, hội chúng của du sĩ Sakuludayi lớn tiếng, cao tiếng, to tiếng như sau:

– Ở đây, chúng tôi đã được nghe từ các vị Đạo sư. Ở đây, chúng tôi đã được nghe từ các vị Đạo sư. Chúng tôi không được biết gì hơn như vậy nữa.

Rồi du sĩ Sakuludayi sau khi làm cho các vị du sĩ ấy lặng tiếng xuống, liền bạch Thế Tôn:

– Phải đến mức như thế nào, mới là chứng đắc thế giới nhưt hướng lạc ?

– Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo đoạn trừ lạc... chứng đạt và an trú Thiên thứ tư; có bao nhiêu chư Thiên được sanh vào thế giới nhưt hướng lạc, Tỷ-kheo cùng đứng

với các chư Thiên ấy, cùng nói chuyện, cùng đàm luận. Cho đến mức độ như vậy, này Udayi, mới là chứng đắc thế giới nhứt hương lạc.

– Bạch Thế Tôn, có phải chỉ vì nhân duyên chứng đắc thế giới nhứt hương lạc mà các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự (chỉ dẫn) của Thế Tôn ?

– Này Udayi, không phải chỉ vì nhân duyên chứng đắc thế giới nhứt hương lạc mà các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự (chỉ dẫn) của Ta. Này Udayi, có những pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn. Vì nhân duyên chứng đắc các pháp ấy, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta.

– Bạch Thế Tôn, thế nào là những pháp cao thượng hơn, thù thắng hơn, vì nhân duyên chứng đắc các pháp ấy, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn ?

– Ở đây, này Udayi, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn... sau khi đoạn trừ năm triền cái này, những pháp làm ô uế tâm, làm mọi lược trí tuệ, ly dục, ly bất thiện pháp... chứng và trú Thiền thứ nhất.

Đây là pháp, này Udayi, cao thượng hơn và thù thắng hơn, do nhân duyên chứng đắc pháp này mà Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta.

Lại nữa này Udayi, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... đệ nhị Thiền... đệ tam Thiền... chứng và an trú đệ tứ Thiền.

Đây là pháp, này Udayi, cao thượng hơn và thù thắng hơn, do nhân duyên chứng đắc pháp này các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng không cấu uế, với các phiền não được đoạn trừ, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến túc mạng trí. Vị ấy nhớ nhiều đời ở quá khứ, như một đời, hai đời... nhớ đến nhiều đời sống ở quá khứ, với các nét đại cương và các chi tiết. Đây là pháp, này Udayi, cao thượng hơn và thù thắng hơn, do nhân duyên chứng đắc pháp ấy, Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu uế, với các phiền não được đoạn trừ, dễ sử dụng, nhu nhuyễn bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến sanh tử trí của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, thấy rõ sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của họ. Đây là pháp, này Udayi, cao thượng hơn và thù thắng hơn, do nhân duyên chứng đắc pháp này, vị Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu uế, với các phiền não được đoạn trừ, dễ sử dụng, nhu nhuyễn, vững chắc, bất động như vậy vị Tỷ-kheo hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy như thật biết: "Đây là Khổ"... "Đây là Khổ tập"... "Đây là Khổ diệt"... "Đây là con Đường đưa đến khổ diệt". Vị ấy như thật biết: "Đâu là những lậu hoặc"... "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc"... "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc". Vị ấy như thật biết: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc. Nhờ hiểu biết như vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân được giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa". Đây là pháp, này Udayi, cao thượng hơn, thù thắng hơn, do nhân duyên chứng đắc pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta.

Đây là những pháp, này Udayi, cao thượng hơn, thù thắng hơn, do nhân duyên chứng đắc những pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Ta.

Khi nghe nói vậy du sĩ Sakuludayi bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con xuất gia, dưới sự chỉ dẫn Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con thọ đại giới.

Khi được nghe nói vậy, chúng du sĩ của Sakuludayi nói với du sĩ Sakuludayi:

– Tôn giả Udayi, chớ có sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Sa-môn Gotama. Tôn giả Udayi, đã là bậc Đạo sư, nay chớ có sống làm đệ tử. Như một ghè nước tốt, nay bị thùng lỗ bị chảy nước; hành động của Tôn giả Udayi cũng sẽ như vậy. Tôn giả Udayi, chớ có sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Sa-môn Gotama ! Tôn giả Udayi đã là bậc Đạo sư, nay chớ có sống làm đệ tử.

Như vậy, chính chúng du sĩ của Sakuludayi đã làm một chương ngại pháp cho du sĩ Sakuludayi sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn.

Như vậy Tiểu kinh Thiện sanh Ưu Đà Di trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập chủ yếu về một đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc thế giới nhứt hướng lạc.

Đây không phải là cuộc tranh luận mang tính lý thuyết (Thế Tôn không bao giờ mất sức vì những cuộc tranh luận mang tính lý thuyết), mà từ thực tiễn cho thấy một *con đường đưa đến chứng đắc về một thế giới chỉ (nhứt) hướng lạc*.

Ngoài pháp Phật – không còn con đường nào như thế ; có chăng là những con đường *đưa đến chứng đắc về một thế giới vừa lạc vừa khổ* – như những gì du sĩ *Sakuludayi* thừa nhận.

Đáng tiếc thay cho du sĩ *Sakuludayi* – không được may mắn như một số du sĩ trước đó – được *sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Sa-môn Gotama*.

30.

KINH VEKHANASSA

(80)

Kinh Vekhanassa cũng là cuộc nói chuyện (thực ra là giảng giải) giữa Thế Tôn với một du sĩ – du sĩ Vekhanassa – có lẽ cùng một đạo sư với du sĩ *Sakuludayi* trong kinh trước – vì cả hai vị này có nhận thức về sắc như nhau. Tuy nhiên, sự giảng giải của Thế Tôn dành cho mỗi người mỗi khác:

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Savatthi (Xá-vệ) , Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tịnh xá ông Anathapinka (Cấp Cô Độc). Rồi du sĩ Vekhanassa đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên. Đứng một bên, du sĩ Vekhanassa thốt lên lời cảm hứng sau đây trước mặt Thế Tôn:

– Sắc này là tối thượng, sắc này là tối thượng.

– Nhưng này Kaccana, sao Ông lại nói như sau: “Sắc này là tối thượng, sắc này là tối thượng” ?

– Tôn giả Gotama, sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn, hay thù thắng hơn, sắc này là tối thượng.

– Nhưng này Kaccana, sắc ấy là sắc gì mà không có sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn ?

– Tôn giả Gotama, sắc nào không có sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, sắc ấy là tối thượng.

– Này Kaccana, lời giải thích của Ông chỉ dài như vậy, Ông phải giải thích rộng rãi thêm. Nếu Ông nói: “Tôn giả Gotama, sắc nào không có sắc khác cao thượng hơn hay thù thắng hơn, sắc ấy là tối thượng”, thời Ông không chỉ rõ sắc ấy. Này Kaccana, ví như có người nói: “Tôi yêu và luyến ái một cô gái đẹp trong nước này”. Có người hỏi: “Này Bạn, cô gái đẹp mà Bạn yêu và luyến ái ấy, Bạn có biết là người giai cấp nào; là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà ?” Khi được hỏi, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: “Này Bạn, cô gái đẹp Bạn yêu và luyến ái ấy, Bạn có biết tên gì, họ gì, lớn người, thấp người hay bậc trung ? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào ? Ở tại làng nào, thị trấn nào hay thành phố nào ?” Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: “Này Bạn, như vậy có phải Bạn yêu và luyến ái một người Bạn không biết, không thấy ?” Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Kaccana, Ông nghĩ thế nào ? Sự tình là như vậy, thời lời nói của người có phải là không có hiệu năng không ?

– Bạch Tôn giả Gotama, sự tình là như vậy thời lời nói của người ấy thật sự là không có hiệu năng.

– Cũng vậy, này Kaccana, khi Ông nói: "Tôn giả Gotama khi sắc nào không có một sắc khác cao thượng hơn, hay thù thắng hơn, sắc ấy là tối thượng", thời Ông không chỉ rõ sắc ấy.

– Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài được đặt trên một tấm màn màu nhạt, tự nó sáng lên, chói lên, bừng sáng lên. Với sắc như vậy, tự ngã là không có bệnh, sau khi chết.

– Này Kaccana, Ông nghĩ thế nào ? Một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa khéo mài, được đặt trên một tấm màn màu nhạt, tự nó sáng lên, chói lên, bừng sáng lên, hay con sâu đom đóm trong đêm tối mịt mù, giữa hai quang sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn ?

– Thưa Tôn giả Gotama, con sâu đom đóm trong đêm đen tối mịt mù này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Kaccana, Ông nghĩ thế nào ? Con sâu đom đóm trong đêm đen tối mù hay ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, giữa hai quang sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn ?

– Thưa Tôn giả Gotama, ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, (quang sắc ngọn đèn dầu) này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Kaccana, Ông nghĩ thế nào ? Ngọn đèn dầu trong đêm đen tối mù, hay là một đống lửa lớn trong đêm đen tối mù, giữa hai quang sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn ?

– Thưa Tôn giả Gotama, đống lửa lớn trong đêm đen tối mù, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Kaccana, Ông nghĩ thế nào ? Đống lửa lớn trong đêm đen tối mù hay ngôi sao mai trong sáng không mây vào lúc bình minh, giữa hai quang sắc này quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn ?

– Thưa Tôn giả Gotama, ngôi sao trong sáng không mây vào lúc bình minh, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Kaccana, Ông nghĩ thế nào ? Ngôi (sao Thái Bạch) sao mai trong bầu trời trong sáng không mây, trong lúc bình minh hay là mặt trăng trong khi đứng bóng, trong một bầu trời trong sáng không mây vào lúc nửa đêm, trong ngày Uposatha (Bố-tát) vào ngày Rằm. Giữa hai quang sắc này, (quang) sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn ?

– Thưa Tôn giả Gotama, mặt trăng trong khi đứng bóng, trong một bầu trời quang đãng, không mây, vào lúc nửa đêm trong ngày Uposatha (Bố-tát) vào ngày Rằm, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn giữa hai quang sắc.

– Này Kaccana, Ông nghĩ thế nào ? Mặt trăng trong khi đứng bóng, trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc nửa đêm trong ngày Uposatha (Bố-tát) vào

ngày Rằm, hay là mặt trời trong lúc đứng bóng, trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc giữa trưa, trong tháng cuối mùa mưa về mùa thu, giữa hai quang sắc này, quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn ?

– Thưa Tôn giả Gotama, mặt trời trong lúc đứng bóng, trong một bầu trời quang đãng không mây, vào lúc giữa trưa, trong tháng cuối mùa mưa về mùa thu, quang sắc này vi diệu hơn và thù thắng hơn.

– Nay Kaccana, hơn tất cả quang sắc ấy có rất nhiều, rất nhiều chư Thiên, mà ánh sáng của những mặt trăng, mặt trời này không thể chiếu sáng. Ta biết những chư Thiên ấy và Ta không nói: "Không có một quang sắc nào vi diệu hơn và thù thắng hơn quang sắc ấy. Còn Ông, này Kaccana, Ông lại nói: "Quang sắc này thấp kém hơn, yếu đuối hơn quang sắc con sâu đôm đóm, quang sắc ấy là tối thắng", và Ông không chỉ rõ quang sắc ấy.

Này Kaccana, có năm dục trường dưỡng này. Thế nào là năm ? Các sắc có mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay Kaccana, những pháp này là năm dục trường dưỡng. Nay Kaccana, lạc và hỷ nào khởi lên, duyên với năm dục trường dưỡng này, được gọi là dục lạc. Như vậy, bởi vì có dục, nên có dục lạc; từ nơi dục lạc, dục tối thượng lạc được gọi ở đây là tối thượng.

Được nghe nói vậy, du sĩ Vekhanassa bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn ! Tôn giả Gotama đã khéo nói như sau: "Bởi vì có dục, nên có dục lạc; từ nơi dục lạc, dục tối thượng lạc được gọi ở đây là tối thượng".

– Cái này thật khó cho Ông có thể hiểu được, này Kaccana, về dục, hay dục lạc, hay dục tối thượng lạc. Ông là người thuộc chấp kiến khác, thuộc kham nhẫn khác, thuộc mục đích khác, thuộc tu tập khác, thuộc Đạo sư khác. Nay Kaccana, nhưng đối với Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, đã làm những việc cần làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, những vị ấy biết: "Dục, dục lạc, hay dục tối thượng lạc".

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Vekhanassa, phẫn nộ và bất mãn, mắng nhiếc cả Thế Tôn, miệt thị cả Thế Tôn và nói:

– Sa-môn Gotama sẽ bị đọa lạc.

Và du sĩ Vekhanassa (vận lại):

– Nhưng như vậy, ở đây, có một số Sa-môn, Bà-la-môn không biết về quá khứ, không thấy về tương lai, nhưng các vị ấy tự cho: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, từ nay không trở lại đời sống này nữa". Lời nói như vậy của họ tự chứng tỏ là đáng cười, tự chứng tỏ là nói suông, tự chứng tỏ là trống không, tự chứng tỏ là hư vọng.

– Nay Kaccana, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết về quá khứ, không thấy được tương lai, nhưng tự cho là ta biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui đời này nữa", lời phủ nhận chỉ trích như vậy về họ là hợp pháp.

Nhưng này Kaccana, hãy bỏ qua quá khứ, hãy bỏ qua tương lai.

Hãy đến, người có trí không gian trá, không xảo quyệt, chơn trực và nói như sau: "Ta giảng dạy, ta thuyết pháp".

Nếu thực hành theo điều đã dạy, thời không bao lâu người ấy tự biết mình, tự thấy mình: "Như vậy thật sự là đã giải thoát khỏi sự ràng buộc chánh tức là sự ràng buộc của vô minh".

Ví như, này Kaccana, một đứa trẻ, bé nhỏ, yếu ớt, nằm giữa, bị trói buộc nơi cổ với năm trói buộc, rất có thể làm bằng dây. Sau khi nó lớn lên, sau khi các căn nó thuần thực, nó được giải thoát khỏi các trói buộc ấy, khi không còn trói buộc nữa, nó biết: "Ta được giải thoát".

Cũng vậy, này Kaccana, hãy đến người có trí không gian trá, không xảo quyệt, chơn trực và nói như sau: "Ta giảng dạy, ta thuyết pháp".

Nếu thực hành theo điều đã dạy, thời không bao lâu người ấy tự biết mình, tự thấy mình: "Như vậy thật sự là đã giải thoát khỏi sự ràng buộc chánh, tức là sự ràng buộc của vô minh".

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Vekhanassa bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! ... Xin Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử. Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như vậy, kinh Vekhanassa trong bộ Kinh Trung Bộ cũng có cùng xuất phát điểm như Tiểu kinh Thiện sanh Ưu Đà Di, là cuộc nói chuyện (thực ra là giảng giải) giữa Thế Tôn với hai vị du sĩ – có lẽ cùng một đạo sư: du sĩ Vekhanassa với du sĩ Sakuludayi.

Như Lai biết căn tánh của mỗi người mỗi khác nên với du sĩ Sakuludayi Thế Tôn giảng: con đường đưa đến chứng đắc về một thế giới chỉ (nhứt) hướng lạc ; trong khi với du sĩ Vekhanassa Thế Tôn đề cập đến năm dục trưởng dưỡng và Ngài

khuyên du sĩ Vekhanassa : *hãy đến người có trí không gian trá, không xảo quyết, chơn trực và nói như sau: "Ta giảng dạy, ta thuyết pháp".*
Nếu thực hành theo điều đã dạy, thời không bao lâu người ấy tự biết mình, tự thấy mình: "Như vậy thật sự là đã giải thoát khỏi sự ràng buộc chánh, tức là sự ràng buộc của vô minh".

Và du sĩ Vekhanassa đã xin Tôn giả Gotama nhận làm đệ tử, trọn đời quy ngưỡng.

31.

KINH GHATIKARA

(81)

Thật rất hiếm khi toàn bộ kinh Ghatikara lại là một câu chuyện kể . Cho dù đã trải qua hàng ngàn năm, nhưng cách thể hiện cấu trúc của một câu chuyện kể vẫn rất hiện đại. Đây là câu chuyện kể hay, có nhiều điều cho chúng sanh suy nghĩ ... Càng quý hơn khi câu chuyện do đức Thế Tôn kể, xin trích đăng toàn bộ:

“Nhu vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn đi du hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn bước xuống bên lề đường, đến tại một địa điểm rồi mỉm cười. Tôn giả Ananda suy nghĩ: "Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại mỉm cười. Không phải không lý do, Như Lai lại mỉm cười". Rồi Tôn giả Ananda đáp y về phía một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì. Thế Tôn lại mỉm cười. Không phải không lý do, Như Lai lại mỉm cười.

– Thuở xưa này Ananda, tại địa điểm này là một thị trấn tên là Vebhalinga, phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Đây Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sống ở đây, dựa vào thị trấn Vebhalinga. Ở đây, này Ananda, là tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính tại đây, này Ananda. Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ngồi giảng dạy cho chúng Tỷ-kheo.

Rồi Tôn giả Ananda gấp tư y sanghati (tăng-già-lê), trải ra rồi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thỉnh Thế Tôn ngồi xuống. Chính tại địa điểm này, hai bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sẽ sử dụng.

Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

– Thuở xưa, này Ananda, tại địa điểm này là thị trấn tên Vebhalinga, phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Đây Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã sống dựa vào thị trấn Vebhalinga. Chính tại đây, này Ananda, là tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính tại đây, này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ngồi giảng dạy cho chúng Tỷ-kheo.

Này Ananda, chính tại thị trấn Vebhalinga, có người thợ làm đồ gốm tên là Ghatikara, người này là người đàn tín của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vị đàn tín đệ nhất.

Thanh niên Jotipala là người bạn chí thân của thợ gốm Ghatikara. Rồi này Ananda, thợ gốm Ghatikara nói với thanh niên Jotipala:

"– Này bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy".

Khi nghe nói vậy, này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi, bạn Ghatikara, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

Lần thứ hai, này Ananda... (như trên)... Lần thứ ba, này Ananda, thợ gốm Ghatikara nói với thanh niên Jotipala:

"– Này bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy".

Lần thứ ba này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi bạn Ghatikara yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

"– Vậy này bạn Jotipala, hãy cầm đồ gãi lưng và bột tắm, chúng ta hãy đi đến sông để tắm".

"– Thưa bạn, vâng".

Này Ananda, thanh niên Jotipala vâng đáp thợ gốm Ghatikara như vậy.

Thợ gốm Ghatikara và thanh niên Jotipala lấy đồ gãi lưng và bột tắm, đi đến sông để tắm. Rồi này Ananda, thợ gốm Ghatikara nói với thanh niên Jotipala:

"– Này bạn Jotipala, chỗ này cách tu viện Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không bao xa. Này bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy".

Khi nghe nói vậy, này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Thôi vừa rồi, bạn Ghatikara, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì?"

Lần thứ hai, này Ananda, ... (như trên)... lần thứ ba này Ananda, thợ gốm Ghatikara nói với thanh niên Jotipala:

"– *Này bạn Jotipala, chỗ này cách tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không bao xa. Này bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy*".

Lần thứ ba, này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ góm Ghatikara:

"– *Thôi vừa rồi, bạn Ghatikara, yết kiến Sa-môn trọc đầu như vậy để làm gì ?*"

Rồi này Ananda, thợ góm Ghatikara nắm lấy thanh niên Jotipala ở nơi cổ tay áo và nói:

"– *Này bạn Jotipala, chỗ này cách tu viện Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không bao xa. Này bạn Jotipala, chúng ta hãy đi. Chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy*".

Rồi này Ananda, sau khi gỡ thoát cổ áo, thanh niên Jotipala nói với thợ góm Ghatikara:

"– *Thôi vừa rồi, bạn Ghatikara, yết kiến vị Sa-môn đầu trọc ấy để làm gì ?*"

Rồi thợ góm Ghatikara nắm lấy tóc vừa mới tắm xong của thanh niên Jotipala và nói:

"– *Này bạn Jotipala, chỗ này cách tu viện của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không bao xa. Này bạn Jotipala chúng ta hãy đi, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác*".

Rồi này Ananda, thanh niên Jotipala suy nghĩ như sau: "Thật là vi diệu ! Thật là hy hữu ! Thợ góm Ghatikara tuy sanh thuộc hạ cấp, lại dám nghĩ có thể nắm lấy tóc của ta, đầu ta vừa mới gội đầu, chắc việc này không phải là tầm thường", rồi nói với thợ góm Ghatikara:

"– *Này bạn Ghatikara, có thật sự là cần thiết không ?*"

"– *Này bạn Jotipala, thật sự là cần thiết. Thật là tốt lành cho tôi được yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác*".

"– *Vậy bạn Ghatikara, hãy thả (tay) ra. Chúng ta sẽ đi*".

Rồi này Ananda, thợ góm Ghatikara và thanh niên Jotipala cùng đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sau khi đến, thợ góm Ghatikara đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác rồi ngồi xuống một bên. Còn

thanh niên Jotipala thời nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi một bên, này Ananda, thợ gốm Ghatikara bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, đây là thanh niên Jotipala, bạn của con, bạn thân tình của con. Mong Thế Tôn thuyết pháp cho bạn con".

Rồi này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, với pháp thoại khích lệ làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ thợ gốm Ghatikara và thanh niên Jotipala.

Rồi này Ananda, thợ gốm Ghatikara và thanh niên Jotipala, sau khi được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác với pháp thoại, khích lệ, làm cho thích thú, phấn khởi, hoan hỷ, sau khi hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi này Ananda, thanh niên Jotipala nói với thợ gốm Ghatikara:

"– Này bạn Ghatikara, khi nghe pháp này, vì sao bạn không xuất gia" ?

"– Này bạn Jotipala, bạn không biết tôi sao ? Tôi phải nuôi dưỡng cha mẹ già và mù lòa".

"– Vậy này bạn Ghatikara, tôi sẽ xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Rồi này Ananda, thợ gốm Ghatikara và thanh niên Jotipala đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, này Ananda, thợ gốm Ghatikara bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, đây là thanh niên Jotipala, bạn của con, bạn thân tình của con. Mong Thế Tôn xuất gia cho bạn con".

Và này Ananda, thanh niên Jotipala được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác cho xuất gia, cho thọ đại giới. Rồi này Ananda, Thế Tôn Kassapa bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi thanh niên Jotipala xuất gia chưa bao lâu, sau nửa tháng, sau khi ở tại Vebhalinga lâu cho đến khi thấy tự thỏa mãn, liền du hành đi đến Baranasi. Ngài tuần tự du hành và đến tại Baranasi (Ba-la-nại).

Rồi này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trú tại Baranasi, ở Isipatana, vườn Lộc Uyển.

Này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi được nghe như sau: "Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến Baranasi, trú tại Baranasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển. Rồi này Ananda, Kiki, vua nước Kasi cho thặng các cỗ xe tối thù thặng, sau khi tự mình leo lên một cỗ xe thù thặng với các cỗ xe thù thặng đi ra khỏi thành Baranasi với đại uy vệ của nhà vua để yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Vua đi xe cho đến chỗ nào còn đi được xe, rồi xuống xe đi bộ, đi đến chỗ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vua ngồi xuống một bên.

Này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác với pháp thoại, khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Kiki, vua xứ Kasi đang ngồi một bên.

Rồi Kiki, vua xứ Kasi, sau khi được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác với pháp thoại khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời con mời ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo".

Và này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác im lặng nhận lời. Rồi này Ananda, sau khi được biết Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Và này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, sau khi đêm ấy đã mãn, tại trú xứ của mình, cho bày biện các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, cơm vàng khô, các loại cari các hạt đen được gạn bỏ, và các món ăn gia vị, rồi báo thời giờ cho Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được biết:

"– Bạch Thế Tôn giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

Rồi này Ananda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Kiki, vua xứ Kasi, sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo.

Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi tự tay thân hầu và làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm.

Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, khi Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã ăn xong, tay đã rời khỏi bát, lấy một ghế thấp rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con an cư mùa mưa tại Baranasi; sẽ có sự cúng dường như vậy cho chúng Tỷ-kheo".

"– Thôi vừa rồi, Đại vương, Ta đã nhận lời an cư mùa mưa rồi"

Lần thứ hai, này Ananda,... (như trên)... Lần thứ ba, này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con, an cư mùa mưa tại Baranasi; sẽ có sự cúng dường như vậy cho chúng Tỷ-kheo".

"– Thôi vừa rồi Đại vương, Ta đã nhận lời an cư trong mùa mưa rồi".

Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, suy nghĩ như sau: "Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không nhận lời mời của ta an cư mùa mưa ở Baranasi", vì vậy cảm thấy thất vọng, ưu phiền.

Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

"– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có người đàn tín hộ trì hơn con ?"

"– Đại vương, có một thị trấn tên là Vebhalinga. Tại đây có thợ gốm tên là Ghatikara. Người ấy là đàn tín hộ trì của Ta, một đàn tín hộ trì tối thượng. Đại vương, Đại vương có nghĩ như sau: "Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không nhận lời mời của ta an cư mùa mưa ở Baranasi", do vậy, Đại vương cảm thấy thất vọng, ưu phiền.

Nhưng thợ gốm Ghatikara không có như vậy, và không sợ như vậy. Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói láo, từ bỏ rượu men, rượu nấu. Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara thành tựu lòng tin bất thoái chuyển đối với Phật, đối với Pháp... đối với Tăng, thành tựu các giới được bậc Thánh ái lạc.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara không có nghi ngờ đối với Khổ, không có nghi ngờ đối với Khổ tập, không có nghi ngờ đối với Khổ diệt, không có nghi ngờ đối với con Đường đưa đến khổ diệt.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara, ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, có giới hạnh, theo thiện pháp.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara từ bỏ ngọc và vàng, không có vàng và bạc. Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara không có tự tay đào đất hay đào với cái cuốc. Vị này vui lòng làm thành ghè bát với đất lấy từ bờ đê bị sập xuống hay do chuột và chó đào lên, và nói như sau: "Ở đây, nếu ai muốn, hãy bỏ vào từng nhúm các loại gạo có vỏ, từng nhúm các loại đậu que (mugga ?), từng nhúm các loại đậu hạt (kalaya), và có thể lấy cái gì mình muốn".

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara nuôi dưỡng cha mẹ già và mù lòa. Này Đại vương, thợ gốm Ghatikara sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn từ chỗ ấy, không phải trở lui đời này nữa.

"Một thời, này Đại vương, Ta ở tại thị trấn Vabhalinga. Rồi này Đại vương, Ta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến cha mẹ của thợ gốm Ghatikara, sau khi đến nói với cha mẹ thợ gốm Ghatikara như sau:

"– Người thợ làm đồ gốm đi đâu ?"

"– Bạch Thế Tôn, người đàn tin hộ trì cho Thế Tôn đã đi khỏi và có dặn như sau: Hãy lấy cháo từ nơi nôi, hãy lấy đồ ăn từ nơi chảo mà dùng".

"Rồi ta, này Đại vương, sau khi lấy cháo từ nơi nôi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi. Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikara đi đến cha mẹ sau khi đến, nói với cha mẹ như sau:

"– Ai đã lấy cháo từ nơi nôi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi ?"

"– Này con, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi lấy cháo từ nơi nôi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi".

"Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikara suy nghĩ như sau: "Thật là lợi ích cho ta, thật là khéo lợi ích cho ta, đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tin tưởng ta như vậy".

Rồi này Đại vương, cho đến nửa tháng, hỷ lạc không rời khỏi thợ gốm Ghatikara, hay cho đến một tuần (không rời khỏi) cha mẹ (người thợ gốm).

"Một thời, này Đại Vương. Ta trú ở thị trấn Vabhalinga, lúc bấy giờ, các cốc bị mưa dột, rồi Ta, này Đại vương, gọi các Tỷ-kheo:

"– Hãy đi, này các Tỷ-kheo, và xem tại nhà của thợ gốm Ghatikara có cỏ hay không ?

"Khi được nghe nói vậy, này Đại vương, các Tỷ-kheo bạch với Ta:

"– Bạch Thế Tôn, tại nhà của thợ gốm Ghatikara không có cỏ, nhưng nhà người ấy có mái cỏ".

"– Này các Tỷ-kheo, hãy đi và rút cỏ từ ngôi nhà thợ gốm Ghatikara.

"Rồi này Đại vương, các Tỷ-kheo ấy rút cỏ từ ngôi nhà thợ gốm Ghatikara. Này

Đại vương, cha mẹ thợ gốm Ghatikara nói với các Tỷ-kheo ấy:

"– Quý vị là ai lại rút cỏ ngôi nhà ?"

"– Này Đại tử, ngôi nhà của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác bị mưa dột".

"– Hãy lấy đi, chư Hiền giả ! Hãy lấy đi chư Hiền giả ! "

"Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikara đi đến cha mẹ, sau khi đến thưa với cha mẹ như sau:

"– Những ai đã rút cỏ khỏi ngôi nhà ?"

"– Này Con, các Tỷ-kheo có nói: Ngôi nhà của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác bị mưa dột".

"Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikara suy nghĩ như sau: "Thật là lợi ích cho ta, thật là khéo lợi ích cho ta đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tin tưởng ta như vậy".

"Rồi này Đại vương, cho đến nửa tháng hỷ lạc không rời khỏi thợ gốm Ghatikara, hay cho đến một tuần, (không rời khỏi) cha mẹ thợ gốm.

Rồi suốt cả ba tháng trời, ngôi nhà đứng lấy bầu trời làm mái, nhưng không có mưa rơi vào. Và như vậy, này Đại vương, là người thợ gốm, Ghatikara.

"– Lợi ích thay, bạch Thế Tôn, cho thợ gốm Ghatikara; thật khéo lợi ích thay, bạch Thế Tôn cho thợ gốm Ghatikara, đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tin tưởng ! "

Rồi này Ananda, Kiki, vua xứ Kasi, cho người đưa đến thợ gốm Ghatikara, khoảng năm trăm xe gạo có vỏ, gạo vàng khô và các món đồ ăn.

Rồi này Ananda, những người nhà vua đi đến thợ gốm Ghatikara và nói:

"– Này Tôn giả, năm trăm xe gạo có vỏ, gạo vàng khô và các món đồ ăn này, do Kiki, vua xứ Kasi, gửi đến cho Tôn giả, mong Tôn giả hãy nhận lấy".

"– Nhà vua rất nhiều phận sự, rất nhiều việc cần phải làm. Thật là vừa đủ cho tôi, được nhà vua nghĩ đến như thế này".

– Này Ananda, rất có thể Ông suy nghĩ như sau: "Lúc bây giờ, thanh niên Jotipala có thể là một người khác". Nhưng này Ananda, chớ có nghĩ như vậy. Lúc bấy giờ, Ta chính là thanh niên Jotipala.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Ghatikara trong bộ Kinh Trung Bộ là câu chuyện kể về Thế Tôn – khi còn là thanh niên (của tiền kiếp) – nụ cười của Thế Tôn – mà Ngài Ananda bắt gặp quả là ý nhị.

32.

KINH RATTHAPALA

(82)

Kinh Ratthapala là câu chuyện về Tôn giả Ratthapala – từ khi còn là thanh niên – cho đến khi trở thành một vị A-La-Hán.

Khi còn là thanh niên, Ratthapala được nghe Thế Tôn thuyết pháp và Ngài nhận thấy rằng: *"Nhu ta được hiểu lời Thế Tôn thuyết pháp, thời sống tại gia đình thật không dễ gì thực hành Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn trong sạch, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình"*.

Ratthapala đến gặp Thế Tôn và xin xuất gia. Tuy nhiên, với Ratthapala, phải được cha mẹ đồng ý thì mới xuất gia theo Thế Tôn được.

Ratthapala về nhà xin ý kiến mẹ, cha. Gia đình Ratthapala vốn là một gia đình thương gia giàu có nổi tiếng tại thành Thullakotthita và Ratthapala lại là người con độc nhất. Ratthapala gặp sự phản đối quyết liệt của gia đình. Cho dù Ratthapala đã phải nài nỉ nhiều lần, nhưng câu trả lời từ phía cha mẹ Ratthapala luôn là không đổi:

– Này con thân yêu Ratthapala, Con là đứa con độc nhất của mẹ cha, khả ái, dễ thương, được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc. Này con thân yêu Ratthapala, Con không biết gì về đau khổ. Này con thân yêu Ratthapala hãy đến ăn, hãy uống và hãy ăn chơi. Ăn, uống, ăn chơi, Con có thể thụ hưởng các ái dục và sung sướng làm các phước đức. Chúng ta không bằng lòng cho Con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu Con có chết, chúng ta còn không muốn không có mặt Con, huống nay Con còn sống, chúng ta lại bằng lòng cho Con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình !

Ratthapala tuyên bố: Hoặc xuất gia hoặc chết (tuyệt thực).

Đến lượt cha mẹ nài nỉ và tìm đủ mọi cách (nhờ bạn bè) khuyên can Ratthapala (ăn, uống)... Nhưng, câu trả lời Ratthapala không thay đổi: im lặng (và khôngnhúc nhích thân).

Cuối cùng, cha mẹ đồng ý cho Ratthapala xuất gia – với điều kiện: sau khi xuất gia phải về thăm gia đình.

(Nghe thấy như vậy) “*thiện nam tử Ratthapala, đứng dậy, sau khi lấy lại sức lực, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Thiện nam tử Ratthapala bạch Thế Tôn:*

– *Bạch Thế Tôn, con đã được mẹ cha bằng lòng cho phép con được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn hãy xuất gia cho con.*

Và *Thiện nam tử Ratthapala được xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn và được thọ đại giới.*

Độ nửa tháng sau khi Tôn giả Ratthapala thọ đại giới, Thế Tôn du hành và đến Savatthi. Ở đây, Thế Tôn trú tại Savatthi, Jetavana, tu viện của Anathapindika.

Trong khi đó, *Tôn giả Ratthapala sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh tấn, không bao lâu đạt được mục đích mà các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, tức là tự chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn phải trở lui ở đời này nữa". Tôn giả Ratthapala trở thành một vị A-la-hán nữa.*

(Nhớ lời hứa là phải về thăm mẹ cha), *Tôn giả Ratthapala đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ratthapala bạch Thế Tôn:*

– *Bạch Thế Tôn, con muốn đi thăm cha mẹ, nếu Thế Tôn cho phép con. Thế Tôn với tâm của mình tìm hiểu tâm tư Tôn giả Ratthapala. Khi Thế Tôn được biết Thiện nam tử Ratthapala không thể từ bỏ tu học, trở lại hoàn tục, liền nói với Tôn giả Ratthapala:*

– *Này Ratthapala, nay Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.*

Rồi Tôn giả Ratthapala từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân hữu hướng về Thế Tôn, sau khi thân xếp chỗ ở, cầm y bát tuần tự du hành và đến Thullakotthita.

Ở đây, Tôn giả Ratthapala trú tại vườn Lộc Uyển của vua Koravya.

Vào buổi sang, tôn giả Ratthapala đắp y, cầm bát, đi vào Thullakotthita để khát thực.

Tôn giả đi khát thực từng nhà một ở Thullakotthita và đến tại nhà người cha mình.

Lúc bấy giờ người cha của Tôn giả Ratthapala đang chải tóc ở giữa gian phòng có cửa. Người cha của Tôn giả Ratthapala thấy Tôn giả Ratthapala từ xa đi đến (nhưng không nhận ra con mình), và nói.

– Chính vì những Sa-môn đầu trọc này mà đưa con độc nhất của chúng ta, khả ái, dễ thương đã xuất gia.

Và Tôn giả Ratthapala từ ngôi nhà của cha mình, không được bố thí, chỉ nhận được lời sĩ nhục.

Lúc bấy giờ, người nữ tỳ thân gia của Tôn giả Ratthapala muốn quăng đồ cháo ngày hôm qua. Tôn giả Ratthapala nói với người nữ tỳ ấy:

– Này Chị, nếu cần phải quăng đồ cháo này, hãy đổ vào bát của tôi ở đây.

Rồi người nữ tỳ, trong khi đổ cháo ngày hôm qua ấy vào bát của Tôn giả Ratthapala, nhận diện được tướng tay, chân và giọng nói của Tôn giả.

Người nữ tỳ vội vã đến nói cho người mẹ của Tôn giả Ratthapala:

– Thưa tôn mẫu, tôn mẫu có biết chăng, cậu ấm (ayyaputta) Ratthapala đã trở về.

– Nếu Người nói đúng sự thật, Người sẽ được thoát khỏi phận nô tỳ.

Rồi mẹ Tôn giả Ratthapala đi đến cha Tôn giả Ratthapala và nói:

– Thưa Gia chủ, Gia chủ có biết chăng, Thiện nam tử Ratthapala đã trở về.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Ratthapala vừa ăn xong (chỗ) cháo ngày hôm qua và đang ngồi dựa lưng vào một bức tường ... Cha Ratthapala đến kê bên, nói với Tôn giả Ratthapala:

– Này con thân yêu Ratthapala, có phải Con đang ăn cháo ngày hôm qua ? Này con thân yêu Ratthapala, Con phải vào nhà của Con.

– Thưa Gia chủ, chỗ nào là nhà của chúng tôi, những người xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình ? Chúng tôi là những người không gia đình, thưa Gia chủ !

Chúng tôi có đến nhà của Gia chủ, thưa Gia chủ, nhưng tại đây, chúng tôi không nhận được bố thí, chỉ nhận được lời sỉ nhục.

– Hãy đi vào nhà, này con thân yêu Ratthapala.

– Thưa Gia chủ, hôm nay tôi đã ăn xong.

– Vậy này con thân yêu Ratthapala, hãy nhận lời mời ngày mai đến dùng cơm.

Tôn giả Ratthapala im lặng nhận lời.

Người cha của Tôn giả Ratthapala, sau khi được biết Tôn giả Ratthapala đã nhận lời liền về đến nhà của mình, cho chắt vàng nén và tiền vàng thành một đồng lớn, lấy màn che lại, và cho gọi các người vợ cũ của Tôn giả Ratthapala:

– Này các Con dâu, hãy tự trang điểm với những trang điểm mà xưa kia các Con được Thiện nam tử Ratthapala ái lạc và ưa thích.

Rồi người cha của Tôn giả Ratthapala, sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi cho sửa soạn trong nhà của mình, các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, liền báo giờ cho Tôn giả Ratthapala:

– Đã đến giờ, này con thân yêu Ratthapala, cơm đã sẵn sàng.

Rồi Tôn giả Ratthapala vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến ngôi nhà của người cha mình, sau khi đến ngôi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi người cha của Tôn giả Ratthapala cho trình bày ra đồng vàng nén và tiền vàng và nói với Tôn giả Ratthapala:

– Này con thân yêu Ratthapala, đây là tiền tài của mẹ, kia là tiền tài của cha, kia là tiền tài của tổ tiên. Này con thân yêu Ratthapala, Con có thể thụ hưởng tài vật và làm các phước đức. Này con thân yêu Ratthapala, hãy từ bỏ tu học, hoàn tục thụ hưởng các tài vật và làm các phước đức.

– Thưa Gia chủ, nếu Gia chủ làm theo lời nói của tôi, sau khi chôn cất đồng vàng nén và tiền vàng này vào trong các xe, sau khi cho chở và hạ xuống giữa

sông Hằng, hãy đổ đống vàng này vào giữa dòng sông. Vì sao vậy ? Đây Gia chủ, vì do nhân duyên này, mà sâu, bi, khổ, u, não sẽ khởi lên cho Gia chủ.

Rồi những người vợ cũ của Tôn giả Ratthapala ôm mỗi chân (Tôn Giả) và nói:

– Thưa Phu quân (ayyaputtaka) vì Thiên nữ nào mà Phu quân sống Phạm hạnh ?

– Các Bà chị, không phải vì Thiên nữ nào mà chúng tôi sống Phạm hạnh.

– Phu quân Ratthapala đối với chúng ta gọi chúng ta là bà chị.

Nói lên như vậy, (các người vợ cũ) liền ngã xuống đất, bất tỉnh.

Rồi Tôn giả Ratthapala nói với phụ thân:

– Thưa Gia chủ, nếu Gia chủ muốn bỏ thí đồ ăn thời hãy bỏ thí đi, chớ có phiền nhiễu chúng tôi.

– Hãy ăn, này con thân yêu Ratthapala, cơm đã sẵn sàng.

Người cha của Tôn giả Ratthapala tự tay thân mời và làm cho thỏa mãn Tôn giả Ratthapala với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Rồi Tôn giả Ratthapala sau khi ăn xong, tay đã rời khỏi bát, đứng dậy và nói bài kệ sau đây:

Hãy nhìn hình bóng trang sức này,
Một nhóm vết thương được tích tụ,
Bệnh nhiều, tham tưởng cũng khá nhiều,
Nhưng không gì kiên cố, thường trú.

Hãy nhìn dung mạo trang sức này,
Với các châu báu, với vòng tai,
Một bộ xương được da bao phủ,
Được y phục làm cho sáng chói.

Chân được sơn với sơn với sáp,
Mặt được thoa với phấn, với bột,
Vừa đủ làm mê hoặc kẻ ngu,

Nhưng vô phương kẻ cầu bờ giác.

*Tóc được uốn bảy vòng, bảy lớp,
Mắt được xoa với thuốc, với son,
Vừa đủ làm mê hoặc kẻ ngu,
Nhưng vô phương kẻ cầu bờ giác.*

*Như hộp thuốc trang hoàng mới mẻ,
Là uế thân được điểm thời trang,
Vừa đủ làm mê hoặc kẻ ngu,
Nhưng vô phương kẻ cầu bờ giác.*

*Người thợ săn đặt bày lưới sập,
Loài nai (khôn) chẳng chạm bén chân,
Ấn lúa xong, chúng ta lên đường,
Mặc cho kẻ bắt nai than khóc.*

Tôn giả Ratthapala đọc bài kệ xong đứng dậy, liền đi đến vườn Lộc Uyển của vua Koravya, sau khi đến liền ngồi xuống nghỉ trưa dưới một gốc cây.

(Ngay khi ấy) vua Koravya (đang) nói với người thợ săn:

– Nay Thợ Săn, hãy dọn dẹp đất vườn ở Lộc Uyển, ta muốn đi thăm viếng cảnh đẹp.

– Thưa vâng, Đại vương.

Người thợ săn vâng đáp vua Koravya, trong khi dọn dẹp vườn Nai, thấy Tôn giả Ratthapala đang ngồi dưới gốc cây để nghỉ trưa. Sau khi thấy vậy, người ấy liền đến vua Koravya, sau khi đến liền tâu vua Koravya:

– Tâu Đại vương, vườn Nai đã được dọn dẹp. Và ở đây có Thiện nam tử tên là Ratthapala là con một thế gia ở Thullakotthita mà Đại vương thường hay tán thán, vị ấy đang ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

– Nay Thợ săn, hôm nay thế là vừa đủ về vườn cảnh. Nay chúng ta muốn cung kính cúng dường Tôn giả Ratthapala.

Rồi vua Koravya, sau khi nói: "Ở đây, hãy đem bỏ thí tất cả món ăn đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm", ra lệnh cho thắng nhiều cỗ xe thù thắng, leo lên một cỗ xe thù thắng, liền cùng với các cỗ xe đi ra khỏi Thullakotthita để yết kiến Tôn giả Ratthapala với đại uy phong của bậc đế vương.

Sau khi cỡi xe cho đến chỗ đất còn có thể cỡi xe được, Ngài xuống xe, đi bộ, cùng với hàng tùy tùng vương hầu, đến chỗ của Tôn giả Ratthapala, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Ratthapala, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên.

Đứng một bên, vua Koravya bạch Tôn giả Ratthapala:

– Ở đây xin mời Tôn giả Ratthapala ngồi xuống trên nệm voi.

– Thôi, Đại vương ! Đại vương hãy ngồi. Tôi đã ngồi trên chỗ ngồi của tôi.

Rồi vua Koravya ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, vua Koravya bạch Tôn giả Ratthapala:

– Bạch Tôn giả Ratthapala, có bốn sự suy vong này. Chính do thành tựu bốn sự suy vong này mà ở đây, có người cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế nào là bốn ? Lão suy vong, bệnh suy vong, tài sản suy vong, thân tộc suy vong.

Này Tôn giả Ratthapala, thế nào là lão suy vong ? Ở đây, thừa Tôn giả Ratthapala có người niên cao, lap lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã sống mãn kỳ, đã gần mệnh chung. Vị ấy suy tư như sau: "Nay ta đã già, niên cao lap lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã sống mãn kỳ, đã gần mệnh chung. Thật không dễ gì cho ta thâu được các tài vật chưa thâu hoạch được, hay làm tăng trưởng các tài vật đã thâu hoạch. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Vị này, do thành tựu lão suy vong nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thừa Tôn giả Ratthapala được gọi là lão suy vong. Nhưng Tôn giả Ratthapala nay còn trẻ, niên thiếu, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong sơ kỳ tuổi đời; Tôn giả Ratthapala đâu có lão suy vong ? Vậy Tôn giả Ratthapala đã biết gì, đã thấy gì, hay đã nghe gì mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình ?

Và thừa Tôn giả Ratthapala, thế nào là bệnh suy vong ? Ở đây, thừa Tôn giả Ratthapala, có người bị bệnh, khổ đau, mang trọng bệnh. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị bệnh, khổ đau, mang trọng bệnh, thật không dễ gì cho ta thâu được các tài vật chưa thâu hoạch được, hay làm tăng trưởng các tài vật đã thâu hoạch được. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia

đình". Vị này do thành tựu bệnh suy vong nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Tôn giả Ratthapala, được gọi là bệnh suy vong. Nhưng Tôn giả Ratthapala nay ít bệnh, ít nã, tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng; Tôn giả Ratthapala đâu có bệnh suy vong ? Tôn giả Ratthapala đã biết gì, đã thấy gì hay đã nghe gì mà xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình ?

Và thưa Tôn giả Ratthapala, thế nào là tài sản suy vong ? Ở đây, thưa Tôn giả Ratthapala có người giàu sang, tiền của nhiều, tài vật nhiều, và những tài vật của vị ấy dần dần đi đến chỗ suy vong. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta trước đây giàu sang, tiền của nhiều, tài sản nhiều. Những tài vật ấy của ta dần dần đã đi đến suy vong. Thật không dễ gì cho ta thâu được những tài vật chưa thâu hoạch được, hay làm cho tăng trưởng những tài vật đã thâu hoạch được. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Vị này do thành tựu tài sản suy vong nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Tôn giả Ratthapala được gọi là tài sản suy vong. Nhưng Tôn giả Ratthapala chính tại Thullakotthita này, là con của một lương gia đệ nhất; Tôn giả Ratthapala đâu có tài sản suy vong ? Tôn giả Ratthapala đã biết gì, đã thấy gì, hay đã nghe gì mà xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình ?

Và này Tôn giả Ratthapala, thế nào là thân tộc suy vong ? Ở đây, thưa Tôn giả Ratthapala có người có nhiều thân hữu quen biết, bà con huyết thống, những thân hữu quyến thuộc của người ấy dần dần đi đến chỗ suy vong. Người ấy suy tư như sau: "Trước kia, ta có nhiều người thân hữu quen biết, bà con huyết thống. Những thân hữu quyến thuộc ấy của ta dần dần đi đến chỗ suy vong. Thật không dễ gì cho ta thâu được những tài vật chưa thâu hoạch được, hay làm cho tăng trưởng những tài vật đã thâu hoạch được. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Vị này do thành tựu thân tộc suy vong nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Tôn giả Ratthapala, được gọi là thân tộc suy vong. Nhưng Tôn giả Ratthapala ở chính tại Thullakotthita này, có nhiều thân hữu quen biết, bà con huyết thống, Tôn giả Ratthapala đâu có thân tộc suy vong ? Vậy Tôn giả Ratthapala đã biết gì, đã thấy gì hay đã nghe gì mà xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình ?

– Thưa Tôn giả Ratthapala, đây là bốn loại suy vong, do thành tựu bốn loại suy vong này mà ở đây, có người cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình; Tôn giả Ratthapala đâu có những loại ấy ?
Vậy Tôn giả đã biết gì, đã thấy gì, hay đã nghe gì mà xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình ?

– Thưa Đại vương, có bốn sự thuyết giáo Chánh pháp, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác giảng dạy. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy, mà tôi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế nào là bốn ?

"Thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt", thưa Đại vương, đó là thuyết giáo Chánh pháp thứ nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, thuyết giảng. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy, mà tôi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

"Thế giới là vô hộ, vô chủ", thưa Đại vương, đó là thuyết giáo Chánh pháp thứ hai, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác thuyết giảng. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy, mà tôi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

"Thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải từ bỏ tất cả", thưa Đại vương đó là thuyết giáo Chánh pháp thứ ba, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác thuyết giảng. Do tôi biết, tôi thấy, tôi nghe thuyết giáo ấy, mà tôi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

"Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái", thưa Đại vương, đó là thuyết giáo Chánh pháp thứ tư, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác thuyết giảng. Do tôi biết, tôi thấy, tôi nghe thuyết giáo ấy, mà tôi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thưa Đại vương, đây là bốn sự thuyết giáo Chánh pháp, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác giảng dạy. Do tôi biết, tôi thấy và tôi nghe thuyết giáo ấy, mà tôi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Tôn giả Ratthapala đã nói: "Thế giới là vô thường đi đến hủy diệt, " ý nghĩa của lời nói này cần phải được hiểu như thế nào, thưa Tôn giả Ratthapala ?

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Khi Ngài 20 tuổi, hay 25 tuổi, Ngài có thiện nghệ về voi, thiện nghệ về ngựa, thiện nghệ về xe, thiện nghệ về cung, thiện nghệ về kiếm, bắp vế mạnh và cánh tay mạnh, có khả năng và thiện nghệ trong nghề đánh giặc?

– Thưa Tôn giả Ratthapala, khi tôi được 20 hay 25 tuổi, tôi thiện nghệ về voi, tôi thiện nghệ về ngựa, thiện nghệ về xe, thiện nghệ về cung, thiện nghệ về kiếm, bắp

vẻ mạnh, và cánh tay mạnh, có khả năng và thiên nghệ trong nghề đánh giặc. Có đôi lúc, thưa Tôn giả Ratthapala, tôi cảm thấy có thần lực và xem không ai có thể bằng tôi về sức mạnh.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nay Đại vương vẫn còn bắp vế mạnh, cánh tay mạnh, có khả năng và thiên nghệ đánh giặc như vậy không ?

– Không như vậy, thưa Tôn giả Ratthapala, nay tôi đã già, niên cao, lạp lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã sống mãn kỳ, đã gần mệnh chung, gần 80 tuổi thọ. Có đôi lúc, thưa Tôn giả Ratthapala, tôi nghĩ: "Ồ đây, ta sẽ bước chân", nhưng tôi lại bước chân tại chỗ khác.

– Chính liên hệ với nghĩa này, này Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói: "Thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt", và tôi sau khi biết, sau khi thấy và sau khi nghe như vậy đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Thật vi diệu thay, Tôn Giả Ratthapala ! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ratthapala ! Ý nghĩa này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, Bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác đã khéo nói: "Thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt". Thật vậy, thưa Tôn giả Ratthapala, thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt. Nhưng thưa Tôn giả Ratthapala, ở vương quốc này, có đội quân voi, cũng có đội quân ngựa, cũng có đội quân xa, cũng có đội quân bộ, nếu chúng tôi gặp nguy khốn thời các đội quân bảo vệ chúng tôi. Tôn giả Ratthapala đã nói: "Thế giới là vô hộ, vô chủ", ý nghĩa của lời nói này, cần phải được hiểu như thế nào, thưa Tôn giả Ratthapala ?

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Đại vương có mắc chứng bệnh kinh niên nào không ?

– Thưa Tôn giả Ratthapala, tôi có bệnh phong kinh niên. Nhiều khi, thân hữu quen biết, bà con huyết thống đứng xung quanh tôi và nói: "Nay vua Koravya sẽ mệnh chung, nay vua Koravya sẽ mệnh chung".

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Đại vương có thể nói chẳng, với các thân hữu quen biết, bà con huyết thống của Đại vương: "Mong rằng Tôn giả thân hữu quen biết, bà con huyết thống làm vui nhẹ sự đau khổ của tôi ! Mong tất cả hãy san sẻ cảm thọ này, để tôi có thể có một cảm thọ nhẹ nhàng hơn"; hay là Đại vương chỉ có thể thọ lãnh cảm thọ ấy một mình ?

– Thưa Tôn giả Ratthapala, tôi không có thể nói với các thân hữu quen biết, bà con huyết thống của tôi: "Mong rằng các Tôn giả thân hữu quen biết, bà con huyết thống làm vui nhẹ sự đau khổ của tôi. Mong tất cả hãy san sẻ cảm thọ này để có thể có một cảm thọ nhẹ nhàng hơn"; và tôi chỉ có thể thọ lãnh cảm thọ ấy một mình".

– Chính liên hệ với nghĩa này, này Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác đã nói: "Thế giới là vô hộ, vô chủ", và tôi sau khi biết, sau khi thấy và sau khi nghe như vậy đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ratthapala ! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ratthapala ! Ý nghĩa này được Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác đã khéo nói: "Thế giới là vô hộ, vô chủ". Thật vậy, thưa Tôn giả Ratthapala, thế giới là vô hộ, vô chủ. Nhưng thưa Tôn giả Ratthapala, ở vương quốc này có rất nhiều vàng nén và tiền vàng dưới đất và trên mặt đất". Tôn giả Ratthapala đã nói: "Thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải từ bỏ tất cả". Ý nghĩa của lời nói này cần phải được hiểu như thế nào, thưa Tôn giả Ratthapala ?

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Dầu cho nay Đại vương sống thụ hưởng mãn túc, cụ túc năm món dục trường dưỡng, Đại vương có thể nói được như sau: "Chính như vậy, tôi thọ hưởng mãn túc, cụ túc năm món dục trường dưỡng này"; hay là người khác sẽ thọ hưởng tài sản này, còn Đại vương sẽ phải đi theo nghiệp của mình ?

– Thưa Tôn giả Ratthapala, dầu cho nay tôi sống thụ hưởng mãn túc, cụ túc năm món dục trường dưỡng. Tôi không có thể nói được như sau: "Chính như vậy tôi thọ hưởng mãn túc, cụ túc năm món dục trường dưỡng này". Chính người khác sẽ thọ hưởng tài sản này, còn tôi phải đi theo nghiệp của tôi.

– Chính liên hệ với nghĩa này, này Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác đã nói: "Thế giới là vô sở hữu, cần phải ra đi, từ bỏ tất cả". Và tôi sau khi biết, sau khi thấy và sau khi nghe như vậy, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ratthapala ! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ratthapala ! Ý nghĩa này được Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác đã khéo nói: "Thế giới là vô sở hữu, cần phải ra đi, từ bỏ tất cả". Thật vậy thưa Tôn giả Ratthapala thế giới là vô sở hữu, cần phải ra đi, từ bỏ tất cả. Tôn giả

Ratthapala đã nói: "Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái". Ý nghĩa của lời nói này cần phải được hiểu như thế nào, thưa Tôn giả Ratthapala ?

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Có phải Đại vương trị vì ở Kuru, một nước phồn thịnh ?

– Thưa vâng, Tôn giả Ratthapala. Tôi trị vì ở Kuru, một nước phồn thịnh.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu có người đáng tin cậy, chánh trực đến với Đại vương từ phương Đông, và sau khi đến tâu với Đại Vương: "Tâu Đại vương, Đại vương có biết chăng ? Tôi từ phương Đông lại. Ở đây, tôi có thấy một quốc độ lớn, phú cường, phồn thịnh, dân cư trù mật. Tại đây có nhiều đội voi, đội ngựa, đội xe, bộ đội. Tại đây có nhiều ngà voi, tại đây có nhiều vàng nén, tiền vàng chưa làm và đã làm, có nhiều phụ nữ. Và có thể chinh phục quốc độ ấy với vũ lực như thế ấy. Tâu Đại vương, hãy đi chinh phục !" Đại vương sẽ hành động như thế nào ?

– Thưa Tôn giả Ratthapala, sau khi chinh phục, quốc độ ấy tôi sẽ trị vì.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây có người đến với Đại vương từ phương Tây ... (như trên) ... từ phương Bắc ... (như trên) ... từ phương Nam ... (như trên) ... từ bờ biển bên kia, người ấy đáng tin cậy, chánh trực, tâu với Đại vương: "Tâu Đại vương, Đại vương có biết chăng? Tôi từ bờ biển bên kia lại. Ở đây, tôi thấy có một quốc độ lớn, phú cường, phồn thịnh, dân cư trù mật. Tại đây có nhiều đội voi, đội ngựa, đội xe, bộ đội. Tại đây có nhiều ngà voi. Tại đây có nhiều vàng nén, tiền vàng chưa làm và đã làm, có nhiều phụ nữ. Và có thể chinh phục quốc độ ấy với vũ lực như thế ấy. Tâu Đại vương, hãy đi chinh phục". Đại vương sẽ hành động như thế nào?

– Thưa Tôn giả Ratthapala, sau khi chinh phục, tôi sẽ trị vì.

– Chính liên hệ với nghĩa này, này Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói: "Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái, " và tôi sau khi biết, sau khi thấy, sau khi nghe như vậy, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ratthapala ! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ratthapala ! Ý nghĩa này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác

đã khéo nói: "Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái". Thật vậy, thưa Tôn giả Ratthapala, thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái. Tôn giả Ratthapala đã giảng như vậy, sau khi giảng như vậy xong, lại nói thêm như sau:

Ta thấy người giàu sang ở đời,
Có của vì si không bố thí.
Vì tham, họ tích tụ tài vật,
Và chạy theo dục vọng càng nhiều.

Dùng bạo lực, chinh phục quả đất,
Vua trị vì cho đến hải biên,
Không thỏa mãn bờ biển bên này,
Và chạy theo bờ biển bên kia.

Vua cùng rất nhiều loại người khác,
Ái chưa ly, mạng chung đã đến,
Bị thiếu thốn, không bỏ thân họ,
Không thỏa mãn lòng dục ở đời.

Quyến thuộc tán loạn, khóc người ấy:
"Than ôi, người ấy không bất tử!".
Mạng thân người ấy vãi bao phủ,
Họ đốt lửa làm lễ hỏa thiêu.

Bị thọc với cây, người ấy cháy,
Độc mảnh vải, bỏ tiền của lại.
Ở đây, quyến thuộc cùng thân hữu,
Không nơi nương tựa cho kẻ chết.

Kẻ thừa tự, nhận mang tài sản,
Riêng con người, theo nghiệp phải đi,
Tiền của đâu có theo người chết,
Cả vợ con, tài sản, quốc độ.

Tài sản không mua được trường thọ,
Phú quý không tránh được già suy,
Kẻ trí nói đời này thật ngắn,
Thật vô thường, biến đổi luôn luôn.

*Kẻ giàu, kẻ nghèo đều cảm xúc,
Người ngu, kẻ trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh nằm ngã,
Bậc trí cảm xúc, không run sợ.*

*Do vậy, trí tuệ thắng tài vật,
Nhờ trí, ở đây được viên thành.
Không thành mãn trong hữu, phi hữu,
Kẻ ngu tạo tác các ác nghiệp.*

*Nhập thai thác sanh thế giới khác,
Người ấy luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ thiếu trí chắc hẳn phải là
Nhập thai và sanh thế giới khác.*

*Như kẻ trộm bị bắt khi trộm,
Ác tánh hại mình do tự nghiệp,
Chúng sanh cũng vậy chết đời khác,
Ác tánh hại mình, do tự lực.*

*Dục vọng nhiều loại, ngọt, khả ái,
Nhiều loạn tâm dưới nhiều hình thức,
Thấy hoạn nạn trong dục trưởng dưỡng,
Nên tôi xuất gia, tâu Đại vương !*

*Như quả từ đây, người bị rụng,
Cả già lẫn trẻ, khi thân hoại,
Do thấy chính vậy, tôi xuất gia,
Hạnh Sa-môn phải là tối thắng,*

Thưa Đại vương !

Như vậy, kinh Ratthapala trong bộ Kinh Trung Bộ kể về cuộc đời của Tôn giả Ratthapala – từ khi còn là thanh niên cho đến khi thành vị A-La-Hán (Phật). Sự thành tựu của Ngài hiện hữu ngay chính tại cõi đời này.

33.

KINH MAKHADEVA

(Makhadevasuttam)

(83)

Kinh Makhadeva cũng lại là một câu chuyện kể lý thú nữa của Thế Tôn, khác chẳng, lần này Thế Tôn còn để lại lời căn dặn quan trọng ...

“Nhu vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Mithila (Di-tát-la), tại rừng Makhadevamba. Rồi Thế Tôn mỉm cười khi đến tại một địa điểm. Tôn giả Ananda liền suy nghĩ: "Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại mỉm cười ? Không phải không có lý do khiến Thế Tôn mỉm cười". Rồi Tôn giả Ananda, đáp y phía một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì Thế Tôn lại mỉm cười. Không phải không lý do khiến Thế Tôn mỉm cười.

– Thuở xưa, này Ananda, vị vua chính nước Mithila này tên là Makhadeva, là vị pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị Đại vương thực hành Chánh pháp, giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Uposatha (Bố-tát) vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8. Rồi này Ananda, vua Makhadeva sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, bảo người thợ cạo tóc:

" Này Thợ cạo tóc, khi nào Ông thấy trên đầu ta, có mọc tóc bạc, hãy báo cho ta biết".

" Thừa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda, người thợ cạo tóc vâng đáp vua Makhadeva. Này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người thợ cạo tóc thấy trên đầu vua Makhadeva có sanh tóc bạc, thấy vậy liền tâu vua Makhadeva:

" Các Thiên sứ đã hiện ra cho Đại vương. Tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu".

" Vậy này Thợ cạo tóc, hãy khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, và đặt chúng trên bàn tay của ta".

"Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda người thợ cạo tóc vâng đáp vua Makhadeva, sau khi khéo nhỏ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, đặt chúng trên bàn tay của vua Makhadeva. Rồi này Ananda, vua Makhadeva, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, liền cho gọi hoàng tử con đầu và nói:

"Này Hoàng tử thân yêu, các Thiên sứ đã hiện ra cho ta, tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu. Ta đã hưởng thọ các dục lạc thế gian, nay đã đến thời đi tìm kiếm các thiên lạc.

Hãy đến đây, này Hoàng tử thân yêu, hãy trị vì quốc độ này. Sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta sẽ xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Và này Hoàng tử thân yêu, khi nào Con thấy tóc bạc mọc ra trên đầu, thời hãy cho người thợ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, sau khi khéo giao lại quốc gia cho hoàng tử con đầu, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, hãy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, con phải tiếp tục duy trì, con chớ thành người tối hậu sau ta.

Này Hoàng tử thân yêu, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào, (làm cho đứt đoạn), người ấy là người tối hậu.

Vậy này Hoàng tử thân yêu, ta nói với Con: "Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, Con phải tiếp tục duy trì. Con chớ thành người tối hậu sau ta" (chớ thành người cuối cùng của truyền thống sau vua).

Rồi này Ananda, vua Makhadeva, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương áp (như là một ân tứ) sau khi khéo giao quốc gia cho hoàng tử con đầu, chính tại rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, vua Makhadeva đã xuất gia.

Vị này an trú, biến mãn cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm thấm nhuần lòng từ, lòng bi, lòng hỷ, lòng xả quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Này Ananda, vua Makhadeva, tám vạn bốn ngàn năm, đã chơi trò chơi của hoàng tử, tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như một phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại ngôi rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh.

Vị này, sau khi tụ tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung được sanh lên Phạm thiên giới.

Rồi này Ananda, con vua Makhadeva, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người thợ cạo tóc:

"Này thợ cạo tóc, khi nào Ông thấy trên đầu Ta có mọc tóc bạc, hãy báo cho ta biết".

"Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda người thợ cạo tóc vâng đáp con vua Makhadeva. Này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm người thợ cạo tóc thấy trên đầu con vua Makhadeva có sanh tóc bạc, thấy vậy liền tâu với con vua Makhadeva:

"Các Thiên sứ đã hiện ra cho Đại vương. Tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu".

"Vậy này Thợ cạo tóc, hãy khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, và đặt chúng trên bàn tay của ta".

"Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda, người thợ cạo tóc vâng đáp con vua Makhadeva, sau khi khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, đặt chúng trên bàn tay của con vua Makhadeva. Rồi này Ananda, con vua Makhadeva sau khi cho người thợ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, liền cho gọi vị hoàng tử con đầu và nói:

"Này Hoàng tử thân yêu, các Thiên sứ đã hiện ra cho ta, tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu. Ta đã hưởng thọ các dục lạc thế gian, nay đã đến thời đi tìm kiếm các thiên lạc.

Hãy đến đây, này Hoàng tử thân yêu, hãy trị vì quốc độ này. Sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta sẽ xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Và này Hoàng tử thân yêu, khi nào Con thấy tóc bạc mọc ra trên đầu, thời hãy cho người thợ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, sau khi khéo giao lại quốc gia cho hoàng tử con đầu, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, hãy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, con phải tiếp tục duy trì, con chớ thành người tối hậu sau ta.

Này Hoàng tử thân yêu, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào, (làm cho đứt đoạn), người ấy là người tối hậu.

Vậy này Hoàng tử thân yêu, ta nói với Con: "Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, Con phải tiếp tục duy trì. Con chớ thành người tối hậu sau ta" .

Rồi này Ananda, con vua Makhadeva, sau khi cho người thợ cạo tóc một lương áp (như là một ân tứ) sau khi khéo giao quốc gia cho hoàng tử con đầu, chính tại rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, vua Makhadeva đã xuất gia.

Vị này an trú, biến mãn cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm thấm nhuần lòng từ, lòng bi, lòng hỷ, lòng xả quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Này Ananda, con vua Makhadeva, tám vạn bốn ngàn năm, đã chơi trò chơi của hoàng tử, tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như một phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại ngôi rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh.

Vị này, sau khi tụ tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung được sanh lên Phạm thiên giới.

Và này Ananda, các tử tôn của vua Makhadeva tiếp tục nối tiếp truyền thống ấy...

Nemi là vị cuối cùng của các vị vua ấy, là vị pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị đại vương thực hành Chánh pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Uposatha (Bố-tát) vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mồng 8.

Thuở xưa, này Ananda, khi chư Thiên ở Tavatimsa (Tam thập tam thiên) ngồi hội họp với nhau tại giảng đường Thiện Pháp (Sudhamma), cuộc đối thoại sau đây được khởi lên: "Thật hạnh phúc thay cho dân chúng Videha, thật tốt đẹp thay cho dân chúng Videha, được vua Nemi là vị pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị Đại vương thực hành Chánh pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Uposatha (Bố-tát) vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mồng 8".

Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka nói với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba:

" Chư Khanh, chư Khanh có muốn yết kiến vua Nemi không ?".

" Thưa Thiên chủ, chúng tôi muốn yết kiến vua Nemi".

Lúc bấy giờ, vua Nemi trong ngày rằm lễ Bó-Tát (Uposatha), đã gọi đầu, giữ trai giới đang ngồi trên lầu cung điện. Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka, như nhà lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra; cũng vậy, Thiên chủ biến mất giữa chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, và hiện ra trước mặt vua Nemi. Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka nói với vua Nemi:

"Thật hạnh phúc thay cho dân chúng Videha, thật tốt đẹp thay cho dân chúng Videha, được vua Nemi là vị pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị Đại vương thực hành Chánh pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Uposatha (Bó-tát) vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8". Tâu Đại vương, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba muốn yết kiến Đại vương. Tâu Đại vương, tôi sẽ gửi cho Đại vương một cỗ xe có ngàn ngựa kéo, Đại vương hãy cưỡi thiên xa ấy, chớ có sợ hãi ! "

Vua Nemi im lặng nhận lời. Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka, sau khi biết được vua Nemi đã nhận lời, như nhà lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra liền biến mất và hiện ra giữa chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba.

Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka gọi người đánh xe Matali và nói:

" Này Matali, sau khi thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo hãy đi đến vua Nemi và nói:

"Tâu Đại vương, đây là cỗ xe có ngàn ngựa kéo do Thiên chủ Sakka gửi đến cho Đại vương. Đại vương hãy cưỡi thiên xa, chớ có sợ hãi ! "

" Thưa vâng, Tôn giả".

Người đánh xe Matali vâng đáp Thiên chủ Sakka, cho thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, đi đến vua Nemi và thưa:

" Tâu Đại vương, đây là cỗ xe có ngàn ngựa kéo do Thiên chủ Sakka gửi đến cho Đại vương. Đại vương hãy cưỡi thiên xa, chớ có sợ hãi ! Và tâu Đại vương, con sẽ dẫn Đại vương đi đường nào ? Con đường do đó các nghiệp ác đưa đến sự cảm

thọ quả báo các nghiệp ác hay con đường do đó các thiện nghiệp đưa đến sự cảm thọ quả báo các thiện nghiệp".

" Hãy đưa Ta đi, cả hai con đường".

Và này Ananda, người đánh xe Matali đưa vua Nemi đến giảng đường Sudhamma (Thiện Pháp). Này Ananda, Thiên chủ Sakka thấy vua Nemi đường xa đi đến, sau khi thấy vậy, liền nói với vua Nemi:

" Hãy đến, tâu Đại vương; thiện lai, tâu Đại vương. Tâu Đại vương, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba ngồi ở giảng đường Sudhamma, tán thán Đại vương như sau: "Thật hạnh phúc thay cho dân chúng Videha, thật tốt đẹp thay cho dân chúng Videha, được vua Nemi là vị pháp vương như pháp, kiên trì trên pháp, vị Đại vương thực hành Chánh pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ, giữa thị dân và thôn dân, hành trì lễ Uposatha (Bổ-tát) vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8". Tâu Đại vương, chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba muốn yết kiến Đại vương. Tâu Đại vương, hãy hoan lạc với thiên uy lực giữa chư Thiên".

" Thôi, thôi, Tôn giả. Hãy đưa tôi về Mithila, tại đây tôi sẽ sống theo Chánh pháp giữa các vị Bà-la-môn, gia chủ, và giữa các thị dân và thôn dân và thọ trì trai giới vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8".

Rồi này Ananda, Thiên chủ Sakka (không thể giữ vua Nemi ở lại để hoan lạc với thiên uy lực giữa chư Thiên liền) nói với người đánh xe Matali:

" Này Matali, sau khi thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, hãy đưa vua Nemi về tại Mithila".

" Thừa vâng, Tôn giả".

Này Ananda, người đánh xe Matali vâng đáp Thiên chủ Sakka, thắng cỗ xe có ngàn ngựa kéo, và đưa vua Nemi về Mithila.

Ở đây, này Ananda, vua Nemi sống như pháp giữa các Bà-la-môn, gia chủ và giữa thị dân và thôn dân, thọ trì trai giới vào các ngày 14, ngày 15 và ngày mùng 8.

Và này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm; vua Nemi gọi người thợ cạo tóc:

" Này Thọ cạo tóc, khi nào Ông thấy trên đầu ta có mọc tóc bạc, hãy báo cho ta biết".

" Thừa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda, người thọ cạo tóc vâng đáp vua Nemi. Này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người thọ cạo tóc thấy trên đầu vua Nemi có mọc tóc bạc, thấy vậy liền tâu với vua Nemi:

" Các Thiên sứ đã hiện cho Đại vương. Tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu".

" Vậy này Thọ cạo tóc, hãy khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, và đặt chúng trên bàn tay của ta".

" Thừa vâng, tâu Đại vương".

Này Ananda, người thọ cạo tóc vâng đáp vua Nemi, sau khi khéo nhổ những sợi tóc bạc ấy với cái nhíp, đặt chúng trên bàn tay vua Nemi. Rồi này Ananda, vua Nemi, sau khi cho người thọ cạo tóc một lương áp (như một ân tứ), liền cho gọi vị hoàng tử con đầu và nói:

" Này Hoàng tử thân yêu, các Thiên sứ đã hiện ra cho ta, tóc bạc đã được thấy mọc ra trên đầu. Ta đã hưởng thọ các dục lạc thế gian, nay đã đến thời đi tìm kiếm các thiên lạc. Hãy đến đây, Hoàng tử thân yêu, hãy trị vì quốc độ này. Sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta sẽ xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và này Hoàng tử thân yêu, khi nào Con thấy tóc bạc mọc ra trên đầu, thời hãy cho người thọ cạo tóc một lương áp như một ân tứ, sau khi khéo giao lại quốc gia cho vị hoàng tử con đầu, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, hãy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, Con phải tiếp tục duy trì, con chớ thành người tối hậu sau ta. Này Hoàng tử thân yêu, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào (làm cho đứt đoạn) người ấy là người tối hậu. Này Hoàng tử thân yêu, ta nói với Con: "Truyền thống tốt đẹp này do ta thiết lập, Con phải tiếp tục duy trì. Con chớ thành người tối hậu sau ta".

Rồi này Ananda, vua Nemi, sau khi cho người thọ cạo tóc một lương áp (như là một ân tứ), sau khi khéo giao quốc gia cho vị Hoàng tử con đầu, chính tại rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, đã xuất gia, vị này an trú, biến mãn cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng

khấp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm thắm nhuần lòng từ, lòng bi, lòng hỷ, lòng xả quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Này Ananda, vua Nemi, tám vạn bốn ngàn năm, đã chơi trò chơi của hoàng tử, tám vạn bốn ngàn năm, đã trị vì như một phó vương; tám vạn bốn ngàn năm, đã chấp chánh như một quốc vương; tám vạn bốn ngàn năm, chính tại ngôi rừng xoài Makhadeva này, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống theo Phạm hạnh.

Vị này, sau khi tụ tập bốn Phạm trú, khi thân hoại mạng chung được sanh lên Phạm thiên giới.

Nhưng này Ananda, người con của vua Nemi tên là Kalarajanaka. Vị này không xuất gia, không từ bỏ gia đình, không sống không gia đình. Vị này đã cắt đứt truyền thống tốt đẹp ấy. Vị này là người tối hậu của các vị ấy.

Này Ananda, rất có thể Ông nghĩ như sau: "Trong thời ấy, vua Makhadeva, vị đã thiết lập truyền thống tốt đẹp ấy là một vị khác".

Nhưng này Ananda, chớ có hiểu như vậy. Trong thời ấy, ta là Makhadeva. Ta đã thiết lập truyền thống tốt đẹp ấy. Dân chúng đến sau cho rằng truyền thống tốt đẹp ấy được Ta thiết lập.

Nhưng này Ananda, truyền thống tốt đẹp ấy không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn và này Ananda, nay thế nào là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập, và truyền thống ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn ?

Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này Ananda, đây là truyền thống tốt đẹp được Ta thiết lập, và truyền thống ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này Ananda, về vấn đề này, Ta nói như sau: "Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta".

Này Ananda, khi hai người còn tồn tại, và có sự đứt đoạn của truyền thống này, thời người nào (làm cho đứt đoạn), người ấy là người tối hậu. Vậy này Ananda, Ta nói với Ông: "Truyền thống tốt đẹp này do Ta thiết lập, các Ông hãy tiếp tục duy trì. Các Ông chớ có thành người tối hậu sau Ta".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Cho dù con người luôn có sức tưởng tượng vô cùng phong phú – song, cũng không thể hình dung nổi về một thế giới “loài người” khác – như thế giới của vua Makhadeva – với tuổi thọ là tám mươi bốn ngàn năm. Thế nhưng, tám mươi bốn ngàn năm ấy rồi cũng như “*chiếc bóng thoi đưa*”.

Vì cũng chỉ là “*chiếc bóng thoi đưa*” nên từ vua Makhadeva đến vua Nemi đều phải hướng về một *quốc độ* có “đời sống”, tuổi thọ cao hơn – như *cõi trời Ba mươi ba*.

Tuy nhiên, *cõi trời Ba mươi ba* này vẫn chưa phải là thế giới của vĩnh hằng.

Thế giới vĩnh hằng ... lại ở ngay tại cõi *ta bà* này !

Đây mới là điều bất ngờ và vượt xa tất cả mọi sự tưởng tượng của con người – bởi: nó chính là thực tại !

Không ít những vị Tồ đã từ chối những *quốc độ* như *cõi trời Ba mươi ba* – để đi thẳng đến cứu cánh Niết Bàn.

Như vậy, kinh Makhadeva trong bộ Kinh Trung Bộ cũng lại là một câu chuyện kể lý thú nữa của Thế Tôn, lần này, phần kết không có gì là bất ngờ song lại chứa đựng một ý nghĩa hết sức sâu nặng và cảm động.

Vâng, không phải là ai khác, chính chúng ta sẽ nối tiếp truyền thống tốt đẹp ấy – thông qua *Thánh đạo tám ngành* ... Và người cuối cùng ... sẽ là người cuối cùng thực hiện sự: *đoạn diệt, tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn* vậy.

34.

KINH MUDHURA

(84)

Trong xã hội Ấn cũng như nhiều xã hội khác, sự phân chia xã hội ra thành nhiều giai cấp khác nhau – khiến cách nhìn, cách đánh giá về các giai cấp ấy rất khác nhau. Liệu rằng, có con người – thuộc giai cấp nào đó – là con người *thượng đẳng* chăng ? Và, liệu rằng, có con người – thuộc giai cấp nào đó – là con người *hạ liệt* chăng ? Kinh Mudhura sẽ giúp chỉ sáng tỏ vấn đề này ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) trú ở Madhura, tại rừng Gunda. Vua Madhura Avantiputta được nghe như sau: "Sa-môn Mahakaccana trú ở Madhura, tại rừng Gunda. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được khởi lên về Tôn giả Kaccana: "Tôn giả là bậc Hiền giả, bậc Trí giả, thông minh, đa văn, nói năng lưu loát, nhà biện tài lão luyện, bậc trưởng thượng, bậc A-la-hán. Thật tốt lành thay được yết kiến một vị A-la-hán như vậy". Rồi vua Madhura Avantiputta cho thặng nhiều cỗ xe thù thắng, leo lên một cỗ xe thù thắng và đi ra khỏi Madhura với uy vệ của bậc đại vương để yết kiến Tôn giả Mahakaccana.

Vua đi xe cho đến chỗ còn có thể đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Mahakaccana, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, vua Madhura Avantiputta thưa với Tôn giả Mahakaccana:

– Thưa Tôn giả Kaccana, các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là bạch chủng, các chủng tánh khác là hắc chủng; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các chủng tánh phi Bà-la-môn không như vậy; các Bà-la-môn là con Phạm thiên. Các Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Phạm thiên, tạo tác bởi Phạm thiên, thừa tự Phạm thiên. Ở đây, Tôn giả Kaccana đã nói gì ?

– Thưa Đại vương, đây chỉ là một âm thanh ở đời (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, chủng tánh khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là bạch chủng, các chủng tánh khác là hắc chủng; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các chủng tánh phi Bà-la-môn không như vậy. Các Bà-la-môn là con Phạm thiên. Các

Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên sanh ra từ miệng, sanh ra từ Phạm thiên, tạo tác bởi Phạm thiên, thừa tự Phạm thiên".

(...)

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu có người Khattiya (Sát-đế-ly) sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Khattiya khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một vị Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một vị Vessa (Tỳ-xá) hay người ấy có thể có một Sudda (Thủ-đà) là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái ?

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu có người Khattiya sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Khattiya khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; người ấy cũng có thể có một người Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một Vessa, hay người ấy có thể có một người Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu có một Bà-la-môn sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Bà-la-môn khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một vị Khattiya, hay người ấy có thể có một vị Vessa, hay người ấy có thể có một người Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái ?

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu có người Bà-la-môn sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Bà-la-môn khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một vị Khattiya, hay người ấy có thể có một vị Vessa, hay người ấy có thể có một vị Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu có một Vessa sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Vessa khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya hay người ấy

có thể có một Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái ?

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu có người Vessa sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc; người ấy có thể có một người Vessa khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một người Khattiya, hay người ấy có thể có một người Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một người Sudda là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu có người Sudda sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Sudda khác, là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya, hay người ấy có thể có một người Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một người Vessa là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái ?

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu có người Sudda sống sung túc với tài sản, ngũ cốc, vàng hay bạc, người ấy có thể có một người Sudda khác là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái; hay người ấy có thể có một Khattiya, hay người ấy có thể có một Bà-la-môn, hay người ấy có thể có một người Vessa là người hầu hạ trung thành, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng, hay không đồng đẳng ? Và ở đây Đại vương có ý nghĩ như thế nào ?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Ở đây, có người Khattiya sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong dâm dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy

có sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không, hay không phải thác sanh ? Hay ở đây Đại vương nghĩ thế nào ?

– Người Khattiya, thừa Tôn giả Kaccana, sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong dâm dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, đối với tôi là vậy, và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.

– Lành thay ! lành thay, thưa Đại vương ! Lành thay Đại vương ! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Ở đây, có người Bà-la-môn; ở đây, có người Vessa; ở đây, có người Sudda sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong dâm dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến sau khi thân hoại mạng chung, có sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không, hay không phải thác sanh ? Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào ?

– Thưa Tôn giả Kaccana, người Bà-la-môn, người Vessa, người Sudda (bất kể người nào, nếu) sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác ngữ, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, đối với tôi là vậy, và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.

– Lành thay, lành thay, thưa Đại vương ! Lành thay, Đại vương ! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chúng tánh này là đồng đẳng, hay không đồng đẳng ? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ như thế nào ?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy thời bốn chúng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Ở đây, có người Khattiya từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh lên thiện

thú, Thiên giới, cõi đời này không, hay không thể thác sanh? Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào ?

– Người Khattiya, thừa Tôn giả Kaccana, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, theo chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Ở đây, đối với tôi là vậy và như vậy là điều tôi đã nghe từ các vị A-la-hán.

– Lành thay, lành thay, thưa Đại vương ! Lành thay, Đại vương. Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Ở đây, nếu có vị Bà-la-môn, ở đây nếu có vị Vessa, ở đây nếu có vị Sudda từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, theo chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy có thể sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này hay không, hay không thể thác sanh ? Hay ở đây, Đại vương nghĩ thế nào ?

– Thừa Tôn giả Kaccana, người Bà-la-môn, người Vessa, người Sudda (bất kể người nào, nếu) từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, theo chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Ở đây, đối với tôi là vậy; và như vậy là điều tôi đã nghe các vị A-la-hán.

– Lành thay, lành thay, thưa Đại vương ! Lành thay, Đại vương ! Ở đây, đối với Đại vương là vậy, và lành thay như vậy là điều Đại vương đã được nghe từ các vị A-la-hán.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng ? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ thế nào ?

– Thật vậy thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Ở đây, vị Khattiya đột nhập nhà cửa, cướp giết đồ đạc, hành động như kẻ cướp, phục kích các đường lớn hay tư thông vợ người. Và nếu có người bắt người ấy và dẫn người ấy đến trước mặt Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, đây là kẻ ăn

trộm đã làm hại đến Đại vương. Nếu Đại vương muốn, hãy hình phạt nó". Hay Đại vương đối xử người ấy như thế nào ?

– Thưa Tôn giả Kaccana, chúng tôi sẽ chém giết người ấy, hay chúng tôi sẽ tra tấn người ấy, chúng tôi sẽ tẩn xuất người ấy hay chúng tôi sẽ áp dụng hình phạt tùy theo tội trạng. Vì sao vậy ? Thưa Tôn giả Kaccana, danh xưng Khattiya mà xưa kia người ấy được gọi đã biến mất. Nay người ấy chỉ được gọi là tên ăn trộm.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Ở đây, người Bà-la-môn; ở đây, người Vessa; ở đây, người Sudda đột nhập nhà cửa, hay cướp giết đồ đạc, hay hành động kẻ cướp, hay phục kích các đường lớn, hay tư thông vợ người. Và nếu có người bắt người ấy, dẫn người ấy đến trước mặt Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, đây là kẻ ăn trộm đã làm hại đến Đại vương. Nếu Đại vương muốn hãy hình phạt nó". Hay Đại vương đối xử với nó như thế nào ?

– Thưa Tôn giả Kaccana, chúng tôi sẽ chém giết người ấy hay chúng tôi sẽ tra tấn người ấy, hay chúng tôi sẽ tẩn xuất người ấy, hay chúng tôi sẽ áp dụng hình phạt tùy theo tội trạng. Vì sao vậy ? Thưa Tôn giả Kaccana, danh xưng Bà-la-môn, Vessa, Sudda mà xưa kia người ấy được gọi đã biến mất. Nay người ấy chỉ được gọi là tên ăn trộm.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng ? Và ở đây, Đại vương có ý nghĩ gì?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Ở đây, vị Khattiya, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, chỉ ăn một bữa, sống Phạm hạnh, trì giới luật, trì thiện pháp; Đại vương đối xử với vị ấy như thế nào ?

– Thưa Tôn giả Kaccana, tôi sẽ đánh lễ hay đứng dậy, hay mời chỗ ngồi, hay cúng dường vị ấy bốn loại đồ dùng như y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, hay chúng tôi sắp đặt sự bảo vệ hộ trì, che chở đúng pháp. Vì sao vậy ? Thưa Tôn giả Kaccana, danh xưng Khattiya mà xưa kia vị ấy được gọi đã biến mất. Nay vị ấy chỉ được gọi là một vị Sa-môn.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Ở đây, người Bà-la-môn, ở đây người Vessa, ở đây người Sudda sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, trì giới luật, trì thiện pháp; Đại vương đối xử với vị ấy như thế nào ?

– Thưa Tôn giả Kaccana, tôi sẽ đánh lễ, hay đứng dậy, hay mời chỗ ngồi, hay cúng dường vị ấy bốn loại đồ dùng, như y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, hay chúng tôi sắp đặt sự bảo vệ, hộ trì, che chở đúng pháp. Vì sao vậy ? Thưa Tôn giả Kaccana, danh xưng Bà-la-môn, Vessa, Sudda, mà xưa kia vị ấy được gọi đã biến mất. Nay vị ấy chỉ được gọi là một vị Sa-môn.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng hay không đồng đẳng ? Và Đại vương, ở đây, Đại vương có ý nghĩ thế nào ?

– Thật vậy, thưa Tôn giả Kaccana, nếu sự tình là như vậy, thời bốn chủng tánh này là đồng đẳng. Ở đây, tôi không thấy có sự sai biệt gì.

– Do pháp môn này, thưa Đại vương, vấn đề này cần phải hiểu như âm thanh ở trên đời, (câu nói): "Chỉ có Bà-la-môn là chủng tánh tối thượng, các chủng tánh khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là bạch chủng, các chủng tánh khác là hắc chủng, chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các chủng tánh phi Bà-la-môn không phải như vậy. Các Bà-la-môn là con Phạm thiên. Các Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Phạm thiên, thừa tự Phạm thiên".

Khi được nói vậy, vua Madhura Avantiputta thưa với Tôn giả Mahakaccana:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccana ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Kaccana ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Kaccana dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Tôn giả Kaccana, quy y Pháp, quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Kaccana nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Thưa Đại vương, Đại vương chớ có quy y tôi, Đại vương hãy quy y Thế Tôn, chính tôi đã quy y Thế Tôn.

– Thưa Tôn giả Kaccana, nay bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy trú ở đâu ?

– Bậc Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nay đã nhập Niết-bàn rồi, thưa Đại vương.

– Thưa Tôn giả Kaccana, nếu chúng tôi được nghe Thế Tôn ở xa mười yojana (do tuần), chúng tôi sẽ đi mười yojana để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Kaccana, nếu chúng tôi được nghe Thế Tôn ở xa hai mươi yojana, ba mươi yojana, bốn mươi yojana, năm mươi yojana, chúng tôi sẽ đi năm mươi yojana, để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Thưa Tôn giả Kaccana, vì rằng Thế Tôn đã nhập Niết-bàn rồi, chúng tôi xin quy y Thế Tôn đã nhập Niết-bàn ấy, quy y Pháp, quy y Tỷ-kheo Tăng.

Mong Tôn giả Kaccana nhận con làm Cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như vậy, kinh Mudhura trong bộ Kinh Trung Bộ, do Ngài Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) đã chỉ dạy rõ vấn đề giai cấp trong xã hội.

Bất kỳ giai cấp nào trong xã hội – đều có kẻ tốt, người xấu – đều có người *thượng đẳng* (*sang giàu*) kẻ *hạ liệt*. *Thượng đẳng* (*sang giàu*) hay *hạ liệt* – đều do chính tự người ấy mà ra – điều này đã được nói đến nhiều lần trong nhiều kinh của bộ Kinh Trung Bộ. Chẳng hạn như trong kinh Kandarakā có đoạn sau:

Vị ấy sau khi từ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do dục sanh, với tâm với tứ.

Vị ấy diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba.

Vị ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến túc mạng

trí. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, hai mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy vị ấy nhớ đến những đời sống quá khứ, cũng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến sanh tử trí của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ ràng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Vị ấy nghĩ rằng: "Thật sự những vị chúng sanh này thành tựu những ác hạnh về thân, thành tựu những ác hạnh về lời nói, thành tựu những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những vị chúng sanh này thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, trên đời này. Như vậy, vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ ràng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Vì vậy, mọi giai cấp trong xã hội đều đồng đẳng. Việc đề cao giai cấp này, hạ thấp giai cấp khác là việc làm nguỵ tạo.

35.

KINH BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ
(Bodhirajakumarasuttam)

(85)

Rất nhiều người đã từng có lần, có thể, (tự) hỏi như Vương tử Bodhi rằng: (Không biết) “Độ bao lâu, một vị Tỷ-kheo chấp nhận Như Lai là vị lãnh đạo, chứng được với thượng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh” ? Thế Tôn, một lần nữa trả lời câu hỏi này trong kinh Bồ Đề Vương Tử:

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhagga, tại Sunsumaragira, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển. Lúc bấy giờ, vương tử Bodhi có một ngôi lâu đài tên Kokanada dựng lên không bao lâu và chưa được một Sa-môn, một Bà-la-môn hay một hạng người nào ở cả. Rồi vương tử Bodhi gọi thanh niên Sanjikaputta và nói:

– Nay Sanjikaputta, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và thưa: “Bạch Thế Tôn, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và bạch như sau: Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo”.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Sanjikaputta vâng đáp vương tử Bodhi, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thanh niên Sanjikaputta đang ngồi một bên và bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú và thưa như sau: “Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo”.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi thanh niên Sanjikaputta, sau khi biết được Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến vương tử Bodhi, sau khi đến, thưa với vương tử Bodhi:

– Chúng tôi đã nhân danh Tôn giả, bạch lên Thế Tôn Gotama như sau: "Thưa Tôn giả Gotama, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và thưa như sau: "Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo". Và Sa-môn Gotama đã nhận lời.

Rồi vương tử Bodhi, sau khi đêm ấy đã mãn, tại trú xá của mình cho sửa soạn các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, và cho trải vải trắng lâu đài Kokanada cho đến tầm cấp thấp nhất (pacchima), rồi gọi thanh niên Sanjikaputta:

– Nay Thanh niên Sanjikaputta, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy báo giờ cho Thế Tôn được biết: "Bạch Thế Tôn, đã đến giờ, cơm đã sẵn sàng".

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến trú xá của vương tử Bodhi. Lúc bấy giờ, vương tử Bodhi chờ đón Thế Tôn đến, đang đứng ở cửa ngoài. Vương tử Bodhi thấy Thế Tôn từ xa đi đến, sau khi thấy, liền tiến đến đón, đánh lễ Thế Tôn, đi đầu hướng dẫn đến lâu đài Kokanada.

*Rồi Thế Tôn đứng sát vào tầm cấp thấp nhất.
Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:*

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

*Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng.
Lần thứ hai, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:*

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để cho con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

*Lần thứ hai, Thế Tôn im lặng.
Lần thứ ba, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:*

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

*Rồi Thế Tôn nhìn Tôn giả Ananda.
Tôn giả Ananda thưa với vương tử Bodhi:*

– Thừa vương tử, hãy cho cuộn lại tấm vải, Thế Tôn không có đi bộ trên vải, Như Lai còn nghĩ đến những người thấp kém.

Rồi vương tử Bodhi cho cuộn lại tấm vải, cho sửa soạn các chỗ ngồi tại tầng trên lầu Kokanada. Rồi Thế Tôn bước lên lầu đài Kokanada, và ngồi trên ghế đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo.

Rồi vương tử Bodhi tự tay mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm.

Vương tử Bodhi, khi Thế Tôn ăn xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế thấp và ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: "Lạc được chứng đắc không phải do lạc, lạc được chứng đắc do khổ".

– Nay Vương tử, trước khi giác ngộ, thành bậc Chánh Đẳng Giác, khi còn là vị Bồ Tát, Ta nghĩ như sau: "Lạc được chứng đắc không phải do lạc, lạc được chứng đắc do khổ".

Và Ta, này Vương tử, sau một thời gian, khi Ta còn trẻ, niên thiếu, tóc đen nhánh, đầy đủ huyết khí của tuổi thanh xuân, trong thời vàng son cuộc đời, mặc dầu cha mẹ không bằng lòng, nước mắt đầy mặt, than khóc, Ta cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta xuất gia như vậy, một người đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ".

"Ta đến chỗ Alara Kalama. (Sau khi thừa chuyện với Đạo sư) Ta suy nghĩ: Không phải chỉ có Alara Kalam có lòng tin, Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Alara Kalama tuyên bố: "Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú". Rồi này Vương tử, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú".

(Vị Đạo sư thấy Thế Tôn học pháp và thành tựu mau chóng như vậy, hết sức kính nể, tỏ ý mong muốn Thế Tôn hãy ở lại, cùng vị Đạo sư phát triển môn pháp. Thế nhưng):

“Rồi Ta tự suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yếm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Vô sở hữu xứ". Như vậy này Vương tử, Ta không tôn kính pháp này, và từ bỏ pháp ấy, Ta ra đi”.

“Ta đi đến chỗ Uddaka Ramaputta. (Sau khi thừa chuyện với Đạo sư) Ta suy nghĩ: Không phải chỉ có Uddaka Ramaputta có lòng tin, Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Uddaka Ramaputta mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Uddaka Ramaputta mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Uddaka Ramaputta mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Uddaka Ramaputta tuyên bố: "Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú". Rồi này Vương tử, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú”.

(Vị Đạo sư thấy Thế Tôn học pháp và thành tựu mau chóng như vậy, hết sức kính nể, tỏ ý mong muốn Thế Tôn hãy ở lại, cùng vị Đạo sư phát triển môn pháp. Thế nhưng:

“Ta suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yếm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Phi tướng phi phi tướng xứ". Như vậy, này Vương tử, Ta không tôn kính pháp ấy và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi”.

Thế Tôn đi đến nước Magadha (Ma kiệt đà) và đến tại tụ lạc Uruvela (Ưu lâu tân loa). Tại đây Ngài thấy một nơi hết sức vừa ý:

"Thật là một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ có thể lội qua, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khát thực. Thật là một chỗ vừa đủ cho một Thiện nam tử tha thiết tinh cần có thể tinh tấn". Và này Vương tử, Ta ngồi xuống tại chỗ ấy và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tinh tấn”.

Chính tại nơi này, Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni đã thành Chánh Giác. Và Ngài đã cho biết những điều tỏ ngộ, đạt đến Niết Bàn:

“Rồi này các Tỷ-kheo, Ta tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn;

Tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; và đã chứng được cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn;

Tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị bệnh, tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn;

Tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị chết, tìm cầu cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn;

Tự mình bị sầu, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sầu, tìm cầu cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái vô sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn;

Tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách, Niết-bàn.

Và trí và kiến khởi lên nơi Ta.

Sự giải thoát của Ta không bị dao động.

Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sanh nữa”.

"Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý Idapaccàyata Patīccasamuppāda (Y Tánh Duyên Khởi Pháp)".

(Và Thế Tôn bần khoản):

“Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thối như vậy thật khổ não cho Ta, như vậy thật bực mình cho Ta!”

Rất may lúc ấy có Phạm Thiên (cõi trời) nhận biết được điều này đã khuyên can:

"Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Chánh pháp. (Nếu được nghe), những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp".

Như Lai dùng Mắt Phật nhìn thấu suốt cõi nhân gian, thấy rằng, quả thật, ở trần gian cũng có người ít nhiễm bụi trần (cho dù số người này là không nhiều):

“Này Vương tử, với Phật nhãn, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy, khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm”.

(Thế Tôn định thuyết pháp cho hai vị đạo sư mà Ngài đã từng học đạo, song, cả hai đều đã qua đời).

(Cuối cùng, tại vườn Lộc Uyển, một nhóm năm Tỷ kheo được Thế Tôn chọn. Trong buổi đầu tiên thuyết pháp, hai trong số năm Tỷ kheo ấy được vinh dự nghe những lời đầu tiên. Ba người kia phải đi khát thực cho tổng cộng sáu người ăn (kể cả Thế Tôn) . Hôm sau, hai Tỷ kheo kia, thay phiên, đi khát thực, ba Tỷ kheo ở nhà, là những người kế tiếp được nghe Thế Tôn giảng dạy).

(Này Vương tử, ta đã dạy năm vị Tỷ kheo đầu tiên này như sau):

Này các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng. Thế nào là năm?

Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

Các tiếng do tai nhận thức, thanh này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

Các hương do mũi nhận thức, hương này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

Các vị do lưỡi nhận thức, vị này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

Các xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

Này các Tỷ-kheo, như vậy, là năm dục trưởng dưỡng. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc, bị tham đắm, bị mê say bởi năm dục trưởng dưỡng này, không thấy sự nguy hại của chúng, không biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, mà thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các Người đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn".

Này các Tỷ-kheo, như một con nai sống trong rừng bị sập bẫy nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị thợ săn sử dụng như ý muốn. Khi người thợ săn đến, con nai không thể bỏ đi như ý muốn. (...)

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc, không bị tham đắm, không bị mê say bởi năm dục trưởng dưỡng này, thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, và thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải

được hiểu là: "Các Người không rơi vào bất hạnh, không rơi vào tai họa, không bị Ác ma sử dụng như ý muốn".

Này các Tỷ-kheo, như một con nai sống trong rừng, không bị sập bẫy phải nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó không rơi vào bất hạnh, nó không rơi vào tai họa, nó không bị người thợ săn sử dụng như ý muốn". Khi người thợ săn đến, con nai có thể bỏ đi như ý muốn. Này các Tỷ-kheo, cũng vậy, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc không bị tham đắm, không bị mê say bởi năm dục trường dưỡng này, thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, và thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: không bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

Chư Tỷ-kheo, ví như con nai sống trong rừng, đi qua đi lại trong rừng, an tâm nó đi, an tâm nó đứng, an tâm nó ngồi, an tâm nó nằm. Tại sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nó vượt khỏi tâm tay của người thợ săn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc, do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là: một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các vị Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là: một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là: một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

"Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chương ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hu không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là: một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức Vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là: một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được

gọi là: một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là: một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng (định). Sau khi thấy bằng trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma. Vị ấy đã vượt khỏi mọi triền phược ở đời. An tâm vị ấy đi, an tâm vị ấy đứng, an tâm vị ấy ngồi, an tâm vị ấy nằm. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì vị ấy vượt khỏi tâm tay của Ác ma”.

Như vậy, này Vương tử, chúng năm vị Tỷ-kheo được Ta giáo giới như vậy, giáo huấn như vậy, không bao lâu chứng được với thượng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà con cháu các lương gia xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến.

Khi được nói vậy, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Độ bao lâu, bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo chấp nhận Như Lai là vị lãnh đạo, chứng được chứng được với thượng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh .

– Này Vương tử, ở đây, Ta sẽ hỏi Vương tử. Tùy theo Vương tử có thể kham nhẫn, Vương tử hãy trả lời. Này vương tử, Vương tử nghĩ thế nào ? Vương tử có thiện xảo trong nghề cưỡi voi và trong kỹ thuật dùng câu móc không ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con thiện xảo trong nghề cưỡi voi và kỹ thuật dùng câu móc.

– Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào ? Ở đây có người đến và nói: "Vương tử Bodhi biết kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc. Tôi sẽ học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử". Nếu người ấy không có lòng tin, thời những gì lòng tin có thể đạt được, người ấy không thể đạt được. Nếu người ấy nhiều bệnh, thời những gì ít bệnh có thể đạt được, người ấy không thể đạt được. Nếu người ấy gian trá, xảo trá, thời những gì không gian trá, không xảo trá có thể đạt được, người ấy không đạt được. Nếu người ấy biếng nhác, thời những gì tinh tấn, cần mẫn có thể đạt được, người ấy không đạt được. Nếu người ấy có liệt tuệ, thời những gì trí tuệ

có thể đạt được, người ấy không đạt được. Nay Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào ? Người ấy có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với Vương tử không ?

– Bạch Thế Tôn, người ấy, dầu thành tựu chỉ một đức tánh, người ấy cũng không có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với con; huống chi (nếu người ấy thành tựu) cả năm đức tánh !

– Nay Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào ? Ở đây, có người đến và nói: "Vương tử Bodhi biết kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc. Tôi sẽ học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với Vương tử". Nếu người ấy có lòng tin, thì những gì lòng tin có thể đạt được, người ấy đạt được. Nếu người ấy ít bệnh, thì những gì ít bệnh có thể đạt được, người ấy đạt được. Nếu người ấy không gian trá, không xảo trá, thì những gì không gian trá, không xảo trá có thể đạt được, người ấy đạt được. Nếu người ấy tinh tấn, cần mẫn, thì những gì tinh tấn, cần mẫn có thể đạt được, người ấy đạt được. Nếu người ấy có trí tuệ, thì những gì trí tuệ có thể đạt được, người ấy đạt được. Nay Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào ? Người ấy có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với Vương tử không ?

– Bạch Thế Tôn, người ấy, dầu cho thành tựu chỉ một đức tánh, cũng có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với con; huống chi (nếu người ấy thành tựu) cả năm đức tánh.

– Cũng vậy, nay Vương tử, có năm tinh tấn chi này. Thế nào là năm ?

Ở đây, nay Vương tử, vị Tỷ-kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai. Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Vị ấy ít bệnh, ít nã, với bộ tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng, trung bình, hợp với tinh tấn.

Vị ấy không gian trá, xảo trá, tự mình xử sự như chơn đối với bậc Đạo sư, đối với các vị có trí hay đối với các vị đồng Phạm hạnh.

Vị ấy sống tinh cần, tinh tấn từ bỏ các bất thiện pháp, làm cho khởi lên các thiện pháp, kiên cố, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.

Vị ấy có trí tuệ thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt (của các pháp), với sự thể nhập bậc Thánh đưa đến sự chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

Này Vương tử, như vậy là năm tinh cần chi. Này Vương tử, vị Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này, chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, sau khi đã tự chứng tri với thượng trí ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, và vị ấy có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú trong bảy năm.

Này Vương tử, đừng nói chi bảy năm, một vị Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, sau khi đã tự chứng tri với thượng trí ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, và vị ấy có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú trong sáu năm ... năm năm ... bốn năm ... ba năm ... hai năm ... một năm ...

Này Vương tử, đừng nói chi một năm, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này ... (chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, sau khi đã tự chứng tri với thượng trí ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, và vị ấy có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú trong bảy tháng.

Này Vương tử, đừng nói chi bảy tháng, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, sau khi đã tự chứng tri với thượng trí ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, và vị ấy có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú trong sáu tháng ... trong năm tháng ... bốn tháng ... ba tháng ... hai tháng ... một tháng ... nửa tháng ...

Này Vương tử, đừng nói chi nửa tháng, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, sau khi đã tự chứng tri với thượng trí ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, và vị ấy có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú trong bảy đêm ngày.

Này Vương tử, đừng nói chi bảy đêm ngày, Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này sáu đêm ngày... năm đêm ngày ... bốn đêm ngày ... ba đêm ngày ... hai đêm ngày ... một đêm ngày.

Này Vương tử, đừng nói chi một đêm ngày, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này, chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, nếu được giảng dạy buổi chiều thời

chúng được sự thù thắng buổi sáng, nếu được giảng dạy buổi sáng, thời sẽ chúng được sự thù thắng buổi chiều.

Khi được nghe nói vậy, Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Ôi, thật là Phật ! Ôi, thật là Pháp ! Ôi, thật là khéo thuyết pháp thay ! Nếu được giảng dạy buổi chiều thời chúng được sự thù thắng buổi sáng, nếu được giảng dạy buổi sáng thời chúng được sự thù thắng buổi chiều.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Sanjikaputta thưa với Vương tử Bodhi:

– Như vậy, Tôn giả Bodhi này đã nói: "Ôi, thật là Phật ! Ôi, thật là Pháp ! Ôi, thật là khéo thuyết pháp thay ! " . Nhưng Vương tử không nói thêm: "Tôi quy y Tôn giả Gotama này, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng".

(Vương tử Bodhi trả lời thanh niên Sanjikaputta):

*– Nay Sanjikaputta, chớ có nói như vậy ! Nay Sanjikaputta, chớ có nói như vậy !
Nay Sanjikaputta, mặt trước mặt đối diện với mẫu thân của ta, ta tự nghe như sau:*

"Một thời, này Sanjikaputta, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại tu viện Ghosita. Mẫu thân ta đang mang thai, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, mẫu thân ta bạch với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, đưa con này của con, dù là con trai hay con gái, cũng xin quy y với Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận nó làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, nó trọn đời quy ngưỡng".

Lại một thời, này Sanjikaputta, Thế Tôn trú giữa dân chúng Bhagga, tại Sumsumaragira, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển. Rồi người vú của ta, ẵm ta bên hông, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, người vú của ta bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, vương tử Bodhi nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận vương tử này làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, xin trọn đời quy ngưỡng".

Và nay, này Sanjikaputta, lần thứ ba ta quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. "Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng".

Như vậy kinh Bồ Đề Vương Tử trong bộ Kinh Trung Bộ có hai phần:
Phần đầu Thế Tôn kể sơ lược về con đường tìm đạo ; đi đến cứu cánh Niết Bàn của Ngài – ngay tại cõi thế gian này – và, sau đó mở đầu cuộc hành trình giảng đạo của Ngài với *Tứ Thánh Đế* (phần này cũng đã được ghi lại trong kinh *Thánh Cầu – Kinh Trung Bộ - Tập 1*).

Phần hai, một lần nữa trước câu hỏi: Một vị Tỷ-kheo (Tỷ-kheo ni ; nam, nữ Cư sĩ) bao lâu *chứng tri với thượng trí vô thượng cứu cánh Phạm hạnh* ? Thế tôn đã trả lời một cách tuyệt vời – khiến Vương tử Bodhi phải thốt lên rằng :
– *Ôi, thật là Phật ! Ôi, thật là Pháp !*

36.

KINH ANGULIMALA

(86)

Triết lý nhà Phật nổi tiếng với câu: “Buông đao, quay đầu hồi hướng thành Phật”. Kinh Angulimala, trải qua hàng ngàn năm, vẫn là câu chuyện rất hấp dẫn và lôi cuốn – vốn là nguồn cội của câu nói nổi tiếng nêu trên ấy ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại Savatthi, Jetavana, ở tinh xá ông Anthapindika. Lúc bấy giờ, trong lãnh thổ của quốc vương Pasenadi (Ba-tư-nặc), nước Kosala, có tên cướp Angulimala một thợ săn, tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, quốc độ trở thành không quốc độ. Do nó luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Savatthi để khát thực. Sau khi khát thực ở Savatthi, ăn xong, dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, Ngài quay trở về và đi trên con đường dẫn đến tên cướp Angulimala.

Các người chăn bò, các người chăn thú, các người làm ruộng, các người bộ hành (padhavino ?) thấy Thế Tôn đang đi trên con đường dẫn đến tên cướp Angulimala, thấy vậy liền bạch Thế Tôn:

"Thưa Sa-môn, chớ có đi trên con đường này. Thưa Sa-môn, trên con đường này có tên cướp Angulimala, là một thợ săn, tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, các quốc độ trở thành không quốc độ. Do nó luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người. Thưa Sa-môn, trên đường này, có mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người tụ họp lại, tụ họp lại rồi cùng đi. Tuy vậy, họ vẫn rơi vào tay của tên cướp Angulimala".

Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng, vẫn tiếp tục đi.

Lần thứ hai, lần thứ ba, các người chăn bò, các người chăn thú, các người làm ruộng, các người đi đường vẫn bạch Thế Tôn: "Thưa Sa-môn, chớ có đi con đường ấy ... dấu có mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người ... vẫn rơi vào tay của tên cướp Angulimala".

Lần thứ hai, lần thứ ba, Thế Tôn giữ im lặng, vẫn tiếp tục đi.

Tên cướp Angulimala thấy Thế Tôn từ xa đi lại, sau khi thấy liền nghĩ: "Thật vi diệu thay ! Thật hy hữu thay ! Con đường này, cho đến mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người tụ họp lại, tụ họp lại rồi cùng đi; tuy vậy, chúng vẫn rơi vào tay của ta. Nay người Sa-môn này, chỉ có một mình, không có người thứ hai, lại đi đến, hình như do một sức mạnh gì ? Vậy ta giết hại mạng sống của người Sa-môn này !

" Tên cướp Angulimala lấy kiếm và tám khiên, đeo cung và tên vào, và đi theo sau lưng Thế Tôn.

Lúc ấy, Thế Tôn hiện thần thông lực làm cho tên cướp Angulimala, dầu cho đi với tất cả tốc lực của nó cũng không có thể bắt kịp Thế Tôn đang đi với tốc độ bình thường.

Tên cướp Angulimala suy nghĩ:

"Thật vi diệu thay ! Thật hy hữu thay ! Ta trước đây đuổi theo con voi đang chạy và bắt kịp nó, đuổi theo con ngựa đang chạy và bắt kịp nó, đuổi theo chiếc xe đang chạy và bắt kịp nó, đuổi theo con nai đang chạy và bắt kịp nó. Nay dầu ta đi với tất cả tốc lực của ta cũng không thể bắt kịp Sa-môn này đang đi với tốc lực bình thường".

Nó thưa với Thế Tôn:

– Hãy đứng lại, Sa-môn ! Hãy đứng lại, Sa-môn !

– Ta đã đứng rồi, này Angulimala ! Và Ngươi hãy đứng lại !

Rồi tên cướp Angulimala suy nghĩ:

"Những Sa-môn Thích Tử này là những người nói sự thật và chấp nhận sự thật. Và Sa-môn này dầu cho đang đi lại nói: "Ta đã đứng rồi, này Angulimala ! Và Ngươi hãy đứng lại".

Vậy ta hãy hỏi vị Sa-môn này". Rồi tên cướp Angulimala với bài kệ nói với Thế Tôn:

Người đi lại nói: "Ta đã đứng rồi",
Ta đứng, Ngươi nói: "Sao ta không đứng ?"

*Sa-môn, ta hỏi về ý nghĩa này,
Sao Ngươi đứng lại, còn ta không đứng ?*

*Angulimala, Ta đã đứng rồi.
Với mọi chúng sanh, Ta bỏ trượng, kiếm,
Còn Ngươi hữu tình, không tự kiềm chế,
Do vậy, Ta đứng, còn Ngươi chưa đứng.*

*Đã lâu tôi kính, bậc Đại Tiên Nhân,
Nay Sa-môn này bước vào Đại Lâm.
Không lâu, tôi sẽ đoạn trừ ác pháp,
Sau khi được nghe pháp kệ của Ngài.*

*Nói xong tên cướp liền quăng bỏ kiếm,
Quăng bỏ khí giới xuống vực thâm sâu,
Tên cướp đánh lễ dưới chân Thiện Thế,
Ngay tại chỗ ấy, xin được xuất gia.*

*Đức Phật từ bi, bậc Đại Tiên Nhân,
Đạo Sư Nhân giới, cùng với Thiên giới,
Ngài đã trả lời: "Thiện lai Tỷ-kheo".
Uy đức Tỷ-kheo được Ngài xác chứng.*

Rồi Thế Tôn cùng Tôn giả Angulimala là Sa-môn tùy tùng, bắt đầu du hành đi đến Savatthi, và tuần tự du hành, Thế Tôn đến Savatthi.

Ở đây, Thế Tôn trú tại Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anthapindika.

(Trong khoảng thời gian này, chưa ai biết tên cướp khét tiếng Angulimala đã là Sa-môn).

Lúc bấy giờ, tại cửa nội cung vua Pasenadi nước Kosala, một số đông quần chúng tụ họp lại, cao tiếng, lớn tiếng nói lên: "Tâu Đại vương, trong lãnh thổ Đại vương, có tên cướp tên Angulimala, là tên thợ săn, bàn tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Do vì nó, các làng trở thành không làng, thị trấn trở thành không thị trấn, quốc độ trở thành không quốc độ. Do nó luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người. Đại vương hãy tấn xuất nó".

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, với khoảng năm trăm con ngựa, sáng sớm đi ra khỏi Savatthi, đi đến tinh xá, đi xe đến chỗ nào còn đi xe được, rồi vua xuống xe, đi bộ đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Thế Tôn nói với vua Pasenadi xứ Kosala đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, có phải vua Seniya Bimbisara nước Magadha tức giận với Đại vương, hay các người Licchavi ở Vesali, hay một địch vương nào khác ?

– Bạch Thế Tôn, vua Seniya Bimbisara xứ Magadha không có tức giận với con, không phải các người Licchavi ở Vesali, cũng không phải có địch vương nào khác. Bạch Thế Tôn, trong lãnh thổ của con, có tên cướp tên là Angulimala, một tên thợ săn, bàn tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, các quốc độ trở thành không quốc độ. Bạch Thế Tôn, nhưng con không có thể tấn xuất nó được (napatisedhissami).

– Thưa Đại vương, nếu Đại vương được thấy Angulimala cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, giữ giới, hành trì thiện pháp. Đại vương sẽ làm gì với Angulimala ?

– Bạch Thế Tôn, con sẽ đánh lễ, hay đứng dậy, hay đưa ghế mời ngồi, hay lo liệu bốn sự cúng dường Angulimala, tức là y phục, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh, hay chúng con bảo vệ, hộ trì đúng pháp. Nhưng Bạch Thế Tôn, từ đâu một người phá giới, làm các ác pháp lại có thể trở thành giữ giới, biết chế ngự như vậy ?

Lúc bấy giờ tôn giả Angulimala ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Thế Tôn duỗi cánh tay mặt và nói với vua Pasenadi:

– Thưa Đại vương, đây là Angulimala.

Vua Pasenadi nước Kosala liền hoảng sợ, run sợ, lông tóc dựng ngược. Thế Tôn biết được vua Pasenadi nước Kosala, hoảng sợ, khiếp sợ, lông tóc dựng ngược, bèn nói với vua Pasenadi, nước Kosala:

– Chớ có sợ hãi, thưa Đại vương ! Chớ có sợ hãi, thưa Đại vương. Ở đây, không có gì đáng sợ hãi cho Đại vương.

Rồi sự hoảng sợ, khiếp sợ, lông tóc dựng ngược của vua Pasenadi, nước Kosala được tan biến.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala đến Gần Tôn giả Angulimala, sau khi đến, thưa với Tôn giả Angulimala:

– Thưa Tôn giả, có phải Tôn giả là Angulimala ?

– Thưa phải, Đại vương.

– Thưa Tôn giả, phụ thân Tôn giả thuộc dòng họ gì? Mẫu thân thuộc dòng họ gì ?

– Thưa Đại vương, phụ thân tôi thuộc dòng họ Gagga, mẫu thân thuộc dòng họ Mantani.

– Thưa Tôn giả, mong Tôn giả Gagga Mantaniputta được hoan hỷ. Tôi sẽ cố gắng lo bốn sự cúng dường là y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh cho tôn giả.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Angulimala theo hạnh ở rừng núi, đi khát thực mà ăn, sống chỉ với ba y. Rồi Tôn giả Angulimala nói với vua Pasenadi nước Kosala:

– Thôi, thôi, thưa Đại vương, tôi đã đủ ba y.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến gần Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn ! Làm sao Thế Tôn lại nhiếp phục được người không thể nhiếp phục, làm cho an tịnh được người không thể an tịnh, làm cho tịch diệt được người không có thể tịch diệt. Bạch Thế Tôn, đối với người con không thể nhiếp phục với gậy, với kiếm, Thế Tôn đã có thể nhiếp phục được, với không gậy, không kiếm. Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi. Chúng con có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm.

– Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi, nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và ra đi.

Rồi Tôn giả Angulimala, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Savatthi để khát thực. Trong khi đi khát thực từng nhà một ở Savatthi, Tôn giả Angulimala thấy một người đàn bà đang sanh đẻ, rất là nguy kịch và đau đớn. Thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: "Thật đau khổ thay các chúng sanh ! Thật đau khổ thay các chúng sanh ! "

Rồi Tôn giả Angulimala, sau khi đi khát thực ở Savatthi, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Angulimala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, con vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào thành Savatthi để khát thực. Bạch Thế Tôn, trong khi đi khát thực từng nhà một ở Savatthi, con thấy một người đàn bà đang sanh đẻ, rất là nguy kịch, đau đớn. Thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật đau khổ thay các chúng sanh ! Thật đau khổ thay các chúng sanh ! "

– Này Angulimala, Ông hãy đi đến Savatthi, sau khi đến, nói với người đàn bà ấy như sau: "Này Bà chị, vì rằng tôi từ khi sanh ra chưa bao giờ có ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn, và sanh đẻ được an toàn ! "

– Bạch Thế Tôn, nếu làm vậy, thời con là có ý nói láo. Bạch Thế Tôn, con đã có ý giết hại mạng sống rất nhiều chúng sanh rồi.

– Vậy thì, này Angulimala, Ông hãy đi đến Savatthi, sau khi đến hãy nói với người đàn bà ấy như sau: "Này Bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sanh đến nay chưa bao giờ có ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn và sanh đẻ được an toàn ! "

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Angulimala, sau khi vâng đáp Thế Tôn, đi đến Savatthi, sau khi đến nói với người đàn bà ấy như sau: "Thưa Bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sanh đến nay chưa bao giờ có ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn, và sanh đẻ được an toàn ! "

Và người đàn bà được an toàn, sanh đẻ được an toàn.

Rồi Tôn giả Angulimala, sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và không bao lâu sau, tự thân chứng ngộ với thắng trí, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã

thành, những gì nên làm đã làm, từ nay không còn trở lui đời này nữa". Vị ấy biết như vậy. Và như vậy, Tôn giả Angulimala trở thành một vị A-la-hán nữa.

Rồi Tôn giả Angulimala buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi để khát thực. Lúc bấy giờ, một cục đất do một người ném, rơi trên thân Tôn giả Angulimala, rồi một cây gậy do một người khác quăng, rơi trên thân Tôn giả Angulimala, rồi một hòn sỏi do một người khác quăng, rơi trên thân Tôn giả Angulimala.

Rồi Tôn giả Angulimala bị lỗ đầu, chảy máu, bình bát bị bể, ngoại y bị rách, đi đến Thế Tôn.

Thế Tôn thấy Tôn giả Angulimala từ xa đi đến, thấy vậy, liền nói với Tôn giả Angulimala: "Hãy kham nhẫn, này Bà-la-môn ! Hãy kham nhẫn, này Bà-la-môn !

Ông đang gặt hái ngay trong hiện tại quả báo của nghiệp mà đáng lẽ Ông phải chịu nấu sôi ở địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm".

Rồi Tôn giả Angulimala sống độc cư, Thiền tịnh, cảm thọ được giải thoát lạc, và trong lúc ấy nói lên lời cảm khái sau đây:

"Ai trước phóng dật, sau không phóng dật,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây,
Ai làm ác nghiệp, nhờ thiện chặn lại,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.

Niên thiếu Tỷ-kheo trung thành Phật giáo,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.
Mong kẻ địch ta, nghe giảng Pháp thoại !
Mong kẻ địch ta, trung thành Phật giáo !

Mong kẻ địch ta, thọ lãnh chánh pháp,
(Thân tâm) an tịnh, san sẻ mọi người.
Mong kẻ địch ta, từ bậc Thuyết nhẫn,
Từ bậc Tán thán, vô oán hận tâm.

Thời thời nghe pháp, y pháp hành trì.
Một kẻ như vậy, không có hại ta,
Cũng không làm hại một người nào khác.
Vị ấy sẽ chứng tối thượng tịch tịnh.

*Hộ trì mọi người, kẻ tham người không,
Như người dẫn nước, hướng dẫn nước chảy,
Như kẻ làm tên uốn cong thân tên,
Như người thợ mộc uốn nắn cây gỗ.*

*Kẻ trí tự mình, tự điều phục mình,
Có kẻ được điều bởi gậy, roi, móc,
Riêng Ta được điều không gậy, không kiếm.
(Bởi bậc như vậy).*

*Ta tên Vô Hại, trước ta sát hại,
Nay được chánh danh, vì chẳng hại ai.
Trước ta được tên Angulimala,
Bị nước thác cuốn, ta quy y Phật.*

*Trước tay vấy máu, danh xưng (Anguli) mala,
Xem ta quy y, đoạn dây sanh tử,
Làm nghiệp như vậy phải sanh ác thú,
Khi lãnh nghiệp báo, không nợ ta hưởng.*

*Kẻ ngu vô trí, đam mê phóng dật,
Còn người có trí, giữ không phóng dật,
Như giữ tài sản, tối thượng, tối quý,
Chớ mê phóng dật, chớ mê dục lạc.*

*Giữ không phóng dật, luôn luôn Thiền định,
Chứng đắc đại lạc, quảng đại vô lượng,
Thiền lai, ta đến, không đi lạc hướng,
Không ai khuyên ta theo tư tưởng ác.*

*Giữa các chân lý (được khéo) giảng dạy,
Chân lý ta theo, chân lý tối thượng,
Thiền lai ta đến, không đi lạc hướng,
Không ai khuyên ta theo tư tưởng ác,*

Ba mình ta chứng, Phật lý viên thành.

Như vậy, kinh Angulimala trong bộ Kinh Trung Bộ là câu chuyện về tên cướp khét tiếng Angulimala.

Buông đao, quay đầu hồi hướng, tên cướp Angulimala trở thành Sa-môn Angulimala.

Rồi, sa-môn Angulimala trở thành vị A-la-hán (Phật) – đó là điều hết sức vi diệu.

Kinh Angulimala – ghi lại đôi nét chấm phá tiểu sử một vị Phật – Phật Angulimala – cũng là để lại một bài học thâm sâu: Không sợ tội lỗi, lầm lạc – chỉ sợ không sớm nhận ra những tội lỗi lầm lạc ấy để kịp hồi hướng, quay đầu ...

37.

KINH ÁI SANH

(Piyajatikasuttam)

(87)

Trong triết lý Phật, *ái* (yêu, thương) rất khác với *bác ái* (từ bi). Thế Tôn dạy rằng: *ái* là nguồn cội của khổ đau – điều này không phải ai cũng dễ dàng chấp nhận ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anathapindika. Lúc bấy giờ con một của một gia chủ, khả ái, đáng thương, bị mệnh chung. Sau khi nó chết, (người cha) không còn muốn làm việc, không còn muốn ăn uống, luôn luôn đi đến nghĩa địa, người ấy than khóc: "Con ở đâu, đưa con một của ta ? Con ở đâu, đưa con một của ta ?" Rồi người gia chủ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Thế Tôn nói với người gia chủ đang ngồi một bên:

– Nay Gia chủ, có phải Ông có các căn để an trú tự tâm ông, có phải các căn của Ông đổi khác ?

– Bạch Thế Tôn, sao các căn của con có thể đổi khác được ? Bạch Thế Tôn, đưa con một khả ái, đáng thương của con đã mệnh chung. Sau khi nó chết (con) không còn muốn làm việc, con không còn muốn ăn uống, con luôn luôn đi đến nghĩa địa và than khóc: "Con ở đâu, đưa con một của ta ? Con ở đâu, đưa con một của ta ?"

– Sự thật là như vậy, này Gia chủ, vì rằng, này Gia chủ, sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

– Nhưng đối với ai, bạch Thế Tôn, sự tình sẽ như vậy: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái ?" Vì rằng, bạch Thế Tôn hỷ lạc (anandasomanassa) do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Rồi người gia chủ, không hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, chống báng lại, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Lúc bấy giờ, một số người đánh bạc đang chơi đố nhưt lục không xa Thế Tôn bao nhiêu. Người gia chủ kia, đi đến những người đánh bạc ấy, sau khi đến nói với những người ấy như sau:

– Này Quý vị, ở đây tôi đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến, đánh lễ Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên. Này Quý vị, Sa-môn Gotama nói với tôi đang ngồi một bên:

– "Này Gia chủ, có phải Ông có các căn để an trú tự tâm ông. Có phải các căn của Ông đôi khác ?" Này Quý vị, được nghe nói vậy tôi nói với Sa-môn Gotama:

– "Bạch Thế Tôn sao các căn của con có thể đôi khác được. Bạch Thế Tôn, đưa con một khả ái, đáng thương của con đã mệnh chung. Sau khi nó chết, con không còn muốn làm việc, con không còn muốn ăn uống, con luôn luôn đi đến nghĩa địa và than khóc: "Con ở đâu, đưa con một của ta ? Con ở đâu, đưa con một của ta ?"

– "Sự thật là như vậy, này Gia chủ. Vì rằng, này Gia chủ, sầu, bi, khổ, ưu, não, do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái".

– "Nhưng đối với ai, bạch Thế Tôn, sự tình sẽ như vậy ! "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái". Vì rằng bạch Thế Tôn, hỷ lạc do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái". Này Quý vị, không hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, ta chống báng lại, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

– Sự thật là như vậy, này Gia Chủ ! Sự thật là như vậy này Gia chủ ! Này Gia chủ, hỷ lạc do ái sanh, hiện hữu từ nơi ái.

Rồi người gia chủ suy nghĩ: "Có sự đồng ý giữa ta và những người đánh bạc, " rồi bỏ đi. Và cuộc đối thoại ấy dần dần được truyền đi và truyền đến trong nội cung.

Rồi vua Pasenadi xứ Kosala cho gọi hoàng hậu Mallika:

– Này Mallika, đây là lời Sa-môn Gotama nói với các người ấy: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái".

– Tâu Đại vương, nếu Thế Tôn đã dạy như vậy, thì sự việc là như vậy.

– Điều gì Sa-môn Gotama nói, Mallika này cũng nói theo. Vì Mallika quá hoan hỷ với Sa-môn Gotama. Vì vị Đạo sư nói gì cho đệ tử, và đệ tử quá hoan hỷ với vị Đạo sư nên nói: "Sự thật là vậy, thưa Đạo sư ! Sự thật là như vậy, thưa Đạo sư". Cũng

vậy, này Mallika, điều gì Sa-môn Gotama nói, Hoàng hậu quá hoan hỷ với Sa-môn Gotama nên đã nói: "Nếu Thế Tôn đã nói như vậy thì sự việc là vậy". Hãy đi đi, Mallika, hãy đi đi !

Rồi hoàng hậu Mallika cho gọi Bà-la-môn Nalijangha và nói:

– Này Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú, và thưa: "Bạch Thế Tôn, hoàng hậu Mallika cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn lạc trú không, và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, có phải Thế Tôn đã nói như sau: Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái". Và nếu Thế Tôn trả lời Ông như thế nào, hãy khéo nắm giữ và nói lại với ta. Vì các Như Lai không nói phản lại sự thật.

– Thưa vâng, tâu Hoàng hậu.

Bà-la-môn Nalijangha vâng đáp hoàng hậu Mallika, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, Và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Nalijangha Bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, hoàng hậu Mallika cúi đầu đánh lễ chân Sa-môn Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, có phải Thế Tôn đã nói như sau: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái" ?

– Thật sự là như vậy, này Bà-la-môn. Thật sự là như vậy, này Bà-la-môn. Này Bà-la-môn, sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này, cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà-la-môn, thuở xưa, ở tại Savatthi này, bà mẹ của một người đàn bà mệnh chung. Từ khi bà ta mệnh chung, người đàn bà này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác và nói: "Người có thấy mẹ tôi đâu không ? Người có thấy mẹ tôi đâu không ?"

Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này, cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà-la-môn, thuở xưa, ở tại Savatthi này, người cha của một người đàn bà mệnh chung ... người anh mệnh chung ... người chị mệnh chung ... người con trai

mệnh chung ... người con gái mệnh chung ... người chồng mệnh chung ... Từ khi người chồng mệnh chung, người đàn bà này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác và nói: "Người có thấy chồng tôi đâu không ? Người có thấy chồng tôi đâu không ?"

Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này cần phải được hiểu là sâu, bi, khổ, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà-la-môn, thuở xưa, ở tại Savatthi này, người mẹ của một người đàn ông mệnh chung. Từ khi bà ta mệnh chung, người đàn ông này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác và nói: "Người có thấy mẹ tôi đâu không ? Người có thấy mẹ tôi đâu không ?"

Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này cần phải được hiểu là sâu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà-la-môn, thuở xưa, ở tại Savatthi này, người cha của một người đàn ông mệnh chung ... người anh mệnh chung ... người chị mệnh chung ... người con trai mệnh chung ... người con gái mệnh chung ... người vợ mệnh chung ... Từ khi người vợ mệnh chung, người đàn ông này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác, và nói: "Người có thấy vợ tôi đâu không ? Người có thấy vợ tôi đâu không ?"

Này Bà-la-môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này cần phải được hiểu là sâu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà-la-môn, thuở xưa chính tại thành Savatthi này, một người đàn bà đi về thăm gia đình bà con. Những người bà con ấy của người đàn bà muốn dùng sức mạnh bắt người đàn bà ấy phải xa chồng và muốn gả cho một người đàn ông khác. Người đàn bà ấy không chịu. Rồi người đàn bà ấy nói với chồng mình: "Này Hiền phu, những người bà con này muốn dùng sức mạnh bắt tôi phải xa anh và muốn gả cho một người đàn ông khác. Nhưng tôi không muốn như vậy". Rồi người ấy chặt người đàn bà ấy làm hai, rồi tự vận, nghĩ rằng: "Hai chúng ta sẽ gặp nhau trong đời sau". Này Bà-la-môn, do pháp môn này cần phải được hiểu rằng sâu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Rồi Bà-la-môn Nalijangha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến hoàng hậu Mallika, sau khi đến, kể lại cho hoàng hậu Mallika toàn thể cuộc đàm thoại với Thế Tôn. Rồi hoàng hậu Mallika đi đến vua Pasenadi nước Kosala, và thưa:

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Đại vương có thương công chúa Vajiri của thiếp không ?

– Phải, này Mallika, ta thương công chúa Vajiri.

– Tâu đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho công chúa Vajiri của Đại vương. Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không ?

– Này Mallika, nếu có sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho công chúa Vajiri của ta, thì sẽ có một sự thay đổi đến đời sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta, sầu, bi, khổ, ưu, não ?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái". Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nữ Sát-đế-ly Vasabha, Đại vương có thương yêu không ?

– Này Mallika, ta có thương yêu nữ Sát-đế-ly Vasabha.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho nữ Sát-đế-ly Vasabha, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không ?

– Này Mallika, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho nữ Sát Đế Ly Vasabha, thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho đời sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não ?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái". Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Tướng quân Vidudabha, Đại vương có thương quý không ?

– Này Mallika, ta có thương quý tướng quân Vidudabha.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ?

Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho tướng quân Vidudabha, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không ?

– Này Mallika, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho tướng quân Vidudabha thì sẽ có sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta, sầu, bi, khổ, ưu, não ?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái". Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Đại vương có yêu thương thiếp không ?

– Phải, này Mallika, ta có thương yêu Hoàng hậu.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho thiếp, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không ?

– Này Mallika, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Hoàng hậu, thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não ?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái". Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Đại vương có yêu thương dân chúng Kasi và Kosala không ?

– Phải, này Mallika, ta thương yêu dân chúng Kasi và Kosala. Này Mallika, nhờ sức mạnh của họ, chúng ta mới có được gỗ chiên-đàn từ nước Kasi và dùng các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho dân chúng Kasi và Kosala, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không ?

– Này Mallika, nếu có một sự biến dịch đổi khác xảy đến cho dân chúng nước Kasi và Kosala, thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não ?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái".

– Thật vi diệu thay, này Mallika ! Thật hy hữu thay, này Mallika ! Thế Tôn đã thể nhập nhờ trí tuệ, đã thấy nhờ trí tuệ. Đến đây, Mallika, hãy sửa soạn tẩy trần. Rồi vua Pasenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay vái Thế Tôn và nói lên ba lần lời cảm hứng sau đây: "Đánh lễ Thế

Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ! ". "Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ! ". "Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ! ".

Như vậy, kinh Ái sanh trong bộ Kinh Trung Bộ đã chỉ rõ: *Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.*

Với những ai đang say đắm trong tình yêu thương ... phải nhận ra điều Thế Tôn dạy là bản chất của vấn đề – để từ đó trang bị cho mình luôn có được một nhận thức đúng đắn . Nhận thức này – như một liều “vắc-xin” ngừa những tai ương do *sầu, bi, khổ, ưu, não* mang lại trong tương lai.

38.

KINH BAHITIKA

(88)

Kinh Bahitita như là một định nghĩa về: *thân, khẩu, ý bất thiện và thân, khẩu, ý thiện ...*

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika. Rồi Tôn giả Ananda vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi để khát thực. Đi khát thực ở Savatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, Tôn giả đi đến lâu đài Pubbarama Migaramatu (Đông Viên Lộc Mẫu giảng đường) để nghỉ trưa.

Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala cười trên con voi Ekapundarika và đi ra khỏi thành Savatthi trong buổi sáng sớm.

Vua Pasenadi nước Kosala thấy Tôn giả Ananda từ xa đi đến, thấy vậy liền nói với vị đại thân Sirivaddha:

– Vị Tôn giả ấy, này Sirivaddha, có phải là Ananda không ?

– Thưa phải, tâu Đại vương, Tôn giả ấy là Ananda.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với một người khác:

– Này Người kia, hãy đi đến Tôn giả Ananda, sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Ananda, rồi thưa như sau: "Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ananda không có công việc gì phải làm gấp, thưa Tôn giả, mong Tôn giả hãy vì lòng từ chờ đợi một lát".

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp vua Pasenadi xứ Kosala, đi đến Tôn giả Ananda, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda rồi đứng một bên. Đứng một bên, người ấy thưa với Tôn giả Ananda:

– Thưa Tôn giả, vua Pasenadi nước Kosala cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Ananda, và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ananda không có công việc gì phải làm gấp, thưa Tôn giả, mong Tôn giả hãy vì lòng từ chờ đợi một lát".

Tôn giả Ananda im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Ananda đi đến bờ sông Aciravati, sau khi đến, liền ngồi xuống trên chỗ đã đoạ sẵn, dưới một gốc cây. Rồi vua Pasenadi nước Kosala, cười voi cho đến chỗ nào có thể đi voi được, rồi xuống voi đi bộ đến chỗ Tôn giả Ananda, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda rồi đứng một bên. Đứng một bên, vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tôn giả Ananda:

– Thưa Tôn giả, ở đây, mong Tôn giả Ananda ngồi trên thảm ngựa.

– Thôi vừa rồi, Đại vương, Đại vương hãy ngồi. Tôi đã ngồi trên chỗ ngồi của tôi. Vua Pasenadi nước Kosala ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tôn giả Ananda:

– Thưa Tôn giả Ananda, có phải Thế Tôn không làm các thân hành mà các bậc Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách ?

– Thưa Đại vương, Thế Tôn không làm các thân hành mà các bậc Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

– Thưa Tôn giả Ananda, có phải Thế Tôn không làm các khẩu hành ... không làm các ý hành mà các bậc Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách ?

– Thưa Đại vương, Thế Tôn không làm các khẩu hành, ý hành mà các bậc Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả ! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả ! Thưa Tôn giả, điều mà tôi không thể nói lên một cách đầy đủ trong một câu hỏi, đã được Tôn giả Ananda nói lên một cách đầy đủ trong câu trả lời câu hỏi.

Thưa Tôn giả, khi người ngu si, thiếu kinh nghiệm tán thán hay hủy báng những người khác, mà không chứng nghiệm và suy xét, thì chúng tôi không y cứ vào đấy và xem như là lời cây. Nhưng thưa Tôn giả, khi người có trí, có kinh nghiệm tán thán hay hủy báng những người khác, có chứng nghiệm và suy xét, thì chúng tôi y cứ vào đấy và xem như là lời cây. Nhưng thưa Tôn giả Ananda, thế nào là thân hành mà các vị Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách ?

– Thưa Đại vương, bất cứ thân hành gì bất thiện.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành bất thiện ?

– Thưa Đại vương, bất cứ thân hành gì có tội.

- *Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành có tội ?*
- *Thưa Đại vương, bất cứ thân hành gì có hại.*
- *Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành có hại ?*
- *Thưa Đại vương, bất cứ thân hành nào có khổ báo.*
- *Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành có khổ báo ?*
- *Thưa Đại vương, phạm thân hành gì đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, từ nơi thân hành ấy, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm. Thưa Đại vương, thân hành như vậy bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quả trách.*
- *Thưa Tôn giả, thế nào là khẩu hành ... Thế nào là ý hành bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quả trách ?*
- *Thưa Đại vương, bất cứ khẩu hành, ý hành gì bất thiện.*
- *Thưa Tôn giả, thế nào là khẩu hành, ý hành bất thiện ?*
- *Thưa Đại vương, phạm khẩu hành, ý hành gì có tội.*
- *Thưa Tôn giả, thế nào là khẩu hành, ý hành có tội ?*
- *Thưa Đại vương, phạm khẩu hành, ý hành gì có hại.*
- *Thưa Tôn giả, thế nào là khẩu hành, ý hành có hại ?*
- *Thưa Đại vương, phạm khẩu hành, ý hành nào có khổ báo.*
- *Thưa Tôn giả, thế nào là khẩu hành, ý hành có khổ báo ?*
- *Thưa Đại vương, phạm khẩu hành, ý hành gì đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, từ nơi ý hành ấy các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm. Thưa Đại vương, khẩu hành, ý hành như vậy bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quả trách.*

- Thưa Tôn giả Ananda, có phải Thế Tôn tán thán sự đoạn trừ tất cả bất thiện pháp?
- Thưa Đại vương, Như Lai đã đoạn trừ tất cả bất thiện pháp và thành tựu các thiện pháp.
- Nhưng thưa Tôn giả Ananda, thế nào là thân hành không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quả trách ?
- Thưa Đại vương, bất cứ thiện thân hành nào.
- Thưa Tôn giả, thế nào là thiện thân hành ?
- Thưa Đại vương, phạm thân hành nào không có tội.
- Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành không có tội?
- Thưa Đại vương, phạm thân hành nào không có hại.
- Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành không có hại?
- Thưa Đại vương, phạm thân hành nào có lạc báo.
- Thưa tôn giả, thế nào là thân hành có lạc báo ?
- Thưa Đại vương, phạm thân hành nào không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, từ nơi thân hành ấy, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng. Thưa Đại vương, thân hành như vậy không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quả trách.
- Thưa Tôn giả Ananda, thế nào là khẩu hành ... thế nào là ý hành không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quả trách ?
- Thưa Đại vương, bất cứ thiện khẩu hành, thiện ý hành nào.
- Thưa Tôn giả, thế nào là thiện khẩu hành, thiện ý hành ?
- Thưa Đại vương, phạm thiện khẩu hành, ý hành nào không có tội.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thiện khẩu hành, ý hành không có tội ?

– Thưa Đại vương, phạm thiện khẩu hành, ý hành nào không có hại.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thiện khẩu hành, ý hành không có hại ?

– Thưa Đại vương, phạm thiện khẩu hành, ý hành nào có lạc báo.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thiện khẩu hành, ý hành có lạc báo ?

– Thưa Đại vương, phạm thiện khẩu hành, ý hành nào không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, từ nơi ý hành ấy, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng. Thưa Đại vương, ý hành như vậy không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quả trách.

– Thưa Tôn giả Ananda, có phải Thế Tôn tán thán sự thành tựu tất cả thiện pháp ?

– Thưa Đại vương, Như Lai đã đoạn trừ tất cả bất thiện pháp, và thành tựu các thiện pháp ?

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả ! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả ! Thật khéo nói thay việc này, thưa Tôn giả. Do Tôn giả Ananda mà chúng tôi, thưa Tôn giả, được hoan hỷ và thỏa mãn với những lời khéo nói của Tôn giả Ananda. Được hoan hỷ và thỏa mãn, thưa Tôn giả, với những lời khéo nói của Tôn giả Ananda, chúng tôi vui lòng tặng một con voi báu cho Tôn giả Ananda, nếu Tôn giả Ananda được phép nhận con voi báu. Chúng tôi vui lòng tặng con ngựa báu cho Tôn giả Ananda, nếu Tôn giả Ananda được phép nhận con ngựa báu. Chúng tôi vui lòng tặng một làng ân tứ cho Tôn giả Ananda, nếu Tôn giả Ananda được phép nhận một làng ân tứ. Nhưng thưa Tôn giả, chúng tôi được biết như sau: "Việc này Tôn giả Ananda không được phép". Thưa Tôn giả, có cuộn vải ngoại hóa này, được gắn vào trong một cán dù, do vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha gửi cho tôi, dài mười sáu khuỷu tay, rộng tám khuỷu tay. Thưa Tôn giả, mong Tôn giả Ananda vì lòng từ bi nạp thọ cho.

– Thôi vừa rồi, Đại vương ! Tôi đã đủ ba y.

– Thưa Tôn giả, sau cơn mưa lớn trên sườn núi, cả Tôn giả và tôi đã thấy lúc ấy sông Aciravati chảy mạnh, tràn qua hai bên bờ như thế nào. Cũng vậy, thưa Tôn

giả, Tôn giả Ananda có thể làm cho mình ba y, từ nơi tấm vải ngoại hóa này. Còn ba y cũ, Tôn giả Ananda có thể đem phân phát cho các đồng Phạm hạnh. Như vậy sự bố thí này của chúng tôi được trôi chảy, như nước lan tràn qua bờ. Thưa Tôn giả, mong Tôn giả nhận cho tấm vải ngoại hóa này.

Rồi Tôn giả Ananda nhận lấy tấm vải ngoại hóa. Rồi vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tôn giả Ananda:

– Thưa Tôn giả Ananda, nay chúng tôi phải đi. Chúng tôi có nhiều công vụ, có nhiều trách nhiệm phải làm.

– Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Ananda dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, thân bên hữu hướng về ngài, rồi ra đi.

Tôn giả Ananda, sau khi vua Pasenadi nước Kosala ra đi không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda tường thuật lên Thế Tôn tất cả cuộc đàm thoại với vua Pasenadi nước Kosala rồi dâng tấm vải ngoại hóa lên Thế Tôn.

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Thật hạnh phúc thay cho vua Pasenadi nước Kosala ! Thật tốt đẹp thay cho vua Pasenadi nước Kosala ! Vua đã được yết kiến Tôn giả Ananda và được cúng dường.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Bahitita trong bộ Kinh Trung Bộ giải thích rõ như thế nào được xem là: *thân, khẩu, ý bất thiện* và *thân, khẩu, ý thiện*.

Như đã trình bày, nhà Phật còn có định nghĩa về *thiện* như sau: *Thiện*, đó là vì sự an lạc của mình và của người ở hiện tại lẫn mai sau (mai sau của nhà Phật có ý nghĩa: đời này, đời sau ; kiếp này, kiếp sau).

39.
KINH PHÁP TRANG NGHIÊM
(Dhammacetiyasuttam)
(89)

Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa”, tính triết lý về *trang nghiêm* được khái quát: muốn có được trang nghiêm phải là *thanh tịnh*.

Sự *thanh tịnh* trong kinh Pháp Trang Nghiêm của bộ Kinh Trung Bộ thể hiện cả về hình thức lẫn tính triết lý. Sự *thanh tịnh* này từ ở trong tâm của nhà vua Pasenadi:

“*Như vậy tôi nghe.*

Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka (Thích-ca). Medallumpa là một thị trấn của dân chúng Sakka. Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala đi đến Nangaraka vì có một vài công việc. Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với Digha Karayana:

– *Này Karayana, hãy sửa soạn các cỗ xe thù thắng, ta muốn đi đến các thượng uyển để ngắm phong cảnh.*

– *Thưa vâng, Đại vương.*

Digha Karayana vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, cho sửa soạn các cỗ xe thù thắng, rồi thưa với vua Pasenadi nước Kosala:

– *Tâu Đại vương, các cỗ xe thù thắng của Đại vương đã sửa soạn xong, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.*

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, leo lên một cỗ xe thù thắng, đi ra khỏi Nangaraka cùng nhiều cỗ xe thù thắng khác, với tất cả uy vệ của vua chúa, và đi đến vườn thượng uyển, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ, vào vườn thượng uyển. Trong khi đi qua đi lại trong vườn (thượng uyển), trong khi tản bộ thưởng ngoạn, vua Pasenadi nước Kosala thấy những gốc cây khả ái, đẹp mắt, lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp với trầm tư mặc tưởng. Thấy vậy, vua liền nghĩ đến Thế Tôn: "Những gốc cây khả ái, đẹp mắt, lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp với trầm tư mặc tưởng này, chính tại đây, chúng ta đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác". Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với Digha Karayana:

– Nay Karayana, những gốc cây khả ái, đẹp mắt, lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp với trầm tư mặc tưởng này, chính tại đây, chúng ta đành lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nay Karayana, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trú tại chỗ nào ?

– Tâu Đại vương, có một thị trấn của dân chúng Sakka tên là Medalumpa. Tại đây, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đang trú.

– Nay Karayana, Medalumpa, thị trấn của dân chúng Sakka, cách xa Nangaraka bao nhiêu ?

– Tâu Đại vương, cách không xa, có ba yojana (do tuần). Có thể đi đến chỗ ấy trong ngày.

– Vậy nay Karayana, hãy sửa soạn các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

– Thừa vâng, tâu Đại vương.

Digha Karayana vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, cho sửa soạn các cỗ xe thù thắng, sau khi sửa soạn xong các cỗ xe thù thắng, liền tâu với vua Pasenadi nước Kosala:

– Tâu Đại vương các cỗ xe thù thắng đã sửa soạn xong, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, leo lên một cỗ xe thù thắng, và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, từ Nangaraka đi đến Medulampa, thị trấn của dân chúng Sakka, đến nơi đó nội trong ngày, rồi đi đến tịnh xá. Vua đi xe cho đến chỗ nào có thể đi xe được, rồi xuống xe đi bộ vào tịnh xá. Lúc bấy giờ một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Vua Pasenadi nước Kosala đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo ấy:

– Chư Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở đâu ? Chúng tôi muốn yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

– Thừa Đại vương, Thế Tôn ở trong ngôi nhà này với các cửa khép kín. Hãy im lặng đến gần, bước vào hành lang nhưng không vượt qua, sau khi đằng hắng, hãy gõ vào khóa cửa. Thế Tôn sẽ mở cửa cho Đại vương.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, ngay tại chỗ ấy, trao kiếm và vành khăn cho Digha Karayana. Rồi Digha Karayana tự nghĩ: "Nay vua muốn đi một mình. Ở đây, ta phải dừng lại". Rồi vua Pasenadi nước Kosala im lặng đi đến căn nhà đóng cửa, sau khi đến, bước vào hành lang nhưng không vượt qua, đặng hắng và gõ vào khóa cửa. Thế Tôn mở cửa. Rồi vua Pasenadi nước Kosala bước vào căn nhà, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, tay xoa rờ xung quanh chân và tự xưng tên:

– Bạch Thế Tôn, con là vua Pasenadi nước Kosala. Bạch Thế Tôn, con là vua Pasenadi nước Kosala.

– Thưa Đại vương, do thấy nguyên nhân gì, Đại vương lại hạ mình tột bực như vậy đối với thân này và biểu lộ tình thân ái như vậy ?

– Bạch Thế Tôn, con có pháp truyền thống (Dhammanvaya) này đối với Thế Tôn. "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập hành trì". Ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn hành trì Phạm hạnh có giới hạn trong mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm. Những vị này, sau một thời gian, khéo tắm, khéo phẩn sáp, với râu tóc khéo chải chuốt, sống thụ hưởng một cách sung mãn, đầy đủ năm dục trưởng dưỡng.

Ở đây, Bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo sống hành trì Phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh cho đến trọn đời, cho đến hơi thở cuối cùng. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đây ra có một Phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh như vậy.

Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn. "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác. Pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư Tăng đệ tử, Thế Tôn khéo tu tập, hành trì". Lại nữa bạch Thế Tôn, vua chúa cãi lộn với vua chúa, Sát-đế-ly cãi lộn với Sát-đế-ly, Bà-la-môn cãi lộn với Bà-la-môn, gia chủ cãi lộn với gia chủ, mẹ cãi lộn với con, con cãi lộn với mẹ, cha cãi lộn với con, con cãi lộn với cha, anh em cãi lộn với anh em, anh em cãi lộn với chị em, chị em cãi lộn với anh em, bạn bè cãi lộn với bạn bè.

Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo sống với nhau thuận hòa, thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đây ra, có một Phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh như vậy.

Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì". Lại nữa, bạch Thế Tôn, con đi du hành tản bộ từ công viên này đến công viên khác, từ cung uyển này đến cung uyển khác.

Ở đây, con thấy một số Sa-môn, Bà-la-môn gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật sự các bậc Tôn giả này sống Phạm hạnh không được hoan hỷ hay có những ác nghiệp được giấu kín. Do vậy, các vị Tôn giả này mới gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn. Con đi đến các vị ấy và nói:

– Vì sao chư Tôn giả lại gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn ?

Các vị ấy trả lời như sau:

– Tâu Đại vương, chúng tôi bị bệnh gia truyền.

Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào (sự hỷ cúng) của người khác, với tâm tư như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật sự các bậc Tôn giả này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự nên các bậc Tôn giả này hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào (sự hỷ cúng) của người khác, với tâm tư như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con là một vị vua Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh, có thể hành quyết những ai đáng bị hành quyết, gia phạt những ai đáng bị gia phạt, trục xuất những ai đáng bị trục xuất. Nhưng bạch Thế Tôn, khi con ngồi xử kiện, có người đôi khi nói ngắt lời của con. Và con không có dịp để nói: "Này Quý vị, chớ có ngắt lời nói của ta, khi ta đang ngồi xử kiện. Quý vị hãy chờ cho đến khi ta nói xong". Bạch Thế Tôn, thế mà có người vẫn ngắt lời nói của con.

Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, trong khi ấy không có một tiếng nháy mũi hay tiếng ho khởi lên. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, có người đệ tử Thế Tôn ho lên. Một đồng Phạm hạnh khễ đập vào đầu gối và nói: "Tôn giả hãy im lặng, Tôn giả chớ có làm ồn. Thế Tôn,

bạch Đạo Sư của chúng ta đang thuyết pháp". Bạch Thế Tôn, con khởi lên ý nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay ! Thật hy hữu thay ! Thính chúng này thật khéo được huấn luyện, không gây, không kiếm. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đồ chúng này có một đồ chúng nào khác được khéo huấn luyện như đồ chúng này.

Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy ở đây một số Sát-đế-ly bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc. Những vị này đi chỗ này, chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ. Những vị này nghe: "Sa-môn Gotama sẽ đến thăm ngôi làng này hay thị trấn này". Họ sắp đặt câu hỏi: "Chúng ta sau khi đến sẽ hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi này. Khi bị chúng ta hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như thế này, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế này. Khi bị ta hỏi như vậy, nếu Sa-môn Gotama trả lời như thế kia, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế kia". Những vị này nghe: "Sa-môn Gotama đã đến thăm ngôi làng hay thị trấn này". Những vị này đến chỗ Sa-môn Gotama ở. Sa-môn Gotama với pháp thoại khai thị cho các vị này, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

Được Sa-môn Gotama, với pháp thoại khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, họ không hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi (đã định trước), huống nữa là chất vấn ! Trái lại, họ trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama.

Bạch Thế Tôn, như vậy là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy ở đây một số Bà-la-môn bác học... (như trên)... Gia chủ bác học, Sa-môn bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia như muốn đả phá các tà kiến... (như trên)... họ không hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi (đã định trước), huống nữa là chất vấn. Trái lại, họ xin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn cho họ được xuất gia. Được xuất gia như vậy, một số các vị ấy sống một mình, không phóng dật, nỗ lực, tinh cần và không bao lâu sau, tự chứng với thắng trí, chứng ngộ chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích tối thượng của Phạm hạnh mà những Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Họ nói như sau: "Thật sự chúng ta gần hoại vong ! Thật sự chúng ta gần hoại diệt ! Xưa kia chúng ta không phải Sa-môn lại tự xem là Sa-môn, không phải Bà-la-môn lại tự xem là Bà-la-môn, không phải bậc A-la-hán lại tự xem là bậc A-la-hán. Nay chúng ta mới thật là Sa-môn. Nay chúng ta mới thật là Bà-la-môn. Nay chúng ta mới thật là A-la-hán". Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống

của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Isidatta và Purana là hai quan giữ ngựa, ăn cơm của con, đi xe của con, sinh sống do con cho, và chính con đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình đối với con như họ hạ mình đối với Thế Tôn. Thuở xưa, bạch Thế Tôn, trong khi hành quân chống với đội quân (đối nghịch), và muốn thử thách Isidatta và Purana, hai quan giữ ngựa, con đến ở tại một căn nhà chật hẹp. Rồi bạch Thế Tôn, hai quan giữ ngựa, Isidatta và Purana, sau khi cùng nhau đàm luận về chánh pháp hơn nửa đêm, rồi nằm xuống ngủ, với đầu của họ hướng về phía mà họ được nghe là chỗ Thế Tôn ở và với chân hướng về chỗ con.

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay ! Thật hy hữu thay ! Hai quan giữ ngựa Isidatta và Purana này ăn cơm của ta, đi xe của ta, sinh sống do ta cho, và chính ta đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình đối với ta như họ hạ mình đối với Thế Tôn.

Thật sự những vị này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự". Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập hành trì".

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuộc dòng Sát-đế-ly, con cũng thuộc dòng Sát-đế-ly. Thế Tôn là người nước Kosala, con cũng thuộc người nước Kosala. Thế Tôn được tám mươi tuổi, con cũng được tám mươi tuổi. Vì Thế Tôn thuộc dòng Sát-đế-ly và con cũng thuộc dòng Sát-đế-ly; vì Thế Tôn là người nước Kosala, con cũng thuộc người Kosala; vì Thế Tôn được tám mươi tuổi, con cũng được tám mươi tuổi; nên con sẵn sàng hạ mình tột bậc đối với Thế Tôn, và biểu lộ tình thân ái. Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm.

– Thưa Đại vương, Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Khi vua Pasenadi nước Kosala ra đi không bao lâu, Thế Tôn cho gọi các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây là vua Pasenadi nước Kosala. Sau khi nói lên những pháp trang nghiêm, vua đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Nay các Tỷ-kheo, hãy học các pháp trang nghiêm. Hãy thấu triệt các pháp trang nghiêm. Nay các Tỷ-kheo, hãy

thọ trì các pháp trang nghiêm. Nay các Tỷ-kheo, các pháp trang nghiêm này liên hệ đến mục tiêu, là căn bản của Phạm hạnh.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Pháp Trang Nghiêm của bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến một trong những nội dung tối quan trọng của pháp Phật: sự trang nghiêm nơi pháp Phật.

Tại sao sự trang nghiêm lại là nội dung tối quan trọng ? Bởi, không có *trang nghiêm* thì không thể phát triển Phật pháp ngày càng lớn mạnh.

Vì tính chất đặc biệt quan trọng này, bộ kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” – bộ kinh vi diệu thâm sâu – cũng đã dành rất nhiều câu kinh đề cập đến sự *trang nghiêm* nơi pháp Phật. Tính hữu cơ trong triết lý về sự trang nghiêm, đó là: Không thể có sự *trang nghiêm* nếu như không *thanh tịnh* ; ngược lại, không thể có sự *thanh tịnh* nếu như không có sự *trang nghiêm*.

Cho nên, một người tu học Phật pháp – đi tìm *thanh tịnh* – mà không *trang nghiêm* – thì việc tìm ấy – đến bao giờ ?

Cho nên một chốn thờ tự (chùa), muốn có *trang nghiêm* mà không *thanh tịnh* thì sự *trang nghiêm* ấy chỉ là hình thức, “màu mè”.

“Cầu xin, ban phát” – làm sao có được *thanh tịnh* và *trang nghiêm* ? Cho nên, xây chùa cho rộng to, cho thật uy nghi diễm lệ – nếu như là chốn ô tạp – để “quảng bá” nhằm “kinh doanh” – sao có thể gọi đó là *trang nghiêm* ? Không *trang nghiêm* không *thanh tịnh* thì không thể nào phát triển pháp Phật được.

Nhìn sự đời như thế, sao không cảm cảnh, đau buồn ?!

40.

KINH KANNAKATTHALA

(90)

Kinh Kannakatthala ghi lại những câu hỏi của vua Pasenadi nước Kosala và những câu Trả Lời của Thế Tôn cũng như Ngài Ananda về một số vấn đề như: *nhất thiết trí ; sự thanh tịnh của bốn giai cấp ; chư Thiên và về Phạm thiên.*

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại Ujunna, gần vườn Lộc Uyển ở Kannakatthala. Lúc bấy giờ vua Pasenadi nước Kosala đi đến Ujunna có công việc. Rồi vua Pasenadi nước Kosala bảo một người:

– Đến đây, này Người kia. Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và hỏi thăm có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú và thừa như sau: "Bạch Thế Tôn, vua Pasenadi nước Kosala cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thừa như sau: "Bạch Thế Tôn, hôm nay vua Pasenadi nước Kosala, sau buổi ăn sáng, sẽ đến yết kiến Thế Tôn".

– Thừa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vua Pasenadi nước Kosala cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thừa như sau: "Bạch Thế Tôn, hôm nay vua Pasenadi nước Kosala, sau buổi ăn sáng, sẽ đến yết kiến Thế Tôn".

Hai chị em Soma và Sakula được nghe: "Hôm nay vua Pasenadi nước Kosala sau buổi ăn sáng, sẽ đến yết kiến Thế Tôn". Rồi hai chị em Soma và Sakula đi đến vua Pasenadi nước Kosala tại phòng ăn, và thừa như sau:

– Tâu Đại vương, hãy nhân danh chúng thiếp cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có được ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thừa giúp:

"Bạch Thế Tôn, chị em Soma và Sakula cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không".

Rồi vua Pasenadi nước Kosala sau buổi ăn sáng đi đến Thế Tôn, sau khi đánh lễ Thế Tôn rồi, ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, hai chị em Soma và Sakula cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không.

– Thưa Đại vương, vì sao hai chị em Soma và Sakula lại không có thể nhờ một vị đưa tin khác ?

– Bạch Thế Tôn, hai chị em Soma và Sakula có nghe: "Hôm nay vua Pasenadi nước Kosala sau buổi ăn sáng, sẽ yết kiến Thế Tôn". Rồi hai chị em Soma và Sakula đi đến con tại phòng ăn và thưa như sau: "Tâu Đại vương, hãy nhân danh chúng thiếp cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thưa: "Bạch Thế Tôn, hai chị Soma và Sakula cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm (Thế Tôn), có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không".

– Thưa Đại vương, mong rằng hai chị em Soma và Sakula được hạnh phúc !

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có nghe như sau: "Sa-môn Gotama có nói: "Không có một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào toàn tri, toàn kiến, có thể tự cho là chứng được tri kiến viên mãn; sự tình như vậy không thể xảy ra". Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama có nói: "Không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào toàn tri, toàn kiến có thể cho là chứng được tri kiến viên mãn; sự tình như vậy không thể xảy ra", bạch Thế Tôn, có phải những vị ấy nói lời Thế Tôn nói, họ không xuyên tạc Thế Tôn, không đúng như thật; họ giải thích pháp đúng pháp và những ai nói hợp pháp, đúng pháp sẽ không có cơ hội để chỉ trích hay không ?

– Thưa Đại vương, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama có nói: "Không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào toàn tri, toàn kiến, có thể cho là chứng được tri kiến viên mãn; sự tình như vậy không thể xảy ra", những vị nói như vậy không nói đúng lời Ta nói, và họ xuyên tạc Ta một cách hư ngụy, không đúng sự thật.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với tướng quân Vidudabha:

– *Này Tướng quân, ai đã đem vấn đề này vào trong nội cung ?*

– *Tâu Đại vương, Bà-la-môn Sanjaya, thuộc dòng họ Akasa.*

Rồi vua Pasenadi nước Kosala cho gọi một người:

– *Đến đây, này Người kia, hãy nhân danh ta, bảo với Bà-la-môn Sanjaya thuộc dòng họ Akasa: "Thưa Tôn giả, vua Pasenadi nước Kosala cho gọi Tôn giả".*

– *Thưa vâng, tâu Đại vương.*

Người ấy vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, đi đến Bà-la-môn Sanjaya thuộc dòng họ Akasa, sau khi đến, liền thưa với Bà-la-môn Sanjaya, thuộc dòng họ Akasa: "Thưa Tôn giả, vua Pasenadi nước Kosala cho gọi Tôn giả".

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– *Bạch Thế Tôn, rất có thể những điều Thế Tôn nói về một vấn đề khác, được người ta gán vào một vấn đề khác. Bạch Thế Tôn, liên hệ vấn đề gì Thế Tôn tự xem là nói những lời nói ấy ?*

– *Thưa Đại vương, Ta tự xem là đã nói những lời như sau: "Không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể trong một lúc, biết hoàn toàn và thấy hoàn toàn, không thể có sự tình như vậy".*

(*Vấn đề Nhất thiết trí này Thế Tôn đã giảng dạy: khi nào cần điều gì thì biết điều ấy, ví như: cần biết một chúng sanh cụ thể nào đó về một đời, hai đời ... một kiếp, hai kiếp ... thì sẽ biết những gì chúng sanh ấy trong một đời, hai đời ... một kiếp, hai kiếp ...)*

– *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết có nhân duyên (heturupam). Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết liên hệ đến nhân duyên (saheturupam) và nói như sau: "Không có một Sa-môn nào hay Bà-la-môn nào có thể trong một lúc, biết hoàn toàn và thấy hoàn toàn, không thể có sự tình như vậy". Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà. Bạch Thế Tôn, giữa bốn giai cấp này có những khác biệt nào, sai biệt nào ?*

– *Thưa Đại vương, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà. Thưa Đại vương, giữa bốn giai cấp này, hai giai cấp Sát-đế-ly và Bà-la-môn được*

xem là tối thượng về xưng hô; hai giai cấp kia từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay và giúp đỡ họ các công việc.

– Bạch Thế Tôn, con không hỏi về hiện tại. Bạch Thế Tôn, con hỏi về tương lai. Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà. Bạch Thế Tôn, trong bốn giai cấp này, có những khác biệt nào, sai biệt nào ?

– Thưa Đại vương, có năm tinh cần chi này. Thế nào là năm ? Ở đây, thưa Đại vương, Tỳ-kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy ít bệnh, ít nã, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn. Vị ấy không gian trá, không xảo trá, nêu rõ tự mình như chơn đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các đồng Phạm hạnh. Vị ấy sống siêng năng, tinh tấn, từ bỏ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, kiên cố, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt các pháp, với sự thể nhập của các bậc Thánh, đưa đến chơn chánh đoạn diệt các khổ đau". Thưa Đại vương có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà. Và nếu các giai cấp này thành tựu năm tinh cần chi này, như vậy sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ.

– Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà. Nếu những vị này thành tựu năm tinh cần chi này, bạch Thế Tôn, ở đây có sự khác biệt gì, có sự sai biệt gì ?

– Thưa Đại vương, ở đây, Ta nói đến sự sai biệt trong tinh cần. Ví như, thưa Đại vương, giữa những con voi đáng được điều phục, hay những con ngựa đáng được điều phục, hay những con bò đáng được điều phục, có hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện, và có hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện. Thưa Đại Vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện, có phải chúng được điều phục, đạt được khả năng điều phục (dantakaranam), chúng được điều phục, đạt được vị trí điều phục (dantabhumi) ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Còn hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò không được khéo điều phục kia, không được khéo huấn luyện kia, không được điều phục mà chúng đạt được khả

năng điều phục, không được điều phục mà chúng đạt được vị trí điều phục như hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò được khéo điều phục kia, được khéo huấn luyện kia ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, thưa Đại vương, những gì đạt được do lòng tin, do ít bệnh tật, do không gian trá, không dối trá, do tinh cần tinh tấn, do trí tuệ, cũng sẽ do bất tín, do nhiều bệnh tật, do xảo trá, do dối trá đạt được, sự tình như vậy không thể xảy ra.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết có nhân duyên (heturupam), Thế Tôn thuyết liên hệ đến nhân duyên. Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà. Và nếu các vị này thành tựu năm tinh cần chi này, nếu họ chân chánh tinh cần, thì bạch Thế Tôn, có thể có sự khác biệt nào, có thể có sự sai biệt nào giữa các vị này không ?

– Thưa Đại vương, ta nói không có sự khác biệt gì về phương diện giải thoát đối với giải thoát. Ví như, thưa Đại vương, một người đem củi khô từ cây sala lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Và một người khác đem củi khô từ cây sala lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Rồi có một người khác đem củi khô từ cây xoài lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Rồi có một người khác đem củi khô từ cây udumbara (cây sung ?) lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào ? Vì rằng các loại củi dùng để nhen lửa sai khác, vậy có những sai khác gì, giữa ngọn lửa với ngọn lửa, giữa màu sắc với màu sắc, giữa ánh sáng với ánh sáng ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, thưa Đại vương, với sức nóng do tinh tấn tạo nên, do tinh cần nhen nhúm lên, ở đây, Ta nói không có một sự sai biệt gì về giải thoát đối với giải thoát.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết có nhân duyên, Thế Tôn thuyết liên hệ đến nhân duyên. Bạch Thế Tôn, nhưng có chư Thiên không ?

– Thưa Đại vương, sao Đại vương có thể nói: "Bạch Thế Tôn, nhưng có chư Thiên không ?"

– Bạch Thế Tôn, không biết chư Thiên ấy có sanh lại tại đây không hay không sanh lại tại đây ?

– Thưa Đại vương, chư Thiên nào có não hại tâm, sanh lại tại đây; chư Thiên nào không có não hại tâm, không sanh lại tại đây.

Khi được nghe nói vậy, tướng quân Vidudabha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chư Thiên có não hại tâm, sanh lại tại đây có thể đánh đuổi hay trục xuất chư Thiên không có não hại tâm, không sanh lại tại đây không ?

Tôn giả Ananda khởi lên ý nghĩ như sau: "Tướng quân Vidudabha này là con vua Pasenadi nước Kosala, ta là con Thế Tôn. Nay đã đến thời người con nói chuyện với người con". Rồi Tôn giả Ananda nói với tướng quân Vidudabha:

– Nay Tướng quân, nay ở đây, tôi sẽ hỏi lại Tướng quân vấn đề này. Nếu có thể được, Tướng quân hãy trả lời. Nay Tướng quân, Tướng quân nghĩ thế nào ?
Xa rộng cho đến lãnh thổ của vua Pasenadi nước Kosala, và tại chỗ của vua Pasenadi nước Kosala ngự trị, trị vì; tại chỗ ấy, vua Pasenadi nước Kosala có thể đánh đuổi hay trục xuất vị Sa-môn hay Bà-la-môn có công đức tu hành hay không có công đức tu hành, có sống Phạm hạnh hay không sống Phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy không ?

– Thưa Tôn giả, xa rộng cho đến lãnh thổ của vua Pasenadi nước Kosala và chỗ nào của vua Pasenadi nước Kosala ngự trị, trị vì; tại chỗ ấy, vua Pasenadi nước Kosala có thể đánh đuổi hay trục xuất vị Sa-môn hay Bà-la-môn có công đức tu hành, hay không có công đức tu hành, có sống Phạm hạnh hay không sống Phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy.

– Thưa Tướng quân, Tướng quân nghĩ thế nào ? Xa rộng ra ngoài lãnh thổ của vua Pasenadi nước Kosala, và tại chỗ của vua Pasenadi nước Kosala không ngự trị, không trị vì; tại chỗ ấy, vua Pasenadi nước Kosala có thể đánh đuổi hay trục xuất vị Sa-môn hay Bà-la-môn có công đức tu hành hay không có công đức tu hành, có sống Phạm hạnh hay không sống Phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy không ?

– Thưa Tôn giả, xa rộng ra ngoài lãnh thổ của vua Pasenadi nước Kosala, và tại chỗ của vua Pasenadi nước Kosala không ngự trị, không trị vì; tại chỗ ấy, vua Pasenadi nước Kosala không có thể đánh đuổi hay trục xuất vị Sa-môn hay Bà-la-môn có công đức tu hành hay không có công đức tu hành, có sống Phạm hạnh hay không sống Phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy.

– Thưa Tướng quân, Tướng quân có nghe nói đến chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba không ?

– Thưa vâng, Tôn giả. Chúng tôi có nghe nói đến chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Và ở đây, vua Pasenadi nước Kosala cũng nghe có nói đến chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba.

– Nay Tướng quân, Ông nghĩ thế nào ? Vua Pasenadi nước Kosala có thể đánh đuổi hay trục xuất chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba ra khỏi chỗ ấy được không ?

– Thưa Tôn giả, vua Pasenadi nước Kosala không thể thấy chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba, làm sao vua lại có thể đánh đuổi hay trục xuất chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba ra khỏi chỗ ấy ?

– Cũng vậy, nay Tướng quân, chư Thiên có não hại tâm, sanh lại tại đây, không có thể thấy được chư Thiên không có não hại tâm, không sanh lại tại đây, làm sao lại có thể đánh đuổi hay trục xuất chư Thiên không có não hại tâm, không sanh lại tại đây ra khỏi chỗ ấy được ?

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy tên gọi là gì ?

– Thưa Đại vương, tên là Ananda !

– Thật hân hoan thay ! Thật hoan hỷ thay ! Tôn giả Ananda thuyết có nhân duyên, Ananda thuyết liên hệ đến nhân duyên. Bạch Thế Tôn, có Phạm thiên không ?

– Thưa Đại vương, sao Đại vương có thể nói như vậy: "Bạch Thế Tôn, có Phạm thiên không ?".

– Bạch Thế Tôn, Phạm thiên có sanh lại tại đây hay không sanh lại tại đây ?

– Thưa Đại vương, nếu Phạm thiên có não hại tâm thì Phạm thiên ấy có sanh lại tại đây. Nếu không có não hại tâm, thì Phạm thiên ấy không sanh lại tại đây.
Rồi một người khác tâu với vua Pasenadi nước Kosala:

– Tâu Đại vương, Bà-la-môn Sanjaya, thuộc dòng họ Akasa đã đến.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với Bà-la-môn Sanjaya, thuộc dòng họ Akasa:

– Nay Bà-la-môn, ai phổ biến câu chuyện này trong nội cung ?

– Tâu Đại vương, tướng quân Vidudabha.

Tướng quân Vidudabha lại nói:

– Tâu Đại vương, chính Bà-la-môn Sanjaya, thuộc dòng họ Akasa.

Rồi có một người tâu với vua Pasenadi nước Kosala:

– Tâu Đại vương, nay đã đến thời dùng xe.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con đã hỏi Thế Tôn về nhất thiết trí. Thế Tôn đã trả lời về nhất thiết trí. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận, nên chúng con hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, chúng con đã hỏi Thế Tôn về sự thanh tịnh của bốn giai cấp. Thế Tôn đã trả lời cho chúng con về sự thanh tịnh của bốn giai cấp. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận, nên chúng con hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, chúng con hỏi Thế Tôn về chư Thiên (Adhideve) và Thế Tôn đã trả lời về chư Thiên. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận nên chúng con hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, chúng con hỏi Thế Tôn về Phạm thiên và Thế Tôn đã trả lời về Phạm thiên. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận nên làm chúng con hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, và những điều gì chúng con hỏi Thế Tôn, vấn đề ấy Thế Tôn đã trả lời, và câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận nên chúng con hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi. Chúng con có nhiều công việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Như vậy kinh Kannakatthala trong bộ Kinh Trung Bộ ghi lại những câu hỏi của vua Pasenadi nước Kosala và những câu Trả Lời của Thế Tôn cũng như Ngài

Ananda về một số vấn đề như: *nhất thiết trí* ; *sự thanh tịnh của bốn giai cấp* ; *chư Thiên* và về *Phạm thiên*.

Trong đó điều đáng lưu ý rằng: gần như là tuyệt đối, những ai chọn con đường tu theo pháp Phật – đều không mong cầu được *sanh thiên* – bởi, *sanh thiên* cũng vẫn còn trong vòng luân hồi sanh tử (một khi nào hại tâm – điều này không thể là tuyệt đối không xảy ra).

Niết Bàn mới chính là cứu cánh của những ai chọn con đường tu Phật.

41.

KINH BRAHMAYU

(Brahmayusuttam)

(91)

Kinh Brahmayu ghi lại một cách tỉ mỉ – không chỉ là ba mươi hai tướng tốt của Thế Tôn – mà như một “đoạn phim” chiếu lại một phần những sinh hoạt thường ngày của Thế Tôn. Những gì mô tả trong kinh Brahmayu thật sinh động. Sở dĩ có được sự sinh động này là do Bà-la-môn Brahmayu – một vị lầy lùng danh tiếng trong giới quý tộc Bà-la-môn – một vị *niên cao, lap lớn, tuổi đã đến một trăm hai mươi, một vị tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngữ nguyên ; thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng* – đã cử một “chuyên gia”, được “đào tạo chuyên sâu” về *Đại nhân tướng* – “thâm nhập thực tế”, kề cận Thế Tôn trong một thời gian nhất định – từ đó quan sát, ghi nhận tướng mạo và sinh hoạt của Ngài ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Brahmayu trú tại Mithila (Di-tát-la) già yếu, niên cao, lap lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, tuổi đã đến một trăm hai mươi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng.

Bà-la-môn Brahmayu có nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sakya (Thích-ca) đang du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị".

Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và loài Người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, Ngài tuyên dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. Tốt đẹp thay sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy !".

Lúc bấy giờ đệ tử của Bà-la-môn Brahmayu là thanh niên Uttara... một vị tinh thông ba tập Veda... (như trên)... và Đại nhân tướng. Rồi Bà-la-môn Brahmayu bảo thanh niên Uttara:

– Nay Uttara thân mến, Sa-môn Gotama này là Thích tử... Chánh Đăng Giác... (như trên)... Thật tốt đẹp thay được yết kiến một vị A-la-hán như vậy. Uttara thân mến, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy tìm hiểu Sa-môn Gotama, có phải là Tôn giả Gotama như tiếng đã đồn, hay là không phải, hay là Tôn giả Gotama như thế này, hay là không phải như thế này. Chính nhờ Ông mà chúng ta biết về Tôn giả Gotama. Ta cũng vậy, tùy theo điều Ông nói, ta sẽ biết Tôn giả Gotama có phải là Tôn giả Gotama như tiếng đã đồn, hay là không phải, hay là Tôn giả Gotama như thế này, hay là không phải như thế này.

Nay Uttara thân mến, theo Thánh điển của chúng ta được truyền lại về ba mươi hai Đại nhân tướng, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn một trong hai con đường, không có con đường nào khác: nếu là tại gia, sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai, là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống thống lãnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với Chánh pháp, không dùng gậy, không dùng đao.

Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán, Chánh Đăng Giác quét sạch mê lầm ở đời.

Nay Uttara thân mến, ta đã cho con chú thuật, Ông đã nhận những chú thuật ấy.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Uttara vâng đáp Bà-la-môn Brahmayu, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Bà-la-môn Brahmayu, giữ thân hướng về phía hữu, rồi ra đi du hành đến Thế Tôn ở Videha, tuần tự du hành đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Uttara tìm xem ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn.

Thanh niên Uttara thấy trên thân Thế Tôn phân lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

Rồi Thế Tôn nghĩ rằng: "Thanh niên Uttara này thấy ở nơi Ta phân lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài".

Thế Tôn liền dùng thần thông khiến thanh niên Uttara thấy được tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai; rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vùng trán.

Rồi thanh niên Uttara suy nghĩ: "Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai Đại nhân tướng. Vậy ta hãy theo sát Sa-môn Gotama để dò xem các uy nghi (của Ngài)".

Rồi thanh niên Uttara trong bảy tháng theo sát Thế Tôn như bóng không bao giờ rời hình.

Rồi thanh niên Uttara, sau bảy tháng, khởi hành đi đến Mithila ở Videha, tuân tự du hành đi đến Mithila, rồi đi đến Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đến, đánh lễ Bà-la-môn Brahmayu rồi ngồi xuống một bên. Bà-la-môn Brahmayu nói với thanh niên Uttara đang ngồi một bên:

– Này Uttara thân mến, có phải tiếng đồn về Tôn giả Gotama là đúng như vậy, không phải khác, có phải Tôn giả Gotama là như vậy, không phải khác ?

– Tiếng đồn về Tôn giả Gotama là đúng như vậy, không phải khác, Tôn giả Gotama là như vậy, không phải khác. Và Tôn giả Gotama ấy có đầy đủ ba mươi hai Đại nhân tướng.

Tôn giả Gotama có lòng bàn chân bằng phẳng. Đây là Đại nhân tướng của Đại nhân Tôn giả Gotama.

Dưới hai bàn chân Tôn giả Gotama, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tăm xe, với trục xe vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ.

Tôn giả Gotama có gót chân thon dài.

Tôn giả Gotama có ngón tay, ngón chân dài.

Tôn giả Gotama có tay chân mềm mại.

Tôn giả Gotama tay chân có màn da lưới.

Tôn giả Gotama có mắt cá tròn như con sò.

Tôn giả Gotama có ống chân to như con dê rừng.

Tôn giả Gotama đứng thẳng, không cong lưng xuống có thể rờ đầu gối với hai bàn tay.

Tôn giả Gotama có tướng mã âm tàng.

Tôn giả Gotama có màu da như đồng, màu sắc như vàng.

Tôn giả Gotama có da trơn mượt khiến bụi không có thể bám dính vào.

Tôn giả Gotama có lông da mọc từng lỗ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông.

Tôn giả Gotama có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt.

Tôn giả Gotama có thân hình cao thẳng.

Tôn giả Gotama có bảy chỗ tròn đầy.

Tôn giả Gotama có nửa thân trước như thân con sư tử.

Tôn giả Gotama không có lỗm khuyết xuống giữa hai vai.

Tôn giả Gotama có thân thể cân đối như cây bàng.
 Bề cao thân ngang bằng bề dài hai tay sải rộng, bề dài hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân.
 Tôn giả Gotama có bán thân trên vuông tròn.
 Tôn giả Gotama có vị giác hết sức sắc bén.
 Tôn giả Gotama có quai hàm như con sư tử.
 Tôn giả Gotama có bốn mươi răng.
 Tôn giả Gotama có răng đều đặn.
 Tôn giả Gotama có răng không khuyết hở.
 Tôn giả Gotama có răng cửa trơn láng.
 Tôn giả Gotama có tướng lưỡi rộng dài.
 Tôn giả Gotama có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng-tân-già (karavika). Tôn giả Gotama có hai mắt màu xanh đậm.
 Tôn giả Gotama có lông mi con bò cái.
 Tôn giả Gotama, giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên mịn màng như bông nhẹ.
 Tôn giả Gotama có nhục kế trên đầu.
 Đây là Đại nhân tướng của Đại nhân Tôn giả Gotama.
 Khi Tôn giả Gotama đi, Ngài bước chân mặt trước, không đặt chân xuống quá xa, không rút chân lên quá gần, không bước quá mau, không bước quá chậm, khi đi đầu gối không va chạm đầu gối, khi đi mắt cá không va chạm mắt cá; Ngài đi không co bắp vế lên, không duỗi bắp vế xuống, không đưa bắp vế vào trong, không đưa bắp vế ra ngoài.
 Khi đi Tôn giả Gotama chỉ di động phần thân ở dưới, và không đi, dùng toàn thân lực.
 Khi ngó quanh, Tôn giả Gotama ngó quanh với toàn thân.
 Khi đi không có ngưỡng mặt lên, không cúi mặt xuống, không có ngó quanh, và chỉ ngó xuống khoảng một tầm (yugamattam, bề dài một cái cày).
 Xa hơn, tri kiến được mở rộng (anavatam: không bị che đậy).
 Khi đi vào nhà, (Tôn giả Gotama) không ngửa thân về phía sau, không cúi thân về phía trước, không đưa thân về phía trong, không đưa thân về phía ngoài; vị ấy quay lưng không quá xa ghé ngò, không quá gần ghé ngò; ngò trên ghé, không nắm chặt thành ghé, không gieo thân ngò xuống ghé.
 Khi ngò trong nhà, Ngài không rung tay, không rung chân, không ngò treo đầu gối với nhau, treo mắt cá với nhau, không ngò tay chống cằm.
 Khi ngò trong nhà, không có sợ hãi, không có run rẩy, không có dao động, không có hoảng hốt.
 Như vậy Tôn giả Gotama ngò, không sợ hãi, không run sợ, không dao động, không hoảng hốt, lông tóc không dựng ngược, Thiên tịnh độc cư.

Khi nhận nước để rửa bát, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận nước không quá ít, không quá nhiều.

Ngài rửa bát, không sanh tiếng động, rửa bát không xoay tròn bình bát, không đặt bình bát xuống đất rồi rửa tay, khi hai tay rửa xong, bát cũng rửa xong, khi bát rửa xong, tay cũng rửa xong.

Ngài đổ nước bình bát không quá xa, không quá gần, và không vẩy nước cùng khắp.

Khi Ngài nhận cơm, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận cơm không quá ít, không quá nhiều.

Ngài ăn đồ ăn vừa phải (với cơm), không có bỏ miếng cơm, chỉ lựa miếng ăn. Tôn giả Gotama đưa miếng cơm quanh miệng hai ba lần rồi mới nuốt, không hột cơm nào được vào trong thân không bị nghiền nát, và không một hột cơm nào còn lại trong miệng trước khi ăn miếng cơm khác.

Tôn giả Gotama không thưởng thức vị ăn khi ăn đồ ăn, không thưởng thức lòng tham vị.

Tôn giả Gotama ăn đồ ăn có đầy đủ tám đức tánh, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, Ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và Ta sẽ không lỗi lầm, sống được an ổn".

Ngài ăn xong lấy nước rửa bát, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận nước không quá ít, không quá nhiều.

Ngài rửa bát không sanh tiếng động, rửa bát không xoay tròn bình bát, không có đặt bình bát xuống đất rồi rửa tay, khi hai tay rửa xong, bình bát cũng rửa xong, khi bình bát rửa xong, hai tay cũng rửa xong.

Ngài đổ nước bình bát, không quá xa, không quá gần, không vẩy nước cùng khắp. Khi ăn xong, Ngài đặt bình bát xuống đất, không quá xa, không quá gần, không phải không nghĩ đến bình bát, cũng không quá lo cho bình bát.

Khi ăn xong, Ngài ngồi im lặng một lát nhưng không để quá thì giờ nói lời tùy hỷ (công đức).

Ngài nói lời tùy hỷ (công đức), không chỉ trích bữa ăn ấy, không mong bữa ăn khác; trái lại, Ngài với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

Ngài sau khi với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Ngài đi không quá mau, không quá chậm. Ngài đi không phải (như muốn) lánh xa hội chúng ấy.

Tôn giả Gotama đắp y không kéo lên quá cao trên thân, không kéo xuống quá thấp, không dính sát vào thân, không có lơi ra khỏi thân, gió thổi không thoát y khỏi thân Tôn giả Gotama; bụi nhóp không dính trên thân Tôn giả Gotama.

Đi đến tu viện, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn, sau khi ngồi liền rửa chân, và Tôn giả Gotama không sống chú tâm vào công việc làm đẹp hai chân.

Ngài ngồi kiết già, lưng thẳng, và đặt niệm trước mặt. Ngài không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai.

Tôn giả Gotama ngồi, tâm hướng đến lợi mình, lợi người, lợi cả hai, lợi toàn thế giới.

Đi đến tu viện, Ngài thuyết pháp cho hội chúng, không tán dương hội chúng ấy, không chỉ trích hội chúng ấy, trái lại với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

Tiếng nói thoát ra từ miệng Tôn giả Gotama có tám đức tánh; lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động.

Khi Tôn giả Gotama giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói không vượt ra khỏi hội chúng.

Hội chúng sau khi được Tôn giả Gotama khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho thích thú, làm cho hoan hỷ, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi vẫn quay nhìn lại, không muốn rời bỏ.

Chúng con thấy Tôn giả Gotama đi.

Chúng con thấy (Tôn giả) đứng.

Chúng con thấy (Tôn giả) ngồi im lặng trong nhà.

Chúng con thấy (Tôn giả) ăn trong nhà.

Chúng con thấy (Tôn giả) sau khi ăn xong, ngồi im lặng.

Chúng con thấy (Tôn giả) sau khi ăn xong, nói lời tùy hỷ (công đức).

Chúng con thấy (Tôn giả) đi trở về tu viện.

Chúng con thấy (Tôn giả) đi đến tu viện ngồi im lặng.

Chúng con thấy (Tôn giả) đi đến tu viện thuyết pháp cho hội chúng.

Như vậy, và như vậy là Tôn giả Gotama ấy và lại còn nhiều hơn như vậy nữa.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Brahmayu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn, và ba lần nói lời cảm hứng sau đây:

– Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ! Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ! Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ! Có thể tại một chỗ nào, thời gian nào, chúng tôi sẽ đi đến gặp Tôn giả Gotama ấy. Có lẽ sẽ có một cuộc nói chuyện.

Rồi Thế Tôn, tuân tự du hành ở Videha và đi đến Mithila. Ở đây, Thế Tôn trú tại rừng xoài Makhadeva ở Mithila. Các Bà-la-môn, Gia chủ ở Mithila nghe nói: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đang du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị đã đến Mithila và hiện trú ở rừng xoài Makhadeva, tại Mithila. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "... (như trên)... được yết kiến một vị A-la-hán như vậy ! " Rồi các Bà-la-môn, Gia chủ ở Mithila đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, một số đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên; một số chấp tay hướng vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số xưng danh họ rồi ngồi xuống một bên; một số im lặng rồi ngồi xuống một bên.

Bà-la-môn Brahmayu nghe như sau: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đã đến Mithila và trú ở Mithila tại rừng xoài Makhadeva". Rồi Bà-la-môn Brahmayu đi đến rừng xoài Makhadeva cùng với một số đồng thanh niên Bà-la-môn. Khi đến không xa rừng xoài bao nhiêu, Bà-la-môn Brahmayu khởi lên ý nghĩ: "Thật không thích đáng cho ta đến yết kiến Sa-môn Gotama mà không báo trước". Rồi Bà-la-môn Brahmayu bảo một người thanh niên:

– Này Thanh niên, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy nhân danh ta hỏi thăm Sa-môn Gotama có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu hỏi thăm Tôn giả Gotama có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú và thưa như sau: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu già yếu, niên cao, lạp lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, tuổi đã đến một trăm hai mươi, một vị đạo tọng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng.

Thưa Tôn giả, đối với các Bà-la-môn, Gia chủ sống tại Mithila, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tài sản, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện chú thuật (manta), Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tuổi tác và danh vọng. Vị ấy muốn yết kiến Tôn giả Gotama".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên ấy vâng đáp Bà-la-môn Brahmayu, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên. Đứng một bên, thanh niên ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu hỏi thăm Tôn giả Gotama có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu già yếu... (như trên)... và Đại nhân tướng. Thưa Tôn giả, đối với các Bà-la-môn, Gia chủ sống ở Mithila, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tài sản, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện chú thuật (manta), Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tuổi tác và danh vọng. Vị ấy muốn yết kiến Tôn giả Gotama".

– Nay Thanh niên, nay Bà-la-môn Brahmayu hãy làm những gì vị ấy nghĩ là hợp thời.

Rồi vị thanh niên ấy đi đến Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đến, liền thưa với Bà-la-môn Brahmayu:

– Tôn giả đã được Sa-môn Gotama chấp nhận. Nay Tôn giả hãy làm những gì Tôn giả nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu đi đến Thế Tôn. Hội chúng ấy thấy Bà-la-môn Brahmayu từ xa đi đến, sau khi thấy liền tránh chỗ hai bên vì vị này được nhiều người biết đến và có danh vọng. Bà-la-môn Brahmayu nói với hội chúng ấy:

– Thôi vừa rồi, các Tôn giả, hãy ngồi trên chỗ ngồi của mình. Ở đây, tôi sẽ ngồi gần Sa-môn Gotama.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Brahmayu tìm xem ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn. Bà-la-môn Brahmayu thấy phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng, đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu nói với Thế Tôn những bài kệ sau đây:

*Tôn giả Gotama !
Ba hai Đại nhân tướng,
Con được nghe nói đến,*

Hai tướng con không thấy

*Trên thân của Tôn giả,
Tôn giả, mã âm tàng,
Bậc tối thượng loài Người,
Ngài có hay không có ?*

*Hay là tướng nữ nhân ?
Hay lưỡi Ngài quá ngắn ?
Hay lưỡi Ngài rộng dài ?
Để con như thật biết.*

*Hãy đưa lưỡi Ngài ra,
Mong bậc Đại Tiên Nhân,
Trừ nghi cho chúng con,*

*Vì an lạc hiện tại,
Vì hạnh phúc tương lai,
Chúng con xin được phép,
Hỏi điều muốn được biết.*

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Bà-la-môn Brahmayu này thấy trên thân Ta phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng, đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là mã tướng âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến Bà-la-môn Brahmayu thấy được tướng mã âm tàng của Thế Tôn, và Thế Tôn lộ lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai; rờ đến liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vùng trán. Rồi Thế Tôn trả lời Bà-la-môn Brahmayu với bài kệ:

*Ba hai Đại nhân tướng,
Ông đã được nghe đến,
Đều có trên thân Ta,
Hiền giả, chớ có nghi !*

*Điều cần biết, đã biết,
Điều cần tu, đã tu,
Điều cần trừ, đã trừ,
Do vậy, Ta là Phật.*

(Này Bà-la-môn !)

Vì an lạc hiện tại,
Vì hạnh phúc tương lai,
Ông được phép vấn hỏi,
Những điều Ông muốn biết.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ như sau: "Nay Sa-môn Gotama đã cho phép ta. Vậy ta nên hỏi Sa-môn Gotama về mục đích hiện tại hay tương lai". Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ: "Ta đã thiện xảo về mục đích hiện tại và các người khác hỏi ta về mục đích hiện tại. Vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama về mục đích tương lai". Rồi Bà-la-môn Brahmayu dùng bài kệ thưa Thế Tôn:

Thế nào (là) Bà-la-môn ?
Thế nào thông Vệ-đà ?
Thế nào là ba minh ?
Thế nào gọi cát tường ?

Thế nào là ứng cúng ?
Thế nào bậc Viên mãn ?
Thế nào bậc Mâu-ni ?
Thế nào gọi Phật-đà ?

Rồi Thế Tôn dùng bài kệ trả lời Bà-la-môn Brahmayu:

Ai biết được đời trước,
Thấy thiện thú, ác thú,
Đoạn tận được tái sanh,
Thắng trí được viên thành,

Vị ấy gọi Mâu-ni.

Ai biết tâm thanh tịnh,
Giải thoát gọi tham dục,
Sanh tử đều đoạn tận,
Phạm hạnh được viên thành,
Thông đạt nhưt thiết pháp,

Vị ấy xưng Phật-đà.

Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Brahmayu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu xuống dưới chân Thế Tôn, dùng miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, lấy tay rờ xung quanh và tự xưng danh:

– Thưa Tôn giả Gotama, con là Bà-la-môn Brahmayu.

Và hội chúng ấy tâm tư trở thành kinh dị, vi diệu: "Thật vi diệu thay ! Thật hy hữu thay, đại uy lực, đại thần lực của vị Sa-môn đã khiến cho Bà-la-môn Brahmayu này, với danh tiếng, danh vọng như vậy, lại hạ mình tối đa như vậy".

Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Brahmayu:

– Thôi vừa rồi, Bà-la-môn, hãy đứng dậy. Ông hãy ngồi trên ghé của Ông vì tâm của Ông đã hoan hỷ đối với Ta.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đứng dậy, liền ngồi trên ghé của mình. Rồi Thế Tôn thứ lớp thuyết pháp cho Bà-la-môn Brahmayu, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi Trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly.

Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Brahmayu đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Brahmayu: "Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt".

Bà-la-môn Brahmayu thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tin, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư. Bà-la-môn Brahmayu liền bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích.

Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng ! Mong Tôn giả Gotama ngày mai nhận lời mời của con đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo !

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Bà-la-môn Brahmayu khi được biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Bà-la-môn Brahmayu sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi đã sửa soạn tại trú xá của mình các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, liền báo thì giờ cho Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, nay đã đến giờ, cơm đã sẵn sàng". Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, lấy y bát, đi đến trú xá của Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo. Bà-la-môn Brahmayu tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, thỏa mãn bằng những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Rồi Thế Tôn sau bảy ngày liền khởi sự du hành ở Videha.

Sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, Bà-la-môn Brahmayu mệnh chung. Một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bà-la-môn Brahmayu đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì, tương lai tái sanh thế nào ?

– Nay các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Brahmayu là bậc hiền triết. Vị ấy theo Pháp đúng với Chánh pháp, không có phiền nhiễu Ta với những kiện cáo về Chánh pháp (Dhammadhikaranam).

Này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Brahmayu sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không có trở lui đời này nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy”.

Như vậy kinh Brahmayu trong bộ Kinh Trung Bộ là một “đoạn phim” ghi lại ba mươi hai tương tác và một số sinh hoạt thường ngày của Thế Tôn. Đây có thể xem là ghi chép rất tỉ mỉ, rất sinh động và là một ghi chép mang tính tư liệu xác thực rất quý.

42.
KINH SELA
(Selasuttam)
(92)

Kinh Sela ghi lại hai sự kiện, sự kiện đầu dẫn đến sự kiện sau:

Sự kiện đầu: một vị đạo sĩ (bện tóc), ngưỡng mộ Thế Tôn đã mời Ngài cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo dùng cơm. Việc vị đạo sĩ này chuẩn bị đón một “binh đoàn” như vậy khiến Bà-la-môn Sela chú ý (sự kiện sau), đã cùng ba trăm đệ tử của mình đến yết kiến Thế Tôn. Và, sau khi yết kiến Thế Tôn, nghe Thế Tôn giảng đạo – cả thầy lẫn trò, ba trăm lễ một vị này quy ngưỡng Như Lai – để rồi rất nhiều vị trong số họ trở thành bậc A-la-hán ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở Anguttarapa cùng với đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, và đi đến một thị trấn của Anguttarapa tên là Apana. Bện tóc Keniya được nghe: “Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sakya, du hành ở Anguttarapa cùng với đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, và đã đến Apana. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây về Tôn giả Gotama được khởi lên: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và loài Người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện văn nghĩa đầy đủ. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. Tốt đẹp thay sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy !”

Rồi bện tóc Keniya đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn với pháp thoại khai thị cho bện tóc Keniya đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Bện tóc Keniya sau khi được Thế Tôn với pháp thoại khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

– Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của con ngày mai dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với bện tóc Keniya:

– *Này Keniya, chúng Tỷ-kheo rất lớn, đến một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, và Ông có lòng tín thành với các Bà-la-môn.*

Lần thứ hai, bện tóc Keniya bạch Thế Tôn:

– *Thưa Tôn giả Gotama, dẫu chúng Tỷ-kheo rất lớn, đến một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, và dẫu con có lòng tín thành với các Bà-la-môn, mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của con, ngày mai dùng cơm với chúng Tỷ-kheo !*

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với bện tóc Keniya:

– *Này Keniya, chúng Tỷ-kheo rất lớn, đến một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, và Ông có lòng tín thành với các Bà-la-môn.*

Lần thứ ba, bện tóc Keniya bạch Thế Tôn:

– *Thưa Tôn giả Gotama, dẫu chúng Tỷ-kheo rất lớn, đến một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, và dẫu con có lòng tín thành với các vị Bà-la-môn, mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của con, ngày mai dùng cơm với chúng Tỷ-kheo !*

Thế Tôn im lặng nhận lời. Bện tóc Keniya, sau khi được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến tịnh xá của mình, sau khi đến liền bảo các thân hữu, bà con huyết thống:

– *Quý vị Thân hữu, bà con huyết thống hãy nghe tôi. Sa-môn Gotama đã được tôi mời ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo. Vậy Quý vị hãy tự thân giúp việc cho tôi.*

– *Thưa vâng, Tôn giả.*

Các thân hữu, bà con huyết thống của bện tóc Keniya vâng đáp bện tóc Keniya. Có người thời đào hố (làm lò nấu); có người bửa củi; có người rửa chén bát; có người sắp đặt ghè nước; có người sửa soạn ghế ngồi; còn bện tóc Keniya tự mình dựng lên một giàn hoa hình tròn (Mandalamala?).

Lúc bấy giờ Bà-la-môn Sela trú tại Apana, vị này tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Vị này dạy chú thuật (manta) cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Lúc bấy giờ bện tóc Keniya có lòng tín thành với Bà-la-môn Sela. Rồi Bà-la-môn Sela, với ba trăm thanh niên Bà-la-môn vây quanh, tản bộ du hành đi đến tịnh xá

của bện tóc Keniya. Bà-la-môn Sela thấy tại tinh xá của bện tóc Keniya, có người thồi đào hổ (làm lò nấu); có người bửa củi; có người rửa chén bát; có người sắp đặt ghè nước; có người sửa soạn ghé ngói; còn bện tóc Keniya tự mình dựng lên một giàn hoa hình tròn. Thấy vậy, Bà-la-môn Sela bèn nói với bện tóc Keniya:

– Có phải bện tóc Keniya sẽ rước dâu hay sẽ đưa dâu, hay một đại tế đàn được chuẩn bị, hay vua Seniya Bimbisara nước Magadha được mời ngày mai với cả binh lực ?

*– Thưa Tôn giả Sela, tôi không có rước dâu, cũng không đưa dâu, vua Seniya Bimbisara nước Magadha không có được mời ngày mai với cả binh lực, nhưng tôi chuẩn bị một đại tế đàn. Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay đang du hành ở Anguttarapa với đại chúng Tỷ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, đã đến Anguttarapa. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được khởi lên về Tôn giả Gotama: "... (như trên)... Phật, Thế Tôn".
Vị ấy được con mời ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.*

– Tôn giả Keniya, có phải Ông nói đức Phật ?

– Tôn giả Sela, vâng tôi nói đức Phật.

– Tôn giả Keniya, có phải Ông nói đức Phật ?

– Tôn giả Sela, vâng tôi nói đức Phật.

Rồi Tôn giả Bà-la-môn Sela suy nghĩ: "Chỉ một âm thanh đức Phật này cũng khó tìm được trong đời. Theo Thánh điển của chúng ta được truyền lại về ba mươi hai Đại nhân tướng, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn một trong hai con đường, không có con đường nào khác: nếu là tại gia, sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống thống lãnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với Chánh pháp, không dùng gậy, không dùng đao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quét sạch mê lầm ở đời.

Này Tôn giả Keniya, nay Tôn giả Gotama ấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy trú ở đâu ?

Khi nghe nói vậy, bện tóc Keniya, duỗi cánh tay mặt, nói với Bà-la-môn Sela:

– Tôn giả Sela, tại ngôi rừng xanh kia.

Rồi Bà-la-môn Sela, với ba trăm thanh niên đi đến Thế Tôn. Bà-la-môn bảo những thanh niên ấy:

– Quý vị hãy đến một cách im lặng, đặt chân xuống từng bước một, các bậc Thế Tôn ấy như con sư tử sống một mình, rất khó đến gần (hay ưa thích an tịnh – Durasada). Nếu ta có thảo luận với Sa-môn Gotama, chư Tôn giả chớ ngắt lời ta. Chư Tôn giả hãy chờ ta nói xong.

Rồi Bà-la-môn Sela đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Sela tìm xem ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn, Bà-la-môn Sela thấy phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Bà-la-môn Sela này thấy trên thân Ta phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng, đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến Bà-la-môn Sela thấy được tướng mã âm tàng của Thế Tôn, và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai; rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi le khắp cả vùng trán. Rồi Bà-la-môn Sela suy nghĩ: "Sa-môn Gotama thành tựu ba mươi hai Đại nhân tướng một cách đầy đủ, không phải không đầy đủ, nhưng ta chưa biết vị ấy là Phật hay không phải Phật. Tuy vậy, ta có nghe các vị Bà-la-môn niên cao, lap lớn, các bậc Tôn sư, Đại Tôn sư, nói như sau: "Các Thế Tôn ấy, những bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khi những lời tán thán của những bậc ấy được nói đến, các bậc ấy tự hiện hình ra". Vậy ta hãy trước mặt Thế Tôn tán thán những bài kệ xứng đáng". Rồi Bà-la-môn Sela, tán thán trước mặt Sa-môn Gotama những bài kệ xứng đáng như sau:

Thân tròn đủ chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn sắc vàng chói,
Răng trơn, láng, tinh cần.

Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

Mắt sáng, mặt tròn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

Đẹp mắt vị Tỷ-kheo,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn, Ngài
Cần gì sắc tối thượng.

Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển Luân, bậc Điều Ngự,
Chiến thắng khắp thiên hạ,
Bậc tối thượng Diêm-phù.

Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là Giáo chủ loài Người.

Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama !

Thế Tôn liền trả lời:

Sela, Ta là vua,
Bậc Pháp vương vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

(Sela):

Ngài tự nhận Giác giả
Sela lại hỏi thêm,
"Bậc Pháp vương vô thượng,
Ta chuyển bánh xe Pháp",

Ngài trả lời như vậy.
Tôn giả Gotama,

*Ai sẽ là tướng quân ?
Là Tôn giả đệ tử ?*

*Vị đệ tử tín thành ?
Xứng đáng bậc Đạo sư ?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển ?
(Thế Tôn):*

*Này Sela,
Ta chuyển bánh xe Pháp,
Bánh xe Pháp vô thượng.
Chính Sariputta,
Chuyển bánh xe Chánh Pháp,*

*Thừa tự Như Lai vị.
Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần bỏ, Ta đã bỏ.
Do vậy Ta là Phật,*

*Ôi, Tôn giả Phạm chí !
Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,*

*Ôi, Tôn giả Phạm chí !
Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan !
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương vô thượng,*

*Ôi, Tôn giả Phạm chí !
Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các ma quân.
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta sống tâm hoan hỷ,
Không sợ hãi một ai,*

Không từ đâu run sợ.

(Sela):

*Chư Tôn giả, hãy nghe !
Nhu bậc có mắt giảng,
Bậc Y vương, Anh hùng,
Sư tử rống rừng sâu.
Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.*

*Ai muốn, hãy theo Ta,
Không muốn, hãy ra đi,
Ở đây, Ta xuất gia,
Bậc Trí Tuệ tối thượng !*

(Các Bà-la-môn):

*Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Bậc Trí Tuệ tối thượng !*

(Sela):

*Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép:
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo !*

*Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính.*

*Ở đây sự xuất gia,
Không uống công hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Bà-la-môn Sela cùng với hội chúng được xuất gia dưới sự lãnh đạo Thế Tôn, được thọ đại giới.

Rồi Bà-la-môn Keniya, sau đêm ấy, tại tinh xá của mình, sau khi cho sửa soạn các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm xong, liền báo thời giờ lên Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, đã đến giờ ! Cơm đã sửa soạn xong". Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến tinh xá của bện tóc Keniya, sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Rồi bện tóc Keniya sau khi tự tay mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Rồi bện tóc Keniya, sau khi Thế Tôn ăn xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên.

Thế Tôn nói với bện tóc Keniya lời tùy hỷ công đức với những bài kệ sau đây:

*Té đàn là tối thượng,
Trong các lễ tế lửa,
Savitti là tối thượng,
Giữa bài thơ Veda.*

*Vua là bậc tối thượng,
Giữa thế giới loài Người,
Đại dương là tối thượng,
Giữa các loại sóng ngời.*

*Mặt trăng là tối thượng,
Giữa các vì sao sáng,
Chúng Tăng thật tối thượng,
Với những ai bố thí,
Tâm mong ước nguyện cầu,
(Gặt hái nhiều) công đức.*

Thế Tôn sau khi dùng bài kệ này nói những lời tùy hỷ công đức với bện tóc Keniya, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Sela với hội chúng sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, Tôn giả chứng được mục đích tối cao mà các Thiên nam tử đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng Phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự chứng đạt và an trú. Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác

nữa. Vị này biết như vậy và Tôn giả Sela với hội chúng trở thành các vị A-la-hán. Rồi Tôn giả Sela với hội chúng đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và đọc lên Thế Tôn bài kệ sau đây:

*Kính bạch bậc Pháp Nhãn,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin (phát nguyện) quy y.*

*Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
(Đã chế ngự chúng con),
Trong giáo lý của Ngài.*

*Ngài là bậc Giác Giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,
Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma.*

*Sau khi Ngài đoạn trừ,
Vượt qua (biển sanh tử),
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua (bể khổ).*

*Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là Sư tử (chúa),
Không chấp, không sợ hãi.*

*Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới.*

*Hãy để các Đại nhân
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.*

Như vậy, kinh Sela trong bộ Kinh Trung Bộ ghi lại hai sự kiện: Một vị đạo sĩ (bện tóc), ngưỡng mộ Thế Tôn đã mời Ngài cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo dùng cơm và Bà-la-môn Sela cùng ba trăm đệ tử của mình quy ngưỡng Như Lai – để rồi rất nhiều vị trong số họ trở thành bậc A-la-hán ...

Trong kinh này những bài kệ – vốn là những tác phẩm văn chương cổ – cần rất đáng chú ý.

43.
KINH ASSALAYANA
(Assalayanassuttam)
(93)

Vấn đề giai cấp, chủng tộc, màu da ... luôn là vấn đề rất lớn, rất sâu sắc ... từ ngàn xưa đến nay và sẽ còn kéo dài cho đến rất lâu nữa về sau ...

Nạn phân biệt chủng tộc – đã để lại những vết thương sâu hoắm, nhức nhối trong lịch sử loài người ...

Kinh Assalayyana một lần nữa lại đề cập đến vấn đề này . Lần này, sự giảng giải của Thế Tôn là tận cùng cặn kẽ ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bảy giờ khoảng năm trăm Bà-la-môn từ nhiều quốc độ khác nhau trú tại Savatthi vì một vài công việc. Những vị Bà-la-môn ấy suy nghĩ: "Sa-môn Gotama này chủ trương bốn giai cấp đều thanh tịnh. Ai có thể cùng với Sa-môn Gotama thảo luận vấn đề này ?" Lúc bảy giờ thanh niên Assalayana trú ở Savatthi, trẻ tuổi, đầu cao trọc, chỉ có mười sáu tuổi, tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Rồi các Bà-la-môn ấy suy nghĩ: "Thanh niên Assalayana này trú ở Savatthi, trẻ tuổi, đầu cao trọc, chỉ có mười sáu tuổi, tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Vị ấy có thể thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này". Rồi những Bà-la-môn ấy đi đến thanh niên Assalayana, sau khi đến nói với thanh niên Assalayana:

– Tôn giả Assalayana, Sa-môn Gotama chủ trương bốn giai cấp đều thanh tịnh. Tôn giả Assalayana hãy đến thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Assalayana nói với các Bà-la-môn ấy:

– Sa-môn Gotama là vị nói đúng pháp. Và những ai nói đúng pháp thật rất khó thảo luận. Tôi không có thể thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này.

Lần thứ hai các Bà-la-môn nói với thanh niên Assalayana:

– Tôn giả Assalayana, Sa-môn Gotama này chủ trương bốn giai cấp đều thanh tịnh. Tôn giả Assalayana hãy đến thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này. Tôn giả Assalayana đã sống đời sống của vị du hành khát sĩ.

Lần thứ hai, thanh niên Assalayana nói với các vị Bà-la-môn ấy:

– Sa-môn Gotama là bậc nói đúng pháp. Và những người nói đúng pháp thật rất khó thảo luận. Tôi không có thể thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này.

Lần thứ ba, những vị Bà-la-môn ấy nói với thanh niên Assalayana:

– Tôn giả Assalayana, Sa-môn Gotama này chủ trương bốn giai cấp đều thanh tịnh. Tôn giả Assalayana, hãy đến thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này. Tôn giả Assalayana đã sống đời sống của vị du hành khát sĩ. Tôn giả Assalayana chớ có bị chiến bại trong một cuộc chiến bại không có binh khí chống cự.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Assalayana nói với các vị Bà-la-môn ấy:

– Thật sự tôi không chấp nhận được (lời yêu cầu) chư Tôn giả. Tôn giả Gotama là bậc nói đúng pháp. Và những ai nói đúng pháp thật rất khó thảo luận. Tôi không có thể thảo luận với Sa-môn Gotama về vấn đề này. Tuy vậy tôi cũng sẽ đi, như lời chư Tôn giả yêu cầu.

Rồi thanh niên Assalayana cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Assalayana bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, các vị Bà-la-môn nói như sau: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có Bà-la-môn là màu da trắng, giai cấp khác là màu da đen; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp phi Bà-la-môn không được như vậy. Chỉ có Bà-la-môn mới là con chính thống Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự Phạm thiên". Ở đây, Tôn giả Gotama nói thế nào ?

– Nhưng này Assalayana, các nữ Bà-la-môn, vợ các Bà-la-môn được thấy là có kinh nguyệt, có mang thai, có sanh con, có cho con bú. Dầu vậy, các vị Bà-la-môn

ấy sanh ra từ nữ căn lại nói: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt. Chỉ có Bà-la-môn là màu da trắng, giai cấp khác là màu da đen; chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp phi Bà-la-môn không được như vậy. Chỉ có Bà-la-môn mới là con chính thống Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự Phạm thiên".

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng các vị Bà-la-môn vẫn tự nghĩ rằng: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".

– Nay Assalayana, Ông nghĩ thế nào ? Ông có nghe chăng ? Tại các biên địa quốc độ khác như Yona và Kamboja, chỉ có hai giai cấp: chủ nhân và đầy tớ. Sau khi làm chủ nhân, lại trở thành đầy tớ; sau khi làm đầy tớ, lại trở thành chủ nhân ?

– Thừa vâng, con có nghe. Trong các quốc độ biên địa như Yona, Kamboja, chỉ có hai giai cấp: chủ nhân và đầy tớ. Sau khi làm chủ nhân, lại trở thành đầy tớ, sau khi làm đầy tớ, lại trở thành chủ nhân.

– Ở đây, nay Assalayana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của các Bà-la-môn, mà ở đây các vị Bà-la-môn lại nói: "Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên" ?

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây vị Bà-la-môn vẫn nghĩ như sau: "Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".

– Nay Assalayana, Ông nghĩ thế nào ? Chỉ có người Khattiya (Sát-đế-ly) sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến: sau khi thân hoại mạng chung mới bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Bà-la-môn không phải như vậy ? Và chỉ có người Vessa và người Sudda sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, mới bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các Bà-la-môn không phải như vậy ?

– Không phải như vậy, Tôn giả Gotama. Người Khattiya cũng vậy, Tôn giả Gotama, nếu sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, cũng bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Bà-la-môn cũng vậy, Tôn giả Gotama Vessa cũng vậy, Tôn giả Gotama, Sudda cũng

vậy, Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, nếu sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

– Ở đây, này Assalayana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của Bà-la-môn, mà các Bà-la-môn lại nói: "Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên" ?

– Dầu Tôn giả Sa-môn có nói như vậy, nhưng ở đây, các Bà-la-môn vẫn nghĩ như sau: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".

– Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào ? Chỉ có Bà-la-môn từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, (có chánh kiến) sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Khattiya không được vậy, Vessa không được vậy, Sudda không được vậy ?

– Không phải vậy, Tôn giả Gotama. Khattiya cũng vậy, Tôn giả Gotama, nếu từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến, thì sau khi thân hoại mạng chung cũng được sanh vào thiện thú, Thiên giới; cõi đời này. Bà-la-môn cũng vậy, Tôn giả Gotama; Vessa cũng vậy, Tôn giả Gotama; Sudda cũng vậy, Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, nếu từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến, thì sau khi thân hoại mạng chung, đều được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

– Ở đây, này Assalayana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của Bà-la-môn, mà các Bà-la-môn lại nói: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên". ?

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây, các Bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".

– *Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào ? Chỉ có Bà-la-môn mới có thể trong quốc độ này tu tập từ tâm, không hận, không sân, Khattiya không thể được, Vessa không thể được, Sudda không thể được ?*

– *Không phải vậy, Tôn giả Gotama. Khattiya, Tôn giả Gotama, cũng có thể trong quốc độ này tu tập từ tâm, không hận, không sân. Bà-la-môn cũng vậy, Tôn giả Gotama; Vessa cũng vậy, Tôn giả Gotama; Sudda cũng vậy, Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, đều có thể trong quốc độ này tu tập từ tâm, không hận, không sân.*

– *Ở đây, này Assalayana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của Bà-la-môn, mà ở đây các Bà-la-môn lại nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên" ?*

– *Dâu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây các Bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên).*

– *Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào ? Chỉ có Bà-la-môn mới có thể, sau khi cầm cào lưng và bột tắm đi đến sông tắm sạch bụi bặm, Khattiya không thể được, Vessa không thể được, Sudda không thể được ?*

– *Không phải vậy, thưa Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama, Khattiya cũng có thể, sau khi cầm cào lưng và bột tắm, đi đến sông tắm sạch bụi bặm. Bà-la-môn cũng vậy Tôn giả Gotama; Vessa cũng vậy, Tôn giả Gotama; Sudda cũng vậy, Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, Tôn giả Gotama, đều có thể, sau khi cầm cào lưng và bột tắm, đi đến sông tắm sạch bụi bặm.*

– *Ở đây, này Assalayana, do sức mạnh gì, xác tín gì của các Bà-la-môn, mà ở đây các Bà-la-môn lại nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên" ?*

– *Dâu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây các Bà-la-môn vẫn nghĩ như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".*

– *Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, nếu có vua Khattiya đã làm lễ quán đảnh, cho hội họp một trăm người thuộc nhiều chủng tánh khác nhau và nói: "Quý vị hãy đến đây, quý vị nào thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh*

ra từ hoàng tộc, hãy đem đến phần trên của đồ quay lửa, bằng cây sala, hay cây salala, hay cây chiêm-đàn, hay cây sen, quay cho lửa và sức nóng hiện ra. Còn những người thuộc gia đình Chiên-đà-la (hạ tiện), thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đổ phân, hãy đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây y lan (elanda: cây thu đủ thâu dầu), và quay cho bậc lửa và sức nóng hiện ra".

Này Assalayana, Ông nghĩ thế nào ? Có phải chỉ có ngọn lửa được nhen lên và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn sanh từ hoàng tộc, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, làm bằng cây sala, hay cây salala, hay cây chiêm-đàn, hay cây sen, chỉ có lửa ấy mới có ngọn, mới có màu sắc, mới có ánh sáng, và chỉ có ngọn lửa ấy mới dùng được vào các công việc do lửa đem lại. Còn ngọn lửa được nhen lên và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình hạ tiện, thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình làm đồ phân, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây y-lan, lửa ấy không có ngọn, không có màu sắc, không có ánh sáng, và ngọn lửa ấy không có thể dùng được vào các công việc do lửa đem lại ?

– Không phải vậy, thưa Tôn giả Gotama. Ngọn lửa được nhen lên, sức nóng được tạo ra, Tôn giả Gotama, từ người thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn sanh từ hoàng tộc, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, làm bằng cây sala, hay cây salala, hay cây chiêm-đàn, hay cây sen, lửa ấy có ngọn, có màu sắc, có ánh sáng, ngọn lửa ấy dùng được vào các công việc do lửa đem lại. Và ngọn lửa được nhen lên, và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình hạ tiện, thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đổ phân, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây y-lan, lửa ấy cũng có ngọn, cũng có màu sắc, cũng có ánh sáng, và ngọn lửa ấy có thể dùng được vào công việc do lửa đem lại. Thưa Tôn giả Gotama, tất cả loại lửa đều có ngọn, đều có màu sắc, đều có ánh sáng; tất cả loại lửa đều có thể dùng vào các công việc do lửa đem lại.

– Ở đây, này Assalayana, do sức mạnh gì, do xác tín gì của các Bà-la-môn mà các Bà-la-môn ở đây lại nói: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt. Chỉ có Bà-la-môn là da trắng,, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp phi Bà-la-môn không phải như vậy. Chỉ có Bà-la-môn mới là con chính thống Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự Phạm thiên" ?

– Dầu Tôn giả Gotama có nói như vậy, nhưng ở đây các Bà-la-môn vẫn nghĩ như sau: "Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".

– Nay Assalayana, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây một nam tử Khattiya cưới một nữ nhân Bà-la-môn làm vợ. Do hôn phối này, họ sanh được đũa con trai. Đũa con trai ấy sanh ra từ nam tử Khattiya và nữ nhân Bà-la-môn. Nó giống mẹ nó hay giống cha nó; nó được gọi là Khattiya hay được gọi là Ba La Môn ?

– Thưa Tôn giả Gotama, đũa con trai ấy sanh ra từ nam tử Khattiya và nữ nhân Bà-la-môn; nó giống mẹ nó và cũng giống cha nó, và được gọi là Khattiya và cũng được gọi là Bà-la-môn.

– Nay Assalayana, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, một nam tử Bà-la-môn cưới một nữ nhân Khattiya và do hôn phối này, họ sanh được đũa con trai. Người con trai ấy được sanh từ nam tử Bà-la-môn và nữ nhân Khattiya; nó giống mẹ nó, hay giống cha nó; nó được gọi là Khattiya, (hay) cũng được gọi là Bà-la-môn ?

– Thưa Tôn giả Gotama, người con trai sanh ra từ nam tử Bà-la-môn và nữ nhân Khattiya; nó giống mẹ nó; và giống cha nó, và nó được gọi là Khattiya, và cũng được gọi là Bà-la-môn.

– Nay Assalayana, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có con ngựa cái giao phối với con lừa. Do sự giao phối này, chúng sanh được con la. Con la ấy sanh ra từ con ngựa cái và con lừa; nó giống mẹ nó, hay giống cha nó; nó được gọi là ngựa, hay nó được gọi là lừa ?

– Tôn giả Gotama, do sự giao phối khác giống như vậy, nó là con la. Đó là sự sai khác, thưa Tôn giả Gotama, mà tôi thấy ở đây. Nhưng ở chỗ khác, đối với sự vật khác, tôi không thấy sai biệt gì.

– Nay Assalayana, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có hai anh em thanh niên, đồng mẹ khác cha; một người đọc tụng, thông hiểu Thánh điển; một người không đọc tụng, không hiểu Thánh điển. Ở đây, giữa hai vị này, các Bà-la-môn sẽ cúng dường ai trước các vật cúng cho người chết, các thực vật tế đàn, các món ăn trong các lễ hy sinh, các đồ ăn đãi khách ?

– Thưa Tôn giả Gotama, vị thanh niên nào đọc tụng, thông hiểu Thánh điển, các Bà-la-môn sẽ cúng dường người ấy trước, các vật cúng cho người chết, các thực vật tế đàn, các món ăn trong các lễ hy sinh, các đồ ăn đãi khách. Bởi vì, thưa Tôn giả Gotama, cúng dường cho người không đọc tụng, không thông hiểu Thánh điển làm sao có quả lớn được.

– Này Assalayana, nhà người nghĩ thế nào ? Ở đây, có hai anh em thanh niên (Bà-la-môn) đồng mẹ khác cha; một người đọc tụng thông hiểu Thánh điển, theo ác giới, hành ác pháp; một người không đọc tụng, không thông hiểu Thánh điển, trì giới, hành thiện pháp. Ở đây, các người Bà-la-môn cúng dường cho ai trước các vật cúng cho người chết, các thực vật tế đàn, các món ăn trong các lễ hy sinh, hay các đồ ăn đãi khách ?

– Thưa Tôn giả Gotama, vị thanh niên nào không đọc tụng, không thông hiểu Thánh điển, nhưng trì giới, hành thiện pháp; ở đây, các Bà-la-môn cúng dường cho người ấy trước, các vật cúng cho người chết, các thực vật tế đàn, các món ăn trong các lễ hy sinh, hay các đồ ăn đãi khách. Bởi vì, thưa Tôn giả Gotama, cúng dường cho người theo ác giới, hành ác pháp làm sao có quả lớn được !

– Này Assalayana, trước hết Ông đi về sanh chủng. Bỏ sanh chủng, Ông đi về Thánh điển. Bỏ Thánh điển, Ông đi về sự thanh tịnh của bốn giai cấp mà Ta đã chủ trương.

Nghe nói vậy, thanh niên Assalayana ngồi im lặng, ử rử, co vai, cúi đầu, sững sờ, mở miệng không ra lời.

Rồi Thế Tôn sau khi biết được thanh niên Assalayana im lặng ử rử, co vai, cúi đầu, sững sờ, mở miệng không ra lời, liền nói với thanh niên Assalayana:

– Thuở xưa, này Assalayana, trong khi bảy ả sĩ Bà-la-môn thảo luận trong những am thất bằng lá tại một khu rừng, ác kiến sau đây được khởi lên: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... là con cháu thừa tự Phạm thiên".

Này Assalayana, ả sĩ Asita Devala được nghe: "Trong khi bảy ả sĩ Bà-la-môn thảo luận trong những am thất bằng lá, tại một khu rừng, ác kiến sau đây được khởi lên: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt... (như trên)... con cháu thừa tự Phạm thiên". ? ả sĩ Asita Devala, sau khi sửa soạn râu tóc, đắp y vải màu đỏ tía, đi dép với nhiều lớp (đường viền) kiên cố, cầm một cây gậy bằng vàng, liền hiện ra trong hành lang am thất của bảy vị ả sĩ Bà-la-môn. Rồi này

Assalayana, ả sĩ Asita Devala đi qua, đi lại trong hành lang am thất của bảy vị ả sĩ Bà-la-môn và nói:

– "Nay những Tôn giả ả sĩ Bà-la-môn này đi đâu ? Nay những Tôn giả ả sĩ Bà-la-môn này đi đâu ?"

Rồi này Assalayana, bảy vị ả sĩ Bà-la-môn suy nghĩ như sau: "Kẻ kia là ai đang đi qua lại trong hành lang am thất bảy vị ả sĩ Bà-la-môn như một con bò đi vòng tròn, lại nói như sau: "Nay những vị ả sĩ Bà-la-môn này đi đâu ? Nay những vị ả sĩ Bà-la-môn này đi đâu ?" Chúng ta hãy dùng chú thuật trừ yém Ông ta". Rồi này Assalayana, bảy ả sĩ Bà-la-môn dùng chú thuật trừ yém ả sĩ Asita Devala: "Hãy trở thành tro tàn hạ liệt".

Nhưng này Assalayana, bảy ả sĩ càng dùng chú thuật trừ yém, ả sĩ Asita Devala càng trở thành đẹp đẽ, trở thành dễ nhìn, trở thành khả ái.

Rồi này Assalayana, bảy vị ả sĩ Bà-la-môn suy nghĩ như sau: "Thật trông rộng thay, khổ hạnh của chúng ta ! Phạm hạnh của chúng ta không có hiệu quả. Trước kia, khi chúng ta dùng chú thuật trừ yém người nào: "Hãy trở thành tro tàn hạ liệt" Người ấy trở thành tro tàn ngay. Nhưng nay chúng ta càng dùng chú thuật trừ yém người này, người này lại càng trở nên đẹp đẽ, trở thành dễ nhìn, trở thành khả ái".

– Khổ hạnh, chư Tôn giả, không phải trông rộng, Phạm hạnh (quý vị) không phải không hiệu quả. Chư Tôn giả, hãy từ bỏ tâm oán hận đối với ta.

– Có tâm oán hận nào đối với Tôn giả, chúng tôi sẽ bỏ. Tôn giả là ai ?

– Chư Tôn giả có nghe nói đến ả sĩ Asita Devala không ?

_ Thưa có nghe, Tôn giả.

– Chư Tôn giả, vị ấy là ta.

Rồi này Assalayana, bảy ả sĩ Bà-la-môn đến đánh lễ ả sĩ Asita Devala. Rồi ả sĩ Asita Devala nói với bảy ả sĩ Bà-la-môn:

– Chư Tôn giả, tôi có nghe như sau: "Trong khi bảy vị ả sĩ Bà-la-môn thảo luận tại am thất bằng lá trong khu rừng, ác tà kiến như sau khởi lên: Chỉ có Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt. Chỉ có Bà-la-môn màu da trắng, giai cấp khác màu da đen. Chỉ có Bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp phi Bà-la-môn không được như vậy. Chỉ có Bà-la-môn là con chính thống Phạm thiên, sanh

ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự Phạm thiên".

– Thưa vâng, Tôn giả.

– Nhưng chư Tôn giả, chư tôn giả có biết mẹ sanh của họ chỉ giao hợp với các Bà-la-môn, không với phi Bà-la-môn ?

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Nhưng chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết mẹ sanh của họ, cho đến bảy đời tổ mẫu của họ chỉ giao hợp với các Bà-la-môn, không với phi Bà-la-môn ?

(Ý của vị ẩn sĩ Asita Devala là: mẹ của vị Bà-la-môn – trong đời hiện tại – là người thuộc Bà-la-môn. Vậy mẹ của bà mẹ ấy rồi lại mẹ của mẹ bà mẹ ấy ... có nhận biết được là tất cả bảy đời đều “thuần chủng” là Bà-la-môn không ?)

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Nhưng chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết cha sanh của họ chỉ giao hợp với các nữ Bà-la-môn không với phi nữ Bà-la-môn ?

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Nhưng chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết cha sanh của họ, cho đến bảy đời tổ phụ của họ chỉ giao hợp với các nữ Bà-la-môn, không với phi Bà-la-môn ?

– Không phải vậy, Tôn giả.

– Chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết nhập thai là như thế nào ?

– Thưa Tôn giả, chúng con biết nhập thai như thế này. Ở đây, mẹ cha phải giao hợp, người mẹ phải trong thời (có thể thọ sanh), hương ẩm (gandhabha) phải hiện hữu, ba sự như vậy có hòa hợp, nhập thai mới thành tựu.

– Chư Tôn giả, chư Tôn giả có biết hương ẩm ấy là Khattiya, hay Bà-la-môn, hay Vessa, hay Sudda ?

– Thưa Tôn giả, chúng tôi không biết hương ẩm ấy là Khattiya, hay Bà-la-môn, hay Vessa, hay Sudda.

– Chư Tôn giả, sự tình là như vậy, chư Tôn giả có biết chư Tôn giả là ai không ?

– Thưa Tôn giả, sự tình là như vậy, chúng tôi không có biết chúng tôi là ai.

Này Assalayana, bảy vị ả sĩ Bà-la-môn ấy bị ả sĩ Asita Devala, chát vẩn, cật vẩn, nạn vẩn về vấn đề sanh chủng (jativada) của họ, không có thể ứng đáp được. Làm sao nay Ông bị ta chát vẩn, cật vẩn, nạn vẩn về vấn đề sanh chủng của Ông lại có thể ứng đáp được, khi Ông cùng một Đạo sư với họ và không có Punna, người biết sử dụng thìa đồ sữa (làm lễ tế tự).

Khi được nói vậy, thanh niên Assalayana bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như vậy kinh Assalayana trong bộ Kinh Trung Bộ một lần nữa mở xẻ đến tận cùng sự bình đẳng (thanh tịnh) của các giai cấp, chủng tộc ...

Tất cả mọi giai cấp, mọi chủng tộc, mọi màu da ... đều bình đẳng như nhau ...

Tất cả mọi tôn giáo đều bình đẳng như nhau ...

Sự bình đẳng đó là:

Nếu là một người thiện thì cánh cửa về một thế giới tốt đẹp mở rộng, đón chờ ...

Nếu là một kẻ ác – không thể thoát được chốn dữ: súc sanh, địa ngục.

44.

KINH GHOTAMUKHA

(94)

Kinh Ghotamukha ghi chép về sự hình thành của giảng đường *Ghotamukhi* dành cho chúng Tăng ở Pataliputta.

Qua sự kiện này cho thấy: Tôn giả Udena – giảng giải về bốn loại người – vốn đã được Thế Tôn giảng giải cho các Tỷ-kheo trước đó.

Điều đặc biệt đáng quan tâm ở đây là: Sau khi Thế Tôn nhập Niết Bàn, các đệ tử của Ngài tiếp tục con đường hoằng pháp như thế nào ? Tinh thần các bài giảng của các đệ tử Ngài sau này như thế nào ?

Kinh Ghotamukha trả lời phần nào câu hỏi ấy ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Udena trú ở Baranasi (Ba-la-nại), tại rừng xoài Khemiya. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Ghotamukha đến tại Baranasi có một vài công việc. Rồi Bà-la-môn Ghotamukha tản bộ du hành và đi đến rừng xoài Khemiya. Lúc bấy giờ Tôn giả Udena đang đi kinh hành ở giữa trời. Rồi Bà-la-môn Ghotamakha đi đến Tôn giả Udena, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Udena, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền nói với Tôn giả Udena đang đi kinh hành:

– Thưa Tôn giả Sa-môn, không có một sự xuất gia đúng pháp. Hình như đối với con: vì không thấy một Tôn giả như Ngài, hay ở đây pháp (ấy) là gì ?

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udena từ chỗ kinh hành bước xuống, đi vào trong tinh xá (vihara), rồi ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Bà-la-môn Ghotamukha cũng từ chỗ kinh hành bước xuống, vào trong tinh xá rồi đứng một bên. Tôn giả Udena nói với Bà-la-môn Ghotamukha đang đứng một bên:

– Nay Bà-la-môn, đây có những ghế ngồi. Nếu muốn, hãy ngồi xuống.

– Trong khi chúng con đến với Tôn giả Udena, chúng con không ngồi. Làm sao người như con lại nghĩ đến ngồi xuống, trước khi được mời.

Rồi Ba La Môn Ghotamukha lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ghotamukha nói với Tôn giả Udena:

– Thưa Tôn giả Sa-môn, không có sự xuất gia đúng pháp. Hình như đối với con: vì không thấy một Tôn giả như Ngài, hay ở đây pháp ấy là gì ?

– Nay Bà-la-môn, nếu Ông tán đồng những gì ta tán đồng, và bài bác những gì cần phải bài bác, và có điều gì ta nói mà Ông không biết. Ở đây, Ông có thể hỏi thêm ta: "Thưa Tôn giả Udena, cái này là thế nào ? Ý nghĩa cái này là gì ?" Sau khi sắp đặt như vậy, ở đây sẽ có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

– Con sẽ tán đồng những gì Tôn giả Udena tán đồng, và bài bác những gì cần phải bài bác. Và có điều gì Tôn giả Udena nói mà con không biết. Ở đây, con có thể hỏi thêm Tôn giả Udena: "Tôn giả Udena, cái này là thế nào ? Ý nghĩa cái này là gì ?" Sau khi sắp đặt như vậy, ở đây mong sẽ có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

– Nay Bà-la-môn, ở đây có bốn hạng người này có mặt ở trên đời. Thế nào là bốn ? Ở đây, này Bà-la-môn có người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình. Ở đây, này Bà-la-môn, có người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Người ấy không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thế.

Này Bà-la-môn, bốn hạng người này, hạng người nào được tâm Ông thích ý nhất ?

– Thưa Tôn giả Udena, hạng người tự hành khổ mình chuyên tâm tự hành khổ mình; hạng người này, tâm con không thích ý.

Thưa Tôn giả Udena, hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người, hạng người này, tâm con không thích ý.

Thưa Tôn giả Udena, hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người; hạng người này, tâm con không thích ý.

Thưa Tôn giả Udena, hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; hạng người không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại, không có tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thế, hạng người này, tâm con thích ý.

– Nay Bà-la-môn, vì sao tâm Ông không thích ý ba hạng người này ?

– Thừa tôn giả Udena, hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, hạng người này hành khổ mình, hành hạ mình, trong khi tự ao ước lạc, yếm ly khổ. Do vậy, tâm con không thích ý hạng người này.

Thừa Tôn giả Udena, hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người; hạng người này hành khổ người khác, hành hạ người khác, trong khi người khác ao ước lạc, yếm ly khổ. Do vậy, tâm con không thích ý hạng người này.

Thừa Tôn giả Udena, hạng người vừa hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người; hạng người này hành khổ, hành hạ mình và người khác, trong khi mình và người khác ao ước lạc, yếm ly khổ. Do vậy, tâm con không thích ý hạng người này.

Nhưng thừa Tôn giả Udena, hạng người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người này không hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thế. Do vậy, tâm con thích ý hạng người này.

– Nay Bà-la-môn, có hai hội chúng này. Thế nào là hai ?

Ở đây, này Bà-la-môn có hội chúng vì tham đắm châu báu và đồ trang sức, tìm cầu vợ con, tìm cầu đầy tớ nam, đầy tớ nữ, tìm cầu ruộng đất, tìm cầu vàng bạc.

Ở đây, này Ba La Môn, lại có hội chúng, không tham đắm châu báu và đồ trang sức, từ bỏ vợ con, từ bỏ đầy tớ nam, đầy tớ nữ, từ bỏ ruộng đất, từ bỏ vàng bạc, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này Bà-la-môn, hạng người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người không hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thế.

Này Bà-la-môn, trong hội chúng nào Ông thấy phần lớn hạng người này: trong hội chúng tham đắm châu báu và đồ trang sức, tìm cầu vợ con, tìm cầu đầy tớ nam, đầy tớ nữ, tìm cầu ruộng đất, tìm cầu vàng bạc, hay là trong hội chúng không tham đắm châu báu và đồ trang sức, từ bỏ vợ con, từ bỏ đầy tớ nam, đầy tớ nữ, từ bỏ ruộng đất, từ bỏ vàng bạc, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình ?

– Tôn giả Udena, hạng người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; hạng người không hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thế; hạng người này, trong hội chúng không tham đắm châu báu, và đồ trang sức, từ bỏ vợ con, từ bỏ đầy tớ nam, đầy tớ nữ, từ bỏ ruộng đất, từ bỏ vàng bạc, xuất gia, từ

bỏ gia đình, sống không gia đình, trong hội chúng ấy con thấy phần lớn hạng người này.

– Nhưng này Bà-la-môn, nay Ông vừa mới nói: "Chúng con biết như sau, thưa Tôn giả Sa-môn, không có một sự xuất gia đúng pháp. Hình như đối với con: vì không thấy một Tôn giả như Ngài hay ở đây pháp ấy là gì?"

– Thưa Tôn giả Udena, thật sự lời nói ấy có lợi ích cho con. Có một sự xuất gia đúng pháp. Ở đây, đối với con là như vậy, và mong Tôn giả Udena chấp trì con là như vậy. Bốn hạng người được Tôn giả Udena nói một cách vắn tắt, không giải thích rộng ra, lành thay, nếu được Tôn giả Udena khởi lòng từ phân tích rộng rãi cho con bốn hạng người này.

– Này Bà-la-môn, vậy hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Ghotamukha vâng đáp Tôn giả Udena.

Tôn giả Udena nói như sau:

– Và này Bà-la-môn, thế nào là người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình? Ở đây, này Bà-la-môn, có người sống lỏa thể, sống phóng túng, không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, đi khát thực không chịu đứng một chỗ, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn dành riêng, không nhận mời đi ăn, không nhận (đồ ăn) từ nơi miệng nôi, không nhận từ nơi miệng chảo, không nhận tại ngưỡng cửa, không nhận giữa những cây gậy, không nhận giữa những cối giã gạo, không nhận từ hai người đang ăn, không nhận từ người đàn bà có thai, không nhận từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận từ người đàn bà đang (giao cấu) với người đàn ông, không nhận đồ ăn đi quỳn, không nhận tại chỗ có chó đứng, không nhận tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, hay chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, hay chỉ nhận ăn hai miếng. Hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, hay vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát... nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa... bảy ngày một bữa... (như kinh Kandaraka số 51)

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Ghotamukha nói với Tôn giả Udena:

– *Thật vi diệu thay, Tôn giả Udena ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Udena ! Thưa Tôn giả Udena, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, (Chánh) pháp đã được Tôn giả Udena dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Udena, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Udena nhận còn làm cư sĩ, từ này cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.*

– *Này Bà-la-môn, chớ có quy y với ta. Hãy quy y với Thế Tôn, bậc mà ta đã quy y.*

– *Thưa Tôn giả Udena, nay Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở tại đâu ?*

– *Này Bà-la-môn, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nhập Niết-bàn.*

– *Thưa Tôn giả Udena, nếu chúng con được nghe Tôn giả Gotama ở cách mười do-tuần (yojana), chúng con sẽ đi mười do-tuần ấy để được yết kiến Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Udena, nếu chúng con được nghe Tôn giả Gotama ở cách hai mươi do-tuần... (như trên)... ba mươi do-tuần, bốn mươi do-tuần, năm mươi do-tuần, chúng con sẽ đi năm mươi do-tuần để được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Udena, nếu chúng con được nghe Tôn giả Gotama ở cách một trăm do-tuần (yojana), chúng con sẽ đi một trăm do-tuần để được yết kiến Tôn giả Gatama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Udena, vì Tôn giả Gotama đã nhập Niết-bàn, chúng con xin quy y Tôn giả Gotama đã nhập Niết-bàn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Udena nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.*

Thưa Tôn giả Udena, vua nước Anga có cúng dường cho con một bó thí thường xuyên hằng ngày, nay con xin cúng dường Tôn giả Udena bó thí thường xuyên ấy.

– *Này Bà-la-môn, vua nước Anga cúng dường thường xuyên hằng ngày cho Ông là bao nhiêu ?*

– *Thưa Tôn giả Udena, năm trăm Kahapana (đồng tiền vàng).*

– *Này Bà-la-môn, ta không được phép nhận vàng và bạc.*

– Nếu Tôn giả Udena không được phép nhận vàng và bạc, con sẽ cho làm một tinh xá cho Tôn giả Udena.

– Nay Bà-la-môn, nếu ông muốn xây dựng một tinh xá cho ta, thì hãy xây dựng một giảng đường cho chúng Tăng ở Pataliputta.

– Con lại càng bội phần hân hoan, hoan hỷ, thỏa mãn với Tôn giả Udena, khi Tôn giả khuyến khích con cúng dường chúng Tăng. Thưa Tôn giả Udena, với bố thí thường xuyên này và với bố thí thường xuyên khác về sau, con sẽ cho xây dựng một giảng đường cho chúng Tăng ở Pataliputta.

Rồi Bà-la-môn Ghotamukha với bố thí thường xuyên này và với bố thí thường xuyên khác về sau, cho xây dựng một giảng đường cho chúng Tăng ở Pataliputta. Nay giảng đường ấy được gọi là Ghotamukhi.

Như vậy, kinh Ghotamukha trong bộ Kinh Trung Bộ ghi chép về sự hình thành của giảng đường *Ghotamukhi* dành cho chúng Tăng ở Pataliputta.

Qua sự kiện này cho thấy: Tôn giả Udena – giảng giải về bốn loại người – vốn đã được Thế Tôn giảng giải cho các Tỷ-kheo trước đó.

Tinh thần truyền đạt lại những gì Thế Tôn giảng dạy trước đó của Tôn giả Udena là xuất sắc.

45.

KINH CANKI

(Cankisuttam)

(95)

Kinh Canki đề cập đến một vấn đề điển hình của *Hữu vi*. Đây là vấn đề rất lớn, rất sâu sắc ... liên quan đến *Hữu vi*, vấn đề là: tất cả các pháp *Hữu vi* lớn, bé – đều có một vị tối cao (chúa, lãnh tụ, thánh, thần ...) – và, “lời phán truyền”, “lời dạy” của các vị tối cao này phải chăng là chân lý ? Nói cách khác: Phải chăng những “lời phán truyền”, “lời dạy” của các vị tối cao này là duy nhất đúng – còn các “lời” khác đều là sai lầm ? Thế Tôn sẽ giảng dạy rõ trong kinh Canki này ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành trong nước Kosala cùng với Đại chúng Tỷ-kheo, và đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala, tên là Opasada. Thế Tôn trú tại Opasada, tại rừng chư Thiên (Devavana), rừng cây sala (salavana), phía Bắc làng Opasada. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Canki trú ở Opasada, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do vua Pasenadi, vua nước Kosala cấp, một ân tứ của vua, một tịnh áp. Các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada được nghe: "Sa-môn Gotama... (như kinh Ratthapala, số 82, thay chữ Thullakotthita bằng chữ Opasada)... được yết kiến một vị A-la-hán như vậy". Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada, từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc, rừng chư Thiên, rừng cây sala.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Canki đi lên trên lầu để nghỉ trưa. Bà-la-môn Canki thấy các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc rừng chư Thiên, rừng cây sala. Thấy vậy, Bà-la-môn Canki bèn gọi người gác cửa:

– Nay người Gác cửa, vì sao các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc, rừng chư Thiên, rừng cây sala như vậy ?

– Thưa Tôn giả Canki, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca đang du hành trong nước Kosala... (như kinh Ratthapala số 82, trang 497) Phật, Thế Tôn. Nay những người ấy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

– *Này người Gác cửa, hãy đi đến các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada, khi đến nơi, hãy nói với những Bà-la-môn gia chủ: "Bà-la-môn Canki có nói: "Này các Hiền giả, hãy chờ đợi. Bà-la-môn Canki sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama". Lúc bấy giờ, có khoảng năm trăm Bà-la-môn, từ nhiều địa phương khác nhau, đến tại Opasada vì một vài công vụ. Những Bà-la-môn nghe: "Bà-la-môn Canki sẽ đi yết kiến Sa-môn Gotama". Những Bà-la-môn ấy đến Bà-la-môn Canki, khi đến xong, liền thưa với Bà-la-môn Canki:*

– *Có phải Tôn giả Canki sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama ?*

– *Này các Hiền giả, đó là ý định của ta. Ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.*

– *Tôn giả Canki, chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama. Thật không xứng đáng cho tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Canki.*

Lại nữa, Tôn giả Canki thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì Tôn giả Canki thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Bà-la-môn Canki.

Lại nữa, Tôn giả Canki là nhà giàu có, đại phú, sung túc... (như trên)... Lại nữa, Tôn giả Canki là nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biện tài về Thuận thế luận và Đại nhân tướng.

Tôn giả Canki đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng người, với màu da thù trắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng. Tôn giả Canki có giới hạnh, trưởng thành trong giới hạnh, thành tựu sự trưởng thành trong giới hạnh.

Tôn giả Canki thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác.

Tôn giả Canki là bậc Tôn sư của hàng Tôn sư nhiều người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật.

Tôn giả Candi được vua Pasenadi xứ Kosala kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Tôn giả Canki được Bà-la-môn Pokkarasati kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Tôn giả Canki sống ở Opasada, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân từ

của vua Pasenadi nước Kosala. Vì rằng Tôn giả Canki sống ở Opasada... (như trên)... Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Canki. Nghe nói vậy, Bà-la-môn Canki nói với những vị Bà-la-môn ấy:

– Các Hiền giả hãy nghe ta giải thích, vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta. Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta, trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia, từ bỏ rất nhiều vàng bạc, bỏ cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên, tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nay các Hiền giả, thật vậy Sa-môn Gotama, dầu song thân không đồng ý, khóc than, nước mắt thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với màu da thù trắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có giới hạnh, gìn giữ giới hạnh của bậc Thánh, có thiện đức, đầy đủ thiện đức.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là bậc Tôn sư các hàng Tôn sư của nhiều người.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã diệt trừ tham dục, đã diệt được mọi xao động của tâm.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama chủ trương về nghiệp, chủ trương về hành động, đặt trọng tâm vào chí thiện khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ dòng họ Sát-đế-ly thanh tịnh.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả, đại phú, tài sản sung mãn.

Này các Hiền giả, thật vậy, dân chúng băng ngàn vượt biển (băng qua nhiều địa phương, băng qua nhiều quốc độ) đến hỏi đạo Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn Thiên nhân đến quy y Sa-môn Gotama. Này các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân.

Này các Hiền giả, thật vậy, vua Seniya Bimbisara nước Magadha, cùng với vương tử, cung phi, thị tòng đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, vua Pasenadi nước Kosala, cùng với vương tử, cung phi, thị tòng đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasati cùng với các con, vợ, thị giả đều quy y Sa-môn Gotama.

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đến Opasada, nay đang ở tại Opasada về phía Bắc Opasada, trong rừng chư Thiên, rừng cây sala.

Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta. Đối với khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đã đến Opasada, hiện ở tại Opasada, về phía Bắc Opasada, trong rừng chư Thiên, rừng cây sala. Như vậy Sa-môn Gotama là khách của chúng ta. Và đã là khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama.

Này các Hiền giả, đó là những ưu điểm mà ta được biết về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chừng ấy ưu điểm mà thôi. Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm.

Này các Hiền giả, chỉ với một ưu điểm thôi, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta; thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama. Vậy tất cả chúng ta hãy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

Rồi Bà-la-môn Canki, cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những người chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi và nói lên với những Bà-la-môn trưởng thượng những lời thân hữu về vấn đề này, vấn đề khác.

Khi ấy có thanh niên Bà-la-môn tên Kapathika, trẻ tuổi, đầu cạo trọc, mới có mười sáu tuổi, từ khi sanh, thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên,

chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thế luận và Đại nhân tướng, thanh niên này đang ngồi giữa hội chúng ấy.

Thanh niên này thỉnh thoảng cắt đứt cuộc đàm luận giữa Thế Tôn và các vị Bà-la-môn trưởng thượng. Rồi Thế Tôn khiển trách thanh niên Bà-la-môn Kapathika:

– Hiền giả Bharadvaja, chớ có cắt ngang cuộc đàm luận của các Bà-la-môn trưởng thượng. Hiền giả Bharadvaja hãy chờ cho đến khi câu chuyện chấm dứt. Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Canki bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, chớ có khiển trách thanh niên Bà-la-môn Kapathika. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika là Thiện nam tử. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika là bậc đa văn. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika phát ngôn thiện xảo. Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika là bậc có trí. Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika có thể đàm luận với Tôn giả Gotama trong vấn đề này.

Thế Tôn nghĩ như sau: "Thật sự thanh niên Bà-la-môn Kapathika này đã thông hiểu ba tập Veda, và các Bà-la-môn tôn trọng người này". Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika nghĩ như sau: "Khi nào Sa-môn Gotama lấy mắt nhìn con mắt ta, ta sẽ hỏi Sa-môn Gotama". Rồi Thế Tôn với tâm tư của mình biết được tâm tư của thanh niên Bà-la-môn Kapathika liền lấy mắt nhìn thanh niên Bà-la-môn Kapathika. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika suy nghĩ: "Sa-môn Gotama chăm chú nhìn ta, vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama một câu hỏi". Rồi thanh niên Bà-la-môn Kapathika bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, câu chú thuật (mantapadam) của các cổ Bà-la-môn y cứ tiếng đồn, truyền thống và Thánh tạng. Và ở đây, các vị Bà-la-môn chắc chắn đi đến kết luận: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Ở đây, Tôn giả Gotama đã nói gì ?

– Nhưng này Bharadvaja, có một Bà-la-môn nào giữa các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Nhưng này Bharadvaja, có một vị Tôn sư nào của các vị Bà-la-môn, cho đến vị Tôn sư của các vị Tôn sư trở lui cho đến bảy đời, các vị Đại Tôn sư đã nói như sau: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". ?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Nhưng này Bharadvaja, thuở xưa những vị ân sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Như là Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy đã nói như sau: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". ?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Như vậy này Bharadvaja, không có một Bà-la-môn nào nói như vậy với một Bà-la-môn: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Không có một vị Tôn sư nào của các vị Bà-la-môn, một vị Đại Tôn sư, cho đến bảy đời, vị Đại Tôn sư đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".

Thuở xưa những vị ân sĩ, giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú và nay, những Bà-la-môn hiện tại cũng đã hát lên, nói lên giống như các vị trước đã làm. Như là Attaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy không có nói như sau: "Chúng tôi biết việc này, chúng tôi thấy việc này. Chỉ có đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Ví như này, Bharadvaja, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy; cũng vậy, này Bharadvaja. Ta nghĩ rằng, lời nói của các Bà-la-môn cũng giống như chuỗi người mù: người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy. Này Bharadvaja, Ông nghĩ thế nào ? Sự kiện là như vậy, có phải lòng tin của các vị Bà-la-môn trở thành không có căn cứ ?

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn không phải chỉ dựa trên lòng tin, các Bà-la-môn ở đây còn dựa trên điều nghe (tùy văn: anussava).

– Trước hết, này Bharadvaja, Ông đi đến lòng tin, nay Ông nói đến tùy văn. Này Bharadvaja, năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại.

Thế nào là năm?

Tín, tùy hỷ, tùy văn, cân nhắc suy tư các lý do và chấp nhận quan điểm.

Này Bharadvaja, năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại.

Tuy vậy, này Bharadvaja, có điều được khéo tin tưởng, có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo tin tưởng, có thể là thật, chân, không thay đổi.

Lại nữa này Bharadvaja, có điều được khéo tùy hỷ, có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo tin tưởng, có thể là thật, chân, không thay đổi.

Lại nữa này Bharadvaja, có điều được khéo tùy văn có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo tin tưởng, có thể là thật, chân, không thay đổi.

Lại nữa này Bharadvaja, có điều được khéo cân nhắc suy tư có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo tin tưởng, có thể là thật, chân, không thay đổi.

Hộ trì chân lý, này Bharadvaja không đủ để một người có trí đi đến kết luận một chiều là: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm"

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là hộ trì chân lý? Cho đến mức độ nào, chân lý được hộ trì? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về hộ trì chân lý.

– Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tin và nói: "Đây là lòng tin của tôi", người ấy hộ trì chân lý, nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là sự hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, chân lý được hộ trì. Và cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý. Nhưng ở đây, chưa phải là giác ngộ chân lý. Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy hỷ, này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy văn; này Bharadvaja, nếu có người có sự cân nhắc suy tư các lý do; này Bharadvaja, nếu có người chấp nhận một quan điểm và nói: "Đây là sự chấp nhận quan điểm của tôi", người ấy hộ trì chân lý. Nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, này Bharadvaja, chúng tôi chủ trương hộ trì và cho đến như vậy, này Bharadvaja, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý. Nhưng ở đây chưa phải sự giác ngộ chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, chân lý được hộ trì. Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama chúng con nhìn thấy hộ trì chân lý. Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là giác ngộ chân lý? Cho đến mức độ nào chân lý được giác ngộ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý?

– Ở đây, này Bharadvaja, Tỷ-kheo sống gần một làng hay một thị trấn. Một gia chủ hay con trai một gia chủ đi đến vị ấy và tìm hiểu vị ấy trong ba pháp, tức là tham pháp, sân pháp, si pháp. Người này nghĩ rằng: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có tham ái hay không, do những tham ái này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy," hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: "Vị Tôn giả ấy không có những tham pháp, do những tham pháp này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy"; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng tham.

Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận; pháp ấy không thể do một người có lòng tham khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch không có những tham pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các sân pháp: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có sân pháp hay không, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: "Tôn giả ấy không có những sân pháp, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động, khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng sân. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng sân khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những sân pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các si pháp: "Không hiểu tôn giả ấy có si pháp hay không, do những si pháp này, tâm của vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: "Tôn giả ấy không có những si pháp, do những si pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy, vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người

không có lòng si. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng si khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những si pháp, người này sanh lòng tin đối với vị ấy, với lòng tin sanh, người này đến gần, khi đến gần liền thân cận giao thiệp, do thân cận giao thiệp, nên lóng tai, lóng tai, người ấy nghe pháp, sau khi nghe, liền thọ trì pháp, rồi tìm hiểu ý nghĩa các pháp được thọ trì; trong khi tìm hiểu ý nghĩa, các pháp được hoan hỷ chấp nhận; khi các pháp được hoan hỷ chấp nhận, ước muốn sanh, khi ước muốn sanh, liền cố gắng, sau khi cố gắng liền cân nhắc, sau khi cân nhắc, người ấy tinh cần.

Trong khi tinh cần, người ấy tự thân chứng ngộ tối thượng chân lý, và khi thể nhập chân lý ấy với trí tuệ, người ấy thấy.

Cho đến mức độ này, này Bharadvaja là sự giác ngộ chân lý, cho đến mức độ này, chân lý được giác ngộ, và cho đến mức độ này, chúng tôi chủ trương sự giác ngộ chân lý, nhưng như vậy chưa phải là chứng đạt chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là giác ngộ chân lý, cho đến như vậy, chân lý được giác ngộ, và cho đến như vậy chúng con thấy giác ngộ chân lý. Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là chứng đạt được chân lý, cho đến mức độ nào chân lý được chứng đạt. Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về sự chứng đạt chân lý.

– Này Bharadvaja, chính nhờ luyện tập, tu tập và hành tập nhiều lần, chân lý mới được chứng đạt. Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là chứng đạt chân lý, cho đến như vậy, chân lý được chứng đạt, cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương sự chứng đạt chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là chứng đạt chân lý, cho đến như vậy chân lý được chứng đạt, và cho đến như vậy, chúng con thấy chứng đạt chân lý. Nhưng trong sự chứng đạt chân lý, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự chứng đạt chân lý, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự chứng đạt chân lý, này Bharadvaja tinh cần được hành trì nhiều. Nếu không tinh cần (theo đuổi) chân lý thì không thể chứng đạt chân lý. Nhưng nếu tinh cần thì chứng đạt được chân lý. Do vậy, trong sự chứng đạt chân lý, tinh cần được hành trì nhiều.

– Trong sự tinh cần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tinh cần, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự tinh cần, này Bharadvaja, sự cân nhắc được hành trì nhiều. Nếu không cân nhắc thì không thể tinh cần (theo đuổi) chân lý. Nếu có cân nhắc sẽ được tinh cần; do vậy, trong sự tinh cần, cân nhắc được hành trì nhiều.

– Trong sự cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cân nhắc, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự cân nhắc, này Bharadvaja, cố gắng được hành trì nhiều. Nếu không cố gắng thì không thể cân nhắc. Nhưng nếu có cố gắng thì có cân nhắc; do vậy trong sự cân nhắc, thì cố gắng được hành trì nhiều.

– Trong sự cố gắng, Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cố gắng, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự cố gắng này Bharadvaja, ước muốn được hành trì nhiều. Nếu ước muốn đối với chân lý ấy không khởi lên thì không có cố gắng. Vì ước muốn có khởi lên nên có cố gắng, do vậy, trong sự cố gắng, ước muốn được hành trì nhiều.

– Trong ước muốn, thưa Tôn giả Gotama pháp nào được hành trì nhiều ? Chúng con muốn hỏi Tôn giả Gotama, trong ước muốn, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong ước muốn, này Bharadvaja, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều. Nếu không hoan hỷ chấp nhận pháp thì ước muốn không khởi lên. Vì có hoan hỷ chấp nhận pháp nên ước muốn khởi lên; do vậy, trong ước muốn, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều.

– Nhưng trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, này Bharadvaja, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều. Nếu không tìm hiểu ý nghĩa thì không hoan hỷ chấp nhận pháp. Và vì có tìm hiểu ý nghĩa nên có sự chấp nhận pháp; do vậy, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều.

– Nhưng trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự tìm hiểu ý nghĩa, này Bharadvaja, thọ trì pháp được hành trì nhiều. Nếu không có thọ trì pháp thì không tìm hiểu ý nghĩa. Và vì có thọ trì pháp, nên có tìm hiểu ý nghĩa; do vậy, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thọ trì pháp được hành trì nhiều.

– Trong sự thọ trì pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều ? Trong sự thọ trì pháp, chúng con hỏi Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự thọ trì pháp, này Bharadvaja, nghe pháp được hành trì nhiều. Nếu không nghe pháp thì không có thọ trì pháp. Và do có nghe pháp nên có thọ trì pháp; do vậy, trong sự thọ trì pháp, nghe pháp được hành trì nhiều.

– Trong sự nghe pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự nghe pháp, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự nghe pháp, này Bharadvaja, lắng tai được hành trì nhiều. Nếu không có lắng tai thì không có nghe pháp. Và vì có lắng tai nên có nghe pháp; do vậy, trong sự nghe pháp, lắng tai được hành trì nhiều.

– Trong sự lắng tai, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự lắng tai, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự lắng tai, này Bharadvaja, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều. Nếu không có thân cận giao thiệp thì không có lắng tai. Vì có thân cận giao thiệp nên có lắng tai; do vậy, trong sự lắng tai, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều.

– Trong sự thân cận giao thiệp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự thân cận giao thiệp, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự thân cận giao thiệp, này Bharadvaja, đi đến gần được hành trì nhiều. Nếu không đi đến gần thì không có thân cận giao thiệp. Và vì có đi đến gần nên có

thân cận giao thiệp; do vậy, trong sự thân cận giao thiệp, đi đến gần được hành trì nhiều.

– Trong sự đi đến gần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự đi đến gần, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự đi đến gần, này Bharadvaja, lòng tin được hành trì nhiều. Nếu lòng tin không sanh thì không đi đến gần. Và vì lòng tin không sanh nên có đi đến gần; do vậy, trong sự đi đến gần, lòng tin được hành trì nhiều.

– Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về hộ trì chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về hộ trì chân lý. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận, và do vậy, chúng con hoan hỷ. Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về giác ngộ chân lý. Chúng con đã tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ. Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về chứng đạt chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về chứng đạt chân lý. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ. Trong sự chứng đạt chân lý, chúng con hỏi Tôn giả Gotama về pháp nào được hành trì nhiều. Trong sự chứng đạt chân lý, Tôn giả Gotama đã trả lời pháp nào được hành trì nhiều. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ. Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về bất cứ điều gì, Tôn giả Gotama đã trả lời các điều ấy. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ. Thưa Tôn giả Gotama, xưa kia chúng con biết (sự phân biệt) như sau: "Và ai là những Sa-môn trọc đầu, tiện nô, hắc nô, sanh từ gót chân của Phạm thiên (?) và ai là những người hiểu biết Chánh Pháp". Thật sự Tôn giả Gotama đã làm sống dậy nơi con lòng ái kính Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tin kính Sa-môn đối với các Sa-môn. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! ... (như trên)... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng !

Như vậy, kinh Canki trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến một vấn đề rất lớn, rất sâu sắc ... đó là: tất cả các pháp Hữu vi lớn, bé – đều có một vị tối cao (chúa, lãnh tụ, thánh, thần ...) – và, “lời phán truyền”, “lời dạy” của các vị tối cao này phải chăng là chân lý ?

Bằng sự lý giải mạch lạc, khoa học ... Thế Tôn không những chỉ dạy phương pháp xác định chân lý – qua đó còn cho hay: pháp Phật, chưa bao giờ và không bao giờ là sự “phán truyền” một chiều – theo kiểu: từ trên dội xuống. Hơn thế, Pháp Phật

đòi hỏi sự thực chứng – chính sự chứng thực ngay trong đời sống hiện tại này – đó mới là sự xác tín (*hộ trì*) chân lý.

Lý giải mạch lạc, khoa học của Thế Tôn trong kinh này – về vấn đề chân lý theo sơ đồ sau:

Giác ngộ chân lý:

Trước một *chân lý* được “phán truyền”, trước hết phải xem xét người truyền đạt *chân lý* ấy:

Sau khi xem xét vị ấy (người truyền đạt) và thấy vị ấy trong sạch, không có những tham pháp, sân pháp, si pháp, người này sanh lòng tin đối với vị ấy, với lòng tin sanh, người này đến gần, khi đến gần liền thân cận giao thiệp, do thân cận giao thiệp, nên lắng tai, lắng tai, người ấy nghe pháp, sau khi nghe, liền thọ trì pháp, rồi tìm hiểu ý nghĩa các pháp được thọ trì; trong khi tìm hiểu ý nghĩa, các pháp được hoan hỷ chấp nhận; khi các pháp được hoan hỷ chấp nhận, ước muốn sanh, khi ước muốn sanh, liền cố gắng, sau khi cố gắng liền cân nhắc, sau khi cân nhắc, người ấy tinh cần.

Trong khi tinh cần, người ấy tự thân chứng ngộ tối thượng chân lý, và khi thể nhập chân lý ấy với trí tuệ, người ấy thấy.

Cho đến mức độ này, chân lý được giác ngộ, nhưng như vậy chưa phải là chứng đạt chân lý.

Chứng đạt chân lý:

(...) Chính nhờ luyện tập, tu tập và hành trì nhiều lần, chân lý mới được chứng đạt.

Để có được sự chứng đạt chân lý, đòi hỏi: tinh cần được hành trì nhiều. Nếu không tinh cần (theo đuổi) chân lý thì không thể chứng đạt chân lý. Nhưng nếu tinh cần thì chứng đạt được chân lý.

Để có được sự tinh cần, đòi hỏi: sự cân nhắc được hành trì nhiều. Nếu không cân nhắc thì không thể tinh cần (theo đuổi) chân lý.

Để có được sự cân nhắc, đòi hỏi: cố gắng được hành trì nhiều. Nếu không cố gắng thì không thể cân nhắc.

Để có được *sự cố gắng*, đòi hỏi: *ước muốn được hành trì nhiều*. Nếu *ước muốn* đối với *chân lý* ấy không khởi lên thì không có *cố gắng*.

Để có được *ước muốn*, đòi hỏi: *hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều*. Nếu không *hoan hỷ chấp nhận pháp* thì *ước muốn* không khởi lên.

Để có được *sự hoan hỷ chấp nhận pháp*, đòi hỏi: *tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều*. Nếu không *tìm hiểu ý nghĩa* thì không *hoan hỷ chấp nhận pháp*.

Để có được *sự tìm hiểu ý nghĩa*, đòi hỏi: *thọ trì pháp được hành trì nhiều*. Nếu không có *thọ trì pháp* thì không *tìm hiểu ý nghĩa*.

Để có được *sự thọ trì pháp*, đòi hỏi: *nghe pháp (tìm hiểu, đọc ...)* được hành trì nhiều. Nếu không *nghe pháp* thì không có *thọ trì pháp*.

Để có được *sự nghe pháp (tìm hiểu, đọc ...)*, đòi hỏi: *lóng tai (chú tâm)* được hành trì nhiều. Nếu không có *lóng tai* thì không có *nghe pháp*.

Để có được *sự lóng tai (chú tâm)*, đòi hỏi: *thân cận giao thiệp (tiếp cận các vị Bồ Tát ; các văn bản kinh, sách ...)* được hành trì nhiều. Nếu không có *thân cận giao thiệp* thì không có *lóng tai*.

Để có được *sự thân cận giao thiệp (tiếp cận các vị Bồ Tát ; các văn bản kinh, sách ...)*, này *Bharadvaja*, *đi đến gần (chịu khó, vượt qua các trở ngại ...)* được hành trì nhiều.

Để có được *sự đi đến gần (chịu khó, vượt qua các trở ngại ...)*, này *Bharadvaja*, *lòng tin* được hành trì nhiều. Nếu *lòng tin* không sanh thì không *đi đến gần*.

Muốn xác tín một *chân lý* đòi hỏi cả một quá trình như vậy.

46.
KINH ESUKARI
(Esukarisuttam)
(96)

Kinh Esukari ghi lại lời của Thế Tôn tiếp tục giảng dạy về vấn đề rất lớn, rất hệ trọng đối với xã hội loài người: giai cấp. Lần này, giai cấp được mổ xẻ dưới góc độ quyền lợi ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá Vệ), rừng Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Bà-la-môn Esukari đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên, ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Esukari bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương bốn loại phụng sự: chủ trương phụng sự cho Bà-la-môn, chủ trương cho Sát-đế-ly (Khattiya), chủ trương phụng sự cho Phệ-xá (Vessa: người buôn bán), chủ trương phụng sự cho Thủ-đà (Sudda: lao công).

Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Bà-la-môn như sau:

Bà-la-môn phụng sự cho Bà-la-môn; hay Khattiya phụng sự cho Bà-la-môn; hay Vessa phụng sự cho Bà-la-môn, hay Sudda phụng sự cho Bà-la-môn.

Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Bà-la-môn.

Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Khattiya như sau:

Khattiya phụng sự cho Khattiya; hay Vessa phụng sự cho Khattiya; hay Sudda phụng sự cho Khattiya.

Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Khattiya.

Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Vessa như sau:

Vessa phụng sự cho Vessa; hay Sudda phụng sự cho Vesasa. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Vessa.

Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Sudda như sau:

Sudda phụng sự cho Sudda. Vì rằng không còn ai khác có thể phụng sự cho Sudda. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Sudda.

Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương bốn loại phụng sự này. Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì về vấn đề này ?

– Nhưng này các Bà-la-môn, có phải tất cả mọi người ở đời đồng ý với các Bà-la-môn khi họ chủ trương bốn loại phụng sự này ?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama.

– Này Bà-la-môn, ví như một người nghèo nàn, không có sở hữu, khốn khổ, dầu cho người không muốn, bị bắt nuốt miếng thịt: "Này người kia, Ông phải ăn miếng thịt này và Ông phải trả một số tiền".

Cũng vậy, này Bà-la-môn, dầu không được các Sa-môn, Bà-la-môn ấy chấp nhận, các Bà-la-môn chủ trương bốn loại phụng sự này.

Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng, tất cả cần phải phụng sự. Nhưng này Bà-la-môn, Ta cũng không nói rằng, tất cả không cần phải phụng sự.

Vì rằng, này Bà-la-môn, nếu có ai trong khi phụng sự, trở thành xấu hơn, không trở thành tốt hơn, Ta không nói rằng, người đó cần phải phụng sự.

Nhưng này Bà-la-môn, nếu có ai trong khi phụng sự, trở thành tốt hơn, không trở thành xấu hơn. Ta nói rằng, người đó cần phải phụng sự.

Và nếu này Bà-la-môn, có người hỏi vị Khattiya như sau: "Người phụng sự cho Ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không trở thành tốt hơn; hay người phụng sự cho Ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không trở thành xấu hơn ? Và như vậy ông ở đây cần phải được phụng sự bởi người nào ?"

Vị Khattiya, này Bà-la-môn, nếu trả lời chân chánh cần phải đáp như sau: "Người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không tốt hơn, thì tôi không cần người ấy phụng sự tôi. Nhưng nếu người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không xấu hơn, thì tôi cần người ấy phụng sự tôi".

Và này Bà-la-môn, nếu có người hỏi Bà-la-môn ... (như trên) ... Này Bà-la-môn, nếu có người hỏi Vessa... và này Bà-la-môn, nếu có người hỏi Sudda như sau: "Người phụng sự cho ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không trở thành tốt hơn; hay người phụng sự cho ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không trở thành xấu hơn ? Và như vậy, ông ở đây cần phải được phụng sự bởi người nào?"

Người Sudda, này Bà-la-môn, nếu trả lời chơn chánh cần phải đáp như sau: "Người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không

tốt hơn, thì tôi không cần người ấy phụng sự tôi. Nhưng nếu người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không xấu hơn, thì tôi cần người ấy phụng sự tôi".

Này Bà-la-môn, Ta không nói tốt hơn vì sanh trong một gia đình cao quý. Này Bà-la-môn, Ta không nói xấu hơn vì sanh trong một gia đình cao quý. Này Bà-la-môn, Ta không nói tốt hơn vì nhan sắc thù thắng. Này Bà-la-môn, Ta không nói xấu hơn vì nhan sắc thù thắng.

Này Bà-la-môn, Ta không nói tốt hơn vì tài sản thù thắng. Này Bà-la-môn, Ta không nói xấu hơn vì tài sản thù thắng.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người sanh trong một gia đình cao quý, sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến. Do vậy, Ta không nói tốt hơn vì sanh trong một gia đình cao quý.

Ở đây, này Bà-la-môn có người sanh trong một gia đình cao quý từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến. Do vậy, Ta không nói trở thành xấu hơn vì sanh trong gia đình cao quý.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người với nhan sắc thù thắng... (như trên)... Ở đây, này Bà-la-môn, có người với tài sản thù thắng, sát sanh, lấy của không cho... (như trên)... có tà kiến. Do vậy, Ta không nói trở thành tốt hơn vì có tài sản thù thắng. Ở đây, này Bà-la-môn, có người với tài sản thù thắng từ bỏ sát sanh... (như trên)... có chánh kiến. Do vậy, Ta không nói trở thành xấu hơn vì có tài sản thù thắng.

Này Bà-la-môn, Ta không nói tất cả cần phải phụng sự. Nhưng này Bà-la-môn, Ta cũng không nói tất cả không cần phải phụng sự.

Này Bà-la-môn, người nào phụng sự, do nguyên nhân phụng sự này, lòng tin được tăng trưởng, giới được tăng trưởng, sự nghe được tăng trưởng, bố thí được tăng trưởng, trí tuệ được tăng trưởng, Ta nói người ấy cần phải phụng sự.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Esukari bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương bốn loại tài sản, chủ trương tài sản của người Bà-la-môn, chủ trương tài sản của người Khattiya, chủ trương tài sản của người Vessa, chủ trương tài sản của người Sudda.

Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Bà-la-môn là khát thực. Nhưng khi người Bà-la-môn khinh thường tài sản khát thực, người ấy không làm bốn phận của mình và giống như người chăn bò lấy của không cho. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Bà-la-môn. Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Khattiya là

cung và tên. Nhưng khi người Khattiya khinh thường tài sản cung và tên, người ấy không làm bốn phận của mình, và giống như người chăn bò lấy của không cho. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Khattiya.

Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Vessa là canh nông và nuôi bò. Nhưng khi người Vessa khinh thường tài sản canh nông và nuôi bò, người ấy không làm bốn phận của mình, và giống như người chăn bò lấy của không cho. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Vessa.

Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Sudda là lưỡi liềm và đòn gánh. Nhưng khi người Sudda khinh thường tài sản lưỡi liềm và đòn gánh, người ấy không làm bốn phận của mình và giống như người chăn bò lấy của không cho. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn, chủ trương tài sản của người Sudda.

Các Bà-la-môn, thưa Tôn giả Gotama, chủ trương bốn loại tài sản này. Ở đây, Tôn giả Gotama nói gì về vấn đề này ?

– Này Bà-la-môn, có phải tất cả mọi người ở đây đồng ý với các Bà-la-môn khi họ chủ trương bốn loại tài sản này ?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama.

– Này Bà-la-môn, ví như một người nghèo nàn, không có sở hữu, khôn khéo, dầu cho người đó không muốn, bị bắt nuốt miếng thịt: "Này người kia, Ông phải ăn miếng thịt này và Ông phải trả một số tiền". Cũng vậy, này Bà-la-môn, dầu không được các Bà-la-môn, Sa-môn ấy chấp nhận, các Bà-la-môn vẫn chủ trương bốn loại tài sản này.

Này Bà-la-môn, Ta chủ trương tài sản cho con người là Thánh pháp vô thượng.

Trong khi nhớ đến gia hệ thuở xưa của mình về phía cha và mẹ, chỗ nào một tự thể sanh ra, thời sẽ được chấp nhận tùy thuộc chỗ ấy.

Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Khattiya, thời được chấp nhận là Khattiya.

Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn, thời được chấp nhận là Bà-la-môn.

Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Vessa, thời được chấp nhận là Vessa.

Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Sudda, thời được chấp nhận là Sudda.

Này Bà-la-môn, như tùy thuộc duyên gì một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa được chấp nhận theo duyên ấy.

Nếu do duyên củi, một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa ấy được chấp nhận là lửa củi.

Nếu do duyên dăm bào, một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa ấy được chấp nhận là lửa dăm bào.

Nếu do duyên cỏ, một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa ấy được chấp nhận là lửa cỏ.

Nếu do duyên phân bò, một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa ấy được chấp nhận là lửa phân bò.

Cũng vậy, này Bà-la-môn, Ta chủ trương tài sản cho con người là Thánh pháp vô thượng.

Trong khi nhớ đến gia hệ thuở xưa của mình về phía cha và mẹ, chỗ nào một tự thể sanh ra, thời sẽ được chấp nhận tùy thuộc chỗ ấy. Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Khattiya, thời được chấp nhận là Khattiya. Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn... trong một gia đình Vessa... trong một gia đình Sudda, thời được chấp nhận là Sudda.

Nhưng này Bà-la-môn, nếu một người từ một gia đình Khattiya xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình nhờ pháp và luật được Như Lai tuyên thuyết, (người ấy) từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến, người ấy thành tựu chánh đạo, thiện pháp. Này Bà-la-môn, nếu một người từ một gia đình Bà-la-môn... từ một gia đình Vessa... từ một gia đình Sudda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhờ pháp và luật được Như Lai tuyên thuyết (người ấy) từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến, người ấy thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

Này Bà-la-môn. Ông nghĩ thế nào ? Trong lập trường này, chỉ có người Bà-la-môn mới có thể tu tập từ tâm, không hận, không sân; người Khattiya không có thể được, người Vessa không có thể được, người Sudda không có thể được ?

– Thưa không phải vậy, Tôn giả Gotama. Người Khattiya, thưa Tôn giả Gotama, cũng có thể trong lập trường này, tu tập từ tâm, không hận, không sân. Người Bà-la-môn cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama; người Vessa cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama; người Sudda cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, thưa Tôn giả Gotama, trong lập trường này đều có thể tu tập từ tâm, không hận, không sân.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu một người từ gia đình Khattiya, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, người ấy nhờ pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết, từ bỏ sát sanh... (như trên)... có chánh kiến, người ấy thành tựu chánh đạo, thiện pháp. Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào ? Chỉ có người Bà-la-môn mới có thể lấy

cào lưng và bột tắm, đi đến sông, và tắm rửa cho sạch đất và bụi; người Khattiya không thể được; người Vessa không thể được; người Sudda không thể được?

– Thừa không phải vậy, Tôn giả Gotama. Người Khattiya, thừa Tôn giả Gotama, cũng có thể lấy cào lưng và bột tắm, đi đến sông và tắm rửa cho sạch đất và bụi, người Bà-la-môn cũng vậy, thừa Tôn giả Gotama; người Vessa cũng vậy, thừa Tôn giả Gotama; người Sudda cũng vậy, thừa Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, thừa Tôn giả Gotama, đều có thể lấy cào lưng và bột tắm đi đến sông và tắm rửa cho sạch đất và bụi.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu từ một gia đình Khattiya, có người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, người này nhờ pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết, từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy được xem là thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

Này Bà-la-môn, nếu một người từ gia đình Bà-la-môn; này Bà-la-môn, nếu một người từ gia đình Vessa; này Bà-la-môn, nếu một người từ gia đình Sudda, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, người ấy nhờ pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết, từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy được xem là thành tựu chánh đạo, thiện pháp. Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào ?

Ở đây, nếu có vị vua Khattiya đã làm lễ quán đảnh, cho hội họp một trăm người thuộc nhiều chủng tánh khác nhau và nói: "Quý vị hãy đến đây, quý vị nào thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh ra từ hoàng tộc, hãy đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, bằng cây saka, hay cây sala, hay cây salala, hay cây chiên-đàn, hay cây sen, quay cho bật lửa và sức nóng hiện ra. Còn những người thuộc gia đình Chiên-đà-la (hạ tiện), thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đổ phân, hãy đến đây, đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây y-la (eland: cây thu đủ thầu dầu), và quay cho bật lửa và sức nóng hiện ra". Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào ?

Có phải chỉ có ngọn lửa được nhen lên và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh từ hoàng tộc, sau khi đem đến bộ phận của đồ quay lửa, làm bằng cây saka, hay cây sala, hay cây salala, hay cây chiên-đàn, hay cây sen, chỉ có lửa ấy mới có ngọn, mới có màu sắc, mới có ánh sáng, và chỉ có ngọn lửa ấy mới dùng được vào các công việc do lửa đem lại; còn ngọn lửa được nhen lên và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình hạ tiện, thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đổ phân, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây y-lan, lửa ấy

không có ngọn, không có màu sắc, không có ánh sáng, và ngọn lửa ấy không có thể dùng được vào các công việc do lửa đem lại ?

– Không phải vậy, thưa Tôn giả Gotama. Ngọn lửa được nhen lên, sức nóng được tạo ra, thưa Tôn giả Gotama, từ người thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh từ hoàng tộc, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, làm bằng cây saka hay cây sala, hay cây salala, hay cây chiên-đàn, hay cây sen, ngọn lửa ấy có ngọn, có màu sắc, có ánh sáng, ngọn lửa ấy dùng được vào các công việc do lửa đem lại; còn ngọn lửa được nhen lên, và sức nóng tạo ra từ người thuộc gia đình hạ tiện, thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đồ phân, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây y-lan, lửa ấy cũng có ngọn, cũng có màu sắc, cũng có ánh sáng, và ngọn lửa ấy có thể dùng được vào các công việc do lửa đem lại. Thưa Tôn giả Gotama, tất cả ngọn lửa đều có ngọn, đều có màu sắc, đều có ánh sáng, tất cả loại lửa đều có thể dùng được vào các công việc do lửa đem lại.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu có người từ gia đình Khattiya xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhờ pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết, người ấy từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy được xem là thành tựu chánh đạo, thiện pháp. Nếu có người từ gia đình Bà-la-môn... Nếu có người từ gia đình Vessa... Nếu có người từ gia đình Sudda, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhờ pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết, người ấy từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy được xem là thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Esukari bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama ! ... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như vậy, kinh Esukari trong bộ Kinh Trung Bộ tiếp tục đề cập đến về vấn đề rất lớn, rất hệ trọng đối với xã hội loài người: giai cấp – quyền lợi của giai cấp.

Quyền lợi bao giờ cũng phải gắn với tài sản. Ở đây tài sản là gì ?

Với giai cấp quý tộc và thống trị Bà-la-môn, tài sản được qui định: Giai cấp thấp nhất, bản cùng nhất: Sudda, tài sản của họ là lưỡi liềm và đòn gánh – tức, sức lao động cơ bắp thuần túy ; sát với giai cấp dưới đáy xã hội, giai cấp Vessa tài sản của

họ là *canh nông và nuôi bò* – tức sản xuất và quản lý sản xuất ; giai cấp gần với quý tộc, Khattiya, tài sản của họ là *cung và tên* – tức quyền được khai thác tài nguyên thiên nhiên; và, giai cấp quý tộc thống trị, Bà-la-môn, tài sản của họ là *khất thực* – tức thu thuế do các giai cấp khác cống nạp (chú ý, khái niệm *khất thực* ở đây rất khác khái niệm *khất thực của những Sa-môn*) . Việc phân chia, định ra tài sản này – hẳn nhiên, do giai cấp thống trị đề xướng và các giai cấp bị trị phải thi hành.

Với pháp Phật, tài sản là gì ? Thế Tôn đã chỉ ra rằng, tài sản thật sự của loài người, đó là: *Thánh pháp vô thượng*. Tại sao nói rằng: đây mới là thật sự tài sản của loài người ? Vì, chỉ xét ở nghĩa hẹp, tài sản *Thánh pháp vô thượng* này cũng đã là mẹ đẻ của tất cả mọi của cải vật chất trong xã hội . Ý nghĩa này, khái niệm trong pháp Phật gọi là *phước hữu lậu*.

Trước tài sản là *Thánh pháp vô thượng* – tất cả mọi giai cấp đều bình đẳng như nhau.

Ý nghĩa về lẽ công bằng ở đây là tuyệt đối. Chỉ có ý nghĩa ở đây – về lẽ công bằng – mới thật sự là tuyệt đối.

Ngoài ra, trong kinh này, ý nghĩa về *phụng sự* được Thế Tôn giảng dạy rất tỏ tường. Giá trị phụng sự ở đây – phải là giá trị mang đến cho người phụng sự – chứ không phải giá trị mang đến cho người được phụng sự. Và, giá trị ấy phải là: *lòng tin được tăng trưởng, giới được tăng trưởng, sự nghe được tăng trưởng, bố thí được tăng trưởng, trí tuệ được tăng trưởng* – chỉ khi ấy, giá trị mới là đích thực.

Các pháp *Hữu vi* (lớn, bé) không bao giờ mang lại lợi ích đích thực này – cho người vốn hết sức *tận tâm, tận lực phụng sự* mình. Các pháp *Hữu vi* (lớn, bé) bên cạnh những đe dọa, bao giờ cũng đầy ắp hứa hẹn. Những hứa hẹn này vốn là lời hứa hão huyền được *Linh Mục Ernie Bringas* gọi là "*một cái bánh vẽ ở trên trời*" (*A Pie-in-the-sky*) ("Đức Tin Công Giáo", tác giả – nhà nghiên cứu lý luận Trần Chung Ngọc. Nguồn: *quangduc.com*).

47.

KINH DHANANJANI

(Dhananjani-suttam)

(97)

Kinh Dhananjani ghi chép về một trường hợp cụ thể người Bà-la-môn. Những ai còn băn khoăn nghi ngại về một cảnh giới *địa ngục* hoặc “tự bào chữa” về hành vi bất thiện của mình ... thì kinh Dhananjani sẽ giúp cho có được một kiến thức thấu đáo, sáng suốt hơn ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivapa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Sariputta đang du hành tại Dakkhinagiri (Nam Sơn) cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Một vị Tỷ-kheo sau khi an cư mùa mưa ở Rajagaha (Vương Xá) đi đến Dakkhinagiri đi đến Tôn giả Sariputta, sau khi đến nói lên với Tôn giả Sariputta, những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Sariputta nói với vị Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

– Này Hiền giả, Thế Tôn có được không bệnh, mạnh khỏe không ?

– Thưa Hiền giả, Thế Tôn không bệnh và được mạnh khỏe.

– Thưa Hiền giả, còn chúng Tỷ-kheo có được không bệnh và mạnh khỏe không ?

– Thưa Hiền giả, chúng Tỷ-kheo cũng không bệnh và được mạnh khỏe.

– Ở đây, này Hiền giả, có Bà-la-môn tên là Dhananjani ở tại Tandulapala. Này Hiền giả, Bà-la-môn Dhananjani có được không bệnh và mạnh khỏe không ?

– Thưa Hiền giả, Bà-la-môn Dhananjani cũng không bệnh và được mạnh khỏe.

– Này Hiền giả, Bà-la-môn Dhananjani có được không phóng dật không ?

– Thưa Hiền giả, làm sao Bà-la-môn Dhannajani có thể không phóng dật được ! Thưa Hiền giả, Bà-la-môn Dhananjani ý thế vua, bóc lột các Bà-la-môn gia chủ, ý thế các Bà-la-môn gia chủ, bóc lột vua. Người vợ trước của Bà-la-môn có thành

tín, cưới từ một gia đình có thành tín đã từ trần. Người vợ sau không có thành tín và cưới từ một gia đình không có thành tín.

– Này Hiền giả, thật là một tin không tốt lành ! Này Hiền giả, thật là một tin không tốt lành khi chúng ta được nghe Bà-la-môn Dhananjani phóng dật. Rất có thể chúng ta có dịp gặp Bà-la-môn Dhananjani, rất có thể sẽ có một cuộc đàm thoại.

Rồi Tôn giả Sariputta sau khi ở tại Dakkhinagiri cho đến khi vừa ý, liền khởi hành đi Rajagaha (Vương Xá), tuần tự du hành và đến tại Vương Xá. Ở đây, Tôn giả Sariputta trú ở Rajagaha, Veluvana, tại Kalandakanivapa. Rồi Tôn giả Sariputta đắp y vào buổi sáng, cầm y bát, đi vào Vương Xá để khát thực. Lúc bảy giờ Bà-la-môn Dhananjani đang cho vắt sữa bò ở ngoài thành. Tôn giả Sariputta sau khi khát thực ở Vương Xá xong, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, đi đến Bà-la-môn Dhananjani. Bà-la-môn Dhananjani thấy Tôn giả Sariputta từ xa đi tới, sau khi thấy, liền đi đến Tôn giả Sariputta, sau khi đến liền thưa với Tôn giả Sariputta:

– Hãy uống sữa này và chờ cho đến giờ ăn cơm.

– Thôi vừa rồi, Bà-la-môn. Hôm nay ta đã ăn xong. Ta sẽ ngồi nghỉ trưa ở một góc cây. Ông có thể đến đó.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Dhananjani vâng đáp Tôn giả Sariputta. Rồi Bà-la-môn Dhananjani sau khi ăn sáng xong, liền đi đến Tôn giả Sariputta, sau khi đến nói lên với Tôn giả Sariputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Sariputta nói với Bà-la-môn Dhananjani đang ngồi một bên:

– Này Dhananjani, ông có không phóng dật không ?

– Thưa Tôn giả Sariputta, làm sao chúng tôi có thể không phóng dật được, khi chúng tôi còn cha mẹ phải phụng dưỡng, còn vợ con phải nuôi dưỡng, còn đầy tớ, lao công phải nuôi dưỡng, còn có những trách nhiệm bạn bè thân hữu phải làm đối với bạn bè thân hữu, còn có những trách nhiệm bà con huyết thống phải làm đối với bà con huyết thống, còn có những trách nhiệm tân khách phải làm đối với tân khách, còn có những trách nhiệm tổ tiên phải làm đối với tổ tiên, còn có những trách nhiệm Thiên thần phải làm đối với Thiên thần, còn có những trách nhiệm vua

chúa phải làm đối với vua chúa, lại còn thân này cần phải làm cho thỏa mãn và trường dưỡng !

– Nay Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có người vì cha mẹ làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy làm được gì khi nói: "Tôi vì cha mẹ đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh. Chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục". ? Hay cha mẹ của người ấy làm được gì khi nói: "Con chúng tôi vì cha mẹ đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh. Chớ có để các địa ngục quân kéo nó đến địa ngục". ?

– Thưa không được, Tôn giả Sariputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

– Nay Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có người vì vợ con làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy làm được gì khi nói: "Tôi vì vợ con đã làm các điều phi pháp, đã làm điều bất chánh. Chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục". ? Hay vợ con người ấy có làm được gì khi nói: " (Chồng, cha tôi) vì chúng tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh. Chớ có để các địa ngục quân kéo (chồng, cha tôi) đến địa ngục". ?

– Thưa không được, Tôn giả Sariputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

– Nay Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có người vì đầy tớ lao công làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy làm được gì khó nói: "Tôi vì các đầy tớ lao công đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh. Chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục". ? Hay các đầy tớ lao công có làm được gì khi nói: " (Chủ chúng tôi) vì chúng tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh. Chớ có để các địa ngục quân kéo (chủ chúng tôi) đến địa ngục". ?

– Thưa không được, Tôn giả Sariputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

– Nay Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có người vì bạn bè thân hữu... (như trên với những thay đổi cần thiết...) dầu người ấy có khóc than.

Này Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có người vì các tân khách... (như trên với những thay đổi cần thiết)... dẫu người ấy có khóc than.

Này Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có người vì tổ tiên... (như trên với những thay đổi cần thiết)... dẫu người ấy có khóc than.

Này Dhananjani, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì chư Thiên ... (như trên với những thay đổi cần thiết) ... dẫu người ấy có khóc than.

Này Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có người vì vua chúa... (như trên với những thay đổi cần thiết)... dẫu người ấy có khóc than.

Này Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có người vì làm cho thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh này, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy làm được gì khi người ấy nói: "Vì làm cho thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân, tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm ra các điều bất chánh này. Chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục". ? Hay các người khác có làm được gì khi họ nói: "Vì làm cho thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân, người này làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh này. Chớ có để các địa ngục quân kéo nó đến địa ngục". ?

– Thưa không được, Tôn giả Sariputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dẫu người ấy có khóc than.

– Này Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Một người vì cha mẹ làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay một người vì cha mẹ làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn ?

– Thưa Tôn giả Sariputta, người vì cha mẹ làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sariputta, người vì cha mẹ làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sariputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Này Dhananjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể phụng dưỡng cha mẹ, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Này Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Một người vì vợ con làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay một người vì vợ con, làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn ?

– Thưa Tôn giả Sariputta, một người vì vợ con làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sariputta, một người vì vợ

con làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sariputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Nay Dhananjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể nuôi dưỡng vợ con, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Nay Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Một người vì đầy tớ lao công làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay một người vì đầy tớ lao công làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn ?

– Thưa Tôn giả Sariputta, người vì đầy tớ lao công làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sariputta, người vì đầy tớ lao công làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sariputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Nay Dhananjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể nuôi dưỡng đầy tớ lao công, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Nay Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Một người vì bạn bè thân hữu làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay là người vì bạn bè thân hữu làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn ?

– Thưa Tôn giả Sariputta, người vì bạn bè thân hữu làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sariputta, người vì bạn bè thân hữu làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sariputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Nay Dhananjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể nuôi dưỡng bạn bè thân hữu, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Nay Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Một người vì bà con huyết thống làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay một người vì bà con huyết thống làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn ?

– Thưa Tôn giả Sariputta, người vì bà con huyết thống làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sariputta, người vì bà con huyết thống làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sariputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Nay Dhananjani, có những hành động khác, có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể nuôi dưỡng bà con huyết thống, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Nay Dhananjani, Ông nghĩ thế nào? Một người vì tân khách làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay một người vì tân khách làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sariputta, người vì tân khách làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sariputta, người vì tân khách làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sariputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Nay Dhananjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể làm các bốn phận tân khách đối với tân khách, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Nay Dhananjani, Ông nghĩ thế nào? Một người vì tổ tiên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay người vì tổ tiên làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sariputta, người vì tổ tiên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sariputta, người vì tổ tiên làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sariputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Nay Dhananjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể làm được những trách nhiệm tổ tiên phải làm đối với các tổ tiên, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Nay Dhananjani, Ông nghĩ thế nào? Một người vì chư Thiên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay người vì chư Thiên làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

– Thưa Tôn giả Sariputta, người vì chư Thiên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sariputta, người vì chư Thiên làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sariputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Nay Dhananjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể làm được các trách nhiệm chư Thiên, phải làm đối với chư Thiên,

không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Nay Dhananjani, Ông nghĩ thế nào ? Người vì vua chúa làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay người vì vua chúa làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn ?

– Thưa Tôn giả Sariputta, người vì vua chúa làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sariputta, người vì vua chúa làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sariputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Nay Dhananjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, có thể làm các trách nhiệm vua chúa phải làm đối với vua chúa, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Nay Dhananjani, Ông nghĩ thế nào? Người vì làm thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân làm điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay là người vì làm thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân, làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn ?

– Thưa Tôn giả Sariputta, người vì làm thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sariputta, người vì làm thỏa mãn, vì trưởng dưỡng cái thân làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sariputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

– Nay Dhananjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể làm thỏa mãn, trưởng dưỡng cái thân, không làm các điều ác, làm được các thiện hành.

Bà-la-môn Dhananjani hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Bà-la-môn Dhananjani sau một thời gian bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi Bà-la-môn Dhananjani cho gọi một người khác:

– Ông hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Dhananjani bị bệnh, khổ đau, bị bạo bệnh, xin cúi đầu đánh lễ Thế Tôn". Rồi Ông đi đến Tôn giả Sariputta, sau khi đến, hãy nhân danh ta cúi đầu đánh lễ Tôn giả Sariputta, và thưa: "Thưa Tôn giả Sariputta, Bà-la-môn Dhananjani bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, cúi đầu đánh lễ

Tôn giả Sariputta và thưa: "Tôn giả, lành thay nếu Tôn giả Sariputta đi đến trú xá của Bà-la-môn Dhananjani".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người ấy vâng theo lời Bà-la-môn Dhananjani, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ chân Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Dhananjani bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Rồi đi đến Tôn giả Sariputta, sau khi đến đánh lễ Tôn giả Sariputta rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy thưa với Tôn giả Sariputta:

– Thưa Tôn giả, Bà-la-môn Dhananjani bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, cúi đầu đánh lễ Tôn giả Sariputta và thưa: "Thưa tôn giả, lành thay nếu Tôn giả Sariputta vì lòng từ bi thương xót, đi đến trú xá của Bà-la-môn Dhananjani".

Tôn giả Sariputta im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Sariputta đáp y, cầm y bát đi đến trú xá Bà-la-môn Dhananjani, sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Tôn giả Sariputta hỏi Bà-la-môn Dhananjani:

– Ta mong, này Dhananjani, Ông có thể kham nhẫn; ta mong Ông có thể chịu đựng; ta mong khổ thọ được giảm thiểu, không có gia tăng, và sự giảm thiểu được rõ rệt, không có gia tăng !

– Thưa Tôn giả Sariputta, tôi không có thể kham nhẫn, tôi không có thể chịu đựng. Sự khổ thống của tôi gia tăng, không có giảm thiểu. Và sự gia tăng được rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sariputta, ví như một người lực sĩ chém đầu (một người khác) với một thanh kiếm sắc bén; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, những ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu tôi. Thưa Tôn giả Sariputta, tôi không có thể kham nhẫn, tôi không có thể chịu đựng. Những khổ thống của tôi gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng được rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sariputta, như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi siết chặt; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, tôi bị cảm đau đầu một cách kinh khủng. Thưa Tôn giả Sariputta, tôi không có thể kham nhẫn, tôi không có thể chịu đựng. Những khổ thống của tôi gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng được rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sariputta, như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với con dao

cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng của tôi. Thưa Tôn giả Sariputta, tôi không có thể kham nhẫn, tôi không có thể chịu đựng. Những thống khổ của tôi gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng được rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sariputta, ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nương người ấy, đốt người ấy trên một hố than hồng; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân tôi. Thưa Tôn giả Sariputta, tôi không có thể kham nhẫn, tôi không có thể chịu đựng. Những khổ thống của tôi gia tăng, không có giảm thiểu, sự gia tăng được rõ rệt, không có giảm thiểu.

– *Này Dhananjani, địa ngục hay bàng sanh, chỗ nào tốt hơn ?*

– *Thưa Tôn giả Sariputta, bàng sanh tốt hơn địa ngục.*

– *Này Dhananjani, bàng sanh hay cảnh ngạ quỷ, chỗ nào tốt hơn ?*

– *Thưa Tôn giả Sariputta, cảnh ngạ quỷ tốt hơn bàng sanh.*

– *Này Dhananjani, cảnh giới ngạ quỷ hay loài Người, chỗ nào tốt hơn ?*

– *Thưa Tôn giả Sariputta, loài Người tốt hơn cảnh giới ngạ quỷ.*

– *Này Dhananjani, loài Người hay Tứ thiên vương thiên, chỗ nào tốt hơn ?*

– *Thưa Tôn giả Sariputta, Tứ thiên vương thiên tốt hơn loài Người.*

– *Này Dhananjani, Tứ thiên vương thiên hay Tam thập tam thiên, chỗ nào tốt hơn ?*

– *Thưa Tôn giả Sariputta, Tam thập tam thiên tốt hơn Tứ thiên vương thiên.*

– *Này Dhananjani, Tam thập tam thiên hay Dạ-ma Thiên, chỗ nào tốt hơn ?*

– *Thưa Tôn giả Sariputta, Dạ-ma thiên tốt hơn Tam thập tam thiên.*

– *Này Dhananjani, Dạ-ma thiên hay Đâu-suất-đà thiên (Tusita), chỗ nào tốt hơn ?*

– *Thưa Tôn giả Sariputta, Đâu-Suất-đà thiên tốt hơn Dạ-ma thiên.*

– *Này Dhananjani, Đâu-suất-đà thiên hay Hóa lạc thiên (Nimmanarati), chỗ nào tốt hơn ?*

– *Thưa Tôn giả Sariputta, Hóa lạc thiên tốt hơn Đâu-suất-đà thiên.*

– *Này Dhananjani, Hóa lạc thiên hay Tha hóa tự tại thiên, chỗ nào tốt hơn ?*

– *Thưa Tôn giả Sariputta, Tha hóa tự tại thiên tốt hơn Hóa lạc thiên.*

– *Này Dhananjani, Tha hóa tự tại thiên hay Phạm thiên giới, chỗ nào tốt hơn ?*

– *Tôn giả Sariputta đã nói: "Phạm thiên giới". Tôn giả Sariputta đã nói: "Phạm thiên giới".*

Rồi Tôn giả Sariputta suy nghĩ: "Các vị Bà-la-môn này rất ái luyến Phạm thiên giới. Vậy ta hãy thuyết giảng con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên".

– *Này Dhananjani, ta sẽ thuyết giảng cho Ông con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên. Hãy nghe khéo tác ý, ta sẽ giảng.*

– *Thưa vâng.*

Bà-la-môn Dhananjani vâng đáp Tôn giả Sariputta. Tôn giả Sariputta thuyết như sau:

– *Này Dhananjani, thế nào là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên ? Ở đây, này Dhananjani, vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ quảng đại, vô biên, không hận, không sân.*

Này Dhananjani, như vậy là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

Lại nữa, này Dhananjani, vị Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với hỷ... an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận không sân.

Này Dhananjani, như vậy là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

– Vậy thưa Tôn giả Sariputta, hãy nhân danh tôi cúi đầu đánh lễ Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn Bà-la-môn Dhananjani bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn".

Rồi Tôn giả Sariputta, dẫu cho có những cảnh giới cao thượng hơn cần phải chứng, sau khi an trú Bà-la-môn vào Phạm thiên giới thấp kém, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Và Bà-la-môn Dhananjani, sau khi Tôn giả Sariputta ra đi không bao lâu, liền mệnh chung và được sanh lên Phạm thiên giới.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, dẫu cho có những cảnh giới cao thượng hơn cần phải chứng, Sariputta sau khi an trú Bà-la-môn Dhananjani vào Phạm thiên giới thấp kém, đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Sariputta đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Dhananjani bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

– Này Sariputta, vì sao, dẫu cho có những cảnh giới cao thượng hơn cần phải chứng, Ông sau khi an trú Bà-la-môn Dhananjani vào Phạm thiên giới thấp kém, đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi ?

– Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: "Những vì Bà-la-môn này rất luyến ái Phạm thiên giới". Do vậy con mới thuyết giảng con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

– Và này Sariputta, Bà-la-môn Dhananjani đã mệnh chung và sanh lên Phạm thiên giới.

Như vậy, kinh Dhananjani trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến việc: từ phóng dật (phóng túng, dâm dật ...) đi đến làm những điều bất thiện. Một khi làm những điều bất thiện, không thể viện dẫn, bào chữa vì lý do gì (ngay cả vì cha, mẹ mình – vốn là nguyên nhân bào chữa tối thượng) – mà có thể thoát được cảnh giới *Bàng sanh* (Súc sinh) hoặc *địa ngục*.

Kinh Dhananjani cũng cho hay: một số cảnh giới thuộc *thiên giới* – vốn là mơ ước của nhiều người (*Phạm Thiên giới, Thiên đường...*). Sinh về những cõi ấy, thực chất vẫn là những cõi *thấp kém* (thấp hơn cả cõi trời Ba Mươi Ba) – trong khi con người hoàn toàn có thể quyết định cho mình những cõi tuyệt tối cao: cõi Phật.

48.
KINH VASETTHA
(Vasetthasuttam)
(98)

Có thể gọi kinh Vasettha là một tác phẩm thi ca. Ở đây, nếu xem và gọi Bà-la-môn là một khái niệm chỉ về sự đẹp đẽ, cao thượng (không phải là khái niệm chỉ giai cấp hoặc Bà-la-môn giáo) – thì, khi đó, Thế Tôn, gọi ai, xem ai là Bà-la-môn ?

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Icchanankala (Y-xa-năng -gia-la), tại khu rừng Icchanankala. Lúc bấy giờ có rất nhiều Bà-la-môn danh tiếng và giàu có trú tại Icchanankala như Bà-la-môn Canki, Bà-la-môn Tarukkha, Bà-la-môn Pokkharasati, Bà-la-môn Janussoni, Bà-la-môn Todeyya cùng rất nhiều Bà-la-môn danh tiếng và giàu có khác. Rồi trong khi các thanh niên Bà-la-môn Vasettha và Bharadvaja đang tản bộ du hành, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Thế nào là một vị Bà-la-môn ?"

Thanh niên Bharadvaja nói như sau:

– Nếu ai thiện sanh từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh, như vậy là làm một vị Bà-la-môn.

Thanh niên Vasettha nói như sau:

– Nếu ai có giới hạnh và thành tựu các cấm giới, như vậy là một vị Bà-la-môn.

Thanh niên Bà-la-môn Bharadvaja không thể thuyết phục thanh niên Bà-la-môn Vasettha, và thanh niên Bà-la-môn Vasettha không thể thuyết phục thanh niên Bharadvaja. Rồi thanh niên Bà-la-môn Vasettha nói với thanh niên Bà-la-môn Bharadvaja:

– Nay Bharadvaja, Sa-môn Gotama này là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay đang trú ở Icchanankala, tại khu rừng Icchanankala. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn... Phật, Thế Tôn". Nay Tôn giả Bharadvaja, chúng ta hãy đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy hỏi Tôn

giả Gotama về nghĩa lý này, và Sa-môn Gotama trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

– Thưa vâng.

Thanh niên Bà-la-môn Bharadvaja vâng đáp thanh niên Vasettha. Rồi thanh niên Bà-la-môn Vasettha và Bharadvaja cùng đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Vasettha dùng những bài kệ bạch Thế Tôn:

Chúng con cả hai người,
Được tôn xưng, tự nhận,
Là những bậc thông thái
Cả ba tập Vệ-đà.

Con là đệ tử Ngài,
Pokkharasati,
Còn vị thanh niên này,
Đệ tử Tarukkha.

Ba Vệ-đà nói gì,
Chúng con đều thông đạt,
Văn cú và văn phạm,
Chúng con đều thấu hiểu,

Thuyết giảng và giải thích,
Thật giống bậc Đạo sư.
Tôn giả Gotama,
Giữa hai người chúng con

Có sự tranh luận này,
Về huyết thống thọ sanh.
Bharadvaja nói:
"Chính do sự thọ sanh".

Con nói: "Do hành động,
Mới thành Bà-la-môn".
Mong bậc có Pháp nhãn,

Hiểu cho là như vậy.

*Cả hai người chúng con,
Không thể thuyết phục nhau.
Chúng con đến hỏi Ngài,
Bậc Chánh Giác tôn xưng.*

*Như trăng được tròn đầy,
Quần chúng đến chấp tay,
Đánh lễ và chiêm ngưỡng.
Cũng vậy, ở trong đời,
Quần chúng đến đánh lễ,
Gotama Tôn giả.
Chúng con đến hỏi Ngài,
Bậc Pháp nhĩn thế gian,*

*Bà-la-môn do sanh,
Hay chính do hành động ?
Chúng con không được biết,
Hãy nói chúng con biết.*

Đức Thế Tôn bèn nói:

*Này Ông Vasettha,
Ta trả lời cho Ông,
Thuận thứ và như thật,
Sự phân loại do sanh,
Của các loại hữu tình,
Chính do sự sanh đẻ,
Do sanh, có dị loại.*

*Hãy xem cỏ và cây,
Dầu chúng không nhận thức,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Hãy xem loại côn trùng,
Bướm đêm, các loại kiến,
Chúng có tướng thọ sanh,*

Do sanh, có dị loại.

*Hãy xem loại bốn chân,
Loại nhỏ và loại lớn,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Hãy xem loài bò sát,
Loại rắn, loại lưng dài,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Hãy xem các loại cá,
Loại sinh sống trong nước,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Hãy xem các loại chim,
Loại có cánh trên trời,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Tùy theo sự thọ sanh,
Chúng có tướng tùy sanh.
Trong thế giới loài Người,
Tướng sanh không có nhiều,*

*Không ở đầu mái tóc,
Không ở tai, ở mắt,
Không ở miệng, ở mũi,
Không ở môi, ở mào,*

*Không ở cổ, ở nách,
Không ở bụng, ở lưng,
Không ở ngực, ở vú,
Không âm hộ, hành dâm.*

*Không ở tay, ở chân,
Không ở ngón, ở móng,*

*Không ở cổ chân, vé,
Không ở sắc, ở tiếng.*

*Không tướng, do tùy sanh,
Tùy sanh, loại sai khác.
Trên tự thân con người,
Không có gì đặc biệt.*

*Chỉ tùy theo danh xưng,
Loài Người được kêu gọi,
Đối người tự sinh sống.*

*Chăn bò, lo ruộng đất,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là nông phu,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống theo nghề nghiệp,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là công thợ,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống nghề buôn bán,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là thương nhân,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống hầu hạ người,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là nô bộc,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống lấy của người,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là kẻ trộm,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống nghề cung tên,
Vasettha hãy biết,*

*Kẻ ấy là nhà binh,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống nghề tế tự,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là tế quan,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống giữa loài Người,
Thọ hưởng làng, quốc độ,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là vua chúa,
Không phải Bà-la-môn.*

*Và Ta không có gọi,
Kẻ ấy Bà-la-môn.
Chỉ vì do thọ sanh,
Dầu vị ấy cao sang,
Dầu vị ấy giàu có,
Nhưng còn ham thế lợi.*

*Không tham lam thế lợi,
Không chấp thủ sở hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Vị đoạn tận kiết sử,
Không ai không sợ hãi,
Siêu việt mọi chấp trước,
Thoát ly các hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Cắt dây thừng, dây ách,
Dây cương, cùng dây trói,
Quăng đi cây chắn ngang,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Bạc sáng suốt, giác ngộ,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai không lỗi, chịu đựng,
Nhiếc mắng cùng đánh trói,
Trang bị với nhẫn lực,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Không phân nộ, giữ luật,
Có giới hạnh không kiêu,
Nhiếp phục, thân tối hậu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Như nước trên lá sen,
Hột cải trên đỉnh nhọn,
Không tham luyến dục vọng,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai biết ngay đời này
Khổ vì ngã đoạn tận,
Gánh nặng được đặt xuống,
Xa lìa các hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Tuệ thâm sâu, có trí
Thiện xảo đạo phi đạo,
Đích tối thượng đạt được,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai không còn liên hệ,
Cả tại gia, xuất gia,
Không nhà trú, thiếu dục,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

Bỏ gậy đối chúng sanh,

*Kẻ yếu cùng kẻ mạnh,
Không giết, không hại ai,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Giữa kẻ thù, không thù,
Giữa hung bạo, an tịnh,
Giữa chấp thủ, không chấp,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Dối, tham, sân, mạn, phú,
Ai bỏ rơi được chúng,
Như hột cải rơi khỏi.
Đầu nhọn của mũi kim,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai dạy thật nhỏ nhẹ,
Nói lên lời chơn thực,
Không xúc chạm một ai,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Dài ngắn hay lớn nhỏ,
Thanh tịnh hay bất tịnh,
Ở đời vật dài ngắn,
Lớn, nhỏ, tịnh, bất tịnh,
Không lấy vật không cho,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Với ai không tham cầu,
Đời này và đời sau,
Từ bỏ mọi tham cầu,
Đoạn rời mọi hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

Ai không có chấp tàng,
Vời trí đoạn nghi hoặc,
Đạt nhập đấng bất tử.
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Ở đời ai vượt khỏi,
Mọi buộc ràng thiện ác,
Không sầu, không bụi ố,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

Ai không ố, thanh tịnh,
Không gợn, sáng như trăng,
Hỷ, hữu được đoạn trừ,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

Ai vượt qua hiểm lộ,
Ác lộ, luân hồi, si,
Vượt khỏi, đến bờ kia,
Thiền tư, không dao động,
Đoạn trừ mọi nghi hoặc,
An tịnh, không chấp trước,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

Ở đời, bỏ dục vọng,
Không nhà, sống xuất gia,
Đoạn trừ dục và hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

Ở đời, bỏ tham ác,
Không nhà, sống xuất gia,
Đoạn trừ ác và hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

Ai từ bỏ nhân ách,

Vượt qua cả thiên ách,
Đoạn trừ mọi ách nạn,
Thoát ly mọi hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
Từ bỏ lạc, bắt lạc,
Thanh lương, không y trú,
Chiến thắng mọi thế giới,
Bậc anh hùng dũng mãnh,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, Thiện Thệ,
Giác ngộ, đạt chánh giác,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

Không biết chỗ sở thủ,
Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Bậc Ứng Cúng, La-Hán,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

Ai không có chấp trước,
Đời trước, sau, đời này,
Không chấp, không sở hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

Nguru vương, bậc Tối thắng,
Anh hùng, bậc Đại sĩ,
Bậc Chinh phục, Bất động,
Tắm sạch, bậc Giác Ngộ,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.

*Ai biết được đời trước,
Thấy được thiện, ác thú,
Đạt được sanh diệt đoạn,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Điều thế giới cho gọi,
Là "tên" và "gia tộc",
Chỉ tục danh, thông danh,
Danh từ khởi nhiều chỗ.*

*Đã lâu đời chấp trước,
Tà kiến của kẻ ngu,
Kẻ ngu tự tuyên bố,
Bà-la-môn do sanh.*

*Không phải do sanh để,
Được gọi Bà-la-môn,
Không phải do sanh để,
Gọi phi Bà-la-môn.*

*Chính do sự hành động
Được gọi Bà-la-môn,
Chính do sự hành động
Gọi phi Bà-la-môn.*

*Hành động làm nông phu,
Hành động làm công thợ,
Hành động làm lái buôn,
Hành động làm nô bộc.*

*Hành động làm ăn trộm,
Hành động làm nhà binh.
Hành động làm tế quan,
Hành động làm vua chúa,*

*Kẻ trí thấy hành động,
Như thật là như vậy.
Thấy rõ lý duyên khởi,*

Biết rõ nghiệp dị thực,

*Do nghiệp, đời luân chuyển
Do nghiệp, người luân hồi.
Nghiệp trôi buộc chúng sanh,
Như trục xe quay bánh.*

*Do khổ hạnh, Phạm hạnh,
Tiết chế và chế ngự,
Tác thành Bà-la-môn.
Bà-la-môn như vậy,
Mới thật là tối thượng,
Ba Vệ-đà thành tựu,
An tịnh, tái sanh đoạn,
Vesettha nên biết,
Kẻ ấy được Phạm thiên,
Được Thiên chủ Sakka,
Biết đến thật tường tận.*

Khi được nghe nói vậy, hai thanh niên Bà-la-môn Vasettha và Bharadvaja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! ... chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

Như vậy, kinh - thi ca Vasettha trong bộ Kinh Trung bộ làm sáng tỏ vấn đề tranh luận: khi một ai đó sanh ra – thuộc giai cấp này, dân tộc này, quốc gia này, nghề nghiệp này ... thì do *tự sanh* hay do *hành động* (tạo tác nghiệp) ? Câu trả lời từ Thế Tôn là: Tất cả do *hành động* (tạo tác nghiệp).

49.

KINH SUBHA

(Subhasuttam)

(99)

Kinh Subha ghi lại lời giảng dạy của Thế Tôn về khá nhiều vấn đề – do thanh niên Bà-la-môn đặt ra – trong đó có vấn đề vốn là sự nghi ngại của nhiều người: liệu rằng, có thật không – sự chứng đắc, sự trú trong an lạc ... ngay tại cõi đời này ? Và, không ít người cho rằng: sự chứng đắc, sự trú trong an lạc ... ngay tại cõi đời này – là điều không tưởng ! Kinh Subha chạm vào những điều này ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anathapindika. Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn Subha todeyyaputta trú ở Savatthi, tại nhà một gia chủ vì một vài công vụ. Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta trú tại nhà gia chủ, nói với vị gia chủ ấy:

– Nay Gia chủ, tôi nghe như sau: "Savatthi không phải không có các bậc A-la-hán lui tới". Hôm nay chúng ta nên đến chiêm ngưỡng vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào?

– Thưa Tôn giả, Thế Tôn hiện trú tại Savatthi, Jetavana, tinh xá ông Anathapindika. Thưa Tôn giả, hãy đi đến chiêm ngưỡng Thế Tôn ấy.

Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta vâng theo lời gia chủ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn đã nói như sau: "Người tại gia thành tựu chánh đạo thiện pháp. Người xuất gia không thành tựu chánh đạo thiện pháp". Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì ?

– Nay thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Ta chủ trương phân tích; ở đây, Ta không chủ trương nói một chiều. Nay Thanh niên Bà-la-môn, Ta không tán thán tà đạo của kẻ tại gia hay kẻ xuất gia. Nay Thanh niên Bà-la-môn, kẻ tại gia hay kẻ xuất gia hành tà đạo, do nhân duyên hành tà đạo, không thành tựu được chánh đạo thiện pháp. Nay Thanh niên Bà-la-môn, Ta tán thán chánh đạo của kẻ tại gia hay kẻ xuất gia.

Này Thanh niên Bà-la-môn, kẻ tại gia hay kẻ xuất gia hành chánh đạo, do nhân duyên hành chánh đạo, thành tựu được chánh đạo thiện pháp.

– Thưa Tôn giả Gotama, do dịch vụ nhiều, công tác nhiều, tổ chức nhiều, lao lực nhiều, nên nghiệp sự của kẻ tại gia có quả báo lớn; do dịch vụ ít, công tác ít, tổ chức ít, lao lực ít nên nghiệp sự của kẻ xuất gia không có quả lớn. Ở đây, Tôn giả Gotama, có nói gì ?

– Này Thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Ta chủ trương pháp phân tích; ở đây, Ta không chủ trương nói một chiều.

Này Thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự (Kammattanam) với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

Này Thanh niên Bà-la-môn có nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn.

Này Thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

Này Thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn.

Này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ ?

Này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

Và này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn ? Này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.

Này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ ?

Này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

Này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn ?

Này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.

Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ;

cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự của một cư sĩ, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn; cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự của một cư sĩ, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.

Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ; cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự của người xuất gia, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn; cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự của người xuất gia, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.

– *Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đăc thiện.*

– *Này Thanh niên Bà-la-môn, năm pháp được các Bà-la-môn chủ trương tác phước, đăc thiện, nếu Ông không thấy nặng nhọc, lành thay. Ông hãy nói về năm pháp ấy trong hội chúng này.*

– *Thưa Tôn giả Gotama, không có nặng nhọc gì cho con, khi ở đây có vị như Tôn giả, đang ngồi hay các vị giống như Tôn giả.*

– *Vậy này Thanh niên Bà-la-môn, hãy nói đi.*

– *Chân thực, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ nhất, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đăc thiện.*

Khổ hạnh, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ hai, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đăc thiện.

Phạm hạnh, thưa Tôn giả Gotama là pháp thứ ba, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đăc thiện.

Tụng đọc, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ tư, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đăc thiện.

Thí xả, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ năm, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đăc thiện. Thưa Tôn giả Gotama, các vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp này tác phước, đăc thiện. Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì ?

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn ? Có một Bà-la-môn nào trong những Bà-la-môn đã nói như sau: "Sau khi chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết quả dị thực của năm pháp này ?"

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn ? Có một Đạo sư nào trong những Bà-la-môn, một Đại tôn sư, cho đến bảy đời Tôn sư, Đại tôn sư, vị ấy đã nói: "Sau khi tự mình chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết quả dị thực của năm pháp này". ?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn ? Những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh, và ngày nay những vị Ba La Môn cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamita, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vesettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này". ?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Như vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, không có một vị Bà-la-môn nào trong các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này". Không có một Đạo sư nào trong các Bà-la-môn, một Đại tôn sư, cho đến bảy đời Tôn sư, Đại tôn sư nào nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này". Những vị tu sĩ thời cổ trong các vị Bà-la-môn, những vị sáng tác các thần chú... không có một vị nào đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này". Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy; cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, chúng tôi nghĩ lời nói của những Bà-la-môn trở thành giống như một chuỗi người mù, người đầu không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta phẫn nộ, không hoan hỷ vì bị Thế Tôn dùng ví dụ một chuỗi người mù, liền mạ lỵ Thế Tôn, hủy báng Thế Tôn và nói về Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama sẽ bị quả ác độc (papika).

Rồi nói với Thế Tôn như sau:

– Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna trú ở rừng Subhaga đã nói: "Cũng vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn tự cho đã chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh này". Lời nói này của vị ấy thật sự đáng chê cười, thật sự chỉ là lời nói suông, thật sự chỉ là trống không, thật sự chỉ là trống rỗng. Làm sao còn là người còn lại có thể biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh ? Sự kiện như vậy không thể xảy ra.

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn ? Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú tại rừng Subhaga có thể biết tâm tư cả Sa-môn, Bà-la-môn với tâm tư của mình ?

– Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga, với tâm tư của mình không thể biết được tâm tư của Punnika, người đầy tớ gái của mình, làm sao lại có thể biết được tâm tư tất cả Sa-môn, Bà-la-môn với tâm tư của mình ?

– Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn một người sanh ra đã mù không thể thấy các sắc màu đen, màu trắng, không thể thấy các sắc màu xanh, không thể thấy các sắc màu vàng, không thể thấy các sắc màu đỏ, không thể thấy các sắc màu đỏ tía, không thể thấy những gì bằng phẳng, không bằng phẳng, không thể thấy các vì sao, không thể thấy mặt trăng, mặt trời, người ấy nói như sau: "Không có các sắc màu đen, màu trắng, không có người thấy các sắc màu đen, màu trắng; không có các sắc màu xanh, không có người thấy các sắc màu xanh; không có các sắc màu vàng, không có người thấy các sắc màu vàng; không có các sắc màu đỏ, không có người thấy các sắc màu đỏ; không có các sắc màu đỏ tía, không có người thấy các sắc màu đỏ tía; không có những gì bằng phẳng, không bằng phẳng, không có người thấy cái gì bằng phẳng, không bằng phẳng; không có các vì sao, không có người thấy các vì sao; không có mặt trăng, mặt trời, không có người thấy mặt trăng, mặt trời. Tôi không biết như vậy; tôi không thấy như vậy, do vậy nên không có".

Này Thanh niên Bà-la-môn, người ấy nói một cách chân chánh có nói như vậy không?

– Thưa không vậy, Tôn giả Gotama. Có các sắc màu đen trắng, có người thấy các sắc màu đen trắng; có các sắc màu xanh, có người thấy các sắc màu xanh;... (như trên)... có mặt trăng, mặt trời, có người thấy mặt trăng, mặt trời". Tôi không biết như vậy; tôi không thấy như vậy. Do vậy, không có". Thưa Tôn giả Gotama, nếu người ấy nói một cách chân chánh thì sẽ không nói như vậy.

– Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga là người mù, không có mắt. Vị ấy có thể biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào ? Những vị Bà-la-môn giàu sang ở Kosala, như Bà-la-môn Canki, Bà-la-môn Tarukkha, Bà-la-môn Pokkharasati, Bà-la-môn Janussoni, và thân phụ của Ông Todeyya, cái gì tốt hơn cho những vị ấy, lời nói của các vị ấy được thế tục chấp nhận (sammusa) hay không được thế tục chấp nhận ?

– Được thế tục chấp nhận, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải được suy tư hay không suy tư ?

– Cần phải được suy tư, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải được phân tích, cân nhắc hay không cần phải phân tích, cân nhắc ?

– Cần phải phân tích, cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải liên hệ đến mục đích, hay không cần phải liên hệ đến mục đích ?

– Cần phải liên hệ đến mục đích, thưa Tôn giả Gotama.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào ? Nếu là như vậy thì lời nói của Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú tại rừng Subhaga được thế tục chấp nhận hay không được thế tục chấp nhận ?

– Không được thế tục chấp nhận, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên là có suy tư, hay không suy tư ?

– Không suy tư, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên có phân tích, cân nhắc, hay không phân tích cân nhắc ?

– Không phân tích, cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên liên hệ đến mục đích, hay không liên hệ đến mục đích ?

– Không liên hệ đến mục đích, thưa Tôn giả Gotama.

– Nay Thanh niên Bà-la-môn, có năm triền cái này. Thế nào là năm ? Tham dục triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi triền cái. Nay Thanh niên Bà-la-môn, như vậy là năm triền cái.

Nay Thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga đã bị trùm che, ngăn chặn, bao phủ, và bao trùm bởi năm triền cái này.

Vị ấy biết được, thấy được, hay chứng tri được các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy không xảy ra.

Nay Thanh niên Bà-la-môn, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm ?

Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; tiếng do tai nhận thức... hương do mũi nhận thức... vị do lưỡi nhận thức... xúc do thân nhận thức khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Nay Thanh niên Bà-la-môn, như vậy là năm dục trưởng dưỡng.

Nay Thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga bị trói buộc, bị đắm mê, bị tham trước bởi năm dục trưởng dưỡng này, thụ hưởng chúng mà không thấy sự nguy hiểm, không soi thấu sự thoát ly khỏi chúng.

Vị ấy thật sự biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy không xảy ra.

Nay Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào ? Trong những loại lửa này, loại lửa nào có ngọn, có màu sắc hay có ánh sáng ? Ngọn lửa được đốt lên nhờ cỏ và củi khô, hay ngọn lửa được đốt lên, không nhờ cỏ và củi khô ?

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có sự kiện có thể đốt lửa mà không nhờ cỏ và củi khô, thì ngọn lửa ấy có ngọn, có sắc và có ánh sáng.

– Nay Thanh niên Bà-la-môn, không có sự kiện, không có trường hợp có thể đốt lửa mà không nhờ cỏ và củi khô, trừ phi dùng thần thông.

Này Thanh niên Bà-la-môn, Ta nói hỷ này, hỷ do năm dục trưởng dưỡng đem lại, hỷ này ví như ngọn lửa đốt lên nhờ cỏ và củi khô.

Này Thanh niên Bà-la-môn, Ta nói hỷ này, hỷ do ly dục, ly các bất thiện pháp đem lại, hỷ này ví như ngọn lửa đốt lên, không nhờ cỏ và củi khô.

Và này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là hỷ do ly dục, ly các bất thiện pháp đem lại ?

Ở đây, nay thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất. Hỷ này, này Thanh niên Bà-la-môn, là hỷ ly dục, ly bất thiện pháp đem lại.

Lại nữa, này Thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo diệt tâm và tứ,... chứng và trú Thiền thứ hai. Hỷ này, này Thanh niên Bà-la-môn, là hỷ ly dục, ly bất thiện pháp đem lại.

Này thanh niên Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn ấy chủ trương năm pháp tác phước, đắc thiện. Ở đây, các Bà-la-môn chủ trương pháp tác phước, đắc thiện nào có kết quả lớn hơn ?

– Thừa Tôn giả Gotama, những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đắc thiện này. Ở đây, các Bà-la-môn chủ trương pháp thí xả (caga) tác phước, đắc thiện có quả báo lớn.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, một tể đàn lớn được một vị Bà-la-môn lập lên và có hai vị Bà-la-môn đi đến và nghĩ như sau: "Chúng ta sẽ thọ hưởng đại tể đàn của vị Bà-la-môn với danh tánh thế này".

Ở đây, một vị Bà-la-môn suy nghĩ như sau: "Mong rằng trong phòng ăn, ta sẽ được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất; còn vị Bà-la-môn kia, trong phòng ăn, không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất".

Này Thanh niên Bà-la-môn, sự kiện này xảy ra. Người Bà-la-môn ấy trong phòng ăn có thể được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất. Còn người Bà-la-môn kia, trong phòng ăn, không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất. Vị Bà-la-môn kia nghĩ như sau: "Vị Bà-la-môn ấy, trong phòng ăn, được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất. Còn ta, trong phòng ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất". Vị ấy phẫn nộ, không hoan hỷ. Này Thanh niên Bà-la-môn, các Bà-la-môn chủ trương quả dị thực gì cho người Bà-la-môn này ?

– Thừa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn không bố thí với ý nghĩ: "Do bố thí này, người kia phẫn nộ, không hoan hỷ. Các Bà-la-môn bố thí chỉ vì lòng ái mẫn".

– Sự kiện là như vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, thời đây có phải là tác phước sự thứ sáu, nghĩa là lòng ái mẫn ?

– Sự kiện là như vậy, thưa Tôn giả Gotama, thời đây là tác phước sự thứ sáu, nghĩa là lòng ái mẫn.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn ấy chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này. Ông thấy năm pháp này nhiều nhất ở đâu, ở những người tại gia, hay ở những người xuất gia ?

– Thưa Tôn giả Gotama, những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này, tôi nhận thấy năm pháp này có nhiều ở những người xuất gia, có ít ở những người tại gia.

Người tại gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn không có thường hằng, liên tục, không nói lời chân thật.

Người xuất gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nhưng thường hằng liên tục, nói lời chân thật.

Người tại gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn không có thường hằng liên tục sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều.

Người xuất gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nhưng thường hằng liên tục sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều.

Thưa Tôn giả Gotama, năm pháp tác phước, đặc thiện này được các vị Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương, tôi nhận thấy năm pháp này có nhiều ở những vị xuất gia, có ít ở những vị tại gia.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, năm pháp tác phước, đặc thiện này được các vị Bà-la-môn chủ trương, Ta nói những pháp này là những tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm tu tập không hận, không sân.

Ở đây, này Thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo nói lời chân thật, vị ấy nghĩ: "Ta nói lời chân thật", chứng được nghĩa tín thọ (atthavedam), chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp. Ta nói sự hân hoan liên hệ đến thiện này là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân.

Ở đây, này Thanh niên Bà-la-môn vị Tỷ-kheo sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều vị ấy nghĩ rằng: "Ta thí xả nhiều", chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp, Ta nói rằng sự hân hoan liên hệ đến thiện này là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân.

Này Thanh niên Bà-la-môn những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đấng thiện này, Ta nói các pháp ấy là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta thưa với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi nghe như sau: "Sa-môn Gotama biết con đường đưa đến cọng trú với Phạm thiên".

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào ? Làng Nalakara có gần đây không ? Có phải làng Nalakara không xa ở đây ?

– Thưa vâng, Tôn giả, làng Nalakara ở gần đây. Làng Nalakara không xa ở đây.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có người sanh trưởng tại làng Nalakara, chưa rời khỏi làng Nalakara, và có người tới hỏi người ấy con đường đưa đến làng Nalakara. Này Thanh niên Bà-la-môn, người sanh trưởng tại làng Nalakara ấy phân vân hay ngập ngừng khi được hỏi về con đường đến làng Nalakara ?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy ? Thưa Tôn giả Gotama, vì người ấy sanh trưởng tại làng Nalakara. Người ấy biết rõ tất cả con đường đưa đến làng Nalakara.

– Tuy vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, rất có thể người sanh trưởng tại làng Nalakara này khi được hỏi con đường đưa đến làng Nalakara còn có thể phân vân hay ngập ngừng.

Nhưng Như Lai thì không vậy, khi được hỏi về Phạm thiên giới, hay về con đường đưa đến Phạm thiên giới, Như Lai không phân vân hay ngập ngừng. Và này Thanh niên Bà-la-môn, Ta biết Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới, và Ta cũng biết phải thành tựu như thế nào để được sanh vào Phạm thiên giới.

– Thưa Tôn giả Gotama, con có nghe như sau: "Sa-môn Gotama thuyết dạy con đường đưa đến cọng trú với Phạm thiên". Tốt lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết giảng cho con, con đường đưa đến cọng trú với Phạm thiên.

– Vậy này Thanh niên Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Và này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên ? Ở đây, này Thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

Này Thanh niên Bà-la-môn, khi từ tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây.

Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, một người lực sĩ thổi tù và làm cho bốn phương nghe được, không gì khó khăn; cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, khi từ tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây.

Này Thanh niên Bà-la-môn, đây là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên. Lại nữa, này Thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... (như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên)... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

Này Thanh niên Bà-la-môn, khi xả tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, một người lực sĩ thổi tù và làm cho bốn phương nghe được, không gì khó khăn; cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, khi xả tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. Này Thanh niên Bà-la-môn, đây là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Thưa Tôn giả Gotama, nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm

cur sĩ, từ này cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Thưa Tôn giả Gotama, nay chúng con xin đi, chúng con có nhiều công việc phải làm.

– Nay Thanh niên Bà-la-môn, nay Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời. Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Lúc bấy giờ Bà-la-môn Janussoni, với cỗ xe do toàn ngựa cái trắng kéo, đi ra khỏi Savatthi để nghỉ trưa. Bà-la-môn Janussoni thấy thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta từ xa đi lại, sau khi thấy, liền nói với thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta:

– Tôn giả Bharadvaja đi từ đâu lại, quá sớm như vậy ?

– Thưa Tôn giả, tôi vừa từ Sa-môn Gotama lại.

– Nay Tôn giả Bharadvaja, Tôn giả nghĩ thế nào ? Tôn giả có nghĩ Sa-môn Gotama là bậc có trí, có trí tuệ sáng suốt (pannaveyyattiyam) không ?

– Thưa Tôn giả, tôi là ai mà có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama ? Chỉ có vị nào như Ngài mới có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Bharadvaja thật đã tán thán Sa-môn Gotama với sự tán thán tối thượng.

– Nhưng tôi là ai mà tôi lại tán thán Sa-môn Gotama ? Tán thán bởi những người được tán thán là Sa-môn Gotama, là bậc tối thượng giữa các hàng Thiên Nhân. Thưa Tôn giả, các vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này, Sa-môn Gotama nói rằng năm pháp ấy là tư cụ cho tâm, nghĩa là để tu tập, trở thành không hận, không sân.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn, Janussoni bước xuống cỗ xe do toàn ngựa cái trắng kéo, đắp áo vào một phía bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và thốt ra lời cảm hứng như sau: "Lợi ích thay cho vua Pasenadi nước Kosala ! Tốt đẹp, lợi ích thay cho vua Pasenadi nước Kosala được Như Lai bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trú ở trong nước !

Như vậy, kinh Subha trong bộ Kinh Trung bộ đề cập đến hai vấn đề lớn:

Một là, với những ai cho rằng: sự chứng đắc, trú trong an lạc ngay tại cõi đời này là điều không tưởng – đó là những người mù, không thấy – vì mù không thấy nên đi đến kết luận là không có.

Hai là, năm pháp tác phước, đắc thiện của Bà-la-môn giáo, đó là: *Chân thực ; khổ hạnh ; phạm hạnh ; tụng đọc ; thí xả* – chỉ là *tư cụ* (công cụ riêng) của tâm nhằm giúp tâm không hận, không sân (từ đó đi đến từ, bi, hỷ, xả) – và, điều này có chăng cũng chỉ giúp những người đi theo con đường Bà-la-môn giáo – sau khi chết đi, được sanh về Phạm Thiên giới – không thể đạt đến cứu cánh Niết Bàn.

50.

KINH SANGARAVA

(Sangaravasuttam)

(100)

Kinh Sangarava, một lần nữa Thế Tôn giảng dạy rõ hơn về sự chứng đạt cứu cánh Niết Bàn (*Bỉ Ngạn*) ngay tại cõi đời này. Ngoài ra, Thế Tôn cũng trả lời rõ câu hỏi của thanh niên Bà-la-môn Sangarava: Có hay không có *chư thiên* ?

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành trong nước Kosala với đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, một nữ Bà-la-môn tên Dhananjani (Đa-na-xa-ni) trú ở Candalakappa (Đan-đạt-la-kiếp-ba) có lòng tín thành Phật, Pháp và Tăng. Rồi nữ Bà-la-môn Dhananjani sau khi bị trượt chân, thốt lên ba lần cảm hứng ngữ: "Đánh lễ đức Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ! Đánh lễ đức Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ! Đánh lễ đức Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ! " Lúc bấy giờ một thanh niên Bà-la-môn tên Sangarava trú ở Candalakappa, tinh thông ba tập Veda, với tự vững, lễ nghi, ngữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Thanh niên Bà-la-môn Sangarava nghe nữ Bà-la-môn Dhananjani nói như vậy, sau khi nghe, liền nói với nữ Bà-la-môn Dhananjani:

– Nữ Bà-la-môn Dhananjani này thật là hạ liệt ! Nữ Bà-la-môn Dhananjani này thật là suy đồi, vì rằng trong khi các Bà-la-môn đang còn sống lại nói lời ta thán Sa-môn trọc đầu ấy.

– Nay Hiền giả thân mến, có phải Hiền giả chưa biết đến giới đức và tuệ đức của Như Lai ? Nay Hiền giả thân mến, nếu Hiền giả biết đến giới đức và tuệ đức của Như Lai, tôi nghĩ rằng, nay Hiền giả thân mến, Hiền giả sẽ không nghĩ rằng Thế Tôn đáng bị mạ lỵ, đáng bị mắng nhiếc.

– Vậy thưa Bà, khi nào Sa-môn Gotama đến tại Candalakappa, Bà hãy báo tin cho tôi biết.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Nữ Bà-la-môn Dhananjani vâng đáp thanh niên Bà-la-môn Sangarava.

Rồi Thế Tôn tiếp tục du hành trong nước Kosala và đến Candalakappa. Tại đây, Thế Tôn trú tại Candalakappa trong rừng xoài của các Bà-la-môn sống ở Tudi. Nữ Bà-la-môn Dhananjani được nghe: "Thế Tôn đã đến Candalakappa, trú tại Candalakappa trong rừng xoài của các Bà-la-môn sống ở Tudi". Rồi nữ Bà-la-môn Dhananjani đi đến thanh niên Bà-la-môn Sangarava, sau khi đến, nói với thanh niên Bà-la-môn Sangarava:

– Này Hiền giả thân mến, bậc Thế Tôn ấy đã đến Candalakappa trú tại Candalakappa trong rừng xoài của các vị Bà-la-môn sống ở Tudi. Này Hiền giả thân mến, nay Hiền giả làm những gì mà Hiền giả nghĩ là hợp thời.

– Thưa Bà, vâng.

Thanh niên Bà-la-môn Sangarava, vâng đáp nữ Bà-la-môn Dhananjani, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Sangarava bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, có một số Sa-môn, Bà-la-môn tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt được ngay hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí (abinnavesanaparamipatta). Tôn giả Gotama là thế nào đối với các vị ấy ?

– Này Bharadvaja, Ta nói rằng, có sự sai khác giữa những vị tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt được ngay trong hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí.

Này Bharadvaja, có một số Sa-môn, Bà-la-môn theo tin đồn (hay truyền thống), do tin đồn (hay truyền thống), họ tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt được ngay hiện tại thông trí với cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí, như các Bà-la-môn thông hiểu ba tập Veda.

Nhưng này Bharadvaja, có một số Sa-môn Bà-la-môn hoàn toàn chỉ do lòng tin, tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt ngay trong hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí, như các nhà lý luận (các nhà suy tư).

Này Bharadvaja, có một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, tự mình chứng tri hoàn toàn pháp ấy, tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, do đã chứng đạt ngay trong hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí.

Ở đây, này Bharadvaja, các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, tự mình chứng tri hoàn toàn pháp ấy, tự nhận rằng về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt ngay trong hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí. Ta là một trong những vị ấy.

Này Bharadvaja, Ông cần phải hiểu theo nghĩa như vậy.

Các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, tự mình chứng tri hoàn toàn pháp ấy, tự nhận rằng, về căn bản Phạm hạnh, họ đã chứng đạt ngay trong hiện tại thông trí và cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí, Ta là một trong những vị ấy.

Ở đây, này Bharadvaja, thuở xưa, khi Ta chưa thành bậc Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Đời sống tại gia chật hẹp, nhiễm đầy bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như ngoài trời. Thật không dễ gì sống tại gia, có thể sống đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy Ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Này Bharadvaja, và Ta, sau một thời gian, khi Ta còn trẻ, niên thiếu, tóc đen nhánh (xem Kinh Trung Bộ tập I, Kinh Thánh Cầu thay chữ Bharadvaja vào chữ các Tỷ-kheo)...

Ta ngồi xuống tại chỗ ấy và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tinh tấn".

Rồi này Bharadvaja, ba ví dụ khởi lên nơi Ta (xem Kinh Trung Bộ Tập I, Đại Kinh Saccaka, nhưng bỏ câu: "Tuy vậy, này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta – từ bỏ tinh tấn, trở lui đời sống sung túc").

Rồi này Bharadvaja, sau khi ăn thô thực và được sức lực trở lại, Ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tâm và tứ, Ta chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm... ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú vào Thiền thứ ba.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc bình tĩnh như vậy... (Kinh Trung Bộ Tập I, kinh Thánh Cầu) Ta sống không phóng dật, nhất tâm tinh cần.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn San-garava bạch thế tôn:

– Thật sự, sự tinh cần của tôn giả Gotama là trung kiên (atthita). Thật sự, sự tinh cần của tôn giả Gotama là sự tinh cần của các bậc Chân nhân (Sappurisa), một

bậc như là A-la-han, Chánh Đẳng Giác. Thưa Tôn giả Gotama, có các chư Thiên không ?

– Nay Bharadvaja, Ta được biết một cách chắc chắn có chư Thiên.

– Nhưng vì sao, thưa Tôn giả Gotama, khi được hỏi có các chư Thiên không, lại hỏi: "Này Bharadvaja, Ta được biết một cách chắc chắn có chư Thiên". Sự việc là như vậy, thưa Tôn giả Gotama, thì có phải là hư ngôn, vọng ngữ không ?

– Nay Bharavaja, nếu khi được hỏi: "Có chư Thiên không?"; cần phải đáp: "Có chư Thiên".; nhưng lại đáp: "Chắc chắn Ta được biết có chư Thiên". Như vậy, một người có trí đi đến kết luận không có gì nghi ngờ nữa, là có chư Thiên.

– Nhưng vì sao Tôn giả Gotama không giải thích như vậy cho con từ khi bắt đầu ?

– Nay Bharadvaja, như vậy đã được lớn tiếng chấp nhận ở đời tức là có chư Thiên.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Sangarava bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương diện trình bày. Và nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như vậy, kinh Sangarava trong bộ Kinh Trung Bộ, một lần nữa Thế Tôn giảng dạy rõ hơn về sự chứng đạt cứu cánh Niết Bàn (*Bỉ Ngạn*) ngay tại cõi đời này.

Ngoài ra, Thế Tôn cũng trả lời rõ : *Chư thiên* – điều đó là hiện hữu – không có gì phải băn khoăn nghi ngại.

Hết tập hai

MỤC LỤC TẬP HAI

SỐ TT	TÊN KINH	TÓM TẮT	TRANG
1	KINH KANDARAKA	Kinh tập trung giới thiệu bốn hạng người với các mối quan hệ của nó. Trong đó, hạng người đáng chú ý : có tiền , nắm quyền lực trong tay là hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.	3
2	KINH BÁT THÀNH	Kinh được Ngài Ananda trình bày để trả lời câu hỏi được nhiều người quan tâm, đó là: nếu như chỉ sử dụng duy nhất một pháp học Phật thôi, để đạt cứu cánh giải thoát, đó là pháp học gì ? Và Ngài Ananda đã giới thiệu đó là con đường Bát Chánh Đạo.	14
3	KINH HỮU HỌC	Kinh cho thấy: khái niệm <i>hữu học</i> của nhà Phật khác rất xa khái niệm hữu học thông thường. Khái niệm hữu học của nhà Phật – gắn liền hạnh (đức hạnh) và trí (trí đức) – từ đó người hữu học của nhà Phật phải là người thành tựu cứu cánh Niết Bàn.	20

4	KINH POTALIYA	Kinh dành riêng cho những người tu tại gia. Trong kinh này, Thế Tôn mở rộng hơn về <i>Ngũ giới luật</i> dành cho một Phật tử, đó là: không sát sanh ; không lấy của không cho (trộm cắp) ; không nói hai lời ; không nói dối ; không tham dục (tà dâm) ; không hủy báng thân hận ; không phẫn não (uống rượu) ; không quá mạn.	25
5	KINH JIVAKA	Kinh đề cập đến ý nghĩa của việc ăn uống. Trong kinh này, Thế Tôn không quy định việc ăn chay như suy nghĩ theo truyền thống. Trong ba trường hợp, thịt được thọ dụng: không thấy, không nghe và không nghi .	33
6	KINH UÙ BA LY	Kinh thuật lại chủ trương bày ra một cuộc <i>luận chiến</i> giữa thế Tôn và Gia chủ Upali, đại đệ tử của Nigantha Nataputta. Qua kinh này cho thấy: Tất cả các hệ phái, tôn giáo v.v... thuộc <i>Hữu vi</i> đều là ngụy biện.	38
7	Kinh Hạnh con chó	Kinh đề cập đến một trong những triết lý quan trọng của nhà Phật, đó là: <i>Nghiệp và quả báo của nghiệp</i> .	48

8	KINH VƯƠNG TỬ ABHAYA (VÔ ÚY)	Kinh thuật lại sự việc Nigantha Nataputta, Giáo chủ hệ phái tu khổ hạnh Nigantha, một lần nữa, đã kích động Vương tử Abhaya bày ra cuộc <i>luận chiến</i> với Thế Tôn. Trong kinh này, Thế Tôn đã giảng giải – có đến sáu trường hợp Như Lai sẽ trả lời hoặc không trả lời – trước những vấn đề đặt ra với một người.	53
9	KINH NHIỀU CẢM THỌ	Kinh này, Thế Tôn đã giảng rất đầy đủ, rất sâu về những cảm giác lạc thú và sung sướng.	59
10	KINH KHÔNG GÌ CHUYỂN HƯỚNG	Kinh đề cập đến niềm tin (đức tin). Một người thật sự được gọi là người có trí tuệ – không bao giờ cho phép mình tin vào một chiều. Tin vào một chiều – đó là niềm tin mù quáng.	64
11	KINH GIÁO GIỚI LA-HẦU- LA Ở RỪNG AM-BÀ-LA	Kinh là pháp môn dạy về phương pháp <i>Phản tỉnh thân, khẩu, ý</i> . Đây là phương pháp tự soi rọi, tự kiểm lại bản thân mình (có thể là sau một ngày chẳng hạn), nếu như <i>thân, khẩu, ý</i> chẳng may làm những điều gì hại người, hại mình hay cả hai – thì phải nói ngay cho các bậc đạo sư – phải biết xấu hổ – để không còn tái phạm. Ngược lại, là những điều nên tiếp tục làm.	74

12	ĐẠI KINH GIÁO GIỚI LA-HẦU- LA	Kinh một lần nữa đề cập đến hai pháp môn hết sức căn bản, đó là: quán chiếu nội ngoại thân và Thiền quán qua hơi thở. Thế Tôn bổ sung rất nhiều chi tiết – khiến học pháp Phật này trở thành rất súc tích.	79
13	TIỂU KINH MALUNKYA	Kinh có thể xem như tuyên ngôn của Thế Tôn về mục đích tối thượng, nhất quán về con đường hành đạo của Ngài. Mục đích tối thượng, nhất quán ấy là sự cứu khổ cho loài người – ngay trong thực tại của đời sống này – nếu như loại bỏ được tham, sân, si ; tiêu trừ được dục.	85
14	ĐẠI KINH MALUNKYAPU TTA	Kinh đề cập rất rõ về <i>Năm hạ phần kiết sử</i> và Thế Tôn cũng đã chỉ ra phương cách để tiêu trừ <i>Năm hạ phần kiết sử</i> này.	90
15	KINH BHADDALI	Kinh đề cập đến vấn đề (vi) phạm <i>giới học</i> . Tinh thần của kinh này cho hay: <i>phạm giới</i> (phạm tội) vẫn chưa đáng sợ bằng tránh né, lẩn trốn việc <i>phạm giới</i> . Tránh né, lẩn trốn việc <i>phạm giới</i> là tội chồng tội .	96
16	KINH VÍ DỤ CON CHIM CÁY	Kinh có hai nội dung chủ yếu: Một là: Một khi chọn con đường tu Phật, những gì Như Lai đề ra chớ có xem đó là điều nhỏ nhặt, bỏ qua. Hai là: Lấy Tứ thánh đế làm nền tảng cho sự tu hành.	106

17	KINH CATUMA	Kinh thuật lại một sự kiện hy hữu: Thế Tôn “đuổi học” năm trăm vị Tỷ-kheo. Tuy nhiên, sau đó năm trăm vị này được nhận lại để học, và Thế Tôn đã chỉ dạy cho họ nhận ra những điều đáng sợ phải vượt qua ...	112
18	KINH NALAKAPANA	Kinh Trung bộ đề cập đến vấn đề: Tất cả các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ đều có khả năng đạt các đạo quả như nhau – tùy thuộc vào <i>căn tánh</i> và sự tu tập của mỗi người. Qua kinh này, rất cần thiết phải xóa bỏ sự phân biệt, sự hiểu sai về việc ăn chay, ăn mặn.	118
19	KINH GULISSANI	Kinh nói về một số điều phải tuân thủ khi gia nhập tăng đoàn, trong đó có một số điều thuộc về <i>giới hạnh</i> của một Bồ Tát như: <i>Tinh tấn, thiền định, trí tuệ</i> ...	124
20	KINH KITAGIRI	Kinh đề cập đến các vấn đề: Trước hết, là việc Thế Tôn đề ra giới học: không ăn vào ban đêm ; Như Lai cũng lại chỉ ra bảy hạng người – với những tiêu chí mới ; ngoài ra kinh cũng đề cập đến vấn đề trí tuệ của một người tu theo pháp Phật.	126

21	KINH BA MINH VACCHAGOTA	Kinh đề cập đến một số vấn đề: Trước hết Thế Tôn: <i>Sa-môn Gotama là bậc nhứt thiết trí, là bậc nhứt thiết kiến</i> ; ngoài ra kinh đề cập đến vấn đề nhiều người quan tâm : một kẻ ác (tà mạng), gây ra tội tày đình, liệu rằng, có một sự cứu rỗi nào để sanh thiên hay không ?	131
22	KINH AGGIVACCHAGOTTA	Trước một số câu hỏi, kinh này cho thấy những gì Thế Tôn không trả lời là do những vấn đề ấy vượt quá xa sự hiểu biết của con người – có giải thích – thì những giải thích ấy không những không mang lại những thỏa đáng cho người nghe mà còn càng gây <i>phiền não</i> .	134
23	ĐẠI KINH VACCHAGOTTA	Kinh tập hợp nhiều kinh trong đó đề cập đến những vấn đề thiết yếu, rất rõ, rất cụ thể như sau: Sự khác biệt giữa thiện pháp và các bất thiện pháp ; Tất cả các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Nam cư sĩ, nữ cư sĩ đều có thể : Chứng ngộ, chứng đạt như nhau ; ngoài ra, là kinh kể nối tiếp về cuộc đời của vị Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta rất thú vị.	140
24	KINH TRƯỜNG TRẢO	Kinh từng bước đề cập đến vấn đề quá thiết yếu: <i>Tâm giải thoát</i> đi đến <i>Cứu cánh giải thoát</i> .	147

25	KINH MAGANDIYA	Kinh đề cập đến sự lầm lạc của loài người – khi cố chạy theo các <i>dục lạc</i> – bằng mọi cách và bằng mọi giá. Thực ra, những <i>dục lạc</i> ấy tựa như những khối cảm của người bị bệnh phong đờc hơ trên ngọn <i>than hừng</i> .	151
26	KINH SANDAKA	Kinh đề cập đến <i>bốn phi phạm hạnh</i> và <i>bốn bất an phạm hạnh</i> . Qua đó, Ngài Ananda cũng đã truyền đạt những gì Thế Tôn dạy về các pháp thanh tịnh trú trong phạm hạnh	159
27	KINH MAHA SAKULUDAYI	Kinh đặt trọng tâm vào <i>năm pháp</i> (yếu tố) mà qua đó các đệ tử của Thế Tôn <i>cung kính, tôn trọng, kính lễ, cúng dường, và sau khi cung kính, tôn trọng, sống nương tựa vào Thế Tôn</i> .	166
28	KINH SAMANAMANDIKA	Kinh một lần nữa đề cập đến mười pháp để một người tu hành đạt: <i>thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng (Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác)</i> .	181
29	TIÊU KINH THIỆN SANH ƯU ĐÀ DI	Kinh đề cập chủ yếu về một <i>đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc thế giới nhứt hướng lạc</i> . Ngoài pháp Phật – không còn con đường nào như thế ; có chăng là những con đường đưa đến chứng đắc về một thế giới vừa lạc vừa khổ.	186

30	KINH VEKHANASSA	Kinh là cuộc nói chuyện (thực ra là giảng giải) giữa Thế Tôn với du sĩ Vekhanassa và du sĩ <i>Sakuludayi</i> . <i>Như Lai biết căn tánh của mỗi người mỗi khác nên với du sĩ Vekhanassa Thế Tôn đề cập đến năm dục trường dưỡng</i>	194
31	KINH GHATIKARA	Kinh là câu chuyện kể về Thế Tôn – khi còn là thanh niên – nụ cười của Thế Tôn – mà Ngài Ananda bắt gặp quả là ý nhị.	199
32	KINH RATTHAPALA	Kinh kể về cuộc đời của Tôn giả Ratthapala – từ khi còn là thanh niên cho đến khi thành vị A-La-Hán (Phật). Sự thành tựu của Ngài hiện hữu ngay chính tại cõi đời này.	208
33	KINH MAKHADEVA	Kinh cũng lại là một câu chuyện kể lý thú nữa của Thế Tôn, lần này, không như câu chuyện trước, phân kết không bất ngờ song lại chứa đựng một ý nghĩa hết sức sâu nặng và cảm động.	222
34	KINH MUDHURA	Kinh do Ngài Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) đã chỉ dạy rõ vấn đề giai cấp trong xã hội. Bất kỳ giai cấp nào trong xã hội – đều có kẻ tốt, người xấu – đều có người thượng đẳng (sang giàu) kẻ hạ liệt .	231

35	KINH BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ	Kinh có hai phần: Phần đầu Thế Tôn kể sơ lược về con đường tìm đạo ; đi đến cứu cánh Niết Bàn của Ngài ... Phần hai, một lần nữa Thế Tôn trả lời câu hỏi: Một vị Tỷ-kheo (Tỷ-kheo ni ; nam, nữ Cư sĩ) bao lâu chứng tri với thượng trí vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ?	240
36	KINH ANGULIMALA	Kinh là câu chuyện về tên cướp khét tiếng Angulimala. Buông đao, quay đầu hồi hướng, tên cướp Angulimala trở thành Sa-môn Angulimala.	252
37	KINH ÁI SANH	Kinh chỉ rõ: <i>Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái.</i>	261
38	KINH BAHITIKA	Kinh giải thích rõ như thế nào được xem là: <i>thân, khẩu, ý bất thiện và thân, khẩu, ý thiện.</i>	268
39	KINH PHÁP TRANG NGHIÊM	Kinh đề cập đến một trong những nội dung tối quan trọng của pháp Phật: sự trang nghiêm nơi pháp Phật.	274
40	KINH KANNAKATTHALA	Kinh ghi lại những câu hỏi của vua Pasenadi nước Kosala và những câu Trả Lời của Thế Tôn cũng như Ngài Ananda về một số vấn đề như: <i>nhất thiết trí ; sự thanh tịnh của bốn giai cấp ; chư Thiên và về Phạm thiên.</i>	281

41	KINH BRAHMAYU	Kinh là một “đoạn phim” ghi lại ba mươi hai tướng tốt và một số sinh hoạt thường ngày của Thế Tôn. Đây có thể xem là ghi chép rất tỉ mỉ, rất sinh động và là một ghi chép mang tính tư liệu xác thực rất quý.	290
42	KINH SELA	Kinh ghi lại hai sự kiện: Một vị đạo sĩ (bện tóc), ngưỡng mộ Thế Tôn đã mời Ngài cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo dùng cơm ; và Bà-la-môn Sela cùng ba trăm đệ tử của mình quy ngưỡng Như Lai – để rồi rất nhiều vị trong số họ trở thành bậc A-la-hán ...	302
43	KINH ASSALAYANA	Kinh một lần nữa mô tả đến tận cùng sự bình đẳng (<i>thanh tịnh</i>) của các giai cấp, chủng tộc ...	312
44	KINH GHOTAMUKHA	Kinh ghi chép về sự hình thành của giảng đường <i>Ghotamukhi</i> dành cho chúng Tăng ở Pataliputta.	323
45	KINH CANKI	Kinh đề cập đến một vấn đề rất lớn, rất sâu sắc ... đó là: tất cả các pháp <i>Hữu vi</i> lớn, bé – đều có một vị tối cao (chúa, lãnh tụ, thánh, thần ...) – và, “lời phán truyền”, “lời dạy” của các vị tối cao này phải chăng là chân lý ?	329
46	KINH ESUKARI	Kinh tiếp tục đề cập đến về vấn đề rất lớn, rất hệ trọng đối với xã hội loài người: giai cấp – quyền lợi của giai cấp.	343

47	KINH DHANANJANI	Kinh Trung Bộ đề cập đến việc: từ <i>phóng dật</i> (phóng túng, dâm dật ...) đi đến làm những điều bất thiện. Một khi làm những điều bất thiện, không thể viện dẫn, bào chữa vì lý do gì (ngay cả vì cha, mẹ mình – vốn là nguyên nhân bào chữa tối thượng) – mà có thể thoát được cảnh giới <i>Bàng sanh</i> (Súc sinh) hoặc <i>địa ngục</i> .	351
48	KINH VASETTA	Kinh làm sáng tỏ vấn đề tranh luận: khi một ai đó sanh ra – thuộc giai cấp này, dân tộc này, quốc gia này, nghề nghiệp này ... thì do <i>tự sanh</i> hay do <i>hành động</i> (tạo tác nghiệp) ? Câu trả lời từ Thế Tôn là: Tất cả do <i>hành động</i> (tạo tác nghiệp).	363
49	KINH SUBHA	Kinh đề cập đến hai vấn đề lớn: Một là, với những ai cho rằng: sự chứng đắc, trú trong an lạc ngay tại cõi đời này là điều không tưởng – đó là những người mù . Hai là, năm pháp tác phước, đặc thiện của Bà-la-môn giáo, chỉ là tư cụ (công cụ riêng) của tâm nhằm giúp tâm không hận, không sân (từ đó đi đến từ, bi, hỷ, xả) ...	375
50	KINH SANGARAVA	Kinh một lần nữa Thế Tôn giảng dạy rõ hơn về sự chứng đạt cứu cánh Niết Bàn (<i>Bỉ Ngạn</i>) ngay tại cõi đời này.	388